

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO**

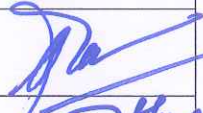
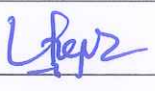
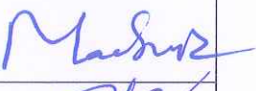
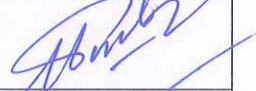
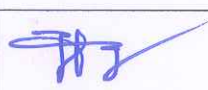


**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VĂN HÓA**

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Tuyên Quang, tháng 03 - 2025

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VĂN HÓA
 (Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-ĐHTTr, ngày 06 tháng 01 năm 2025
 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Minh Anh Tuấn	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Phạm Duy Hưng	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	Trần Vũ Phương	Trưởng phòng Đào tạo, Điều hành hoạt động khoa Văn hóa - Du lịch	Phó Chủ tịch	
4	Ninh Thị Bạch Diệp	Giảng viên phòng Đào tạo	Thư ký	
5	Phạm Thị Mai Trang	Phó Giám đốc Trung tâm Thực nghiệm và Chuyển giao công nghệ	Thành viên	
6	Trần Minh Tú	Phó Trưởng phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra	Thành viên	
7	Hoàng Thị Thu Dung	Phó Chánh Văn phòng	Thành viên	
8	Đoàn Thị Cúc	Phó Trưởng phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế	Thành viên	
9	Trịnh Phi Hiệp	Phó Trưởng phòng Quản lý sinh viên	Thành viên	
10	Trương Thị Hoài Linh	Phó Giám đốc Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp	Thành viên	
11	Vũ Anh Sơn	Kế toán trưởng phòng Kế hoạch - Tài vụ	Thành viên	
12	Đỗ Hải Yến	Thành viên Hội đồng Trường	Thành viên	
13	Trần Anh Dũng	Phó Giám đốc Trung tâm Thể dục - Thể thao	Thành viên	
14	Hoàng Thị Thê	Giảng viên Khoa Văn hóa - Du lịch	Thành viên	
15	Hà Hải Yến	Sinh viên Khoa Văn hóa - Du lịch	Thành viên	

(Danh sách gồm có 15 người)

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	iii
DANH MỤC HÌNH VẼ VÀ BẢNG BIỂU	iv
Phần I. KHÁI QUÁT	1
1. Đặt vấn đề	1
1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá	1
1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp đánh giá	4
2. Tổng quan chung	5
2.1. Giới thiệu về Trường Đại học Tân Trào	5
2.2. Giới thiệu về Khoa Văn hóa - Du lịch, Trường Đại học Tân Trào	14
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN	20
Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	20
Tiêu chí 1.1	20
Tiêu chí 1.2	23
Tiêu chí 1.3	25
Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo	27
Tiêu chí 2.1	28
Tiêu chí 2.2	29
Tiêu chí 2.3	31
Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	32
Tiêu chí 3.1	32
Tiêu chí 3.2	34
Tiêu chí 3.3	36
Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	39
Tiêu chí 4.1	39
Tiêu chí 4.2	41
Tiêu chí 4.3	42
Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học	44
Tiêu chí 5.1	44
Tiêu chí 5.2	47
Tiêu chí 5.3	50
Tiêu chí 5.4	52
Tiêu chí 5.5	54
Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	56
Tiêu chí 6.1	56
Tiêu chí 6.2	59
Tiêu chí 6.3	61
Tiêu chí 6.4	62
Tiêu chí 6.5	64
Tiêu chí 6.6	66
Tiêu chí 6.7	68
Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên	72
Tiêu chí 7.1	72

Tiêu chí 7.2	75
Tiêu chí 7.3	76
Tiêu chí 7.4	78
Tiêu chí 7.5	79
Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học	82
Tiêu chí 8.1	82
Tiêu chí 8.2	84
Tiêu chí 8.3	86
Tiêu chí 8.4	89
Tiêu chí 8.5	91
Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị	94
Tiêu chí 9.1	95
Tiêu chí 9.2	98
Tiêu chí 9.3	100
Tiêu chí 9.4	102
Tiêu chí 9.5	104
Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng	107
Tiêu chí 10.1	107
Tiêu chí 10.2	110
Tiêu chí 10.3	112
Tiêu chí 10.4	115
Tiêu chí 10.5	118
Tiêu chí 10.6	120
Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra	122
Tiêu chí 11.1	123
Tiêu chí 11.2	126
Tiêu chí 11.3	127
Tiêu chí 11.4	130
Tiêu chí 11.5	133
Phần III. KẾT LUẬN	138
1. Những điểm mạnh của CTĐT ngành Quản lý văn hóa	138
2. Những điểm tồn tại và những vấn đề cải tiến chất lượng của CTĐT	142
3. Kế hoạch hành động	145
BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	150
Phần IV. PHỤ LỤC	152
Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng giáo dục CTĐT	152
Phụ lục 2. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá	172
Phụ lục 3. Kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo	176

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Chữ viết tắt	Đọc là
1	CB	Cán bộ
2	CĐR	Chuẩn đầu ra
3	CNTT	Công nghệ thông tin
4	CSGD	Cơ sở giáo dục
5	CTDH	Chương trình dạy học
6	CTĐT	Chương trình đào tạo
7	CVHT	Cổ vấn học tập
8	CSVC	Cơ sở vật chất
9	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
10	ĐCCT	Đề cương chi tiết
11	ĐHTTr	Đại học Tân Trào
12	GV	Giảng viên
13	HTQT	Hợp tác quốc tế
14	NCKH	Nghiên cứu khoa học
15	NCV	Nghiên cứu viên
16	NH	Người học
17	PVCĐ	Phục vụ cộng đồng
18	PPDH	Phương pháp dạy học
19	QLVH	Quản lý văn hóa
20	SV	Sinh viên
21	VC	Viên chức

DANH MỤC HÌNH VẼ VÀ BẢNG BIỂU

Hình 1.1. Sơ đồ tổ chức của Trường Đại học Tân Trào	13
Bảng 1. Tổng hợp kết quả nghiên cứu khoa học của GV khoa Văn hóa - Du lịch .	17
Bảng 6.2.1. Tỷ lệ sinh viên/giảng viên của giai đoạn 2020 - 2024	59
Bảng 6.5.1. Trình độ của giảng viên giai đoạn 2020 - 2024	64
Bảng 6.7.1. Sản phẩm NCKH của GV giảng dạy CTĐT ngành QLVH	69
Bảng 6.7.2. Đối sánh sản phẩm khoa học của GV Khoa Văn hoá - Du lịch với các khoa khác của trường Đại học Tân Trào, năm học 2022 – 2023	70
Bảng 9.1.1. Thống kê số lượng phòng học, phòng chức năng của Trường ĐHTTr	95
Bảng 10.2.1. Kết quả cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH	111
Bảng 10.4.1. Các công trình khoa học đã công bố của khoa Văn hoá - Du lịch giai đoạn 2020 - 2024	116
Bảng 11.1.1. Tỷ lệ thôi học của NH ngành QLVH theo các khoá đào tạo	124
Bảng 11.1.2. Tỷ lệ tốt nghiệp của NH ngành Quản lý văn hoá	125
Bảng 11.3.1. Tỷ lệ SV có việc làm hệ ĐH tốt nghiệp năm 2022, 2023	128
Bảng 11.3.2. Đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm giữa các CTĐT hệ đại học chính quy năm 2022	128
Bảng 11.3.3. Đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm giữa các CTĐT hệ đại học chính quy năm 2023	129
Bảng 11.4.1. Đối sánh số lượng NH tham gia các loại hình NCKH của các ngành đào tạo khác trong trường	131
Bảng 11.4.2. Bảng đối sánh số lượng NH tham gia thực hiện đề tài NCKH	132
Bảng 11.5.1. Đối sánh CTĐT ngành Quản lý văn hóa qua các năm	134

Phần I

KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Bảo đảm chất lượng giáo dục và công tác kiểm định chất lượng giáo dục là một trong những nội dung được quan tâm hàng đầu của ngành giáo dục ở Việt Nam. Từ năm học 2016 - 2017, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành công văn số 702/TB-BGDĐT ngày 22/9/2016 về phương án triển khai công tác kiểm định chất lượng giáo dục đại học, nhằm hướng dẫn và giao cho các cơ sở đào tạo đại học tự đánh giá và thực hiện việc kiểm định chất lượng giáo dục; Kế hoạch số 118/KH-BGDĐT ngày 23/02/2017 về việc triển khai công tác kiểm định chất lượng giáo dục đối với các CSGD đại học, trong đó một trong các nhiệm vụ quan trọng là đẩy mạnh hoạt động đánh giá và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng đối với CTĐT.

Quyết định số 69/QĐ-TTg ngày 15/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đại học và Quyết định số 78/QĐ-TTg ngày 14/01/2022 về việc phê duyệt “*Chương trình phát triển hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đối với giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm giai đoạn 2022-2030*” có nội dung các CSGD đại học đến năm 2025 phần đầu đạt được 35% CTĐT được kiểm định và đạt tiêu chuẩn chất lượng, trong đó có ít nhất 10% CTĐT đạt tiêu chuẩn chất lượng nước ngoài (kiểm định quốc tế).

Với sứ mạng là đơn vị đào tạo nguồn nhân lực có trình độ đại học và sau đại học, NCKH, chuyển giao công nghệ và HTQT. Trong những năm qua, Trường ĐHTTr đã có nhiều đóng góp to lớn trong việc đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo; đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Tuyên Quang, khu vực Tây Bắc cũng như cả nước. Tầm nhìn của Nhà trường sẽ trở thành một trung tâm phát triển bền vững, làm biến đổi cuộc sống và PVCĐ. Nhà trường luôn coi trọng “*chất lượng là yếu tố cốt lõi để tồn tại và phát triển bền vững*”.

Khoa Văn hóa - Du lịch là một đơn vị thuộc Nhà trường có nhiệm vụ đào tạo cử nhân các ngành QLVH, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Sứ mạng của Khoa là cùng các đơn vị trong trường cụ thể hóa sứ mạng của Nhà trường trong việc đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng,

chuyên sâu cho các lĩnh vực xã hội, tự nhiên, ngoại ngữ, văn hóa, du lịch góp phần truyền thụ tri thức, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực và công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trường ĐHTTTr luôn coi việc xây dựng nội dung CTĐT phù hợp, khoa học, đảm bảo tính logic và hệ thống là yếu tố then chốt để giữ vững chất lượng đào tạo. CTĐT ngành QLVH trình độ đại học có mục tiêu là đào tạo ra các cử nhân ngành QLVH, có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe, có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu, phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ vào chuẩn nghề thuộc ba chuyên ngành Quản lý Nghệ thuật; Quản lý Mỹ thuật - Quảng cáo; Quản lý hoạt động Âm nhạc hoặc các tổ chức xã hội; Có ý thức PVCD, xây dựng đất nước và hội nhập quốc tế. Khoa thường xuyên quan tâm đến bảo đảm chất lượng các ngành đào tạo, trong đó có CTĐT đại học ngành QLVH. Hiện nay, Khoa đã và đang áp dụng nhiều biện pháp để duy trì và nâng cao chất lượng CTĐT đại học ngành QLVH, trong đó tự đánh giá là một khâu quan trọng trong ĐBCL giáo dục và đào tạo; và Khoa đã chủ động tham gia công tác tự đánh giá chất lượng đối với CTĐT, đồng thời với xây dựng văn hóa chất lượng trong Khoa và trong các hoạt động đào tạo của Khoa.

Tự đánh giá CTĐT đại học ngành QLVH trước hết thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Khoa trong toàn bộ các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác theo chức năng nhiệm vụ được giao; phù hợp với triết lý giáo dục, tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi của Nhà trường; phù hợp với mục tiêu, chiến lược phát triển của Khoa. Bên cạnh đó tự đánh giá còn là cơ sở cho việc đăng ký đánh giá ngoài chất lượng của CTĐT.

Trong quá trình triển khai tự đánh giá, Hội đồng tự đánh giá CTĐT đại học ngành QLVH căn cứ vào các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo để tiến hành xem xét, tự đánh giá và báo cáo về thực trạng chất lượng của CTĐT. Thông qua quá trình đánh giá sẽ chỉ ra những mặt mạnh và mặt yếu cần khắc phục, từ đó đề ra các biện pháp điều chỉnh nhằm cải tiến để đạt được các mục tiêu đào tạo đã đề ra.

Nội dung tự đánh giá CTĐT đại học ngành QLVH được tiến hành theo đúng các nội dung các văn bản hướng dẫn của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nội dung đánh giá dựa trên 11 tiêu chuẩn liên quan đến CTĐT gồm: Mục tiêu và CDR của CTĐT; Bản mô tả CTĐT; Cấu trúc và nội dung CTDH; Phương pháp tiếp cận trong dạy và học; Đánh giá kết quả học tập của NH; Chất lượng đội ngũ GV và NCV; Chất lượng đội ngũ CB hỗ trợ; Chất lượng NH và hoạt động hỗ trợ NH; CSVC

và trang thiết bị; Nâng cao chất lượng; Kết quả đầu ra.

Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá CTĐT đại học ngành QLVH (hệ chính quy) gồm 5 phần:

Phần I: Khái quát (mô tả tóm tắt báo cáo tự đánh giá CTĐT; các tiêu chí được đánh giá theo các tiêu chuẩn cụ thể; tổng quan chung về CSGD và Khoa Văn hóa - Du lịch).

Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí, cấu trúc gồm 5 mục.

- Mô tả: Phân tích chung về tiêu chuẩn và chỉ ra các minh chứng cụ thể liên quan.
- Điểm mạnh
- Điểm tồn tại
- Kế hoạch hành động
- Tự đánh giá

Phần III: Kết luận (điểm mạnh, điểm cần phát huy của đơn vị đào tạo được tổng hợp theo từng tiêu chuẩn; tóm tắt những tồn tại, cần cải tiến chất lượng; kế hoạch cải tiến chất lượng và tổng hợp kết quả tự đánh giá).

Phần IV: Phụ lục gồm bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT theo thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2006 ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học; cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT và các quyết định văn bản liên quan khác, danh mục minh chứng.

Ngoài phần tổng quan chung, Báo cáo Tự đánh giá đã phác thảo một bức tranh tổng thể về trường ĐHTTr nói chung và khoa Văn hóa - Du lịch nói riêng với những hoạt động, chính sách và chất lượng cụ thể. Mỗi tiêu chí sẽ có một hệ thống các thông tin, minh chứng đi kèm. Mã thông tin và minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 9 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, hai dấu chấm và 6 chữ số; 2 chữ số đầu có 1 dấu chấm (.) và 1 chữ số tiếp theo có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức:

Hab.c.deg Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn/tiêu chí được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp)
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10, tiêu chuẩn 11 viết 11)
- c: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 1, tiêu chí 7 viết 7)
- deg: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 001, thứ 15 viết 015, thứ 105 viết 105...)

Ví dụ: H01.1.001: là minh chứng thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1

H02.3.015: là minh chứng thứ 15 của tiêu chí 3 thuộc tiêu chuẩn 2

H05.2.101: là minh chứng thứ 101 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 5

1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp đánh giá

- *Mục đích tự đánh giá:* Đây là quá trình để Khoa tự xem xét, nghiên cứu dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để báo cáo về tình trạng chất lượng đào tạo, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, CSVN, cũng như các vấn đề liên quan khác; từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng đào tạo, từng bước nâng cao chất lượng CTĐT và các mặt hoạt động khác.

- *Phạm vi tự đánh giá:* Đánh giá tổng thể các hoạt động của Khoa theo Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT trình độ giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- *Hội đồng tự đánh giá:* Hội đồng tự đánh CTĐT ngành QLVH gồm có 15 thành viên, được thành lập theo Quyết định số 16/QĐ-ĐHTTr ngày 06/01/2025 của Hiệu trưởng Trường ĐHTTr; giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá là Ban thư ký gồm 04 thành viên và 03 nhóm chuyên trách với 32 thành viên. Hội đồng TĐG CTĐT ngành QLVH thực hiện các hoạt động tự đánh giá theo Kế hoạch TĐG CTĐT QLVH số 266/KH-ĐHTTr ngày 02/12/2024.

- *Quy trình tự đánh giá:* được thực hiện theo các bước chính sau:

Bước 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành QLVH.

Bước 2. Lập kế hoạch tự đánh giá.

Bước 3. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng.

Bước 4. Xử lý, phân tích các thông tin, minh chứng thu được

Bước 5. Viết báo cáo tự đánh giá

- *Phương pháp đánh giá:* Dựa vào từng tiêu chuẩn, tiêu chí của bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, đối với mỗi tiêu chí trong từng tiêu chuẩn, Khoa đã tiến hành xem xét theo các bước sau đây:

(1) Mô tả để làm rõ thực trạng theo từng tiêu chí; chỉ ra điểm mạnh, điểm tồn tại để từ đó đi đến những nhận định đánh giá cuối cùng;

(2) Xây dựng kế hoạch hành động để khắc phục những tồn tại, phát huy điểm mạnh, hoạch định rõ thời gian, nguồn lực và phương pháp thực hiện;

(3) Tự đánh giá mức độ đáp ứng tiêu chí và tiêu chuẩn.

- *Công cụ đánh giá:* Hoạt động tự đánh giá được thực hiện theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT gồm 11 tiêu chuẩn (50 tiêu chí) theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hướng dẫn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục và công văn hướng dẫn số 1669/QCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo; số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 và số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/06/2021 về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT và điều chỉnh một số phụ lục.

2. Tổng quan chung

2.1. Giới thiệu về Trường Đại học Tân Trào

Trường ĐHTTr được thành lập ngày 14 tháng 8 năm 2013 theo Quyết định số 1404/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trường có tiền thân là Trường Sơ cấp Sư phạm được thành lập ngày 13/10/1959, ngày 11/02/1999 được nâng cấp thành Trường Cao đẳng Sư phạm Tuyên Quang, ngày 30/6/2011 Trường Cao đẳng Sư phạm Tuyên Quang được đổi tên thành Trường Cao đẳng Tuyên Quang. Trường ĐHTTr có nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao đẳng, đại học và sau đại học; NCKH và chuyển giao công nghệ; HTQT.

Sứ mạng: Trường ĐHTTr là cơ sở đào tạo, NCKH, HTQT và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ nâng cao chất lượng cuộc sống và xây dựng đất nước.

Tầm nhìn: Trường ĐHTTr sẽ trở thành một trung tâm phát triển bền vững, làm biến đổi cuộc sống và PVCD.

Giá trị văn hóa: Chất lượng đào tạo là yếu tố cốt lõi để tồn tại và phát triển bền vững.

Chính sách chất lượng: Trường ĐHTTr cam kết liên tục cải tiến để có khả năng cung cấp các dịch vụ có chất lượng, đảm bảo mức độ hài lòng cao nhất của NH và đối tác, qua một hệ thống quản lý năng động, xuất sắc, chuyên nghiệp và đổi mới.

a. Tóm tắt thành tích nổi bật của Trường Đại học Tân Trào

Trải qua hơn 60 năm xây dựng và phát triển, Trường ĐHTTr đã thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị được Đảng và Nhà nước giao, có nhiều đóng góp to lớn trong việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài, đóng góp vào sự phát

triển kinh tế xã hội của tỉnh Tuyên Quang, khu vực Tây Bắc cũng như cả nước, được Đảng và Nhà nước ghi nhận bằng những phần thưởng cao quý như Huân chương Lao động Hạng Ba, Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Trong giai đoạn 2016 - 2020 một số tập thể đơn vị và cá nhân được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng bằng khen, giấy khen của vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước.

Về công tác phát triển đội ngũ, tổ chức bộ máy

Trường ĐHTTTr hiện có 235 GV, VC, người lao động, trong đó có 154 GV (TS: 43 người; thạc sĩ 107 người; đại học 04 người) và 81 nhân viên, NCV. Hiện tại có 14 người đang là nghiên cứu sinh, 03 người đang học sau đại học, 01 bác sĩ đang học chuyên khoa 1.

Năm 2019, Trường có 25 đơn vị, từ năm 2020 - 2023, Trường có 23 đơn vị trực thuộc: 08 phòng; 08 khoa, bộ môn; 05 trung tâm; 01 phòng khám đa khoa; 01 Trường phổ thông. Đến tháng 4/2024, Nhà trường đã thực hiện sắp xếp lại cơ cấu tổ chức theo đề án vị trí việc làm, hiện có 16 đơn vị trực thuộc: 06 phòng; 06 khoa; 03 trung tâm; 01 Trường phổ thông. Tháng 5/2024, Hội đồng Trường Trường ĐHTTTr được kiện toàn lại theo đúng quy định tại Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, bao gồm 17 thành viên Hội đồng nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Về công tác đào tạo

Từ năm 2019 - 2024, công tác tuyển sinh của Nhà trường được thực hiện theo đúng quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường đã ban hành Đề án tuyển sinh, Quy chế tuyển sinh các hệ đào tạo và ngành đào tạo, hằng năm thực hiện rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế và chỉ tiêu được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao. Kịp thời bổ sung một số phương thức xét tuyển mới, phù hợp với nhu cầu của học sinh như: Xét quy đổi điểm tiếng Anh từ chứng chỉ quốc tế sang thang điểm 10; xét điểm kỳ thi đánh giá năng lực... đồng thời loại bỏ những phương thức tuyển sinh kém hiệu quả. Chất lượng đầu vào được nâng cao rõ rệt theo từng năm, có nhiều ngành điểm trúng tuyển trên 27,28 điểm.

Nhà trường đã ban hành các quy chế, quy định về công tác quản lý đào tạo. Chủ động triển khai hoạt động dạy và học với hình thức phù hợp để thích ứng với diễn biến

của dịch bệnh Covid-19, chuẩn bị đầy đủ CSVC, hạ tầng, kĩ thuật để thực hiện giảng dạy trực tuyến, hoàn thiện Cổng thông tin giảng dạy và nộp bài trực tuyến (<http://elearning.daihoctantrao.edu.vn/>), nâng cao chất lượng đường truyền internet, tổ chức tập huấn, hướng dẫn sử dụng các ứng dụng giảng dạy trực tuyến như Microsoft Team, Zoom meeting,...; các phần mềm hỗ trợ soạn giáo án giảng dạy trực tuyến; phát động, tổ chức cuộc thi “thiết kế bài giảng điện tử” cho GV trong toàn trường.

Nhà trường đã ban hành và thực hiện sửa đổi bổ sung Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng, đại học trong đó quy định cụ thể các nội dung bao gồm: CDR và thời gian học tập; tổ chức và quản lý đào tạo; liên kết đào tạo; kiểm tra, thi và đánh giá kết quả học tập, xếp loại học tập, xếp loại tốt nghiệp; chuyển ngành, chuyển trường đối với người học; quyền lợi và nghĩa vụ của GV, SV... Các quy chế được chỉnh sửa, bổ sung đảm bảo các hoạt động đào tạo của Nhà trường được thực hiện theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, phù hợp với các quy định của pháp luật; đảm bảo thống nhất các quy định chung tại các Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành về chuẩn CTĐT với các Thông tư quy định về mở ngành đào tạo và các quy định khác có liên quan.

Năm 2020 Nhà trường đã rà soát, chỉnh sửa CDR, CTĐT và ĐCCT các học phần đối với 15 ngành; năm 2022 đối với 19 ngành trình độ đại học, 01 ngành trình độ cao đẳng; năm 2024 đối với 12 ngành trình độ đại học, 01 ngành trình độ cao đẳng đảm bảo đúng quy định.

Từ năm 2019 - 2024, Nhà trường đã mở thêm 11 ngành đào tạo mới gồm: Kinh tế đầu tư, Chính trị học, Giáo dục học, Tâm lý học, Lâm sinh, Sinh học ứng dụng, Công nghệ thông tin, Dược học, Điều dưỡng, Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Khoa học tự nhiên. Nhà trường đã tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và cấp 116.661 chứng chỉ chức danh nghề nghiệp, chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản, Chứng chỉ Tiếng Anh, Chứng chỉ Kỹ thuật chế biến món ăn, Chứng nhận hoàn thành đào tạo, cập nhật kiến thức chuyên môn về Dược, Tư vấn tâm lý học đường, ...

Năm 2021, SV của Trường đã tham dự cuộc thi Olympic toàn quốc môn Vật lý, đạt giải ba toàn đoàn, 02 giải nhì phần thi thực nghiệm, 03 giải ba phần thi trắc nghiệm, 02 giải khuyến khích phần thi bài tập. Tháng 4/2022, SV đã tham dự cuộc thi Olympic toàn quốc môn Toán học, đạt 04 giải nhì, 01 giải ba. Tháng 4/2023, SV tham gia kỳ thi Olympic Toán học SV và học sinh lần thứ 29 đạt 01 giải vàng và 01 giải khuyến khích. Tháng 11/2024, SV tham gia cuộc thi Olympic Vật lý toàn quốc đạt 03

giải Khuyến khích phần thi trắc nghiệm; 02 đạt giải Khuyến khích phần thi thực nghiệm và đạt giải Ba toàn đoàn. SV đã tham gia cuộc thi *“Học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp” năm 2021* do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức. Kết quả, dự án *“Trồng và phát triển vùng dược liệu Xuyên tâm liên trong hỗ trợ điều trị bệnh nhân covid-19”* của nhóm SV Khoa Y - Dược, Trường ĐHTTr được đứng vào Top 15 dự án xuất sắc nhất trong số gần 600 dự án đến từ hơn 300 trường đại học tham dự cuộc thi.

Các khoa, bộ môn đã tổ chức Hội thảo cấp khoa *“Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy đại học”*; *“Nâng cao nhận thức của người dân về sử dụng dịch vụ Công tác xã hội trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang”*; Tổ chức chương trình Workshop-Thuyết trình chuyên nghiệp trong tầm tay; Kết nối với Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, các khách sạn, các công ty du lịch trên địa bàn thành phố và các huyện để SV được tham gia học tập, trải nghiệm, rèn luyện kỹ năng, thực tập, thực hành. GV của trường đã tham gia Hội thi GV giỏi nghiệp vụ sư phạm toàn quốc do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, đạt 03 giải nhất, 05 giải nhì và 04 giải ba.

Hiện nay, Trường ĐHTTr đang thực hiện đào tạo 21 ngành bao gồm hệ chính quy, liên thông và vừa làm vừa học với 3.780 sinh viên (Đại học chính quy: 2.548; Cao đẳng chính quy: 66; Đại học liên thông, vừa làm vừa học: 1.053, Cao đẳng liên thông vừa làm vừa học: 113) Bên cạnh đó, Trường ĐHTTr thực hiện đào tạo và cấp bằng đại học cho lưu học sinh Lào; mở các lớp bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp cho giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; đào tạo và cấp chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản...; tham gia đào tạo nguồn nhân lực cho tỉnh Tuyên Quang và trên 30 tỉnh thành trong cả nước.

Về hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và ứng dụng khoa học kỹ thuật phục vụ cộng đồng

Công tác NCKH của Nhà trường đã đạt được nhiều kết quả tích cực, các sản phẩm NCKH của CB, GV, SV tăng cả về số lượng và chất lượng. Từ năm 2019 đến năm 2024, toàn trường có 05 đề tài cấp Nhà nước; 15 đề tài cấp Bộ và cấp tỉnh; có 176 đề tài cấp cơ sở của GV, 143 đề tài của SV, 91 bài báo đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục ISI/Scopus, 226 bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế khác, 901 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước, 227 bài báo tham gia hội thảo quốc tế và trong nước, 122 giáo trình, sách chuyên khảo và tài liệu lưu hành nội bộ được nghiệm thu và sử dụng; 18 sáng kiến kinh nghiệm cấp tỉnh và 64 sáng kiến

kinh nghiệm cấp cơ sở; 145 bài báo khoa học của SV. Tạp chí Khoa học Trường ĐHTTr (SJTTU) được cấp mã số chuẩn quốc tế (ISSN: 2354-1431). Tính đến tháng 12/2024, Tạp chí đã xuất bản được 26 số với 580 bài báo. Các bài báo được xuất bản đều được truy cập miễn phí tại website của Tạp chí với chỉ số DOI (Digital Object Identifier) định danh do Crossref cung cấp. Tạp chí khoa học được Google Scholar thống kê liên tục trên website: <http://www.scholar.google.com>. Tháng 4/2021, Tạp chí gia nhập Vietnam Citation Gateway (V-Citation Gate) là cơ sở dữ liệu thư mục (Bibliographic database), đồng thời là trung tâm phân tích, đánh giá khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (Scientometrics) của Việt Nam. Theo xếp loại của VN Citation Index năm 2021, trong hơn 600 tạp chí khoa học của các bộ, ngành, viện nghiên cứu và trường đại học trong cả nước, Tạp chí khoa học ĐHTTr xếp thứ 71 trong 86 tạp chí có điểm về chỉ số ảnh hưởng IF và chỉ số trích dẫn H-index (năm 2021). Tính đến năm 2024, tạp chí được 11 Hội đồng Giáo sư ngành và liên ngành tính điểm khoa học.

Hoạt động chuyển giao công nghệ đạt hiệu quả. Trường ĐHTTr tiếp tục nhân giống cung cấp cho thị trường 5,7 triệu Cây keo lai, bạch đàn... Triển khai nghiên cứu, sản xuất một số giống cây lâm nghiệp, cây cảnh, cây dược liệu phục vụ nhu cầu thị trường như: cây mía; cây Ba kích; cây Hồng. Xây dựng mô hình trồng ngô sinh khối; phối hợp tổ chức khảo nghiệm 54 giống Ngô mới; xây dựng mô hình sản xuất ngô, rau, thủy sản làm cơ sở để đề xuất ứng dụng vào sản xuất.

Về công tác hợp tác quốc tế

Tính đến năm 2024, Nhà trường đã ký kết hợp tác với 24 trường đại học, các đơn vị và tổ chức quốc tế ở Châu Á và thế giới về đào tạo, NCKH, trao đổi GV, SV. Nhiều CBGV của Nhà trường đang học sau đại học và nghiên cứu sinh ở nước ngoài, một số CBGV đã tham gia vào các dự án NCKH với các trường đại học trong khối ASEAN, tổ chức và tham dự nhiều hội thảo khoa học quốc tế. Hằng năm, Nhà trường cử nhiều SV đi thực tập ở nước ngoài, tiếp nhận SV của các nước đến thực tập và giao lưu văn hóa tại trường. Nhà trường đã triển khai hiệu quả các chương trình hợp tác đã được ký kết với các trường đối tác như: giao lưu, trao đổi GV, SV, thực tập sinh, hợp tác NCKH. Đào tạo SV Lào đang học tập tại trường theo chương trình kí kết hợp tác giữa tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Xiêng Khoảng; tỉnh Phong Sa Ly nước CHDCND Lào. Hoạt động HTQT đã đem lại những hiệu ứng tích cực và làm tăng vị thế của Nhà trường, góp phần tích cực vào HTQT của tỉnh Tuyên Quang trên nhiều lĩnh vực.

Về hoạt động phục vụ cộng đồng

Công tác tình nguyện, PVCD được Nhà trường thực hiện với nhiều lĩnh vực và nội dung đa dạng. Giai đoạn 2019 - 2024, Nhà trường đã tiếp nhận, hỗ trợ, đào tạo tổng số 44 lưu học sinh nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào. Trong quá trình học, lưu học sinh được tham gia các Ngày hội giao lưu văn hoá SV quốc tế; Tết Bunpimay; giao lưu bóng đá, bóng chuyền. Tổ chức 25 lớp tập huấn kỹ thuật nông, lâm nghiệp, kỹ năng làm du lịch cho 647 học viên là người dân các huyện vùng cao; phối hợp tổ chức mở 04 lớp tập huấn nhằm cung cấp kiến thức, thông tin cho giáo viên, giúp họ có kiến thức về phòng, chống xâm hại trẻ em, bạo lực về giới và bình đẳng giới; 02 lớp tập huấn cho nữ CB, công chức viên chức nhằm nâng cao kiến thức kỹ năng giao tiếp hành chính, văn hóa công sở, quy tắc ứng xử và kỹ năng phòng chống bạo lực tình dục.

CB, GV Nhà trường đã luôn nỗ lực, tích cực tham gia, thực hiện hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao trong các sự kiện lớn của tỉnh. Trong giai đoạn này, 2.070 lượt CB, GV và SV với tổng số 249 ngày công tham gia tập luyện và biểu diễn trong các Chương trình nghệ thuật, màn đồng diễn tại các sự kiện văn hóa, thể dục thể thao do tỉnh tổ chức.

Công đoàn viên, SV Nhà trường đã ủng hộ các quỹ như: “*Quỹ đền ơn đáp nghĩa*”, “*Quỹ bảo trợ trẻ em*”, “*Quỹ khuyến học*”, “*Quỹ vì người nghèo*”, “*Quỹ mái ấm công đoàn*”, tặng quà học sinh, bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn với tổng số tiền hơn 1 tỷ đồng. Công đoàn viên, SV tham gia hiến máu và vận động tham gia hiến máu trong các Ngày hội hiến máu nhân đạo thu được 4.152 đơn vị máu.

Nhà trường đã chuẩn bị CSVC làm Khu cách ly tập chung phòng chống dịch covid 19 với 40 phòng đảm bảo các yêu cầu cơ bản cho phòng chống dịch. Chủ động lập khu cách ly trong thời gian 02 tháng để tiếp nhận 217 học sinh, SV và CB, GV bị nhiễm Covid vào ở tập trung cách ly, trong thời gian đó tư vấn miễn phí, phục vụ nhiều suất ăn, thuốc và các nhu yếu phẩm cần thiết cho CB, SV bị mắc Covid yên tâm điều trị. Ngoài ra, Nhà trường đã tổ chức các chuyến xe không đồng đưa 520 lượt sinh viên có hộ khẩu tại tỉnh Lai Châu, Sơn La, Điện Biên và các huyện vùng cao trong tỉnh về quê và trở lại trường sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán.

Về công tác đảm bảo chất lượng

Sau đánh giá ngoài, Nhà trường tiếp tục duy trì kết quả kiểm định chất lượng, hằng năm đã xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch ĐBCL và kế hoạch cải tiến

chất lượng để nâng cao chất lượng đào tạo. Trường ĐHTTr đã tổ chức bằng hình thức trực tuyến để khảo sát, đánh giá các hoạt động ĐBCL bao gồm: khảo sát các bên liên quan về CTĐT, hoạt động đào tạo, chất lượng người học; CSVC và các hoạt động phục vụ đào tạo, NCKH và PVCD của Nhà trường. Năm 2021, Nhà trường đã thực hiện công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài 03 CTĐT, kết quả là các CTĐT ngành Kế toán, ngành Giáo dục Tiểu học, ngành Giáo dục Mầm non đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Tháng 11/2024 Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận đạt chuẩn cơ sở giáo dục chu kỳ 2.

Về các công tác khác

Nhà trường đã chú trọng tới hoạt động tư vấn, hỗ trợ việc làm cho SV, thông qua việc tổ chức các buổi gặp mặt trực tiếp giữa các đơn vị tuyển dụng lao động với SV để giới thiệu cơ hội việc làm và các kỹ năng mà SV cần chuẩn bị.

Hàng năm, Nhà trường đã bổ sung CSVC phục vụ hoạt động đào tạo. Năm 2021, đưa vào sử dụng tòa nhà làm việc A1 với diện tích xây dựng là 1.015 m²; Tổng diện tích sàn là: 5.078 m², gồm: 46 phòng làm việc, 07 phòng học. Nhà trường tiến hành sửa chữa lớp học, nâng cấp khuôn viên, sân vườn, ga ra để xe; xây u súng phục vụ cho an ninh - quốc phòng. Đầu tư trang thiết bị phục vụ cho dạy và học. Hiện nay, tổng diện tích đất của Nhà trường: 574.690m². Trong đó: Hội trường, giảng đường, phòng học, phòng đa năng, phòng làm việc: 18.212m²; Thư viện/Trung tâm học liệu: 600m²; Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập: 14.341 m². Năm 2023, UBND huyện Yên Sơn phê duyệt Quyết định số 606/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Trường ĐHTTr thuộc dự án Nhà thực hành khoa Y - Dược; Nhà điều hành, thực hành khoa Văn hoá - Du lịch và thư viện; Nhà giảng đường Trường ĐHTTr; diện tích 389.152m². Cuối năm 2024, Công trình Nhà thực hành khoa Y - Dược; Nhà điều hành, thực hành khoa Văn hoá - Du lịch và thư viện; Nhà giảng đường sẽ được khởi công xây dựng, đáp ứng nhu cầu về đào tạo thực hành đối với khối ngành Y - Dược, Văn hoá du lịch và cung cấp thêm các phòng đọc thư viện phục vụ quá trình nghiên cứu, học tập của SV và GV Nhà trường.

Nhà trường đã hợp tác với Trường Đại học Hùng Vương, Trường Đại học Bắc Philippines để bổ sung nguồn học liệu, phục vụ công tác đào tạo. Tăng nguồn tài liệu nội sinh điện tử thông qua việc đăng các bài báo bằng Tiếng Anh của Tạp chí Trường

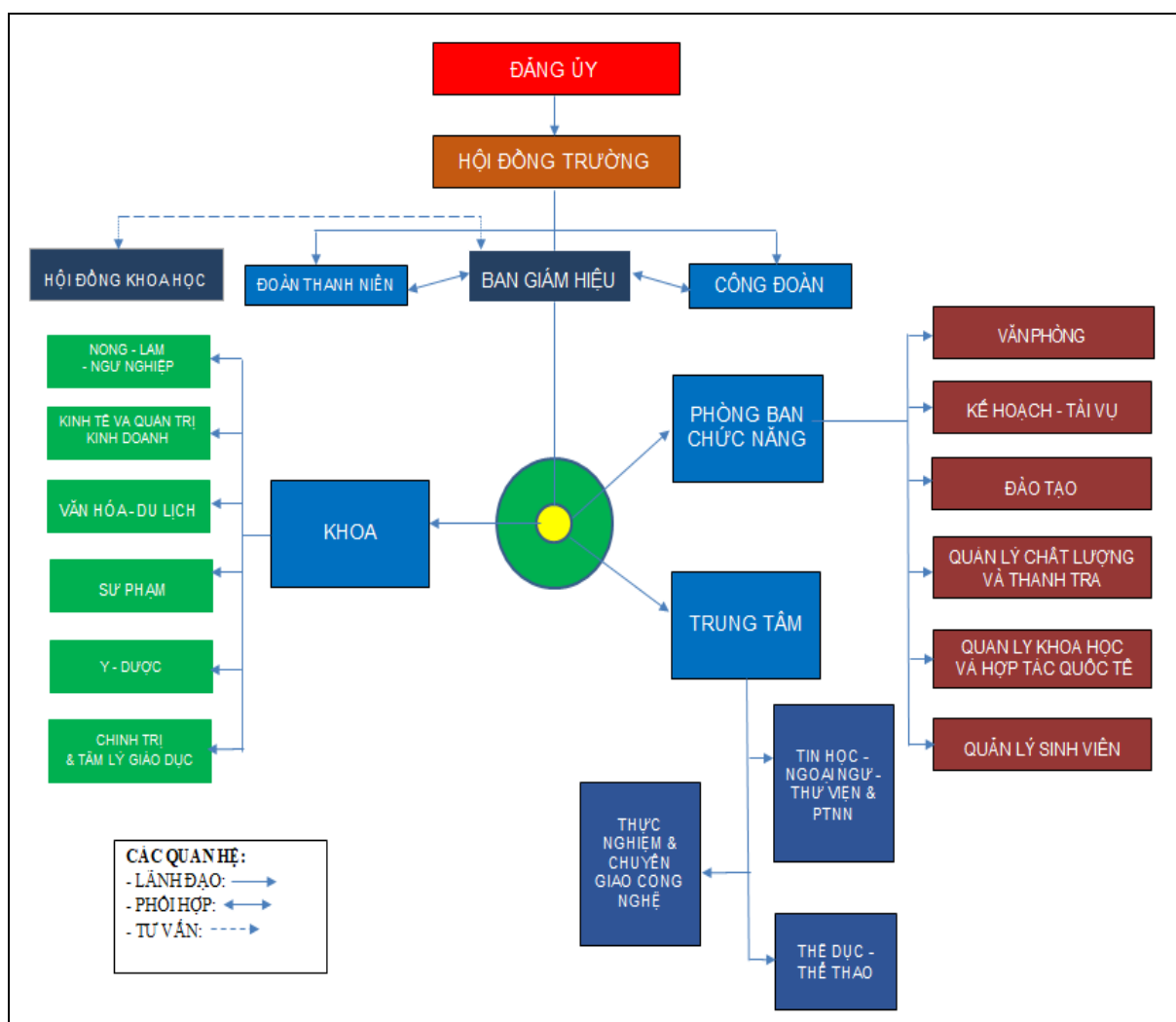
ĐHTTr lên trang web Thông tin - Thư viện. Năm 2020, Nhà trường đã phối hợp với VNPT Tuyên Quang cài đặt và đưa vào sử dụng phần mềm quản lý văn bản I OFFICE.

Tháng 1/2019, thành lập Trường Phổ thông Tuyên Quang, là trường phổ thông công lập, hoạt động tự chủ và chất lượng cao. Qua 03 năm xây dựng và phát triển, chất lượng giáo dục của nhà trường từng bước được nâng lên, quy mô trường, lớp, học sinh được tăng dần qua mỗi năm. Chương trình giáo dục của Nhà trường được thiết kế theo hướng triển khai song song 2 chương trình: Chương trình cứng thực hiện bằng việc tối ưu hóa Chương trình và sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chương trình mềm giúp tăng cường kỹ năng sống, phát triển năng khiếu Thể thao và Nghệ thuật, nâng cao năng lực giao tiếp tiếng Anh, hình thành các câu lạc bộ Toán học, Văn học... cho học sinh. Hằng năm, chất lượng giáo dục của Nhà trường đều đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra, CB giáo viên và học sinh của Trường đã đạt được nhiều danh hiệu thi đua.

Tháng 5/2019, Nhà trường đã thành lập Phòng khám đa khoa là đơn vị sự nghiệp, trực thuộc Trường ĐHTTr, hoạt động theo hướng tự chủ về chi thường xuyên, phòng khám có chức năng triển khai các hoạt động phục vụ cho công tác đào tạo, bồi dưỡng, NCKH và thực hành, thực tập của SV ngành Y - Dược, thực hiện khám chữa bệnh theo nhu cầu của xã hội. Tuy nhiên, đến tháng 4/2024, phòng khám đa khoa đã giải thể do không đáp ứng được nhu cầu thực tế của Nhà trường.

b. Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Tân Trào

Cơ cấu tổ chức bộ máy của Trường ĐHTTr là phù hợp với hoạt động của trường đại học. Hiện tại gồm 3 khối, 16 đơn vị: khối quản lý có 6 phòng, ban; khối giảng dạy và nghiên cứu gồm 6 khoa; khối ứng dụng, NCKH và dịch vụ gồm 3 trung tâm; 01 trường phổ thông. Các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội gồm Đảng ủy, Hội đồng Trường, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội SV, Hội đồng Khoa học và Đào tạo (Hình 1.1).



Hình 1.1. Sơ đồ tổ chức của Trường Đại học Tân Trào

c. Cấu trúc tổ chức của Hội đồng Trường

Hội đồng trường Trường ĐHTTr gồm 17 người, gồm Chủ tịch, Thư ký và các thành viên hội đồng. Hội đồng trường làm việc theo nguyên tắc tập thể, thảo luận và quyết định theo đa số. Hội đồng trường là tổ chức quản trị, đại diện quyền sở hữu của Nhà trường, có nhiệm vụ, quyền hạn: quyết nghị chiến lược phát triển, quy chế về tổ chức và hoạt động của Nhà trường; phương hướng hoạt động đào tạo, KHCN, HTQT, ĐBCL giáo dục; cơ cấu tổ chức và phương hướng đầu tư phát triển của Nhà trường; việc thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể các tổ chức trong Nhà trường; giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của Nhà trường; giới thiệu nhân sự Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng để thực hiện quy trình bổ nhiệm theo quy định. Hội đồng trường Trường ĐHTTr có các ban giúp việc: Ban Tổ chức và Nhân sự; Ban Đào tạo và ĐBCL; Ban Khoa học công nghệ và HTQT. Hội đồng Trường thực hiện việc giám sát theo các quy định của

pháp luật, Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, theo quy định của Luật Giáo dục đại học và Điều lệ trường đại học.

2.2. Giới thiệu về Khoa Văn hóa - Du lịch, Trường Đại học Tân Trào

- *Địa điểm đơn vị:* Phòng 502, tầng 5, nhà A1 cơ sở chính tại trường Đại học Tân Trào, Km6, xã Trung Môn, Huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- *Quá trình thành lập:* Khoa Văn hóa - Du lịch được thành lập theo quyết định số 132/QĐ-ĐHTTr ngày 26/02/2016 của Hiệu trưởng Trường ĐHTTr; tiền thân là Khoa Văn hóa - Du lịch, Trường Cao đẳng Tuyên Quang nay là Trường ĐHTTr và hoạt động theo Quy chế Tổ chức và hoạt động của Khoa Văn hóa - Du lịch ban hành kèm theo Quyết định số 533/QĐ-ĐHTTr ngày 31/5/2024 của Hiệu trưởng Trường ĐHTTr ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn thuộc, trực thuộc Trường ĐHTTr; Quyết định số 542/QĐ-ĐHTTr ngày 04/6/2024 của Hiệu trưởng Trường ĐHTTr sửa đổi, bổ sung một số điều về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn thuộc, trực thuộc Trường ĐHTTr.

Để phát triển theo định hướng một đại học đa ngành, với chức năng là khoa chuyên môn của trường, Khoa Văn hóa - Du lịch đã ban hành Kế hoạch Chiến lược phát triển Khoa Văn hóa - Du lịch giai đoạn 2019 - 2025, tầm nhìn 2030 với những mục tiêu, định hướng, quy mô phát triển và các nhiệm vụ giải pháp cụ thể:

- *Về sứ mạng:* Khoa Văn hóa - Du lịch sẽ trở thành trung tâm phát triển văn hóa - du lịch bền vững, góp phần phát triển xã hội.

- *Về tầm nhìn:* Xây dựng và phát triển Khoa Văn hóa - Du lịch trở thành cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao cho xã hội; có đội ngũ GV có trình độ chuyên môn cao, từng bước hội nhập khu vực và quốc tế.

- *Cơ cấu tổ chức khoa Văn hóa - Du lịch:* Khoa Văn hóa - Du lịch có 3 bộ môn (Bộ môn Du lịch: 11, Bộ môn Âm nhạc: 04 GV, Bộ môn Mỹ thuật: 03). Tổng số GV trong khoa: 14 GV. Trong đó: Tiến sĩ có 03 GV, thạc sĩ có 11 GV (02 đ/c đang đi học nghiên cứu sinh). Ngoài ra, một số GV đang công tác tại các phòng ban tham gia giảng dạy và sinh hoạt chuyên môn tại Khoa và mời thỉnh giảng.

Về tổ chức Khoa có: 01 Phụ trách khoa, 01 trợ lý Khoa, 01 Trưởng bộ môn Âm nhạc, 02 phụ trách hai bộ môn còn lại. Chi bộ khoa Văn hóa - Du lịch hiện tại có 08 đảng viên chính thức và 01 đảng viên dự bị. Trực thuộc khoa có Liên chi đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh ngoài Sư phạm và Công đoàn bộ phận. Toàn thể GV

trong đơn vị có phẩm chất chính trị, tư tưởng đạo đức tốt, luôn đoàn kết tốt, kỉ luật tốt, cùng nhau chia sẻ và phối hợp tốt trong công tác. Nhiều GV có bề dày kinh nghiệm trong giảng dạy. Đội ngũ GV trẻ năng động, sáng tạo, cầu thị ham học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- *Về cơ sở vật chất:* Khoa được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất như: văn phòng khoa, máy vi tính, máy in, mạng internet... cần thiết để phục vụ tốt cho công tác của khoa. Khoa có đầy đủ cơ sở vật chất phục vụ đào tạo như: phòng học, giảng đường, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thực hành bộ môn, thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo để thực hiện hoạt động dạy học và công tác NCKH.

- *Về chương trình đào tạo:* Khoa hiện đang thực hiện 02 CTĐT trình độ đại học theo học chế tín chỉ bao gồm CTĐT Quản lý văn hóa, Quản trị Dịch vụ du lịch và Lữ hành trong, cụ thể:

STT	Tên chương trình	Trình độ đào tạo	Mã số	Hình thức đào tạo	Thời gian đào tạo
1	Quản lý văn hóa	Đại học	7229042	Chính quy	4 năm
2	Quản trị Dịch vụ du lịch và Lữ hành	Đại học	7340103	Chính quy	4 năm
3	Quản lý văn hóa	Đại học	7229042	Vừa làm vừa học	4.8 năm
4	Quản trị Dịch vụ du lịch và Lữ hành	Đại học	7340103	Vừa làm vừa học	4.8 năm
5	Quản lý văn hóa	Đại học	7229042	Liên thông vừa làm vừa học	Từ 2 đến 3 năm
6	Quản trị Dịch vụ du lịch và Lữ hành	Đại học	7340103	Liên thông vừa làm vừa học	Từ 2 đến 3 năm

CTĐT được thiết kế dựa trên cơ sở sau:

- Luật Giáo dục đại học ngày 18/06/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018;

- Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

- Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Khung trình độ Quốc gia Việt Nam;

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Quyết định số 1309/QĐ-ĐHTTr, ngày 16/06/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào Quy định đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

- Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTTr, ngày 28/09/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào Quy định đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

- Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT, ngày 13/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

- Quyết định số 997/QĐ-ĐHTTr, ngày 20/9/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào Quy định đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

Đội ngũ GV của khoa có nhiều năm kinh nghiệm trong đào tạo trình độ đại học QLVH góp phần ĐBCL đào chung của Nhà trường. Đối với các học phần khối kiến thức đại cương: 100% đội ngũ GV của Nhà trường có trình độ từ thạc sĩ trở lên, nhiều kinh nghiệm giảng dạy và đáp ứng được những yêu cầu dạy học ở bậc đại học, góp phần tích cực vào việc ĐBCL đào tạo ngành QLVH trình độ đại học. Đối với các học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành: số GV hiện tại của Trường ĐHTTr có thể đáp ứng 100% khối lượng của CTĐT; đội ngũ GV từ trình độ thạc sĩ trở lên có bề dày kinh nghiệm đảm bảo dạy tốt các học phần trong CTĐT. Nhà trường đã và đang thu hút GV có trình độ tiến sĩ về Khoa. Đồng thời, Nhà trường tạo điều kiện tốt nhất để GV trong khoa được học tập nâng cao trình độ (hiện tại khoa có 02 nghiên cứu sinh).

- *Về hoạt động nghiên cứu khoa học:* Công tác NCKH được xác định là một trong 2 nhiệm vụ trọng yếu của GV khoa Văn hóa - Du lịch. Đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và HTQT, NCKH đã trở thành hoạt động bắt buộc của GV và là một hoạt động khuyến khích đối với sinh viên trong Khoa. Hiện nay, kết quả các đề tài nghiên cứu các cấp (cấp cơ sở, cấp tỉnh) của GV trong Khoa đều đáp ứng yêu cầu của công tác đào tạo và phục vụ xã hội. Khoa thường xuyên tổ chức các buổi tọa đàm, hội nghị, hội thảo,... có sự tham gia của GV, SV trong Khoa và các nhà khoa học liên quan.

Trong 05 năm trở lại đây, Khoa đã có nhiều đề tài khoa học nghiên cứu cấp trường, phát triển CTĐT; viết nhiều bài báo đăng trên các tạp chí, kỷ yếu hội thảo

quốc tế; nhiều bài viết được in trong các kỉ yếu hội thảo ở các trường đại học trong cả nước. Đến thời điểm được đánh giá, số lượng đề tài NCKH và bài báo được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 1. Tổng hợp kết quả nghiên cứu khoa học của GV khoa Văn hóa - Du lịch

Năm	Đề tài NCKH	Tạp chí		Sách chuyên khảo/Giáo trình/Tài liệu tham khảo	Hội thảo		Tập huấn	Sáng kiến kinh nghiệm	
		Trong nước	Quốc tế		Trong nước	Quốc tế		Cấp cơ sở	cấp tỉnh
2019		13			1	2			
2020		14		3	2	2	1		
2021	2	26	1	1	2				
2022	1	19		7	4		1		
2023	3	19	5	3	1		1	2	
2024	4	12	3	2	1				2
Tổng	10	103	9	16	11	4	3	2	2

- Danh sách GV khoa Văn hóa - Du lịch (tính đến 31/12/2024)

STT	Họ và tên GV	Năm sinh	Học vị	Chức danh/chức vụ
1	Quan Thị Dương	1985	Thạc sĩ	GV chính/Trợ lý khoa
2	Hà Thị Thúy Linh	1986	Thạc sĩ	GV chính/Trưởng bộ môn Âm nhạc
3	Hoàng Thị Thê	1988	Thạc sĩ	GV chính/Phụ trách bộ môn Du lịch
4	Nguyễn Thị Thanh Loan	1987	Thạc sĩ	GV chính
5	Phạm Hồng Ngân	1990	Thạc sĩ	GV
6	Nguyễn Thị Linh Thảo	1991	Thạc sĩ	GV/Phó Bí thư Đoàn trường
7	Dương Xuân Quyền	1987	Thạc sĩ	GV
8	Bùi Tường Vân	1987	Thạc sĩ	GV
9	Hà Thu Huyền	1989	Thạc sĩ	GV/Phụ trách bộ môn Mỹ thuật
10	Phạm Thị Huyền Trang	1987	Tiến sĩ	GV chính
11	Phí Ngọc Hoàng	1980	Thạc sĩ	GV

12	Nguyễn Thị Thanh Thảo	1977	Tiến sỹ	GV/Chủ tịch công đoàn
13	Hà Thúy Mai	1985	Tiến sỹ	GV chính/Trưởng khoa
14	Mai Thị Vân Hương	1980	Thạc sỹ	GV

Trong các lần thực hiện rà soát, điều chỉnh CTĐT khoa đã tham khảo và học hỏi kinh nghiệm của các trường đại học được xếp hạng trong nước và quốc tế để xây dựng CTĐT đạt chất lượng tốt, đồng thời CTĐT được điều chỉnh theo hướng ứng dụng, thực hành nghề nghiệp ở mức độ tốt nhất. CTĐT chú ý đến rèn kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm cho SV, cân đối giữa giờ dạy lí thuyết với giờ dạy thực hành đối với một số môn học về thực hành nghề nghiệp; chuẩn bị các điều kiện cho SV trước khi đi thực tập tại các cơ sở nhằm giúp cho NH có điều kiện củng cố lí thuyết và hình thành kĩ năng thực hành nghề nghiệp kế toán, quản lý kinh tế.

CTDH được thiết kế đảm bảo cung cấp cho NH kiến thức, kĩ năng cần thiết đáp ứng CĐR của CTĐT. NH được rèn luyện phương pháp tư duy cũng như các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng thông qua các học phần trong CTĐT đáp ứng CĐR của từng học phần.

CTĐT ngành QLVH trình độ đại học của Khoa được xây dựng có sự tham khảo CTĐT của một số trường đại học khác có đào tạo chuyên ngành như: Đại học Văn hóa Hà Nội, Đại học Đồng Tháp. Số lượng tuyển sinh từ năm 2018 cho đến nay là 7 khóa học, với 57 SV đã và đang theo học, bao gồm:

- +) Khóa học 2018-2022: 02 SV
- +) Khóa học 2019-2023: 05 SV
- +) Khóa học 2020-2024: 03 SV
- +) Khóa học 2021-2025: 03 SV
- +) Khóa học 2022-2026: 04 SV
- +) Khóa học 2023-2027: 10 SV
- +) Khóa học 2024-2028: 30 SV

- *Về hợp tác trong nước và nước ngoài:* Nhằm nâng cao chất lượng học tập, tìm hiểu, nghiên cứu các vấn đề về du lịch, trao đổi, nâng cao kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ về hướng dẫn du lịch cho NH và GV khoa Văn hóa - Du lịch nói riêng, GV và SV Trường ĐHTT nói chung, Nhà trường đã giao cho khoa Văn hóa - Du lịch chủ trì, tham mưu xây dựng kế hoạch, tổ chức chương trình talk show về nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, doanh nghiệp với sinh viên - những câu chuyện nghề... Đồng thời ký kết nhiều

biên bản ghi nhớ thỏa thuận hợp tác đào tạo và cung cấp nhân lực với các doanh nghiệp cho khối ngành văn hóa, du lịch với các doanh nghiệp như: Công ty Hanoi Tourism, Công ty Cổ phần Hành trình phiêu lưu Adventrip JSC (Hà Nội), Khách sạn Mường Thanh Grand Tuyên Quang, Công ty TNHH Sông Gâm, Công ty TNHH MTV Thương mại Du lịch Hoàng Gia, Công ty TNHH Thương mại Du lịch Cô Sơn Nữ, Công ty TNHH Viettrantour, Học viện Hàng không Việt Nam...

Khoa Văn hóa - Du lịch luôn quan tâm đến xây dựng môi trường học tập thân thiện để SV chủ động học tập và rèn luyện. Khoa có các bộ phận trợ lý, CVHT, cùng với Liên Chi đoàn, Liên Chi hội SV luôn đồng hành và hỗ trợ NH, SV trong suốt quá trình học tập và rèn luyện. SV được bồi dưỡng về phẩm chất đạo đức, kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cũng như các kỹ năng sống khác. SV được Nhà trường hỗ trợ chỗ ở, hỗ trợ thông tin về địa chỉ việc làm, thực tập, thực tế và các tư vấn khác nếu có nhu cầu. Ngoài ra, SV có cơ hội nhận học bổng của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, nhận hỗ trợ của Khoa nếu gặp hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

Với môi trường giáo dục, đào tạo có tương tác, kết hợp NCKH, SV khoa Văn hóa - Du lịch được phát huy tối đa tính sáng tạo, hiểu biết và kỹ năng của mình trong quá trình đào tạo để đạt được những thành công sau tốt nghiệp. Bên cạnh đó, trong các lần điều chỉnh CTĐT đều có sự tham gia của các nhà tuyển dụng nhằm điều chỉnh CTĐT phù hợp, đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội. Sau tốt nghiệp, học viên và SV của Khoa có thể làm việc ở các vị trí như: CB/chuyên viên tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Phòng Văn hóa - Thông tin, các cơ quan thuộc Bộ, Ngành có chức năng xây dựng chính sách văn hóa và tổ chức QLVH; Nhân viên tại các công ty tổ chức sự kiện, công ty truyền thông, du lịch, các đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật, các điểm vui chơi, giải trí, và các thiết chế văn hóa khác; bộ phận marketing và quan hệ công chúng của các tổ chức, doanh nghiệp; Thành lập các công ty biểu diễn nghệ thuật, tổ chức sự kiện, mở các phòng tranh (gallery) hoặc làm việc như những nhân viên độc lập (freelance) cho các chương trình, sự kiện, hay dự án văn hóa nghệ thuật; CB/chuyên viên tại các cơ sở nghiên cứu; GV giảng dạy tại các cơ sở đào tạo liên quan tới lĩnh vực văn hóa, QLVH.

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu: Mục tiêu và CDR của CTĐT ngành QLVH được xác định một cách rõ ràng, có căn cứ và đảm bảo được yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ, trách nhiệm nghề nghiệp mà NH đạt được sau khi hoàn thành CTĐT, thể hiện được sự cam kết với NH, xã hội và công bố công khai cùng với các điều kiện đảm bảo thực hiện. Ngay từ khi mở mã ngành, Nhà trường đã triển khai xây dựng và tuyên bố mục tiêu và CDR CTĐT ngành QLVH theo tiếp cận năng lực. Việc rà soát, bổ sung và điều chỉnh mục tiêu và CDR CTĐT được thực hiện định kỳ có tham khảo ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả

Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng và thể hiện trong CTĐT ngay từ khi mở mã ngành đào tạo QLVH năm 2016, với mục tiêu cụ thể như sau “*Đào tạo Cử nhân Quản lý văn hóa trình độ Đại học có phẩm chất đạo đức tốt, thấm nhuần thế giới quan Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh; yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội; có phong cách làm việc khoa học; có kiến thức và kỹ năng hiện đại, chuyên nghiệp; hiểu kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học quản lý và quản lý văn hóa để quản lý, tổ chức, điều hành các hoạt động văn hóa nghệ thuật trong khu vực nhà nước và ngoài nhà nước, đáp ứng nhu cầu xây dựng, phát triển nền văn hóa Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế*” [H01.1.001].

Mục tiêu CTĐT ngành QLVH được rà soát, điều chỉnh bốn lần vào năm 2018, 2020, 2022 và 2024 theo kế hoạch [H01.1.002]. Đặc biệt năm 2020, thực hiện hướng dẫn quy trình xây dựng và triển khai đổi mới CTĐT của Trường ĐHTTr, Khoa Văn hóa - Du lịch đã tiến hành rà soát, điều chỉnh mục tiêu của CTĐT theo tiếp cận năng lực, theo đó mục tiêu của CTĐT ngành QLVH được điều chỉnh bao gồm toàn bộ nội dung của mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể [H01.1.003]. Trong quá trình rà soát điều

chính mục tiêu CTĐT, Khoa cũng đã khảo sát, lấy ý kiến đóng góp của GV, chuyên gia, SV, cựu SV và nhà tuyển dụng [H01.1.004]. Thông qua kết quả khảo sát, đánh giá dự báo nhu cầu của thị trường lao động về mục tiêu đào tạo cho thấy thị trường lao động yêu cầu đối với SV ngành QLVH của Trường phải có kiến thức nền tảng về văn hóa và kiến thức chuyên sâu về các lĩnh vực nghệ thuật, âm nhạc, mỹ thuật, có thái độ làm việc tích cực, có năng lực ngoại ngữ, có kỹ năng tổ chức, kỹ năng thuyết trình, thực hành,... thích ứng với môi trường hội nhập [H01.1.005], [H01.1.006], [H01.1.007]. Những yêu cầu này đã được phản ánh trong mục tiêu của CTĐT [H01.1.008], thể hiện qua những nội dung cụ thể sau:

- Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân QLVH, có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe, có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu, phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ vào chuẩn nghề thuộc ba chuyên ngành Quản lý Nghệ thuật; Quản lý Mỹ thuật - Quảng cáo; Quản lý hoạt động Âm nhạc hoặc các tổ chức xã hội; Có ý thức PVCD, xây dựng đất nước và hội nhập quốc tế.

- Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu 1: Vận dụng kiến thức về lý luận chính trị, giáo dục thể chất, quốc phòng an ninh, ngoại ngữ và CNTT cơ bản vào nghề nghiệp;

Mục tiêu 2: Vận dụng kiến thức đại cương, cơ sở ngành, khoa học xã hội, văn hóa nghệ thuật để nghiên cứu về quản lý Nhà nước về hoạt động văn hóa, nghệ thuật;

Mục tiêu 3: Vận dụng kiến thức lý luận văn hóa, nghệ thuật, khoa học quản lý; Kiến thức thực hành một trong ba chuyên ngành Quản lý Nghệ thuật; Quản lý Mỹ thuật - Quảng cáo; Quản lý hoạt động Âm nhạc để làm việc tại các cơ quan quản lý Nhà nước về văn hóa và các tổ chức, doanh nghiệp liên quan đến QLVH;

Mục tiêu 4: Có kỹ năng thực hành nghề của một trong ba lĩnh vực Quản lý Nghệ thuật; Quản lý Mỹ thuật - Quảng cáo; Quản lý hoạt động Âm nhạc;

Mục tiêu 5: Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, có phong cách làm việc khoa học, tự chịu trách nhiệm, năng động, sáng tạo và thích ứng linh hoạt với sự thay đổi của xã hội.

Trường ĐHTTr đã hai lần tuyên bố sứ mạng tầm nhìn vào các năm 2014 và 2018. Sứ mạng hiện nay của Trường: *“Trường Đại học Tân Trào là cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ nâng cao chất lượng cuộc sống và xây dựng đất nước”*. Tầm nhìn hiện nay của Trường là:

“Trường Đại học Tân Trào sẽ trở thành một trung tâm phát triển bền vững, làm biến đổi cuộc sống và phục vụ cộng đồng” [H01.1.009], [H01.1.010]. Trong quá trình rà soát, điều chỉnh, các chuyên gia, nhà nghiên cứu, GV của Khoa luôn bám sát vào các nội dung về sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, từ đó đã giúp cho việc xác định mục tiêu của CTĐT ngành QLVH hướng đến đạt được sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, cụ thể mục tiêu CTĐT gồm: 03 mục tiêu về kiến thức, 01 mục tiêu bao hàm kỹ năng cứng và kỹ năng mềm, 01 mục tiêu mức độ và năng lực tự chủ, trong đó các mục tiêu đều đề cập đến việc đào tạo theo định hướng ứng dụng, góp phần tạo ra nguồn nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, Mục tiêu của CTĐT ngành QLVH nhấn mạnh việc chú trọng nâng cao các kiến thức chuyên ngành, kỹ năng thực hành nhằm đáp ứng tầm nhìn của Nhà trường. Để phục vụ sứ mệnh “góp phần tạo ra nguồn nhân lực có chất lượng cao” của Trường, mục tiêu của CTĐT cũng xác định rõ sẽ trang bị cho NH các kiến thức từ đại cương đến chuyên ngành, có khả năng tự học, tự nâng cao trình độ, cung cấp cho NH cơ hội học tập đặc biệt về QLVH để trở thành nguồn nhân lực văn hóa có chất lượng, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động [H01.1.011]. Tuy nhiên, trong mục tiêu của CTĐT ngành QLVH còn có nội dung chưa hướng đến đạt được tầm nhìn của Nhà trường về hoạt động NCKH. Việc rà soát, điều chỉnh mục tiêu của CTĐT theo tiếp cận năng lực do Hội đồng Khoa học và đào tạo của Trường phản biện và thẩm định CTĐT, trong biên bản họp nghiệm thu mục tiêu và CDR của CTĐT ngành QLVH của trường ĐHTTr đã nhận xét mục tiêu của CTĐT phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường [H01.1.012].

Theo Luật Giáo dục đại học số: 08/2012/QH13 ban hành ngày 16/06/2012, quy định tại Mục b Khoản 1 Điều 5: *“Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân”* [H01.1.013] . Mục tiêu của CTĐT ngành QLVH là đào tạo cử nhân QLVH, có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe, có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu, phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ vào chuẩn nghề thuộc ba chuyên ngành Quản lý Nghệ thuật; Quản lý Mỹ thuật - Quảng cáo; Quản lý hoạt động Âm nhạc hoặc các tổ chức xã hội; Có ý thức PVCD, xây dựng đất nước và hội nhập quốc tế. [H01.1.008]. Như vậy đối chiếu các

nội dung của mục tiêu CTĐT ngành QLVH cho thấy hoàn toàn phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT ngành QLVH được xác định rõ ràng, được điều chỉnh, bổ sung phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHTTr, đồng thời phù hợp với mục tiêu chung của Luật Giáo dục đại học.

3. Điểm tồn tại

Mục tiêu của CTĐT ngành QLVH còn có nội dung chưa hướng đến đạt được tầm nhìn của Nhà trường về hoạt động NCKH.

4. Kế hoạch hành động

Trong lần chỉnh sửa CTĐT tiếp theo, Khoa Văn hóa - Du lịch cập nhật mục tiêu đào tạo của ngành về các hoạt động NCKH nhằm hướng đến việc đạt được tầm nhìn của Trường ĐHTTr.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

1. Mô tả

CĐR của CTĐT ngành QLVH được xác định rõ ràng với các nội dung về kiến thức, kỹ năng, thái độ phản ánh được mục tiêu CTĐT. CĐR của CTĐT QLVH được ban hành vào các năm 2016, 2018, 2020, 2024 [H01.2.001]. Cụ thể, CTĐT năm 2024 được ban hành với 12 CĐR, trong đó 5 chuẩn về kiến thức (từ CĐR 1 đến CĐR 5) bao gồm kiến thức chung, kiến thức cơ sở - chuyên ngành để xử lý, đánh giá, lựa chọn phương pháp thu thập thông tin cho vấn đề thực tiễn chuyên ngành; 5 chuẩn về kỹ năng (từ CĐR 6 đến CĐR 10) liên quan đến kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm, kỹ năng về ngoại ngữ, tin học đạt tối thiểu trình độ CNTT cơ bản được quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT, trình độ tiếng Anh bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam (hoặc tương đương); mức độ tự chủ và trách nhiệm gồm 2 chuẩn (từ CĐR 11 đến CĐR 12) yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ pháp luật, khả năng học tập suốt đời, làm việc linh hoạt, tinh thần khởi nghiệp [H01.2.002]. Trong biên bản họp nghiệm thu mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành QLVH của trường ĐHTTr đã nhận xét CĐR của CTĐT được xác định rõ những kiến thức, kỹ

năng, thái độ mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành khóa học, phù hợp với mục tiêu của CTĐT [H01.1.003].

CĐR đã xác định rõ những yêu cầu chung và yêu cầu cụ thể đối với người tốt nghiệp [H01.2.004]. Cụ thể, sau khi tốt nghiệp ngành QLVH, NH cần đạt được các yêu cầu sau:

Về kiến thức: Vận dụng những kiến thức về lý luận chính trị, quốc phòng - an ninh để thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có sức khỏe để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực QLVH; nắm vững kỹ thuật và có kiến thức thực tế để có thể giải quyết các công việc theo yêu cầu chuyên môn; tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực được đào tạo để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

Thực hiện quản lý, điều hành; Nắm vững các văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực QLVH, nghệ thuật.

Về kỹ năng: Thực hiện thành thạo các kỹ năng viết báo cáo, biểu diễn... giải quyết các vấn đề, tình huống trong quá trình quản lý, tổ chức hoạt động văn hóa, nghệ thuật. Ngoài ra còn được rèn luyện các kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc độc lập, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề và dẫn dắt khởi nghiệp trong lĩnh vực chuyên môn; Sử dụng máy tính, khai thác mạng Internet, phần mềm tin học văn phòng (Word, Excel, Powerpoint,...) phục vụ công tác chuyên môn; Vận dụng kiến thức giao tiếp tiếng Anh cơ bản để trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, diễn đạt một số tình huống chuyên môn thông thường.

Về mức độ tự chủ và trách nhiệm: Tuân thủ pháp luật, trách nhiệm công dân; có hành vi ứng xử chuyên nghiệp, vì lợi ích cộng đồng; tôn trọng nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp; làm việc khoa học và quản lý hiệu quả các hoạt động liên quan đến QLVH, nghệ thuật.

Nhìn chung, việc đạt được 12 CĐR của CTĐT ngành QLVH khi tốt nghiệp giúp NH có đủ năng lực để đảm nhận những vị trí việc làm sau:

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Phòng Văn hóa - Thông tin, các cơ quan thuộc Bộ, Ngành có chức năng xây dựng chính sách văn hóa và tổ chức QLVH;
- Nhân viên tại các công ty tổ chức sự kiện, công ty truyền thông, du lịch, các đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật, các điểm vui chơi, giải trí, và các thiết chế văn hóa khác; bộ phận marketing và quan hệ công chúng của các tổ chức, doanh nghiệp;

- Thành lập các công ty biểu diễn nghệ thuật, tổ chức sự kiện, mở các phòng tranh (gallery) hoặc làm việc như những nhân viên độc lập (freelance) cho các chương trình, sự kiện, hay dự án văn hóa nghệ thuật;

- CB/ chuyên viên tại các cơ sở nghiên cứu;

- GV giảng dạy tại các cơ sở đào tạo liên quan tới lĩnh vực văn hóa, QLVH.

Điều này là phù hợp với mục tiêu giáo dục của Nhà trường và của Khoa nhằm xây dựng Trường, Khoa Văn hóa - Du lịch trở thành một cơ sở đào tạo, NCKH, HTQT và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ nâng cao chất lượng cuộc sống và xây dựng đất nước. Ngoài ra, CĐR của ngành còn xác định, SV được đào tạo còn có khả năng theo học ở các bậc học cao hơn của ngành QLVH và các ngành liên quan khác.

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành QLVH được xác định rõ ràng, đảm bảo khối lượng kiến thức và kỹ năng NH cần đạt sau khi hoàn thành CTĐT.

3. Điểm tồn tại

CĐR kỹ năng mềm về Ngoại ngữ của SV chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu ở một số vị trí công việc.

4. Kế hoạch hành động

Trong lần chỉnh sửa CTĐT tiếp theo, Khoa Văn hóa - Du lịch khi triển khai rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT ngành QLVH, đặc biệt chú ý về điều chỉnh CĐR về Ngoại ngữ để đáp ứng được yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động đòi hỏi cao về Ngoại ngữ ở một số vị trí công việc.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Mô tả

Năm 2016, Khoa Văn hóa - Du lịch thực hiện xây dựng Đề án mở ngành đào tạo QLVH, trong đó có nội dung xây dựng CĐR [H01.3.001]. Trong quá trình xây dựng CĐR, Tổ soạn thảo đã tổ chức thu thập thông tin từ các đơn vị sử dụng lao động, các văn bản, chính sách liên quan tới yêu cầu về chất lượng đào tạo ngành QLVH, tham khảo CĐR của các trường đại học có đào tạo ngành QLVH để xây dựng dự thảo CĐR phù hợp với nhu cầu của xã hội như: yêu cầu về kiến thức chuyên ngành, kỹ năng mềm, trình độ tiếng Anh và Tin học,... [H01.3.002]. Trong Biên bản thẩm định Đề án

mở ngành QLVH họp ngày 01/12/2016 tại Viện văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam, Hội đồng thẩm định đã nhận xét và cho ý kiến về CĐR của ngành QLVH như bổ sung CĐR về Ngoại ngữ và Tin học, chuyên môn [H01.3.003]. Căn cứ vào những đề xuất sửa đổi, bổ sung của Hội đồng thẩm định, Tổ soạn thảo đã lựa chọn những nội dung phù hợp để hoàn thiện CĐR. Cụ thể: bổ sung yêu cầu về kiến thức chuyên môn trong CĐR về kiến thức, bổ sung yêu cầu về trình độ tin học, ngoại ngữ trong CĐR về kỹ năng,...[H01.3.004].

Trong giai đoạn 2020 - 2024, CĐR ngành QLVH đã được rà soát, điều chỉnh vào các năm 2020, 2022 và 2024 theo kế hoạch [H01.3.005]. Trong mỗi đợt rà soát, điều chỉnh, Nhà trường ra quyết định thành lập Ban chỉ đạo điều chỉnh CĐR và CTĐT, xây dựng kế hoạch rà soát, chỉnh sửa, thành lập Tổ soạn thảo. Căn cứ vào kế hoạch của Nhà trường, Tổ soạn thảo tiến hành xây dựng kế hoạch và tổ chức xin ý kiến các bên liên quan. Trong lần rà soát điều chỉnh CĐR của CTĐT ngành QLVH năm 2024, đã tiến hành khảo sát xin ý kiến 100 người, trong đó 40 GV, 25 NH, 20 nhà tuyển dụng lao động, nhà quản lý và 15 nhà khoa học. Như vậy với tổng số đối tượng khảo sát đã tương đối đảm bảo về số lượng làm căn cứ để điều chỉnh CĐR của CTĐT, tuy nhiên về số lượng khảo sát đối với nhà tuyển dụng còn hạn chế [H01.3.006], [H01.3.007], [H01.3.008]. Trên cơ sở đó Tổ soạn thảo, tiến hành chỉnh sửa, bổ sung, cập nhật những nội dung mới của CĐR, trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo thông qua và được Hiệu trưởng trường ĐHTT ký quyết định ban hành [H01.3.009], [H01.3.010]. CĐR của ngành QLVH qua các năm có sự điều chỉnh, bổ sung và cập nhật những nội dung mới. Cụ thể: Năm 2020, CĐR về kiến thức đã được phân rõ thành kiến thức chung, kiến thức chuyên ngành và kiến thức bổ trợ, yêu cầu về kỹ năng cũng phân định rõ kỹ năng cứng và kỹ năng mềm, đồng thời bổ sung thêm nhiều nội dung về chuyên môn cũng như kỹ năng, thái độ đối với NH. Năm 2022, CĐR của ngành QLVH đã được điều chỉnh cụ thể theo hướng sử dụng thang đánh giá năng lực, giúp NH dễ dàng tiếp cận, hiểu được những yêu cầu của ngành và mức độ đạt được. Năm 2024, CĐR của CTĐT ngành QLVH giữ nguyên so với phiên bản năm 2022 [H01.3.011].

CĐR của CTĐT ngành QLVH sau khi ban hành được công bố đến GV, NH, các bên liên quan. Cụ thể GV có thể tiếp cận CĐR thông qua cuộc họp Khoa chuẩn bị năm học mới, email, hồ sơ về CTĐT và CĐR được lưu tại Khoa [H01.3.012], [H01.3.013]. CĐR của CTĐT được giới thiệu đến NH trong trong tuần sinh hoạt công

dân đầu khóa học cũng như trong các buổi họp lớp cùng CVHT [H01.3.014], [H01.3.015]. Ngoài ra, NH và các bên liên quan khác còn có thể tiếp cận CDR của CTĐT ngành QLVH thông qua Website của Trường, trong buổi truyền thông, tư vấn tuyển sinh [H01.3.016], [H01.3.017], [H01.3.018].

2. Điểm mạnh

CDR CTĐT được công bố công khai cho NH ngay từ năm thứ nhất và các đối tượng liên quan bằng nhiều hình thức.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động khảo sát xin ý kiến của nhà tuyển dụng đóng góp cho nội dung CDR của CTĐT ngành QLVH với số lượng còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong lần chính sửa CTĐT tiếp theo, Khoa chuyên môn phối hợp với Phòng Đào tạo mời các chuyên gia, doanh nghiệp, nhà tuyển dụng với số lượng đủ lớn tham gia vào việc xây dựng, đánh giá CDR để có được những điều chỉnh tốt nhất cho nội dung CDR của CTĐT ngành QLVH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của CSGD đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học. CDR bao quát được cả các yêu cầu chung và các yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình; phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai. Tuy nhiên, trong hoạt động khảo sát xin ý kiến các bên liên quan cần tăng thêm số lượng khảo sát đối với nhà tuyển dụng để có được những điều chỉnh tốt nhất về nội dung CDR của CTĐT ngành QLVH. Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, Hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành QLVH bậc đại học tự đánh giá tiêu chuẩn 1 có 3/3 tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu: Bản mô tả CTĐT ngành QLVH được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Trường ĐHTTr ban hành, phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường, của Khoa. Bản mô tả CTĐT ngành QLVH gắn với nhu cầu của NH, nhu cầu xã hội và được công bố công khai. Bản mô tả CTĐT ngành QLVH cung cấp

đầy đủ các thông tin về chương trình, cấu trúc khóa học, CĐR, mô tả tóm tắt ĐCCT của từng học phần cũng như các thông tin về PPDH, kiểm tra/đánh giá học phần.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả

Bản mô tả CTĐT ngành QLVH được thể hiện trong bản CTĐT và Đề án tuyển sinh. Trong bản CTĐT ngành QLVH cung cấp các nội dung: mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của CTĐT, CĐR, cấu trúc khóa học, nội dung, phương pháp kiểm tra, đánh giá, ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được CĐR của CTĐT, kế hoạch đào tạo, trong Đề án tuyển sinh và các tờ rơi tuyển sinh hàng năm cung cấp các nội dung: đối tượng, phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển/thi tuyển...[H02.1.001], [H02.1.002]. Năm 2020, Nhà trường đã ra quyết định ban hành mẫu Bản mô tả CTĐT [H02.1.003]. Trên cơ sở đó, Khoa Văn hóa - Du lịch đã xây dựng bản mô tả CTĐT ngành QLVH và được Nhà trường ra quyết định ban hành; Bản mô tả CTĐT ngành QLVH bao gồm các nội dung: Tên CSGD; Tên gọi của văn bằng; Tên CTĐT; Thời gian đào tạo; Mục tiêu của CTĐT; CĐR của CTĐT; Đối tượng tuyển sinh; Cấu trúc CTĐT; Ma trận CĐR CTĐT thể hiện sự đóng góp của các học phần vào CĐR của CTĐT; Tóm tắt nội dung học phần; Bản mô tả học phần (Thông tin về GV, thông tin về học phần; Mô tả học phần; Mục tiêu học phần; CĐR học phần; Đánh giá học phần; Nội dung giảng dạy; Nguồn học liệu; Quy định của môn học; Phụ trách môn học); Thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh bản mô tả CTĐT [H02.1.004].

Trong giai đoạn 2020 - 2024, bản mô tả CTĐT ngành QLVH được thể hiện trong bản CTĐT và được rà soát, điều chỉnh 03 lần vào năm 2020, 2022 và 2024 [H02.1.005], [H02.1.006], [H02.1.007]. Căn cứ vào kế hoạch của Nhà trường, Tổ soạn thảo tiến hành thu thập, tổng hợp thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật CTĐT như xin ý kiến các bên liên quan gồm: GV, NH, các nhà tuyển dụng lao động, nhà quản lý, nhà khoa học; đối sánh CTĐT phiên bản các năm; đối sánh với CTĐT cùng ngành của các trường đại học trong nước... [H02.1.008], [H02.1.009], [H02.1.010]. Từ đó, tiến hành chỉnh sửa, bổ sung, cập nhật những nội dung mới của CTĐT, trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo thông qua và được Hiệu trưởng Trường ĐHTTr ký quyết định ban hành [H02.1.001]. Qua mỗi lần rà soát, điều chỉnh, các thông tin về CTĐT được cập nhật những nội dung mới như: năm 2020, 2022, CTĐT bổ sung nội dung, phương pháp đánh giá, ma trận CĐR CTĐT; năm 2024 cập nhật

CĐR, nội dung CTĐT, phương pháp kiểm tra, đánh giá đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan... [H02.1.011]. Đối với bản mô tả CTĐT năm 2024, căn cứ kế hoạch xây dựng Bản mô tả CTĐT của Nhà trường, Khoa Văn hóa - Du lịch tiến hành xây dựng bản mô tả theo mẫu hướng dẫn trên các căn cứ văn bản như khung CTĐT, Đề án tuyển sinh, các quy chế đào tạo... Tuy nhiên, chưa lấy được ý kiến của các bên liên quan khi xây dựng bản mô tả CTĐT. Sau khi hoàn thành trình Phòng Đào tạo thông qua và được Hiệu trưởng Trường ĐHTTr ký quyết định ban hành. Bản mô tả CTĐT ngành QLVH năm 2024 đã tổng hợp được đầy đủ thông tin của CTĐT ngành QLVH, cập nhật thêm các nội dung chi tiết hơn như: phương thức tuyển sinh, bản đồ dạy học, so sánh CTĐT của ngành QLVH với các CTĐT cùng ngành của các trường đại học trong và ngoài nước [H02.1.012].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT có đầy đủ các nội dung và thông tin về CTĐT và được cập nhật những vấn đề mới về lĩnh vực QLVH theo định kỳ hàng năm.

3. Điểm tồn tại

Bản mô tả CTĐT năm 2024 chưa lấy được ý kiến các bên liên quan.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025 - 2026, Phòng Đào tạo và Khoa Văn hóa - Du lịch xây dựng kế hoạch lấy ý kiến các bên liên quan đối với Bản mô tả CTĐT ngành QLVH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả

ĐCCT học phần ngành QLVH được xây dựng và điều chỉnh, bổ sung qua các năm 2020, 2022, 2024. Các ĐCCT học phần được thể hiện trong Bản ĐCCT học phần với đầy đủ các nội dung như sau: Thông tin về GV (Họ tên/học hàm, học vị/số điện thoại/email), thông tin về học phần (tên học phần, mã học phần, số tín chỉ, loại học phần, yêu cầu đầu vào, giờ tín chỉ đối với các hoạt động, đơn vị phụ trách), mục tiêu học phần (bao gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể), mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (bao gồm các mức độ: 0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo), CĐR của học phần, ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần, tóm tắt nội dung học phần, nội dung chi tiết học phần, tài liệu học tập, kế hoạch giảng dạy cụ thể, yêu cầu của GV đối với học

phần, PPDH, hình thức tổ chức dạy học, đánh giá kết quả học tập [H02.2.001]. Đến năm 2024, CTĐT ngành QLVH có 70 ĐCCT học phần (Không tính các học phần của chương trình Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh), các ĐCCT học phần có bổ sung quy định số giờ tương ứng với 01 tín chỉ (50 giờ) [H02.2.002].

Trong giai đoạn 2020 - 2024, ĐCCT học phần ngành QLVH đã được chỉnh sửa, bổ sung (định kỳ 2 năm 1 lần) theo kế hoạch của Nhà trường [H02.2.002]; Năm 2020, chỉnh sửa, bổ sung ĐCCT học phần áp dụng cho các khóa tuyển sinh năm 2020, 2021; Năm 2022 chỉnh sửa, bổ sung ĐCCT học phần áp dụng cho các khóa tuyển sinh năm 2022, 2023; Năm 2024 chỉnh sửa, bổ sung ĐCCT áp dụng cho các khóa tuyển sinh năm 2024, 2025. Căn cứ vào văn bản hướng dẫn của Nhà trường, Tổ soạn thảo tiến hành xin ý kiến các bên liên quan gồm: GV, NH, các nhà tuyển dụng lao động, nhà quản lý, nhà khoa học, cựu SV [H02.2.003], [H02.2.004], [H02.2.005]. Từ đó, tiến hành chỉnh sửa, bổ sung, cập nhật những nội dung mới của từng ĐCCT học phần trên cơ sở báo cáo tổng hợp kết quả ý kiến các bên liên quan và CDR của CTĐT ngành QLVH, trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo thông qua và được Hiệu trưởng Trường ĐHTTr ký quyết định ban hành [H02.2.006], [H02.2.007], [H02.2.008]. Đối với phiên bản năm 2022 và 2024, số giờ học tập theo tín chỉ được bổ sung quy định 01 tín chỉ tương đương với 50 giờ học tập trên lớp và tự học, tự nghiên cứu, cập nhật phương pháp đánh giá (trắc nghiệm, viết báo cáo thực tế thay cho thi kết thúc học phần), đồng thời các giáo trình và tài liệu tham khảo được rà soát, cập nhật hoặc thay mới [H02.2.009].

2. Điểm mạnh

ĐCCT các học phần ngành QLVH đầy đủ các thông tin và được định kỳ bổ sung, cập nhật. Trong quá trình chỉnh sửa, cập nhật ĐCCT đã có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Một số học phần sử dụng tài liệu giảng dạy chưa được cập nhật tài liệu mới trong vòng 05 năm.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2025, Khoa Văn hóa - Du lịch phối hợp với Trung tâm Tin học – Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp rà soát, bổ sung các tài liệu mới phục vụ học tập, giảng dạy ngành QLVH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả

Thông tin bản mô tả CTĐT ngành QLVH được công bố công khai cùng với quyết định ban hành và đề án tuyển sinh [H02.3.001], [H02.3.002]. Năm 2024, bản mô tả CTĐT ngành QLVH sau khi được ký quyết định ban hành đã được công bố trên website của Nhà trường nên NH và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận [H02.3.003]. GV, CVHT và NH ngành QLVH còn có thể tiếp cận bản mô tả CTĐT trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa [H02.3.004].

ĐCCT các học phần ngành QLVH cùng với quyết định ban hành được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường và kết hợp hình thức khác như quảng bá trực tiếp thông qua hoạt động truyền thông tuyển sinh của Nhà trường [H02.2.008], [H02.3.005], [H02.3.006]. Đồng thời, NH được GV gửi qua email cung cấp cùng với tài liệu học tập trước khi lên lớp; đặc biệt trong buổi đầu giảng dạy của học phần, các GV luôn dành một khoảng thời gian từ 10 - 15 phút giới thiệu chi tiết, giải thích trao đổi thông tin về ĐCCT học phần giúp NH hiểu rõ và thực hiện [H02.3.007]. Quyển ĐCCT các học phần thuộc ngành QLVH cũng được lưu trữ tại văn phòng Khoa, phòng Đào Tạo, Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp của Trường để các đối tượng có liên quan cần sử dụng đều dễ dàng tiếp cận. ĐCCT các học phần được công khai tới các doanh nghiệp, đơn vị tuyển dụng thông qua các đợt thực tập của SV tại cơ sở; các buổi hội nghị về tư vấn việc làm và kết nối doanh nghiệp của Nhà trường [H02.3.008], [H02.3.009].

Việc công bố Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần bằng nhiều hình thức đã giúp cho các đối tượng liên quan (cơ quan quản lý, người sử dụng lao động, GV, NH) dễ dàng tiếp cận [H02.3.010]. Mặc dù, Nhà trường đã công bố công khai bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần, nhưng trong quá trình phổ biến các hình thức tìm kiếm Bản mô tả CTĐT tới các bên liên quan (đơn vị sử dụng lao động) còn chưa được thường xuyên.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần ngành QLVH được công bố công khai bằng nhiều hình thức tới các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

3. Điểm tồn tại

Việc tiếp cận bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần chưa được thực sự dễ dàng.

4. Kế hoạch hành động

Để thực hiện yêu cầu công khai và tạo điều kiện tối đa cho các bên liên quan tiếp cận dễ dàng bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần. Năm 2025, Khoa Văn hóa - Du lịch phối hợp với phòng Đào tạo đẩy mạnh hơn nữa công tác quảng bá thông tin về bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần ngành QLVH hóa tới cộng đồng và xã hội.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần đầy đủ thông tin và được định kỳ bổ sung/điều chỉnh/cập nhật. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai trên nhiều kênh thông tin giúp NH và các bên liên quan tiếp cận dễ dàng để NH và các bên liên quan đánh giá được mục tiêu giáo dục của ngành QLVH nói riêng và mục tiêu giáo dục của Trường ĐHTTr nói chung. Việc công bố công khai bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần ngành QLVH cũng chính là những bản cam kết giữa GV với NH, giữa GV với Nhà trường, giữa Nhà trường với NH và các bên liên quan về chất lượng giáo dục. Tuy nhiên, qua kết quả khảo sát vẫn còn một số ít ý kiến phản ánh của các bên liên quan về việc tiếp cận bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần chưa được thực sự dễ dàng, chưa thường xuyên, đây là điểm tồn tại sẽ được Khoa ưu tiên thực hiện kế hoạch hành động ngay trong năm 2025. Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, Hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành QLVH bậc đại học tự đánh giá tiêu chuẩn 2 có 2/3 tiêu chí đạt 5/7 và 1/3 tiêu chí đạt 4/7.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu: CTDH ngành QLVH được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm, phù hợp với mục tiêu đào tạo của ngành, theo hướng tiên tiến hiện đại, đáp ứng yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động. ĐCCT các học phần đã xác định được tổ hợp các PPDH, phương pháp kiểm tra đánh giá, đồng thời thể hiện được sự đóng góp trong việc đạt được CĐR của CTDH. CTDH ngành QLVH có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp, định kỳ được rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo định kỳ 2 năm 1 lần.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên CĐR.

1. Mô tả

CTDH ngành QLVH được xây dựng từ năm 2018 và đã được điều chỉnh, bổ sung, cập nhật năm 2020, 2022, 2024. CTDH qua các năm đều được xây dựng, cập nhật dựa trên CĐR của ngành đào tạo [H03.1.001], [H02.2.008]. CTĐT ngành QLVH năm 2024 có 12 CĐR gồm: 05 CĐR về kiến thức (từ CĐR 1 tới CĐR 5), 05 CĐR về kỹ

năng, trong đó, có 02 CĐR về kỹ năng cứng (CĐR 6, CĐR 7), 03 CĐR về kỹ năng mềm (từ CĐR 8 đến CĐR 10) và 02 CĐR về thái độ, năng lực tự chủ (CĐR 11, CĐR 12) [H03.1.002], [H03.1.003]. Căn cứ vào CĐR, Tổ soạn thảo đã thiết kế CTDH gồm các khối kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành với thời lượng 130 tín chỉ. Khối kiến thức đại cương trang bị cho người học những kiến thức về lý luận chính trị, quốc phòng - an ninh, khoa học xã hội và nhân văn làm nền tảng để làm việc hiệu quả trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật (đạt được CĐR 1, CĐR 2). Khối kiến thức cơ sở ngành trang bị cho người học kiến thức nền tảng của ngành, phát triển các năng lực, kỹ năng, tập trung hướng đến đạt được các CĐR 03. Khối kiến thức ngành và chuyên ngành giúp người học áp dụng một trong 3 chuyên ngành: Quản lý Nghệ thuật; Quản lý Mỹ thuật - Quảng cáo; Quản lý hoạt động Âm nhạc vào thực tiễn nghiệp vụ chuyên môn một cách hiệu quả, hướng đến đạt được từ CĐR 04 tới CĐR 12 [H03.1.004]. Trong Bảng tổng hợp kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về CTĐT và ĐCCT học phần ngành QLVH năm 2024, có 94% các ý kiến cho rằng CTĐT ngành QLVH được thiết kế dựa trên yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm đối với NH [H02.3.010]. Trong Biên bản nghiệm thu CTĐT và ĐCCT học phần ngành QLVH, trình độ đại học năm 2024 (họp ngày 28/08/2024), các thành viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo đã nhận xét “CTĐT ngành QLVH đã đáp ứng được mục tiêu, CĐR ngành học đã đề ra. Đảm bảo được khối lượng kiến thức ngành cho SV làm việc khi ra trường” [H3.3.1.005].

Tất cả các học phần của CTDH ngành QLVH trong quá trình xây dựng, rà soát, chỉnh sửa đều xác định phương pháp giảng dạy, học tập và phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của NH phải đảm bảo tính phù hợp, góp phần đạt được CĐR. Năm 2024, các phương pháp giảng dạy, học tập được sử dụng trong các đề cương học phần gồm có: Thuyết trình, thảo luận, trao đổi, đàm thoại, nghiên cứu tình huống,... Trong đó các học phần giáo dục đại cương, học phần cơ sở ngành có tỷ lệ giờ lý thuyết cao như Triết học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Xã hội học đại cương,... đa phần sử dụng phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận, trao đổi, đàm thoại và sử dụng hình thức thi tự luận để đánh giá điểm thi học phần. Các học phần có tỷ lệ giờ thực hành cao như: Giáo dục thể chất 1; Tiếng Anh 1... hay các học phần thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành như: Quản lý lễ hội và sự kiện, Quản lý di sản văn hóa... sử dụng các phương pháp giảng dạy đặc thù như: Thực hành, tổ chức học tập theo nhóm và

các phương pháp kiểm tra, đánh giá như: thi thực hành (Giáo dục thể chất 1), tổ hợp vấn đáp - tự luận - trắc nghiệm (Tiếng Anh 1), chấm báo cáo thực tế, bài tập lớn (Quản lý lễ hội và sự kiện), vấn đáp (Quản lý di sản văn hóa)...[H03.1.006], [H03.1.007], [H03.1.008]. Trong Bảng tổng hợp kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về CTĐT và ĐCCT học ngành QLVH năm 2024, có 94% ý kiến cho rằng các phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học trong đề cương chi tiết học phần được đề cập rõ ràng, phù hợp với đặc trưng của từng học phần và mức độ đạt được CDR [H02.3.010]. Trong Biên bản nghiệm thu chương trình đào tạo và đề cương học phần ngành Quản lý Văn hoá, trình độ đại học năm 2024 (họp ngày 28/08/2024), các thành viên Hội đồng thẩm định đã nhận xét: “ĐCHP ngành QLVH có sự đổi mới, bổ sung, cập nhật các phương pháp giảng dạy, học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá, đảm bảo đạt được yêu cầu của CDR học phần và CDR CTĐT” [H03.1.005].

2. Điểm mạnh

Sử dụng phương pháp phù hợp đối với các học phần chuyên ngành QLVH.

3. Điểm tồn tại

Tỷ lệ hình thức thi tự luận của các học phần vẫn ở mức cao.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2024 - 2025, Khoa Văn hóa - Du lịch sẽ phối hợp với phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra, Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp, các Khoa/Bộ môn cập nhật hình thức thi phù hợp để đánh giá tốt năng lực của NH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CDR là rõ ràng.

1. Mô tả

Trong giai đoạn 2020 - 2024, ĐCCT các học phần của ngành QLVH được rà soát, chỉnh sửa vào các năm 2020, 2022, 2024 và được Nhà trường ra Quyết định ban hành [H02.2.008]. Các ĐCCT được xây dựng dựa trên CDR của CTĐT. ĐCCT học phần qua các phiên bản 2020, 2022, 2024 đều được cập nhật, bổ sung thêm các nội dung để thể hiện sự đóng góp của mỗi học phần để đạt được CDR, cụ thể: trong ĐCCT học phần phiên bản năm 2024 có mục 4 “Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của chương trình đào tạo” ghi rõ mức độ đóng góp theo các thang đo đóng góp ở các mức độ (1 = đóng góp ở mức độ thấp, 2 = đóng góp ở mức độ trung bình, 3 = đóng góp ở mức độ cao đóng góp vào CDR) cho từng chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng,

thái độ năng lực và tự chủ. Mục 5. CĐR của học phần cũng ghi rõ CĐR của học phần, CĐR đó sẽ giúp đạt CĐR nào của CTDH [H03.2.001]. Tại mục 9.5 trong bản mô tả CTĐT năm 2024, bản đồ dạy học ngành QLVH đã thể hiện rõ sự giảm tải điều kiện tiên quyết đối với các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, khối kiến thức chuyên ngành, giúp NH có thể linh hoạt lựa chọn các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành để đạt được mục tiêu, CĐR của CTĐT [H03.2.002], [H03.2.003].

CTDH ngành QLVH năm 2024 có 70 ĐCCT học phần (Không tính các học phần của chương trình Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh) (tăng 01 học phần so với phiên bản năm 2020). Toàn bộ các học phần này đều xác định rõ tổ hợp các PPDH, phương pháp kiểm tra/đánh giá. Đối với PPDH, trong mục số 6. Ma trận kiến thức học phần với CĐR học phần có cột ghi rõ PPDH để đạt được CĐR nào. Ví dụ như học phần Quản lý di sản văn hóa (VD2.1.064.4) đã nêu rõ các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, cụ thể: Thuyết trình, nêu vấn đề, vấn đáp, tổng hợp vấn đề giúp NH đạt cả về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm (từ Ch1 đến Ch6). Trong mục 11. Đánh giá kết quả học tập của SV đã thể hiện rõ các hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá và các hình thức này giúp đạt được CĐR từ Ch1 đến Ch6 [H03.1.006], [H03.2.004]. Trong Bảng tổng hợp kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về CTĐT và ĐCCT học phần ngành QLVH năm 2024, có 98% ý kiến cho rằng việc xác định tổ hợp các PPDH của GV và phương pháp học tập của NH của 100% các môn học/học phần trong CTĐT là phù hợp, góp phần đạt được CĐR [H02.3.010].

Trong giai đoạn 2020 - 2024, nội dung các ĐCCT học phần ngành QLVH đã được chỉnh sửa, bổ sung định kỳ vào năm 2020, 2022, 2024 theo hướng thể hiện đóng góp rõ ràng với CĐR của CTĐT [H02.2.009]. Năm 2024, Tổ soạn thảo đã tiến hành khảo sát và tổng hợp được nhiều ý kiến phản hồi từ GV, NH, nhà tuyển dụng lao động, nhà quản lý và một số nhà khoa học [H03.2.005], [H02.3.010]. Từ đó, tiến hành chỉnh sửa, bổ sung, cập nhật những nội dung mới của từng ĐCCT học phần, trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo cho ý kiến, tổ chức nghiệm thu trước khi được Hiệu trưởng Trường ĐHTTr ký quyết định ban hành [H03.2.006], [H03.2.007]. Trong Biên bản nghiệm thu chương trình đào tạo và đề cương học phần ngành Quản lý Văn hoá, trình độ đại học năm 2024 (họp ngày 28/08/2024), các thành viên Hội đồng thẩm định đã nhận xét: “Các học phần có sự tương thích, đóng góp cho CĐR của CTĐT, các học phần đã thể hiện rõ mức độ đóng góp theo từng thang đo cho CĐR của CTĐT” [H03.1.005].

2. Điểm mạnh

Xác định rõ ràng sự đóng góp của học phần đối với CĐR CTĐT, những nội dung, chương, mục hướng tới CĐR học phần.

3. Điểm tồn tại

Nội dung một số học phần chuyên ngành chưa lấy được nhiều ý kiến của các chuyên gia đầu ngành.

4. Kế hoạch hành động

Khoa Văn hóa - Du lịch gửi ĐCCT, CTDH tới các chuyên gia chuyên ngành để xin ý kiến đóng góp về CTĐT và ĐCCT năm 2025.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả

Các học phần trong CTDH ngành QLVH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành, giúp CTDH trở thành một khối thống nhất. CTDH ngành QLVH được thiết kế theo trật tự logic từ kiến thức giáo dục đại cương đến kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành, thực tập và được bố trí giảng dạy trong 4 năm. 100% các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý (về mã học phần, điều kiện, tiên quyết; thời lượng cho mỗi học phần; thời điểm/học kì thực hiện). Nội dung kiến thức các khoa học nền tảng, khoa học chuyên ngành và kiến thức rèn luyện nghiệp vụ chuyên môn được trình bày một cách lô gíc và được thể hiện thông qua các bài học theo từng chủ điểm từ cụ thể đến trừu tượng. CTĐT đã ghi rõ thời lượng (số tiết) dành cho phần lý thuyết, thực hành, tự học và tự nghiên cứu. Số tiết dành cho phần tự học và tự nghiên cứu gấp 2 lần số tiết quy định dành cho học phần [H03.3.001], [H03.3.002], [H03.3.003], [H03.3.004].

Cấu trúc CTDH 2020 thể hiện được các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành. Tỷ lệ giữa các phần kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp, tỷ lệ kiến thức lý thuyết, thực hành, thảo luận, bài tập cân đối, hợp lý. Cụ thể như sau: khối lượng kiến thức toàn khóa: 125 tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh), trong đó: Kiến thức giáo dục đại cương: 29 tín chỉ chiếm 23,2%, kiến thức cơ sở ngành: 31 tín chỉ chiếm 24,8%, kiến thức ngành: 31 tín chỉ chiếm 24,8%, kiến thức chuyên ngành: 20 tín chỉ chiếm 16,0%,

Thực tập: 8 tín chỉ và khóa luận tốt nghiệp chiếm 6,4%. hoặc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp: 6 tín chỉ chiếm 4,8%. Bên cạnh các học phần bắt buộc, CTĐT các ngành có các học phần tự chọn, chuyên ngành hẹp giúp SV có kiến thức mở rộng và chuyên sâu, thích ứng linh hoạt với sự thay đổi của giáo dục [H03.3.002].

CTDH các học phần có nội dung cập nhật và có tính tích hợp, hàng năm GV đảm nhiệm các học phần có trách nhiệm rà soát và cập nhật nội dung giảng dạy phù hợp, đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Từ năm 2020, các học phần trong CTDH mang tính tích hợp cao. CTDH được xây dựng theo CDR nên các học phần được tích hợp một cách hợp lý. Các kiến thức, kỹ năng và kỹ năng mềm cần thiết khác được lồng ghép trong các học phần thuộc khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành [H03.3.001], [H03.3.002].

Trong tổng số 70 học phần bắt buộc, trong đó có 24 học phần thuộc 03 chuyên ngành lựa chọn và 10 học phần tự chọn. Tỷ lệ giữa các khối kiến thức trong CTDH được thiết kế tương đối hợp lý. Số học phần dành cho kiến thức chuyên ngành và kiến thức đào tạo năng lực chuyên môn thể hiện sự tập trung đào tạo cho NH về kiến thức chuyên ngành và kỹ năng làm việc [H03.3.002].

Cấu trúc CTDH ngành QLVH được thiết kế theo trật tự kiến thức từ các học phần giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành và thực tập, khóa luận tốt nghiệp được giảng dạy trong 4 năm. Các kiến thức giáo dục đại cương được cung cấp cho SV trong 3 học kỳ đầu tiên. Các học phần kiến thức giáo dục cơ sở ngành và kiến thức ngành được thiết kế trong 2 học kỳ tiếp theo bao gồm các học phần bắt buộc và tự chọn. Ba học kỳ cuối của chương trình, SV được cung cấp các học phần thuộc kiến thức chuyên ngành đào tạo năng lực chuyên môn và làm khóa luận tốt nghiệp (hoặc học các học phần thay thế tốt nghiệp). Các học phần tự chọn được thiết kế nhằm mục đích hướng SV vào các chuyên sâu và mở rộng kiến thức bằng cách chọn các môn trong một chương trình gần với chuyên sâu lựa chọn. Các học phần chuyên ngành được tổ chức đào tạo vào những năm cuối. Từng học phần trong CTDH đều có mục tiêu, nội dung rõ ràng, được bố trí logic, khoa học [H03.3.001], [H03.3.002], [H03.3.003], [H03.3.004].

CTDH ngành QLVH được rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật 3 lần vào các năm 2020, 2022, 2024 theo kế hoạch của Trường thông qua việc xin ý kiến phản

hỏi của các bên liên quan về tính tích hợp và liên thông. Việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật được Hội đồng Khoa học đào tạo cấp Khoa thông qua trong các buổi họp hàng tháng, CTDH đã được điều chỉnh, bổ sung và cập nhật [H03.3.005] [H03.3.006] [H03.3.007], [H03.3.008]. Cụ thể như sau:

Năm 2020, CTDH được bổ sung 03 học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành: *Địa chỉ văn hóa*, mã HP: VD2.1.120.2 (2TC); *Xã hội học văn hóa*, mã HP: VD2.1.121.2 (2TC); *Quản lý di sản văn hoá với phát triển du lịch*, mã HP: VD2.1.120.2 (2TC). Thêm mới 01 học phần *Lịch sử văn minh thế giới*, mã HP: VD2.1.120.2 (2TC) phần kiến thức giáo dục đại cương. Bổ sung ma trận các học phần và CDR của CTĐT [H03.3.006], [H03.3.007].

Năm 2022, CTDH bổ sung 04 học phần: Tổ chức sự kiện, mã HP: VD2.1.031.4 (04TC) ; Ứng dụng CNTT trong văn hóa - du lịch, mã HP: TN2.1.515.2 (02TC); Cơ sở mỹ thuật , mã HP: VD2.1.135.3; Thanh nhạc 2, mã HP: VD2.1.083.3.

Năm 2024, bổ sung 06 học phần: QLVH Việt Nam, mã HP: VD2.1.204.3 (03TC); Khoa học quản lý, mã HP: VD2.1.062.3 (03TC); Phân tích tác phẩm mỹ thuật, mã HP: VD2.1.173.2 (02TC); Văn hóa & kiến trúc, mã HP: VD2.1.203.4 (04TC); Quản trị dịch vụ văn hóa, mã HP: VD2.1.201.3 (03TC); Pháp luật đại cương, mã HP: LL2.1.007.2 (02TC). Năm 2024, CTDH có nội dung cân đối giữa kiến thức giáo dục đại cương và kiến chuyên ngành, có nhiều học phần tự chọn để SV lựa chọn phù hợp với khả năng và nhu cầu của cá nhân. Chương trình cập nhật được với xu thế QLVH hiện nay [H03.3.006], [H03.3.008].

Trong quá trình triển khai CTĐT, nhà trường cũng triển khai các CTĐT tiên tiến trong nước như ĐH Văn hóa Hà Nội, ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội... Tuy nhiên việc đối sánh với CTĐT nước ngoài chưa được thường xuyên, việc tham khảo các chương trình trong nước và quốc tế trong điều chỉnh nội dung dạy học chưa được nhiều [H03.3.009] [H03.3.010].

2. Điểm mạnh

CTDH được định kỳ rà soát/điều chỉnh, bổ sung và cập nhật ít nhất 2 năm 1 lần trên cơ sở lấy ý kiến của các bên liên quan.

3. Tồn tại

Việc tham khảo các chương trình trong nước và quốc tế trong điều chỉnh nội dung dạy học chưa được nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa tiếp tục tham khảo thêm các CTDH ngành QLVH của các trường Đại học trong nước và quốc tế có uy tín.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Kết luận về tiêu chuẩn 3: CTDH của ngành QLVH được thiết kế phù hợp với CDR của ngành. Cấu trúc các học phần trong CTDH đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức. Các học phần trong CTDH xác định các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp để đảm bảo việc đạt được CDR. CTĐT được thiết kế đảm bảo sự logic về cấu trúc cho phép NH sau khi học xong có đầy đủ các năng lực nghề nghiệp và các năng lực cần thiết đáp ứng yêu cầu đổi mới hiện nay. Căn cứ vào nội dung tự đánh giá, tiêu chuẩn 3 có 1/3 tiêu chí đạt 5/7 và 2/3 tiêu chí đạt 4/7.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu: Phương pháp tiếp cận trong dạy học luôn lấy NH làm trung tâm. Khoa Văn hóa - Du lịch, các Bộ môn và GV căn cứ vào mục tiêu giáo dục, CDR của CTĐT ngành QLVH được Trường ĐHTTr ban hành xác định các PPDH đa dạng và phối hợp nhiều PPDH khác nhau trong dạy học để giúp NH tích cực, chủ động học tập tiếp thu kiến thức và rèn luyện kỹ năng, nâng cao tính sáng tạo, hình thành nền tảng cơ bản và vững chắc cho việc học tập suốt đời.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả

Năm 2014, Trường ĐHTTr ban hành triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục theo Quyết định số 2909/QĐ-ĐHTTr, ngày 31/12/2014 với nội dung “*Chất lượng - phát triển bền vững*” [H04.1.001]. Năm 2016, để phù hợp với thực tiễn, Nhà trường đã điều chỉnh nội dung triết lý giáo dục thành “*Chất lượng - phát triển bền vững - hội nhập*” theo Quyết định số 96/QĐ-ĐHTTr, ngày 25/2/2016, nhằm “*giúp SV cải thiện bản thân, phát triển tiềm năng sáng tạo và kỹ năng hội nhập để thích ứng với sự phát triển của công nghệ trong thời đại mới*” và khẳng định mục tiêu giáo dục của Nhà trường “*Người học được trang bị các kiến thức cơ sở ngành đào tạo để có khả năng nghiên cứu, cập nhật công nghệ mới, khả năng tự học suốt đời trong môi trường công tác sau khi ra trường.*” và phù hợp với sứ mạng: “*Trường ĐHTTr là cơ sở đào tạo, NCKH,*

HTQT và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ nâng cao chất lượng cuộc sống và xây dựng đất nước” [H04.1.001], [H04.1.002], [H04.1.003].

Khi xây dựng triết lý giáo dục, Trường ĐHTTr đã tổ chức lấy ý kiến góp ý cho triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục [H04.1.004]. Nhà trường đã khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về triết lý giáo dục [H04.01.005]. Sau khi ban hành vào các năm 2014, 2016, Nhà trường có kế hoạch truyền thông, phổ biến triết lý giáo dục đến toàn thể CBGV, SV và các bên liên quan. Với CB, GV, triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục luôn được Lãnh đạo Nhà trường đề cập thông qua các cuộc họp, phân công nhiệm vụ [H04.1.006], [H04.1.007]. Đối với SV, ngay từ năm thứ nhất, triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Trường, được phổ biến tới SV trong “*Tuần sinh hoạt công dân - Học sinh, sinh viên*”, Sổ tay SV, Sổ CVHT,... Ngoài ra, Lãnh đạo Nhà trường, Khoa, Đoàn thanh niên, Hội SV tổ chức các buổi tọa đàm và đối thoại giúp SV hiểu rõ hơn về vai trò chủ động, tích cực của họ trong quá trình học tập.

Triết lý giáo dục của Nhà trường được công bố công khai với các hình thức đa dạng như: các bài báo, video đăng tải trên Website của trường, Báo điện tử Tuyên Quang, trên Youtube, Facebook, trên các ấn phẩm: tờ rơi, kẹp file nhân các sự kiện lớn, các pano, áp phích, bảng điện tử đặt tại các vị trí trang trọng trong Trường, phổ biến cho SV trong tuần sinh hoạt công dân, đưa vào Sổ tay SV [H04.1.008], [H04.1.009], [H04.1.010], [H04.1.011], [H04.1.012], [H04.1.013], [H04.1.014]. Triết lý GD cũng được Nhà trường phổ biến đến các bên liên quan trong các buổi lễ khai giảng và trong diễn văn của Hiệu trưởng có đề cập đến triết lý giáo dục [H04.01.015]. Kết quả khảo sát các bên liên quan đối với triết lý giáo dục của Nhà trường được đánh giá là rất phù hợp (đạt 87.3%) [H04.1.005]. Tuy nhiên, Nhà trường chưa tổ chức được các buổi hội thảo, hoặc công khai triết lý GD tới nhiều đơn vị sử dụng lao động.

2. Điểm mạnh

Triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Nhà trường được tuyên bố rõ ràng bằng nhiều hình thức khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa tổ chức được nhiều buổi hội thảo để giới thiệu triết lý giáo dục tới các đơn vị sử dụng lao động.

4. Kế hoạch hành động

Trong các năm học, Nhà trường tổ chức các buổi hội thảo giới thiệu triết lý giáo dục tới các đơn vị sử dụng lao động.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Để đáp ứng được CĐR của ngành QLVH, theo định kỳ 2 năm/1 lần, Khoa đã thực hiện theo các Quyết định, kế hoạch, hướng dẫn của Nhà trường về rà soát CĐR của CTĐT, để cải tiến chất lượng dạy và học [H03.3.005]; [H04.2.001], Khoa, Bộ môn, GV ngành QLVH dựa vào quyết định ban hành CTĐT, Kế hoạch công tác đào tạo của của Nhà trường đã lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy đa dạng, linh hoạt và hiệu quả [H04.2.002], [H04.2.003], [H04.2.004]. 100% ĐCCT của ngành QLVH xác định rõ các hoạt động dạy học phù hợp để đạt được CĐR như: học truyền thống (học trên lớp), học trên thư viện, phòng thực hành, thực tập, thực tế...

Dựa vào CĐR của từng học phần, Khoa, BM, GV lựa chọn PPDH đa dạng, phù hợp nhằm phát huy tính tích cực của NH. Hoạt động dạy học được GV xây dựng chi tiết theo các hoạt động trước, trong và sau mỗi buổi học. Trước buổi học, NH đọc tài liệu do GV cung cấp; trong buổi học, NH nghe giảng, tham gia thảo luận, tương tác với GV. Sau buổi học, NH có thể tự cập nhật tài liệu, tự học, tự nghiên cứu, ôn bài, làm bài tập và đưa ra câu trả lời cho các tình huống/câu hỏi/bài tập do GV yêu cầu [H04.1.006]. Ngoài ra, SV được tham gia vào các hình thức học tập khác như: thực hiện đề tài NCKH cấp trường; tham gia các câu lạc bộ như: Câu lạc bộ Nghệ thuật, Câu lạc bộ tuyên truyền và vận động hiến máu, Câu lạc bộ kỹ năng sống...với các phong trào tình nguyện, tham gia các hoạt động cộng đồng; tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn và các hoạt động ngoại khóa học tập trong nước và nước ngoài [H04.2.005], [H04.2.006], [H04.2.007], [H04.2.008], [H04.2.009], [H04.2.010], [H04.2.011], [H04.2.012], [H04.2.013], [H04.2.014], [H04.2.015]. Những SV có thành tích nghiên cứu, hoạt động cộng đồng xuất sắc được nhà trường công nhận kết quả và có chế độ khen thưởng, khuyến khích kịp thời [H04.2.016], [H04.2.017], [H04.2.018]. Tuy nhiên, phương pháp tự học, tự nghiên cứu ở SV còn hạn chế.

Hàng năm, Nhà trường và Khoa tổ chức các hội thảo, đối thoại với GV để trao đổi về PPDH. Bên cạnh đó, còn phối hợp tổ chức hội thảo khoa học về vai trò của hoạt động QLVH giúp SV hiểu và nắm được vai trò của văn hóa cộng đồng trong giai đoạn hiện nay [H04.2.019]. Nhà trường tổ chức đối thoại với SV để lắng nghe, giải đáp băn

khảo trong hoạt động dạy và học; đồng thời, động viên SV nỗ lực học tập, rèn luyện [H04.2.020], [H04.2.021].

Nhà trường, Khoa tổ chức hội nghị CBGV, SV lấy ý kiến về sự hài lòng với các hoạt động dạy và học được sử dụng nhằm đạt CĐR của CTĐT [H04.2.022], [H04.2.023], [H03.3.019]. Tuy nhiên, một số SV chưa tự giác trong học tập, rèn luyện.

2. Điểm mạnh

Các phương pháp dạy và học đa dạng, phù hợp đạt được CĐR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

GV chưa đưa ra được nhiều phương pháp hướng dẫn SV tự học tự nghiên cứu.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2024 - 2025, Khoa Văn hóa - Du lịch tổ chức tọa đàm về cải tiến PPDH để GV tham khảo ý kiến, đa dạng hoá các PPDH nhằm giúp SV nâng cao năng lực tự học và điều chỉnh CTDH phù hợp với CĐR của ngành QLVH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả

Tất cả ĐCCT học phần đều mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu (lập kế hoạch; tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục...), kỹ năng mềm (giao tiếp, ứng xử nghiệp vụ, sử dụng tiếng Anh...) [H04.3.001]. Các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết trên lớp truyền thống/ lớp học trực tuyến đến các hoạt động tự học và NCKH của SV; các bài tập nhóm, các bài thực hành, các bài thảo luận, thực tập, thực tế đều hướng tới mục tiêu hình thành kỹ năng phân tích và tổng hợp, kỹ năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm [H04.1.006], [H04.2.007], [H04.2.010], [H04.3.002].

CTĐT của ngành QLVH thể hiện được sự đóng góp cụ thể hình thức tự học, tự nghiên cứu với các yêu cầu nhiệm vụ và quy định rõ thời gian của hoạt động tự học, tự nghiên cứu đối với SV. Thời lượng tự học, tự nghiên cứu của SV đối với các giờ lý thuyết được tính bằng 2 lần số giờ trên lớp. Đề cương quy định rõ tài liệu học tập, trong đó có giáo trình bắt buộc, tài liệu tham khảo và yêu cầu SV nghiên cứu tài liệu ở nhà, thư viện. Hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu là yêu cầu bắt buộc trong tất cả các

đề cương nhằm giúp SV tham gia vào các hoạt động dạy học và rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời. Các học phần xác định rõ nội dung giảng dạy, tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/ đánh giá phù hợp để đảm bảo việc đạt được CDR của CTĐT và biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo ở SV [H04.3.001].

GV trong Khoa sử dụng hiệu quả các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Nhà trường và Khoa đã tổ chức hội thảo về đổi mới PPDH, phát triển CTĐT. Để giúp cho hoạt động dạy và học đạt hiệu quả cao, Nhà trường rà soát, bổ sung nguồn học liệu và liên kết với các trung tâm học liệu của các đơn vị khác nhằm đảm bảo nguồn tài liệu học tập luôn được cập nhật và đa dạng [H04.3.003], [H04.3.004], [H04.3.005], [H04.3.006], [H04.3.007]. Khoa tổ chức nhiều hoạt động để SV tham gia như: NCKH, tọa đàm khoa học, sinh hoạt nhóm, hoạt động ngoại khoá, giúp đỡ SV nước ngoài đến thực tập ngắn hạn, góp phần rèn luyện tinh thần học hỏi, kỹ năng tự học, nghiên cứu và giao lưu khoa học. Từ đó đã tạo ra sự say mê học tập, nâng cao chất lượng việc rèn luyện các kỹ năng cần thiết của NH, nâng cao năng lực tự học và biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo. Tuy nhiên, trong các hoạt động dạy học một số GV sử dụng PP dạy học trực tuyến chưa thực sự hiệu quả.

2. Điểm mạnh

GV trong Khoa sử dụng đa dạng các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ NH rèn luyện và phát triển các kỹ năng, khả năng học tập suốt đời.

3. Điểm tồn tại

Một số GV sử dụng PP dạy học trực tuyến chưa thực sự hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2024 - 2025, Trường và Khoa tổ chức các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy giúp GV sử dụng hiệu quả PP dạy học này, đa dạng hoá các PPDH, lựa chọn nhóm PPDH phù hợp cho từng học phần; đồng thời, nâng cao tính tích cực rèn luyện năng lực tự học của NH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Kết luận về tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học của CTĐT ngành QLVH tuân thủ theo triết lý giáo dục của Nhà trường, phù hợp với nhu cầu của xã hội và hội nhập quốc tế. Môi trường học thân thiện tạo ra sự tương tác hiệu quả

giữa GV và SV .ĐCCT các học phần đã mô tả rõ việc sử dụng các phương giảng dạy, học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng cứng, kỹ năng mềm, nâng cao năng lực tự chủ, trách nhiệm cho NH và khả năng học tập suốt đời. Căn cứ vào nội dung tự đánh giá, tiêu chuẩn 4 có 3/3 tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu: Đánh giá kết quả học tập của NH là công việc quan trọng trong quá trình đào tạo, được thực hiện xuyên suốt từ khi tuyển sinh đầu vào đến khi NH tốt nghiệp. Việc đánh giá kết quả học tập của NH ngành QLVH ở Trường ĐHTTr có các văn bản quy định quy trình và kế hoạch rõ ràng. Các quy trình và tài liệu hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá phù hợp với mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CDR của CTĐT. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá đa dạng, hiện đại, phù hợp với năng lực NH và đáp ứng được những yêu cầu của xã hội trong thời kì đổi mới giáo dục. Kết quả kiểm tra đánh giá được thông báo trực tiếp tới NH, đảm bảo khách quan, minh bạch, đồng thời NH có thể phản hồi kịp thời về kết quả học tập của mình, từ đó có thể chủ động điều chỉnh việc học tập, nghiên cứu một cách hiệu quả. NH có thể chủ động cải thiện kết quả học tập nhờ việc công khai quy trình, phương pháp đánh giá kết quả học tập ngay từ đầu khóa học, mỗi học kỳ và khi bắt đầu từng học phần.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Việc đánh giá kết quả học tập của NH được quy định cụ thể trong từng giai đoạn từ tuyển sinh - đào tạo - tốt nghiệp. Theo đó, Đề án tuyển sinh hàng năm của Nhà trường quy định cụ thể các tiêu chí, phương pháp, ngưỡng ĐBCL đầu vào của từng ngành, trong đó có ngành QLVH [H02.1.002]. Trong quá trình đào tạo, Nhà trường đã ban hành các quy chế đào tạo, trong đó có quy định rõ ràng về việc đánh giá kết quả học tập của NH, theo Quyết định số 667/QĐ-ĐHTTr ngày 25/8/2021 về việc ban hành “*Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Tân Trào*” [H05.1.001], được rà soát, chỉnh sửa, bổ sung theo Quyết định số 129/BC-ĐHTTr ngày 06/3/2023 [H05.1.002] và Quyết định số 456/BC-ĐHTTr ngày 16/5/2024 [H05.1.003] về sửa đổi bổ sung một số điều của “*Quy chế đào tạo Đại học - Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*”. Quy định đánh giá kết quả học tập của NH chỉ rõ phương pháp đánh giá dựa trên các tiêu chí về số tín

chỉ, điểm trung bình chung học kì, khối lượng kiến thức tích lũy và điểm trung bình chung tích lũy được tính từ đầu khoá học cho tới thời điểm kết thúc học phần. CĐR ngành QLVH được công bố từ khi mở ngành với các chuẩn cụ thể về kiến thức, kỹ năng, thái độ của NH đạt được sau khi tốt nghiệp, làm căn cứ để thiết kế CTDH cũng như hoạt động đánh giá NH [H05.1.004]. Các quy định về điểm đánh giá NH đối với từng học phần được nêu cụ thể trong ĐCCT học phần với các nội dung: điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thi kết thúc học phần, cơ cấu điểm, phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá của từng học phần [H02.3.006]. Quy trình đánh giá điểm thi kết thúc học phần được nêu rõ trong Quy định tổ chức thi kết thúc học phần [H05.1.005]. Nhà trường cũng có hệ thống quy trình đánh giá riêng với các học phần đặc thù như: Quy định tổ chức học tập các học phần chuyên môn trên thực tế, thực địa [H05.1.006]; Quy định thực tập đối với khối ngành ngoài sư phạm [H05.1.007]; Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của SV [H05.1.008]; Quy định chế độ khuyến khích đối với SV tham gia thực tập ở nước ngoài [H05.1.009]; Quy định quản lý hoạt động NCKH của Trường ĐHTTr [H05.1.010]. Hệ thống các quy định trên cho thấy Nhà trường đã có các quy trình rõ ràng và đầy đủ về việc đánh giá kết quả học tập của NH.

Trong quá trình xây dựng ĐCCT học phần, Nhà trường giao cho Khoa chuyên môn chủ động trong việc thiết kế các phương pháp/công cụ kiểm tra/đánh giá phù hợp với mục đích/mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CĐR [H05.1.011]. Theo đó, trong mỗi ĐCCT học phần đều xác định rõ các phương pháp/công cụ kiểm tra/đánh giá phù hợp với mục đích/mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CĐR của học phần và của CTĐT [H02.3.006]. Nhà trường quy định rõ việc xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc học phần đảm bảo các mức độ đạt được của CĐR, quy định này cũng được rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và ban hành phù hợp theo từng lần rà soát, chỉnh sửa CĐR của CTĐT [H05.1.012]. Để kiểm soát việc đánh giá kết quả học tập của NH, Nhà trường đã ban hành “Quy trình xây dựng, đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các phương pháp kiểm tra, đánh giá” nhằm đánh giá độ tin cậy, độ chính xác của các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả của NH phù hợp với CĐR của CTĐT [H05.1.013].

Hiện nay, các phương pháp đánh giá của Nhà trường nói chung và của ngành QLVH nói riêng được thiết kế đa dạng và phù hợp với từng loại học phần. Mỗi học phần trong CTĐT ngành QLVH sử dụng một trong các phương pháp đánh giá kết quả

của NH như: tự luận, trắc nghiệm, trắc nghiệm - tự luận, tự luận - thực hành, thực hành, vấn đáp, bài tập lớn, chấm khóa luận, báo cáo thực tập... [H02.3.006]. Trong ĐCCT học phần năm 2024, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế một cách chi tiết. Đối với các điểm thành phần 1, thành phần 2, thành phần 3 đã có thêm các yêu cầu đánh giá để đạt được CĐR. Ví dụ trong ĐCCT học phần Chính sách văn hóa, phương pháp đánh giá kết quả của NH được đánh giá theo thang điểm 10; Điểm thành phần 1 gồm điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia thảo luận, trọng số 10% đạt CĐR thứ 5 của học phần; Điểm thành phần 2 là trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số 30%, đạt CĐR từ chuẩn 1 đến chuẩn 5; Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần trọng số 60% đạt CĐR từ chuẩn 1 đến chuẩn 3. Học phần này sử dụng hình thức thi tự luận, các nội dung trong đề thi tương ứng với nội dung học tập và được chia theo cấp độ nhận thức cụ thể rõ ràng (20% nhận biết, 60% thông hiểu, 15% vận dụng thấp, 5% vận dụng cao) [H05.1.014]. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của NH của ngành QLVH được thiết kế để đạt mức độ đạt CĐR khá đa dạng và phù hợp với đặc thù của từng loại học phần. Tuy nhiên, khi đánh giá kết quả thi học kì, các học phần trong CTĐT sử dụng hai phương pháp kiểm tra đánh giá chính là tự luận và thực hành. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá đa dạng nhưng không đồng đều, hình thức thi trắc nghiệm quá ít, chỉ có 4/70 học phần thi trắc nghiệm, chiếm tỉ lệ 5,71%.

2. Điểm mạnh

Nhà trường quy định cách đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của NH một cách khách quan, có quy trình xây dựng và đánh giá độ tin cậy, độ chính xác của các phương pháp kiểm tra đánh giá.

3. Điểm tồn tại

Phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH ngành QLVH có rất ít học phần sử dụng hình thức thi trắc nghiệm, chủ yếu là hình thức thi tự luận, vấn đáp và thực hành. Điều này sẽ gây khó khăn trong việc ứng dụng CNTT vào công tác kiểm tra, đánh giá.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2025 - 2026, Khoa VHDL chủ trì tổ chức hội thảo khoa học với chủ đề: “Đa dạng hóa các phương pháp kiểm tra, đánh giá NH ngành QLVH để đáp ứng CĐR của CTĐT”.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

1. Mô tả

Nhà trường đã có hệ thống văn bản quy định và hướng dẫn cụ thể về đánh giá kết quả học tập của NH. Cụ thể, đối với tuyển sinh đầu vào Nhà trường sử dụng kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông quốc gia và điểm học tập trung học phổ thông (học bạ) [H02.1.002]. Việc đánh giá trong quá trình học tập tại Trường về hình thức, phương pháp, các tiêu chí đánh giá, trọng số của từng nội dung đánh giá đã được thể hiện rõ trong Quy chế đào tạo và mô tả chi tiết trong ĐCCT học phần [H05.1.001], [H05.1.002] [H05.1.003], [H02.3.006].

Về thời gian: Mức độ chuyên cần được đánh giá trong suốt kỳ học, SV phải tham dự tối thiểu 80% giờ học trên lớp và tích cực tham gia các hoạt động học tại lớp học, tự học ở nhà theo GV yêu cầu; kiểm tra thường xuyên được thực hiện trong quá trình học của học kỳ; kiểm tra cuối kỳ được đánh giá sau 15 tuần học. Thời gian thi hết môn từ 60 - 90 phút tùy theo số tín chỉ và hình thức thi [H02.3.006], [H05.1.001].

Về hình thức, phương pháp đánh giá: SV ngành QLVH được tuyển sinh bằng hình thức xét tuyển dựa trên kết quả thi trung học phổ thông quốc gia hoặc kết quả học tập trung học phổ thông của các môn khối C00; C19; C20; D01 [H02.1.002]. Trong quá trình học tập, NH được đánh giá bằng các phương pháp khác nhau: đánh giá ý thức học tập, điểm danh, bài tập, kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, hoặc kết hợp cả trắc nghiệm và tự luận. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá của từng học phần được xác định phù hợp với CDR. [H02.3.006], [H05.2.001].

Về trọng số: Trọng số tính điểm học phần được quy định trong Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H05.1.001]. Theo đó, ĐCCT mỗi học phần quy định gồm có 3 thành phần điểm: điểm thành phần 1 (điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia thảo luận) chiếm trọng số 10%; điểm thành phần 2 (trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thảo luận, điểm thực hành, điểm tiểu luận) chiếm trọng số 30%; điểm thi kết thúc học phần chiếm trọng số 60% [H02.3.006].

Về tiêu chí đánh giá: Tiêu chí đánh giá được quy định cụ thể trong mục kiểm tra, đánh giá của ĐCCT học phần, trong đó từng điểm thành phần có quy định chi tiết về tiêu chí đánh giá [H02.3.006].

Về nội dung: Nội dung đánh giá được thiết kế phản ánh được nội dung cơ bản của học phần. Các nội dung câu hỏi tương ứng với tín chỉ trong CTĐT [H02.3.006]. Ví dụ đối với học phần Chính sách văn hóa, các câu hỏi thi phải bao gồm các nội dung trong học phần cụ thể như sau: câu 1 tương ứng với tín chỉ 1 (3 điểm); câu 2 tương ứng với tín chỉ 2 (3 điểm); câu 3 tương ứng với tín chỉ 1, tín chỉ 2, tín chỉ 3 (4 điểm). Các nội dung câu hỏi phải đảm bảo các cấp độ nhận thức đó là 20% nhận biết, 60% thông hiểu, 15% vận dụng thấp, 5% vận dụng cao [H05.1.014]. Ngoài ra, Nhà trường ban hành Quy định xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc học phần giúp khoa/bộ môn thực hiện ra đề thi một cách khoa học nhằm đánh giá đúng kết quả học tập của NH [H05.1.012].

Về đánh giá cuối khóa: Nhà trường quy định rõ điều kiện được làm khóa luận tốt nghiệp khi SV tích lũy được ít nhất 70% tín chỉ và có điểm trung bình chung tích lũy tại thời điểm xét $\geq 3,0$ trở lên; SV không được giao làm khóa luận tốt nghiệp phải đăng kí học thêm một số học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp được quy định trong phần tự chọn chuyên ngành hoặc các học phần được quy định trong CTĐT [H05.1.002].

Về điểm khuyến khích: SV tham gia thực tập ở nước ngoài được cộng điểm chuyên cần, điểm giữa kỳ và điểm cuối kỳ tùy thuộc thời gian thực tập ở nước ngoài theo quy định của Nhà trường [H05.1.009]. SV tham gia NCKH được cộng điểm thưởng vào 1 môn học tương ứng vào điểm tổng kết năm học [H05.1.010].

Ngay trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, Nhà trường đã phát cho SV cuốn “Sổ tay SV” trong đó có hướng dẫn quy định về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi-kiểm tra [H05.2.002]. Các quy định về những nội dung này đều được đăng tải công khai trên website của Trường ĐHTTr [H05.2.003]. Trong buổi học đầu tiên của mỗi học phần, GV cung cấp cho SV ĐCCT học phần trong đó các nội dung về hình thức kiểm tra, đánh giá, tiêu chí, trọng số... được thể hiện một cách chi tiết cụ thể [H05.2.004]. Ngoài các phương pháp đánh giá kết quả của NH, các điểm đánh giá ý thức học tập và kiểm tra định kỳ được công bố công khai với SV trước khi kết thúc học phần. Điểm thi cuối kỳ được cập nhật trên cổng thông tin SV; SV được cập nhật thông báo về kết quả đăng ký thi, kế hoạch thi kết thúc học phần, tốt nghiệp từ cổng thông tin điện tử của Trường và Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo (Unisoft) thông qua các mã số của từng SV [H05.2.005]. Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra công bố công khai quy định việc phúc khảo kết quả thi của SV [H05.2.006].

Các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập được phổ biến bằng nhiều hình thức. Thứ nhất, trong buổi sinh hoạt công dân đầu năm học, SV được phổ biến trực tiếp các quy định về kiểm tra, đánh giá, điều kiện thi kết thúc học phần, phương pháp đánh giá, thời lượng thi, trọng số các điểm thành phần... [H05.2.007]; Thứ hai, GV giảng dạy học phần ngay từ buổi học đầu tiên đã phổ biến tới toàn thể SV chương trình học, nội dung kiểm tra đánh giá, hình thức đánh giá, các điểm thành phần kiểm tra, trọng số của điểm thành phần. Trong quá trình giảng dạy và buổi học cuối trước khi thi kết thúc học phần, GV luôn nhắc nhở, phổ biến lại các điểm thành phần để NH luôn nắm rõ và thực hiện [H05.2.008]. Thứ ba, CVHT phổ biến các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập tới SV trước khi vào học và trước khi thi kết thúc học phần [H05.2.009]. Ngoài ra, các GV thực hiện việc phổ biến các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của NH thông qua các phương tiện CNTT như email, nhóm zalo, facebook được lập theo nhóm lớp [H05.2.010]. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của SV ngành QLVH về công tác giảng dạy, kiểm tra đánh giá của GV cho thấy: có 90% ý kiến SV hoàn toàn hài lòng được cung cấp đầy đủ thông tin về hình thức thi, cách tính điểm; 82,5% ý kiến SV hoàn toàn hài lòng về kết quả học tập được đánh giá bằng nhiều hình thức; 72,5% ý kiến SV hoàn toàn hài lòng về các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập và mục tiêu môn học; 80% ý kiến SV hoàn toàn hài lòng về nội dung kiểm tra, đánh giá phù hợp với mục tiêu và CTĐT; 72,5% ý kiến SV hoàn toàn hài lòng về nội dung kiểm tra đánh giá rõ ràng, khách quan; 67,5% ý kiến SV hoàn toàn hài lòng về nội dung kiểm tra đánh giá đã đánh giá được các kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề. Tuy nhiên, còn 12,5% ý kiến NH trả lời là không biết hoặc không ý kiến nội dung kiểm tra đánh giá có đánh giá được kỹ năng thực hành, năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề hay không [H05.2.011].

2. Điểm mạnh

Các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của NH trong CTĐT ngành QLVH rõ ràng, có hệ thống và được công khai và phổ biến tới NH bằng nhiều hình thức.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn nhiều NH trả lời là không biết hoặc không ý kiến về nội dung kiểm tra đánh giá có đánh giá được kỹ năng thực hành, năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề hay không. Việc phổ biến văn bản quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của NH ở một số ít CVHT và GV bộ môn chưa thường xuyên, liên tục.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025 - 2026, Khoa Văn hóa - Du lịch yêu cầu CVHT và GV bộ môn phải phổ biến văn bản, các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của NH thường xuyên, liên tục, bằng nhiều hình thức tại các buổi sinh hoạt lớp định kì, các buổi học bắt đầu và kết thúc mỗi học phần, được thể hiện trong biên bản sinh hoạt lớp, sổ CVHT hay kế hoạch giảng dạy của mỗi GV.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả

Nhà trường đã ban hành Quy trình xây dựng và đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các phương pháp kiểm tra, đánh giá [H05.1.013]. Khoa Văn hóa - Du lịch đã sử dụng kết hợp nhiều phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập khác nhau trong các học phần giảng dạy thuộc ngành QLVH như: tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, trắc nghiệm - tự luận, tự luận - vấn đáp, thực hành, bài tập lớn, báo cáo... Trong tổng số các học phần thuộc CTĐT ngành QLVH được ban hành năm 2024 có 48 học phần sử dụng phương pháp đánh giá tự luận; 36 học phần sử dụng phương pháp thực hành; 17 học phần sử dụng phương pháp vấn đáp; 04 học phần sử dụng phương pháp đánh giá trắc nghiệm; 03 học phần áp dụng phương pháp tự luận - thực hành; 02 học phần sử dụng phương pháp làm bài tập lớn; 03 học phần áp dụng phương pháp báo cáo thực tập, khóa luận tốt nghiệp [H02.1.001(3)], [H02.2.006]. Phương pháp trắc nghiệm được áp dụng cho các học phần Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2, Tiếng Anh 3 và Khởi sự kinh doanh [H05.3.001]. Phương pháp tự luận được áp dụng phổ biến cho các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, các học phần nghiệp vụ chuyên ngành như: Cơ sở văn hóa Việt Nam, Lịch sử văn minh thế giới, Văn hóa dân gian, Khoa học quản lý, Nguyên tắc và Phương pháp NCKH, Tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam, Quản trị dịch vụ văn hóa, Văn hóa gia đình, Văn hóa - Du lịch, Quản lý nguồn nhân lực trong các tổ chức văn hoá nghệ thuật... [H05.3.002]. Hình thức thi vấn đáp được sử dụng phổ biến đối với các học phần cơ sở ngành như: Âm nhạc học đại cương, Âm nhạc truyền thống Việt Nam, Quản lý di sản văn hóa, Quản lý lễ hội và sự kiện, Giáo dục nghệ thuật... [H05.3.003]. Hình thức thi thực hành, vấn đáp/thực hành, tự luận/thực hành được áp dụng rất phổ biến và chủ yếu đối với các học phần chuyên ngành như: Thanh nhạc, Dàn dựng chương trình nghệ thuật tổng hợp, Cơ sở tạo hình,

Đồ họa vi tính, Nhiếp ảnh, Kí - xướng âm, Âm nhạc truyền thống Việt Nam... [H05.3.004]. Phương pháp kiểm tra, đánh giá bằng bài tập lớn cũng được áp dụng cho một số học phần như: Văn hóa kiến trúc, Quản lý mỹ thuật [H05.3.005]. Ngoài ra, các học phần thực tập 1, thực tập 2, khóa luận tốt nghiệp được đánh giá bằng hình thức chấm báo cáo [H05.2.001].

Nhìn chung, các phương pháp tự luận, vấn đáp, thực hành là những phương pháp được sử dụng phổ biến nhất trong CTĐT ngành QLVH. Do đặc thù các phương pháp này thường áp dụng cho các học phần có nhiều bài tập, nhiều sự liên hệ thực tế và rèn luyện các kỹ năng, đòi hỏi NH sự tư duy, sáng tạo. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá được sử dụng phù hợp với từng loại điểm thành phần đảm bảo CĐR của học phần đó. Chẳng hạn như đối với học phần Âm nhạc truyền thống Việt Nam tại mục “13. Đánh giá kết quả học tập của SV” trong ĐCCT học phần quy định thang điểm đánh giá sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần (tiểu mục 13.1). Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm cũng được thể hiện rất rõ ràng (tiểu mục 13.2) [H05.3.004]. Theo đó, điểm thành phần 1 có trọng số 10% (điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia thảo luận) nhằm đáp ứng CĐR 8, điểm thành phần 2 có trọng số 30% (trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thực hành, điểm tiểu luận) nhằm đáp ứng CĐR 1 đến CĐR 7, điểm thành phần 3 có trọng số 60% (điểm thi kết thúc học phần) nhằm đáp ứng CĐR 1 đến CĐR 7.

Các phương pháp kiểm tra đánh giá được sử dụng đảm bảo đo lường được các yêu cầu, CĐR, đảm bảo độ tin cậy và thực hiện đúng theo các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả của NH mà Nhà trường đã ban hành như: Quy định tổ chức thi kết thúc học phần [H05.1.005]; Quy định về việc xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi [H05.3.006]; Quy định xây dựng ngân hàng đề thi và tổ chức thi trắc nghiệm trên máy tính [H05.3.007]. Tuy nhiên, việc ứng dụng CNTT trong kiểm tra, đánh giá NH còn hạn chế. Hàng năm, Nhà trường đã tiến hành các hoạt động đánh giá NH như: Hội nghị sơ kết việc triển khai công tác đào tạo theo tín chỉ, tiến hành đánh giá về tính hiệu quả của CTĐT đang thực hiện [H05.3.008];

Tiến hành khảo sát trung cầu ý kiến phản hồi của NH và cựu NH về kiểm tra, đánh giá. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của SV ngành QLVH về quy trình và phương pháp kiểm tra, đánh giá cho thấy: về tổ chức kiểm tra đánh giá, 72,5% ý kiến SV hoàn toàn hài lòng về việc tổ chức kiểm tra, đánh giá nghiêm túc, khách quan,

công bằng, phù hợp, tránh các hiện tượng tiêu cực; 77,5% ý kiến SV hoàn toàn hài lòng về việc kiểm tra, đánh giá tạo điều kiện cho NH khai thác, vận dụng các kiến thức, kỹ năng liên môn và xuyên môn; 80% ý kiến SV hoàn toàn hài lòng về việc kiểm tra đánh giá hướng đến duy trì sự phấn đấu và tiến bộ của NH và góp phần phát triển động cơ học tập đúng đắn; 92,5% ý kiến SV hoàn toàn hài lòng về việc GV có trả bài, nhận xét và góp ý cho NH; 62,5% ý kiến SV hoàn toàn hài lòng về kết quả kiểm tra, đánh giá được công bố kịp thời. [H05.2.011].

2. Điểm mạnh

Ngành QLVH sử dụng đa dạng các phương pháp kiểm tra, đánh giá khác nhau phù hợp với đặc thù nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực QLVH và đáp ứng CDR của CTĐT, đồng thời xác định được tiêu chí đánh giá rõ ràng của từng nội dung đánh giá.

3. Điểm tồn tại

Việc ứng dụng CNTT trong đánh giá NH còn hạn chế. Hiện mới có một số học phần được áp dụng hình thức thi trắc nghiệm trên máy vi tính.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2025-2026, Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra chủ trì phối hợp với Khoa Văn hóa - Du lịch, các khoa/bộ môn có liên quan, Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp để xây dựng thêm các ngân hàng đề thi và tổ chức thi bằng hình thức ứng dụng CNTT.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải tiến việc học tập

1. Mô tả

Việc phản hồi kết quả đánh giá của NH được thực hiện theo Quy định đào tạo theo hệ thống tín chỉ [H05.1.001], [H05.1.002], [H05.1.003], quy định tổ chức thi kết thúc học phần [H05.1.005]. GV giảng dạy học phần có trách nhiệm kịp thời công khai điểm chuyên cần và điểm kiểm tra định kỳ, SV đủ điều kiện dự thi và SV không đủ điều kiện dự thi cho SV biết ngay sau khi giảng dạy xong học phần. Mọi thắc mắc của SV (nếu có) được GV bộ môn giải đáp thỏa đáng, công khai và kịp thời. Sau khi kết thúc học phần, GV bộ môn gửi báo cáo điểm gồm kết quả học tập, SV đủ điều kiện dự thi và SV không đủ điều kiện dự thi trực tiếp cho Trợ lý khoa [H05.4.001]. Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra có trách nhiệm tổng hợp điểm trung bình chung học

kỳ, trung bình chung tích lũy cho SV, kiểm tra, rà soát điểm học phần, sau đó trích xuất, in và ký bảng điểm gửi về Khoa [H05.4.002]. Kết quả học tập được thông báo đến từng NH thông qua CVHT [H05.4.003] và thông báo đến từng NH thông qua phần mềm quản lý đào tạo Unisoft [H05.4.004], [H05.2.005].

Tất cả các quy định về phản hồi kết quả đánh giá nêu trên đã được Nhà trường công bố công khai, kịp thời đến GV và NH thông qua một số phương thức như: Sổ tay SV [H05.2.002], website Trường ĐHTTr [H05.2.003], sổ kế hoạch giảng dạy và sổ ghi điểm của GV [H05.4.005], phần mềm quản lý đào tạo Unisoft [H05.2.005], tuần sinh hoạt công dân - học sinh, SV [H05.2.007], CVHT [H05.2.009]. Ngoài ra, trợ lý khoa, GV bộ môn và CVHT còn thực hiện việc phổ biến các quy định về phản hồi kết quả đánh giá của NH thông qua các phương tiện CNTT như email, nhóm zalo, facebook được lập theo nhóm lớp [H05.2.010]. Theo quy định, đối với điểm thi kết thúc học phần, việc phản hồi điểm thi của SV tùy thuộc vào từng hình thức đánh giá: Thi trắc nghiệm trên máy SV được biết điểm ngay sau khi nộp bài, thi tự luận thì SV được biết điểm sau 2 tuần. SV được yêu cầu kiểm tra kết quả đánh giá chậm nhất 2 tuần sau khi công bố kết quả thi, nếu có thắc mắc thì đề nghị phúc khảo bài thi theo quy định [H05.1.005].

Công tác chấm thi, công nhận kết quả thi và thông báo kết quả thi của người học được Khoa Văn hóa - Du lịch phản hồi kịp thời đến NH theo đúng các quy định về việc phản hồi đánh giá kết quả học tập của NH của Trường ĐHTTr [H05.1.005]. Điểm đánh giá ý thức học tập/hồ sơ học tập và điểm đánh giá giữa kỳ đã được GV thông báo công khai cho SV ngay khi kết thúc giảng dạy học phần. Điểm thi kết thúc học phần được thông báo công khai cho SV tùy thuộc từng hình thức thi. Đối với bài thi viết, sau 2 ngày kể từ khi có kết quả thi học phần, trợ lý khoa hoàn thành việc nhập điểm thi học phần vào phần mềm quản lý điểm và khóa điểm trên hệ thống. Mỗi SV có thể xem điểm của mình bằng cách truy cập vào phần mềm Unisoft bằng một mã số đã được cấp từ trước [H05.2.005]. Theo thống kê số SV được khảo sát có đến 72,5% ý kiến SV hoàn toàn hài lòng về kết quả thi học phần được công bố tương đối kịp thời [H05.2.011]. Hàng năm, Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra đều thực hiện phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng CB phụ trách theo dõi các hệ đào tạo, một trong các nhiệm vụ cần theo dõi là tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ học lại, thi lại các môn học, học phần, giám sát tiến trình và hiệu quả học tập của NH, đưa ra cảnh báo về tiến trình học tập, nợ môn [H05.4.006].

Điểm đánh giá bộ phận: theo quy định, GV thường xuyên đánh giá và thông báo kết quả bài kiểm tra thường xuyên ngay trong quá trình lên lớp giúp SV biết được tình hình học tập, đánh giá được điểm mạnh, điểm yếu của mình để điều chỉnh phương pháp và kế hoạch học tập cá nhân nhằm đạt kết quả cao nhất cho từng học phần. Tuy nhiên, trong thực tế vẫn còn một số GV chậm công bố điểm đánh giá bộ phận cho SV [H05.4.005], [H05.4.007]. Điểm thi và điểm học phần, SV có thể tiếp cận điểm thi qua phần mềm Unisoft hoặc bảng điểm học kỳ được Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra tổng hợp, ký duyệt và gửi đến CVHT các lớp [H05.2.005]. Điểm thi và điểm học phần giúp xác định SV có phải thi lại hay không. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy: SV có thể tiếp cận thông qua Trợ lý khoa, CVHT [H05.4.003]. Điểm trung bình chung học kỳ giúp xác định SV được học bổng khuyến khích học tập hay không. Điểm trung bình chung tích lũy giúp SV điều chỉnh kế hoạch học tập trong tương lai hoặc có kế hoạch học cải thiện điểm. Thông qua Hệ thống phần mềm quản lý các hệ đào tạo (Unisoft) để NH tra cứu kết quả học tập dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi [H05.2.005]. Từ đó, NH có kế hoạch cải thiện việc học tập cho phù hợp với tiến độ đã đề ra.

2. Điểm mạnh

Kết quả đánh giá của NH được phản hồi kịp thời giúp NH chủ động trong việc cải thiện kết quả học tập của bản thân.

3. Điểm tồn tại

Còn một số ít GV bộ môn công bố điểm bộ phận cho SV chưa kịp thời.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025-2026 trở đi, Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra phối hợp với các Khoa chuyên môn quán triệt quy định của Nhà trường, yêu cầu tất cả GV lên lớp phải thông báo kết quả bài kiểm tra định kỳ, các điểm bộ phận và điều kiện dự thi ngay khi kết thúc giảng dạy học phần.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả

Quy trình khiếu nại về kết quả học tập đã được Trường ĐHTTr hướng dẫn rõ ràng trong các quy định, hướng dẫn của Nhà trường về quy trình khiếu nại/phúc khảo,

kiểm tra kết quả thi của NH [H05.5.001]. Các quy định về quy trình khiếu nại kết quả học tập được thông báo công khai đến SV thông qua nhiều hình thức như: sổ tay SV [H05.2.002], website Trường ĐHTTr [H05.2.003], tuần sinh hoạt công dân - học sinh, SV [H05.2.007], CVHT [H05.4.003]. Theo đó, SV có quyền đề nghị kiểm tra kết quả thi kết thúc học phần trong thời gian quy định. Đơn đề nghị kiểm tra kết quả thi được gửi đến Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra trong vòng 7 ngày kể từ ngày công bố điểm thi. Khi nhận đơn, CB Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra phải mở sổ theo dõi [H05.5.002]. Việc phúc khảo bài thi chỉ áp dụng đối với hình thức thi viết và thi thực hành trên máy tính, không áp dụng đối với hình thức thi vấn đáp. Quy trình chấm lại và công bố kết quả bài thi được thực hiện như quy trình chấm lần đầu. Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra tổng hợp kết quả phúc khảo bài thi của SV [H05.5.001].

Để thuận tiện cho NH trong việc tiếp cận CB liên quan trong quá trình khiếu nại, Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra đã phân công một số chuyên viên phụ trách việc kiểm tra kết quả thi để tiếp nhận, xử lý và phản hồi kết quả tới người có liên quan. Theo thống kê số SV được khảo sát có đến 72,5% SV cho rằng các quy định về phúc khảo, các thông tin đăng ký học lại, học bổ sung dễ dàng tiếp cận [H05.2.011].

Theo thống kê của Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra, tính đến thời điểm hiện tại chưa có bất cứ khiếu nại nào của SV ngành QLVH về kết quả học tập. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của SV ngành QLVH cho thấy 100% SV chưa từng nộp đơn phúc tra, phúc khảo bài thi. Khi được hỏi SV có dễ dàng tiếp cận các quy định phúc khảo, các thông tin đăng ký học lại, học bổ sung khi có nhu cầu thì có tới 72,5% ý kiến trả lời rất dễ tiếp cận, 27,5% ý kiến phản hồi còn phân vân, 0% ý kiến trả lời khó tiếp cận [H05.2.011].

2. Điểm mạnh

SV được phổ biến quy trình khiếu nại kiểm tra kết quả thi nên việc khiếu nại và xử lý khiếu nại của SV về kết quả học tập được tiến hành đúng quy trình, quy định và minh bạch.

3. Điểm tồn tại

Do quy định việc phúc khảo không áp dụng đối với hình thức thi thực hành, vấn đáp, trong khi đây lại là những hình thức thi phổ biến trong CTĐT ngành QLVH nên có phần hạn chế việc khiếu nại, phúc khảo bài thi của SV.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025 - 2026, Khoa Văn hóa - Du lịch rà soát lại các hình thức thi của các học phần, đảm bảo sử dụng cân đối, hài hòa các hình thức thi phù hợp với đặc thù của từng học phần, đồng thời cải tiến theo hướng tăng khả năng giám sát, tính minh bạch, dễ tiếp cận quy trình phúc khảo và ứng dụng CNTT trong kiểm tra, đánh giá.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5: Mặc dù còn một số tồn tại như đã nêu, nhưng nhìn chung việc đánh giá kết quả học tập của NH ở Khoa Văn hóa - Du lịch được thực hiện một cách bài bản, bám sát các hướng dẫn của CTĐT và ĐCCT các học phần, đảm bảo tính rõ ràng, công khai. Khi lựa chọn phương pháp đánh giá kết quả học tập cho các học phần trong CTĐT đã được Khoa xác định phù hợp với mức độ đạt được CDR. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của SV (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo tới SV một cách công khai trên website của Trường, Khoa. Các phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời giúp SV cải thiện việc học tập của mình. Đặc biệt khi SV không thỏa mãn với kết quả của mình sau khi có kết quả điểm thi thì SV có thể phúc khảo bài thi và được tiếp cận dễ dàng với một quy trình phúc khảo bài thi được quy định chặt chẽ và khoa học. Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, Hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành QLVH tự đánh giá tiêu chuẩn 5 có 2/5 tiêu chí đạt 5/7, 3/5 tiêu chí đạt 4/7.

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu: Đội ngũ GV, NCV là lực lượng nòng cốt trong việc thực hiện CTĐT, góp phần vào việc thực hiện sứ mạng, mục tiêu đào tạo của Nhà trường. Ý thức được vai trò, vị trí quan trọng của đội ngũ này đối với việc thực hiện CTĐT, Nhà trường đã luôn quan tâm và tập trung đầu tư đến công tác xây dựng, phát triển đội ngũ GV, NCV từ khâu quy hoạch, tuyển chọn, bổ nhiệm, đến khâu đánh giá năng lực, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng và công nhận... làm cho đội ngũ này ngày càng đông về số lượng, mạnh về chất lượng, đủ sức đáp ứng được nhu cầu đào tạo, NCKH của Nhà trường.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Một trong những mục tiêu quan trọng của Trường ĐHTTr trong Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2018 - 2025 và định hướng đến năm 2030 là xây dựng và phát triển đội ngũ VC có năng lực, trình độ cao về chuyên môn. Chiến lược cũng xây dựng quy hoạch phát triển đội ngũ GV, NCV trong Nhà trường [H06.1.001]. Căn cứ vào Kế hoạch chiến lược phát triển Trường, Khoa Văn hóa - Du lịch đã xây dựng Kế hoạch phát triển Khoa giai đoạn 2018 - 2025, trong đó đề ra mục tiêu phát triển Khoa Văn hóa - Du lịch có đội ngũ nhân lực trình độ chuyên môn cao; khả năng NCKH học tốt; nâng cao chất lượng đào tạo một cách toàn diện nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội và sẵn sàng hội nhập quốc tế [H06.1.002]. Công tác quy hoạch đội ngũ GV của Khoa được thực hiện theo quy định, phù hợp với Điều lệ Trường Đại học, Quy chế tổ chức hoạt động của Trường ĐHTTr, tiêu chuẩn tuyển chọn VC, người lao động và Đề án vị trí việc làm của Trường ĐHTTr [H06.1.003], [H06.1.004].

Khoa Văn hóa - Du lịch đặc xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ GV giai đoạn 2020 - 2025, số GV có trình độ tiến sĩ công tác tại Khoa từ năm 2020 đến 2024, giao động khoảng 16 - 20%, tỷ lệ GV chính khoảng 50%. Trong đó, 100% GV có trình độ Tin học, ngoại ngữ đáp ứng giảng dạy, nghiên cứu và giao tiếp thông thường [H06.1.005]. Để xây dựng và phát triển đội ngũ GV có chất lượng và số lượng hợp lý, Khoa tiến hành thực hiện các giải pháp như: Xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển nhân sự theo chủ trương của Nhà trường; Phát triển đội ngũ GV theo hướng chuyên nghiệp hóa, tham mưu cho Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng phù hợp theo từng năm để đáp ứng với kế hoạch phát triển Nhà trường, đảm bảo sự kế thừa, ổn định và phát triển; đẩy mạnh công tác đào tạo chuẩn hóa đội ngũ, đặc biệt GV và đội ngũ CB trình độ cao; Cải thiện, tạo môi trường làm việc tốt, khuyến khích sự năng động, sáng tạo và hiệu quả gắn với cung cấp dịch vụ, đáp ứng nhu cầu xã hội [H06.1.002]. Bên cạnh đó, GV trong Khoa cũng được động viên, khen thưởng kịp thời trong công tác NCKH theo chế độ của Nhà trường như hỗ trợ kinh phí bài báo quốc tế, hỗ trợ kinh phí cho tác giả có nhiều sản phẩm khoa học được công bố... [H06.1.006].

Tính đến thời điểm tự đánh giá, tổng số GV của Khoa Văn hóa - Du lịch là 14 người, trình độ tiến sĩ là 03 người (chiếm 21,4%); số GV đang làm nghiên cứu sinh là 02 người (14,3 %) số lượng GV chính là 06 người (chiếm tỉ lệ 42,9 %), tổng số GV tham gia giảng dạy ngành QLVH có 51 GV, độ tuổi bình quân của GV cơ hữu là 38,4

tuổi. Kế hoạch và kinh phí đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV được thực hiện theo quy định về việc học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ đội ngũ VC và người lao động của Trường ĐHTTr, Nghị quyết về cơ chế, chính sách thu hút GV có trình độ cao và khuyến khích SV cho Trường ĐHTTr và các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm của Nhà trường [H06.1.007], [H06.1.008], [H06.1.009].

Để đảm bảo về mặt số lượng và chất lượng đội ngũ của Nhà trường, Trường ĐHTTr đã xây dựng Chiến lược phát triển nguồn nhân lực Trường ĐHTTr giai đoạn 2018 - 2025, định hướng đến năm 2030, trong đó có lộ trình đào tạo, sử dụng, tuyển dụng thu hút VC đảm bảo đội ngũ kế cận, đảm bảo cơ cấu độ tuổi dựa trên khối lượng công việc đang thực hiện của GV và CB sắp nghỉ hoặc đã nghỉ hưu [H06.1.010]. Trong giai đoạn 2020 - 2024, Khoa có 14 GV được cử đi đào tạo, bồi dưỡng [H06.1.011]. Tổng số GV tuyển dụng, thu hút trong chu kỳ đánh giá thuộc Khoa Văn hóa - Du lịch như sau: Thu hút GV trình độ tiến sĩ 01 người, xét tuyển đặc cách 01 GV trình độ thạc sĩ, thi tuyển 01 GV trình độ thạc sĩ [H06.1.012].

Công tác quy hoạch CB là GV để bổ nhiệm vào vị trí lãnh đạo Bộ môn, lãnh đạo Khoa, Phòng, Trung tâm được Nhà trường quan tâm và triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Từ năm 2019 đến năm 2024, Nhà trường đã có nhiều đợt triển khai công tác quy hoạch CB. Công tác quy hoạch được thực hiện theo trình tự, thủ tục chặt chẽ. Việc bổ nhiệm lãnh đạo khoa dựa vào tiêu chuẩn chính trị và năng lực công tác. Quy trình bổ nhiệm đều thực hiện công khai, tiêu chí bổ nhiệm rõ ràng và được thực hiện đúng quy định của trường ĐHTTr [H06.1.013], [H06.1.014].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có sự quan tâm và đầu tư đúng mức cho công tác quy hoạch phát triển đội ngũ. Nhà trường có quy định thu hút GV có trình độ cao để phát triển đội ngũ, có điều chỉnh quy định cho phù hợp với tình hình thực tế.

3. Điểm tồn tại

Cơ cấu GV có trình độ tiến sĩ của Khoa Văn hóa - Du lịch chưa cao do biến động về nhân sự.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa sẽ cử GV đi học nghiên cứu sinh, phấn đấu duy trì ổn định tỷ lệ tối thiểu 40% GV có trình độ Tiến sĩ.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Tính đến thời điểm tự đánh giá, tổng số GV của Khoa Văn hóa - Du lịch là 14 người, trình độ TS là 03 người (chiếm 21,4%); số GV đang làm nghiên cứu sinh là 02 người (14,3 %) số lượng GV chính là 06 người (chiếm tỉ lệ 42,9 %), tổng số GV tham gia giảng dạy ngành QLVH có 51 GV, độ tuổi bình quân của GV cơ hữu là 38,4 tuổi, [H06.2.001]. Tỷ lệ GV/SV được quy đổi như sau:

Bảng 6.2.1. Tỷ lệ sinh viên/giảng viên của giai đoạn 2020 - 2024

Năm học	Số lượng giảng viên		Số GV đi học nâng cao trình độ	Số lượng SV ngành QLVH	Tỷ lệ (sinh viên/ giảng viên)
	Tiến sĩ	Thạc sĩ			
2019-2020	1	11	3	7	0,67
2020-2021	2	15	3	10	0,59
2021-2022	1	15	2	13	0,81
2022-2023	3	15	2	15	0,94
2023-2024	3	15	1	20	1,11
2024-2025	3	11	2	47	3,36

Như vậy, tỉ lệ GV và NH về cơ bản là đáp ứng yêu cầu. Tuy nhiên, số lượng SV ngành QLVH năm 2019, 2020, 2021, 2022 còn thấp.

Khối lượng công việc của GV, giờ chuẩn giảng dạy, giờ chuẩn NCKH, giờ chuẩn các hoạt động chuyên môn khác được thực hiện theo Quy định chế độ làm việc của GV; Quy định Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường ĐHTTr [H06.2.002] [H06.1.006]. Đề án vị trí việc làm của trường ĐHTTr cũng xác định khối lượng công việc của GV theo vị trí chức danh cho từng đối tượng lãnh đạo, kiêm nhiệm, công tác Đảng, đoàn thể [H06.1.004].

Trường ĐHTTr đã ban hành quy định về số lượng giờ chuẩn tối thiểu cần đạt về giảng dạy, NCKH, hoạt động chuyên môn khác và quy định hồ sơ chuyên môn [H06.2.003], [H06.2.004]. Quy định về chế độ làm việc của GV đã nêu rõ về thời gian làm việc, giờ chuẩn và định mức giảng dạy, NCKH của GV, cụ thể tổng thời gian làm việc của GV trong năm học là 44 tuần (tương đương 1.760 giờ hành chính) để thực

hiện các nhiệm vụ giảng dạy, NCKH, PVCD và các nhiệm vụ chuyên môn khác. Thời gian giảng dạy một tiết lý thuyết trên lớp hoặc trực tuyến 50 phút được tính bằng 01 giờ chuẩn. Quy định cũng nêu rõ việc quy đổi giờ chuẩn đối với một số hoạt động chuyên môn bao gồm giảng dạy lý thuyết, hướng dẫn thực hành, thực tập, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp, sinh hoạt chuyên môn, CVHT, soạn đề thi, xây dựng ngân hàng đề thi, chấm thi,... Nhà trường có quy định tỷ lệ quy đổi các đề tài NCKH, bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế, kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học, sáng kiến kinh nghiệm các cấp [H06.1.006].

Kết thúc năm học, GV kê khai định mức lao động của GV bao gồm khối lượng giảng dạy, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác để nghiệm thu, bình xét danh hiệu thi đua Bảng kê khai định mức của GV và tổng hợp của Khoa được gửi về phòng Quản lý chất lượng và thanh tra (trước là phòng Khảo thí - ĐBCL) để tổng hợp và tham mưu cho Lãnh đạo trường thành lập Hội đồng nghiệm thu định mức lao động. Kết quả nghiệm thu của Hội đồng cấp trường được thông báo công khai về các đơn vị để thông báo cho GV [H06.2.005]. Để ĐBCL hoạt động giảng dạy và các hoạt động chuyên môn khác, trong năm học, Khoa xây dựng Kế hoạch công tác năm học, trong đó xác định cụ thể các nhiệm vụ thực hiện trong năm về công tác giảng dạy, NCKH, sinh hoạt chuyên môn,... [H06.2.006].

Vào cuối mỗi năm học, các GV đều thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và xác định kế hoạch trong năm học tới thông qua Bản tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học. Việc đánh giá được thực hiện theo quy trình và có sự đánh giá của lãnh đạo Bộ môn, lãnh đạo Khoa. Căn cứ chức năng nhiệm vụ theo chức danh, căn cứ nhiệm vụ được giao, cá nhân tự đánh giá khối lượng, chất lượng công việc và mức độ hoàn thành, bộ môn đánh giá, lãnh đạo khoa đánh giá, cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua, làm căn cứ để xét duyệt các danh hiệu thi đua và phân loại VC hàng năm [H06.2.007], [H06.2.008], [H06.2.009].

Việc làm thường niên này không chỉ giúp từng GV đánh giá được năng lực thực hiện nhiệm vụ của mình, từ đó đề xuất các giải pháp tự học tập nâng cao trình độ; mà còn giúp các cấp quản lý có được cái nhìn tổng quan về tình hình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy trong Khoa, từ đó có định hướng chiến lược thích hợp

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ GV/SV đáp ứng tốt yêu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD.

3. Điểm tồn tại

Số lượng SV tuyển sinh các năm 2019, 2020, 2021, 2022 còn thấp.

4. Kế hoạch hành động:

Tích cực thực hiện công tác truyền thông tuyển sinh cho ngành QLVH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV để bổ nhiệm, điều chuyển thực hiện theo Quyết định số 1301/QĐ-ĐHTTr ngày 15/10/2016 về việc ban hành Quy định về tuyển dụng VC của Trường ĐHTTr [H06.3.001]. Việc tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) được thực hiện theo yêu cầu công việc của Khoa, dựa trên các tiêu chí theo quy định của Nhà trường. Các tiêu chí tuyển dụng gồm: 1) Có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt; 2) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. Có bằng thạc sĩ trở lên đối với GV giảng dạy các môn lý thuyết của CTĐT đại học; có bằng tiến sĩ đối với GV giảng dạy và hướng dẫn chuyên đề, luận văn, luận án trong các CTĐT thạc sĩ, tiến sĩ; 3) Có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc; 4) Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; 5) Lý lịch bản thân rõ ràng.

Việc tuyển dụng và lựa chọn GV cho Khoa Văn hóa - Du lịch còn thực hiện theo các văn bản sau: Quy chế tổ chức hoạt động của Trường ĐHTTr năm 2019 ban hành kèm theo Quyết định số 25/QĐ-HT ngày 06/01/2019; Quy chế tổ chức hoạt động của Trường ĐHTTr năm 2022 ban hành kèm theo Nghị quyết số 361/NQ-HĐTDHTTr ngày 29/4/2022 [H06.3.002]. Quyết định số 37/QĐ-ĐHTTr ngày 10/01/2019 về việc phê duyệt bản mô tả công việc, khung năng lực vị trí việc làm của Trường ĐHTTr [H06.3.003]. Đề án vị trí việc làm ban hành kèm theo Nghị quyết số 734/NQ-HĐTDHTTr ngày 24/7/2024. Tuy nhiên Nhà trường chưa có quy trình về việc thi tuyển lãnh đạo cấp khoa [H06.3.004].

Trong thông báo tuyển dụng hàng năm của Trường ĐHTTr có ghi chi tiết về tiêu chuẩn đối với các ứng viên ở Thông báo số 13/TB-ĐHTTr ngày 15/01/2020 về Kế hoạch tuyển dụng VC năm 2019; Thông báo số 35/TB-ĐHTTr ngày 26/5/2023 về Kế

hoạch tuyển dụng VC năm 2023; Thông báo số 37/TB-ĐHTTr ngày 26/4/2024 về Kế hoạch tuyển dụng VC năm 2024 [H06.3.005], Các tiêu chí tuyển dụng GV được quy định chi tiết về đạo đức và năng lực học thuật tại các Thông báo tuyển dụng hàng năm. Các tiêu chí để lựa chọn bổ nhiệm, điều chuyển GV của Trường được thực hiện theo Quyết định số 496/QĐ-ĐHTTr ngày 16/03/2015 về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm VC quản lý các đơn vị trực thuộc Trường ĐHTTr và Quy hoạch CB từng năm [H06.3.006].

Các văn bản tuyển dụng và lựa chọn GV, được phổ biến công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng thông qua đường link website của Trường ĐHTTr để đăng các văn bản; Báo Tuyên Quang đăng thông báo tuyển dụng; Đường link Website Cổng thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang đăng thông tin tuyển dụng [H06.3.007].

Quy trình tuyển dụng GV gồm các bước: **Bước 1:** Trường ĐHTTr thành lập Hội đồng tuyển dụng; **Bước 2:** Tổ chức thi giảng; **Bước 3:** Tổ chức phỏng vấn; **Bước 4:** Quyết định tuyển dụng. Sau khi có quyết định tuyển dụng, các GV mới đều phải tham gia dự giờ chuyên môn, biên soạn và trình bày đề cương bài giảng để Bộ môn phê duyệt; lên lớp thử tại Bộ môn để được góp ý, điều chỉnh trước khi được lên lớp chính thức. Trong 1 năm thử việc, GV mới thường được Khoa phân công một GV có kinh nghiệm hướng dẫn, theo dõi, giúp đỡ [H06.3.008].

2. Điểm mạnh

Quy trình về việc tuyển dụng và lựa chọn GV được xây dựng theo các tiêu chí chặt chẽ và phổ biến công khai.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa có quy trình về việc thi tuyển lãnh đạo cấp khoa.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025-2026 Nhà trường xây dựng quy trình về việc thi tuyển lãnh đạo cấp Khoa.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả

Căn cứ vào đề án vị trí việc làm, văn bản phê duyệt bản mô tả công việc, khung năng lực vị trí việc làm kèm theo Quyết định số 37/QĐ-ĐHTT ngày 10/01/2019 [H06.4.001], Đề án vị trí việc làm ban hành kèm theo Nghị quyết số 734/NQ-

HĐTDHTTr ngày 24/7/2024. Tuy nhiên, Nhà trường chưa có quy trình về việc thi tuyển lãnh đạo cấp khoa [H06.4.002]. Năng lực của đội ngũ GV còn được xác định trong Quy định về chế độ làm việc của GV tại các Quyết định số 1017/QĐ-ĐHTTr ngày 26/9/2024 [H06.4.003], Quy định về công tác CVHT tại các Quyết định số 869/QĐ-ĐHTTr ngày 25/9/2020 [H06.4.004]. Trên cơ sở đó Nhà trường có văn bản quy định và hướng dẫn cụ thể về tiêu chí đánh giá, phân loại làm căn cứ xét danh hiệu thi đua khen thưởng hoặc rút kinh nghiệm đối với GV hàng năm [H06.4.005], [H06.4.006].

Nhà trường có quy định rõ ràng về năng lực chuyên môn của GV như: năng lực giảng dạy; năng lực NCKH; năng lực tư vấn và năng lực kết nối các bên liên quan; năng lực tự giám sát và đánh giá chất lượng của GV. Cụ thể, đối với năng lực giảng dạy và NCKH được quy định trong các văn bản về hồ sơ chuyên môn; Quy chế hoạt động khoa học công nghệ; các sản phẩm khoa học được công bố; phiếu đánh giá giờ dạy và phiếu phản hồi của NH về hoạt động dạy học của GV [H06.4.007], [H06.4.008], [H06.4.009], [H06.4.010], [H06.4.011]. Đối với năng lực tư vấn và kết nối các bên liên quan được thực hiện theo văn bản quy định về công tác CVHT và các hoạt động đào tạo để nâng cao năng lực chuyên môn và tạo môi trường học tập cho SV. Năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc của GV được thực hiện tốt (GV tự đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy, NCKH cũng như việc chấp hành chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của cơ quan, đơn vị) [H06.4.012]. Tuy nhiên, năng lực kết nối các bên liên quan của đội ngũ GV chưa thực hiện thường xuyên.

Nhà trường ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể về phương thức, quy trình và biểu mẫu đánh giá năng lực của GV [H06.4.006]. Việc đánh giá được thực hiện 02 lần/năm vào cuối năm học (tháng 7) và cuối năm (tháng 12). Bộ phận Tổ chức của Văn phòng (trước tháng 5 năm 2024 là Phòng Tổ chức - Chính trị) làm đầu mối triển khai, hướng dẫn các đơn vị. Trình tự đánh giá GV được thực hiện như sau: GV tự đánh giá, NH đánh giá, đơn vị quản lý đánh giá. Kết quả đánh giá, phân loại, bình xét GV được gửi về bộ phận Tổ chức thuộc Văn phòng tổng hợp để trình Hội đồng Thi đua khen thưởng Nhà trường xét duyệt [H06.4.013]. Giai đoạn 2020 - 2024, kết quả đánh giá năng lực hàng năm của GV Khoa Văn hóa - Du lịch cho thấy trên 90% GV đạt các danh hiệu thi đua Lao động tiên tiến trở lên (những GV không đạt danh hiệu thi đua là do đang trong độ tuổi đi học nâng cao trình độ nhưng chưa đi học) [H06.4.014], 100%

GV hoàn thành tốt nhiệm vụ [H06.4.015]. Năng lực của đội ngũ GV được đánh giá theo đúng quy định, đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Trên cơ sở đó, GV không ngừng điều chỉnh về năng lực giảng dạy và NCKH; các cấp quản lý có cơ sở xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển đội ngũ phù hợp [H06.4.016], [H06.4.017], [H06.4.018].

2. Điểm mạnh

Hoạt động giảng dạy và NCKH của GV trong Khoa được đánh giá thường xuyên và tạo động lực cho sự phát triển của đơn vị.

3. Điểm tồn tại

Năng lực kết nối các bên liên quan của đội ngũ GV chưa thường xuyên, liên tục.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025 - 2026, Nhà trường và Khoa xây dựng kế hoạch tổ chức các cuộc hội thảo chuyên môn để GV mở rộng khả năng kết nối với các nhà khoa học, các đơn vị tuyển dụng, các chuyên gia trong lĩnh vực đào tạo về QLVH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả

Để triển khai mục tiêu phát triển nguồn nhân lực, hàng năm, căn cứ kế hoạch Nhà trường, Khoa Văn hóa - Du lịch đã tổ chức khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ GV từ năm 2020 - 2024 [H06.5.001], [H06.5.002], kết quả như sau:

Bảng 6.5.1. Trình độ của giảng viên giai đoạn 2020 - 2024

Năm học	Tổng số GV	Trình độ của GV			
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đang NCS	Ghi chú
2019-2020	12	1	11	3	
2020-2021	17	2	15	3	
2021-2022	16	1	15	2	
2022-2023	18	3	15	2	
2023-2024	18	3	15	1	
2024-2025	14	3	11	2	

Năm 2024, Khoa Văn hóa - Du lịch có tổng số GV của Khoa Văn hóa - Du lịch là 14 người, trình độ tiến sĩ là 03 người (chiếm 21,4%); số GV đang làm nghiên cứu sinh là 02 người (14,3 %) số lượng GV chính là 06 người (chiếm tỉ lệ 42,9 %). Căn cứ số lượng SV ngành QLVH, số lượng đội ngũ GV được đào tạo bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng việc thực hiện giảng dạy CTĐT [H06.5.003], [H06.5.004].

Bên cạnh các CTĐT, bồi dưỡng chung của Nhà trường, để đáp ứng theo yêu cầu giảng dạy ngày càng cao của CTĐT ngành QLVH, Hàng năm Khoa đã xây dựng kế hoạch bồi dưỡng phát triển chuyên môn cho đội ngũ GV như xây dựng kế hoạch cho GV tham gia các đợt khảo sát thực tế tại các tỉnh, các khóa học tập kinh nghiệm trải nghiệm thực tế chuyên môn tại các trường đại học trong và ngoài nước các năm từ 2020 đến 2024, các khóa học nâng cao năng lực ngoại ngữ, trình độ lý luận chính trị [H06.5.005].

Trong vòng 5 năm của chu kì kiểm định chất lượng giáo dục kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV trong Khoa được triển khai thực hiện. Đối với việc phát triển đội ngũ đạt chuẩn học vị, GV giảng dạy trong Khoa đã có 03 người bảo vệ thành công luận án tiến sĩ, 02 GV đang làm nghiên cứu sinh ở trong nước và sẽ bảo vệ luận án tiến sĩ trong năm 2028 nâng tổng số GV có trình độ tiến sĩ là 5 GV [H06.5.006].

Số GV trong Khoa có nhu cầu được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của Trường ngày càng tăng cao. Cụ thể, trong giai đoạn 2020 - 2024 GV được tham gia các lớp bồi dưỡng: GV chính (06 GV), bồi dưỡng chính trị trình độ trung cấp (3 GV), cao cấp (01 GV), bồi dưỡng lãnh đạo cấp khoa phòng theo đúng đối tượng (01 GV), lớp cử nhân văn bằng 2 tiếng Anh (07 GV), nghiên cứu sinh (04 GV) và 100% GV thường xuyên được tham gia các đợt tập huấn năng lực phát triển chương trình, năng lực NCKH. Tuy nhiên, Khoa vẫn còn có một số GV trong độ tuổi đi học Nghiên cứu sinh chưa sắp xếp công việc cá nhân để đi học.

Hàng năm, bộ phận Tổ chức thuộc Văn phòng được giao nhiệm vụ theo dõi, giám sát kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của CBGV và người lao động của các đơn vị, tổng hợp trình Ban Giám hiệu [H06.5.009]. Căn cứ vào báo cáo việc thực hiện kế hoạch đào tạo bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV trong Khoa, Văn phòng tổng hợp trong báo cáo tổng kết thực hiện nhiệm vụ của Nhà trường theo từng năm [H06.5.010], [H06.5.011]. Kết quả giám sát đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của GV là tiêu chí để Khoa xét danh hiệu thi đua

trong năm học. Trong đó, kết quả hoàn thành định mức giảng dạy CTĐT ngành QLVH, định mức NCKH của GV và việc tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của tất cả GV được Lãnh đạo Khoa giám sát và đánh giá phân loại chất lượng GV hàng năm, từ đó, Khoa lên kế hoạch hoạt động cho phù hợp [H06.4.012].

2. Điểm mạnh

Khoa đã thực hiện tốt kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho GV

3. Điểm tồn tại

Một số GV chưa chủ động trong việc học tập nâng cao trình độ.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2024 - 2025, Nhà trường và Khoa tạo điều kiện để GV trong độ tuổi ký cam kết đi học nghiên cứu sinh.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Nhà trường quy định cụ thể về khối lượng công việc (giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác) đối với GV theo từng chức danh [H06.6.001]. Hàng năm, trên cơ sở kế hoạch năm học của Trường trong các lĩnh vực đào tạo, NCKH, PVCĐ, Khoa Văn hoá - Du lịch ban hành kế hoạch công tác cụ thể đối với đơn vị gồm: kế hoạch giảng dạy, kế hoạch sinh hoạt chuyên môn, kế hoạch về NCKH và các hoạt động chuyên môn khác để phục vụ hoạt động đào tạo ngành QLVH [H06.6.002], [H06.6.003], [H06.6.004], [H06.6.005], [H06.6.006], [H06.6.007]. Căn cứ vào kế hoạch năm học của Khoa, GV của Khoa xây dựng kế hoạch giảng dạy cho từng học phần, triển khai hoạt động NCKH đã đăng ký, thực hiện báo cáo tiến độ theo kế hoạch và các hoạt động chuyên môn khác [H06.6.008], [H06.6.009].

Quá trình thực hiện nhiệm vụ năm học, Trưởng bộ môn giúp Trưởng khoa tổ chức quản lý, giám sát GV theo kế hoạch đã thống nhất, đồng thời triển khai các hoạt động mới phát sinh khác, nhất là hoạt động PVCĐ [H06.6.010], [H06.6.011]. [H06.6.012], [H06.6.013]. Kết thúc năm học, GV thống kê khối lượng công việc của cá nhân theo thực tế thực hiện về các hoạt động giảng dạy, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác như: CVHT, dự giờ đồng nghiệp, tham gia công tác tuyển sinh, công

tác đoàn thể, hướng dẫn SV NCKH... gửi báo cáo về Khoa. Khoa tiến hành họp đề nghị thu khối lượng công việc thực tế của GV, sau đó gửi kết quả về Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra để tổng hợp, báo cáo Hội đồng nghiệm thu định mức lao động của GV, đồng thời làm cơ sở đánh giá GV trong năm học [H06.6.014], [H06.6.015], [H06.6.016], [H06.6.017].

Nhà trường đã ban hành các quy định về công tác thi đua khen thưởng, đánh giá, phân loại CBVC, người lao động gồm: Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng VC, người lao động; Quy định thi đua, khen thưởng; Quy chế chi tiêu nội bộ. Trong các văn bản quy định rất cụ thể về tiêu chí đánh giá VC, người lao động, các phiếu đánh giá tập thể, cá nhân hàng tháng, năm học hoặc theo năm bằng với quy định và thang điểm, tiêu chí rõ ràng [H06.6.018], [H06.6.019], [H06.6.020]. Hàng tháng, GV được đánh giá xếp loại A, B, C, D. Phiếu đánh giá, xếp loại CBVC có thang điểm 100, đối với GV trực tiếp giảng dạy được đánh giá theo 14 tiêu chí. Quy định tiêu chí xếp công A (từ 80 điểm trở lên), tiêu chí xếp công B (từ 60 đến <80 điểm), tiêu chí xếp công C (từ 50 đến <60 điểm, không xét (dưới 50 điểm). Cuối năm dương lịch và cuối năm học Văn phòng tổng hợp kết quả bình xét GV của các đơn vị, trình Hội đồng Thi đua - khen thưởng Nhà trường họp xét và ra quyết định thi đua khen thưởng đối với đội ngũ GV, đồng thời làm căn cứ chi tăng thu nhập cho GV. [H06.6.021], [H06.6.022].

Trong giai đoạn 2020 - 2024, 100% GV trong Khoa hoàn thành nhiệm vụ trở lên, nhiều GV của Khoa đã được biểu dương, khen thưởng vì có thành tích cao trong công tác giảng dạy, NCKH và các hoạt động PVCĐ như Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, lao động tiên tiến, được nâng ngạch từ ngạch GV lên GV chính (7GV).... Khoa Văn hoá - Du lịch nhiều năm đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến. Việc đánh giá, khen thưởng kịp thời, công khai, minh bạch đã khuyến khích, tạo động lực cho GV trong Khoa phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, nâng cao năng lực, uy tín của cá nhân GV [H06.6.023], [H06.6.024], [H06.6.025], [H06.6.026], [H06.6.027].

GV của Khoa Văn hoá - Du lịch đồng tình và hài lòng với các quy định của Trường về quản trị theo kết quả công việc thông qua việc góp ý vào các bản dự thảo các quy định về định mức lao động, thi đua khen thưởng, đánh giá VC, các chính sách thúc đẩy GV phát triển chuyên môn.... [H06.6.028], [H06.6.029]. GV còn đóng góp ý kiến, nêu đề xuất với Nhà trường về công tác quản trị kết quả công việc tại Hội nghị CB, VC, lao động hàng năm [H06.6.030]. Công tác thi đua khen thưởng đã động viên

khuyến khích GV tích cực tham gia hoạt động nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và PVCD, đóng góp vào sự phát triển chung của Khoa và Nhà trường. Tuy nhiên, Khoa Văn hoá - du lịch chưa có kế hoạch, hình thức khen thưởng cụ thể đối với GV của Khoa đạt thành tích xuất sắc trong công việc.

2. Điểm mạnh

Việc quản trị các hoạt động giảng dạy và NCKH đối với GV được thực hiện hiệu quả.

3. Điểm tồn tại

Khoa Văn hoá - Du lịch chưa có kế hoạch, hình thức khen thưởng cụ thể đối với GV của Khoa đạt thành tích xuất sắc trong công việc

4. Kế hoạch hành động

Năm 2025, Khoa Văn hoá - Du lịch xây dựng kế hoạch riêng của khoa về công tác thi đua khen thưởng giai đoạn 2025 - 2030 (định hướng mục tiêu đối với từng GV).

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Loại hình và số lượng sản phẩm NCKH của đội ngũ GV, NCV Trường ĐHTTr được thể hiện trong Quy định Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ Trường ĐHTTr. Loại hình NCKH bao gồm: Tham gia các chương trình, đề án, dự án, đề tài KHCN; viết giáo trình, tài liệu khoa học, sách chuyên khảo; viết bài báo đăng trên các tạp chí khoa học, báo cáo đăng trên kỷ yếu hội thảo khoa học, báo cáo chuyên đề khoa học; biên dịch ấn phẩm khoa học; tư vấn, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ, kinh tế, xã hội thuộc lĩnh vực chuyên môn của CBGV; tham gia các cuộc thi sáng tạo khoa học - kỹ thuật, hướng dẫn SV NCKH... [H06.7.001]. Khối lượng nghiên cứu của đội ngũ GV được quy định trong Quy định quản lý hoạt động khoa học công nghệ (Điều 5) và Quy định chế độ làm việc của GV Trường ĐHTTr (Điều 2). Theo đó GV phải dành ít nhất 1/3 tổng quỹ thời gian làm việc trong năm học (tương đương 586 giờ hành chính) để làm nhiệm vụ NCKH. Định mức giờ chuẩn NCKH đối với các chức danh GV được quy định cụ thể như sau: GV cao cấp: 310 giờ; GV chính: 225; GV: 195. Kết quả NCKH của GV được quy đổi ra giờ chuẩn làm căn cứ thực hiện đánh giá, đối sánh,

xếp loại thi đua và giải quyết các chế độ, chính sách liên quan; Nhà trường cho phép GV bù giờ chuẩn giảng dạy sang giờ NCKH [H6.6.001].

Hoạt động NCKH của GV được tổ chức thực hiện và giám sát như sau: Đầu năm học, Phòng Quản lý khoa học và HTQT tham mưu cho Nhà trường kế hoạch triển khai các nhiệm vụ NCKH tới các đơn vị trực thuộc Nhà trường [H06.6.003]. Khoa triển khai kế hoạch tới toàn thể GV, mỗi GV đăng ký nhiệm vụ NCKH của năm học đảm bảo thực hiện đủ khối lượng NCKH theo đúng quy trình, quy định của Nhà trường [H06.6.008]. Phòng Quản lý khoa học và HTQT có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát chất lượng, tiến độ việc thực hiện nhiệm vụ khoa học của GV và tham mưu thành lập các tiểu ban, hội đồng nghiệm thu, đánh giá sản phẩm NCKH [H06.7.002], [H06.7.003]. Kết quả NCKH của GV được ghi nhận bằng kết quả nghiệm thu, đánh giá chất lượng các sản phẩm khoa học các tiểu ban/hội đồng đánh giá và của Khoa trên cơ sở định lượng rõ ràng [H6.7.004]. Kết quả đánh giá được qui đổi ra giờ chuẩn, đối chiếu với định mức giờ chuẩn theo quy định để xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ NCKH và xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng, trong chu kỳ đánh giá, 100% GV trong Khoa hoàn thành đủ và vượt định mức NCKH [H06.7.005], [H06.6.017]. Cơ sở dữ liệu về loại hình và khối lượng nghiên cứu của CBGV được lưu giữ và cập nhật hàng năm tại Quản lý khoa học và HTQT, Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp của Trường. Danh sách sản phẩm khoa học được thông báo công khai đến từng đơn vị và CB, GV và được cập nhật thường xuyên trên website của Nhà trường [H06.7.006]. Trong giai đoạn 2020 - 2024 các GV giảng dạy CTĐT ngành QLVH có số công trình NCKH cụ thể như sau:

Bảng 6.7.1. Sản phẩm NCKH của GV giảng dạy CTĐT ngành QLVH

Năm	Đề tài NCKH	Tạp chí		Sách chuyên khảo/Giáo trình/Tài liệu tham khảo	Hội thảo		Tập huấn	Sáng kiến kinh nghiệm	
		Trong nước	Quốc tế		Trong nước	Quốc tế		Cấp cơ sở	cấp tỉnh
2019		13			1	2			
2020		14		3	2	2	1		
2021	2	26	1	1	2				

2022	1	19		7	4		1		
2023	3	19	5	3	1		1	2	
2024	4	12	3	2	1				2
Tổng	10	103	9	16	11	4	3	2	2

Kết quả trên cho thấy GV giảng dạy của ngành QLVH đã tích cực đa dạng hoá hình thức và khối lượng sản phẩm NCKH. Hình thức viết báo trong nước, báo quốc tế được quan tâm thực hiện nhiều hơn, trong đó đã có bài báo thuộc danh mục ISI và SCOPUS (02 bài). Viết giáo trình, tài liệu tham khảo cũng được thực hiện khá tốt nhằm có tài liệu phù hợp cho công tác đào tạo của Trường. Đặc biệt, hoạt động tập huấn cho người dân ở các địa phương trong tỉnh về văn hoá, du lịch là một điểm sáng trong việc đem kiến thức, kinh nghiệm của GV đóng góp cho sự phát triển kinh tế, xã hội địa phương (Mặc dù hoạt động này chưa được nhà trường công nhận là một trong các hình thức NCKH của GV).

Bảng 6.7.2. Đối sánh sản phẩm khoa học của GV Khoa Văn hoá - Du lịch với các khoa khác của trường Đại học Tân Trào, năm học 2022 - 2023

Khoa	Đề tài NCKH cấp Trường	Giáo trình/ TLTK	Bài báo ISI, Scopus	Bài báo khoa học đăng tạp chí/kỷ yếu hội thảo trong nước	Bài báo khoa học đăng tạp chí/kỷ yếu hội thảo nước ngoài	Sáng kiến kinh nghiệm
Khoa Văn hóa - Du lịch	2	5	2	35	4	1
Kinh tế và Quản trị kinh doanh	4	2		15	6	
Nông lâm ngư nghiệp	5	1		9	0	
Chính trị và Tâm lý giáo dục	2	2		39	5	1
Y - Dược	5	1	1	14	2	1

Nhằm đánh giá đúng thực trạng hoạt động NCKH của GV, Khoa Văn hoá - Du lịch đã thực hiện đối sánh về loại hình, số lượng các sản phẩm NCKH của CBGV trong nội bộ Trường và nghiên cứu đối sánh giữa Trường ĐHTTr với một số trường đại học trong nước và quốc tế. Kết quả đối sánh nội bộ ở *Bảng 6.7.2* cho thấy GV của

Khoa Văn hoá - Du lịch có hoạt động nghiên cứu đa dạng, với nhiều hình thức khác nhau, là một trong số ít đơn vị của Trường có đủ các hình thức NCKH. Kết quả đối sánh cấp trường cho thấy Trường ĐHTTr có tỷ số xếp thứ hai đối với các trường Đại học Hùng Vương và Trường Đại học Hạ Long, có thể nói Trường ĐHTTr có tỷ số khá tốt, tỷ số như vậy là một kết quả thành công của đội ngũ CBGV của Trường trong đó có GV Khoa Văn hoá - Du lịch. Tuy nhiên kết quả đối sánh với các trường quốc tế cho thấy Trường ĐHTTr có tỷ số thấp nhất về số lượng bài báo ISI, Scopus và các chỉ số khác [H06.7.007].

Phòng Quản lý khoa học và HTQT được giao nhiệm vụ thực hiện việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về loại hình, số lượng và chất lượng hoạt động NCKH của CBGV. Kết quả khảo sát trong giai đoạn 2020 - 2024 cho thấy tỷ lệ CB,GV hài lòng với công tác quản lý hoạt động khoa học công nghệ đạt từ 88,6% trở lên [H06.7.008].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các văn bản quy định rõ ràng về loại hình và số lượng sản phẩm NCKH của GV.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động tập huấn, đào tạo cho NH ngoài trường gắn với chuyên môn, nghiệp vụ của GV chưa được Trường ghi nhận là một nội dung hoạt động KHCN và được nghiệm thu, quy đổi thành giờ chuẩn.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2025, Khoa nghiên cứu và đề xuất với Nhà trường bổ sung nội dung, quy đổi thành định mức giờ chuẩn đối với hoạt động tập huấn, đào tạo ngoài trường (mang tính chất PVCD).

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 6: Công tác xây dựng và phát triển đội ngũ GV được Khoa Văn hóa - Du lịch chủ động thực hiện. Nhà trường đã ban hành các quy định rõ ràng, có lộ trình quy hoạch, thu hút, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ GV, đặc biệt chú trọng thu hút GV có trình độ cao nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH. Các quy trình tuyển dụng, đánh giá GV được thực hiện công khai, minh bạch. Tuy nhiên, cơ cấu GV có trình độ tiến sĩ còn chưa cao, một số GV chưa thực sự chủ động trong việc nâng cao trình độ chuyên môn, chưa phát huy mạnh mẽ vai trò kết nối với các bên liên

quan... Trước những thực trạng trên, Nhà trường và Khoa đã xây dựng các kế hoạch hành động cụ thể, góp phần khắc phục những hạn chế còn tồn tại, từng bước xây dựng đội ngũ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Căn cứ vào nội dung tự đánh giá, tiêu chuẩn 6 có 7/7 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Mở đầu: Trường ĐHTTr thực hiện việc quy hoạch đội ngũ nhân viên đảm bảo đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD. Tiêu chuẩn tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng và phổ biến công khai. Định kỳ Nhà trường thực hiện việc rà soát nhu cầu về đào tạo và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên để có hình thức khen thưởng phù hợp, tạo động lực và hỗ trợ cho nhân viên góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Chiến lược phát triển ĐHTTr giai đoạn 2018 - 2025, định hướng đến năm 2030 được ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐT ngày 21/12/2018 của Hội đồng trường đã đánh giá toàn bộ thực trạng về nguồn nhân lực cũng như kết quả hoạt động trên các lĩnh vực của Trường. Trên cơ sở đó, Chiến lược đã xác định mục tiêu cụ thể về phát triển đội ngũ nhân viên của Trường [H07.1.001]. Sau 5 năm triển khai thực hiện chiến lược, Nhà trường đã rà soát, đánh giá lại chiến lược và ban hành Chiến lược phát triển Trường ĐHTTr giai đoạn 2018 - 2025, định hướng năm 2030 (chỉnh sửa, bổ sung) trong đó có Chiến lược phát triển đội ngũ và tổ chức bộ máy, cụ thể: Nhà trường điều chỉnh, bổ sung mục tiêu cụ thể của Chiến lược phát triển đội ngũ, định hướng phát triển nguồn nhân lực trong giai đoạn tiếp theo, cơ cấu đội ngũ nói chung và đội ngũ nhân viên nói riêng. Chiến lược đã được Hội đồng trường phê duyệt ban hành [H07.1.002].

Văn phòng là đơn vị được giao tham mưu về công tác tuyển dụng, sử dụng, quản lý VC và người lao động. Hằng năm, Văn phòng gửi văn bản tới các đơn vị hướng dẫn việc xác định nhu cầu về đội ngũ nhân viên, chuyên viên, NCV, kỹ thuật

viên làm việc tại các phòng chức năng, thư viện, phòng thực hành, trung tâm... [H07.1.003]. Các đơn vị hợp để xác định số lượng nhân viên, chuyên viên đơn vị và gửi về Văn phòng tổng hợp [H07.1.004].

Chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên của Trường được thể hiện rõ trong Quy chế chi tiêu nội bộ, định kỳ có điều chỉnh, bổ sung [H07.1.005]. Quy chế đã quy định chính sách về tiền lương và các chế độ khác nhân viên được hưởng như: chi chế độ làm thêm giờ cho nhân viên khi thực hiện công việc đặc thù hoặc đột xuất của Nhà trường mà không thể hoàn thành trong thời gian làm việc chính thức thì Trường các đơn vị có trách nhiệm đề nghị thanh toán tiền làm thêm giờ; chi hỗ trợ thu nhập tăng thêm cho CB, GV trong biên chế làm công tác hành chính tại các đơn vị không có phụ cấp đứng lớp: 800.000 đồng/tháng; chi hỗ trợ thu nhập tăng thêm cho nhân viên kỹ thuật trực tiếp làm việc tại phòng nuôi cấy mô: 800.000 đồng/tháng; nhân viên thí nghiệm, thư viện viên, thư viện viên chính được hưởng phụ cấp độc hại, nguy hiểm hệ số 0,1 hoặc 0,2 tùy theo vị trí việc làm và môi trường làm việc [H07.1.006].

Đội ngũ nhân viên được bình xét thi đua, khen thưởng theo năm học, thành tích trong phong trào thi đua là căn cứ để xét nâng bậc lương trước thời hạn [H07.1.007]. Nhà trường có kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ VC; căn cứ vào đó, những nhân viên có nhu cầu đi học nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đều được Trường tạo điều kiện cử đi học [H07.1.008], [H07.1.009]. Hàng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của nhân viên với các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn để làm cơ sở đưa ra những chính sách thích hợp với việc nâng cao trình độ đối với đội ngũ nhân viên [H07.1.010]. Những chính sách ưu đãi đã khuyến khích được tinh thần lao động và nhiệt tình công việc của đội ngũ nhân viên.

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên được thực hiện theo quy trình và tiêu chí quy định tại Luật Giáo dục đại học, văn bản hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Theo đó, việc quy hoạch, tuyển dụng vào các vị trí CB lãnh đạo, quản lý, nhân viên được thực hiện theo đúng các tiêu chí đã được quy định. Chiến lược phát triển Trường ĐHTTr giai đoạn 2018 - 2025, định hướng năm 2030 và Chiến lược phát triển Trường ĐHTTr giai đoạn 2018 - 2025, định hướng đến năm 2030 (Chỉnh sửa, bổ sung) đã phân tích, dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên. Căn cứ Chiến lược, Nhà trường đã xây dựng Đề án vị trí việc làm, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang phê duyệt và

được Hội đồng trường ban hành [H07.1.011]. Đề án xác định cụ thể số lượng, cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp tương ứng với vị trí việc làm của toàn thể đội ngũ nhân viên [H07.1.012]. Trên cơ sở Đề án, Nhà trường đã ban hành bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm, trong đó quy định các tiêu chí cụ thể về năng lực, kỹ năng, yêu cầu về trình độ, chuyên môn cho từng vị trí từ Chủ tịch Hội đồng Trường, Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, chuyên viên các phòng, nhân viên y tế, bảo vệ, lái xe, nhân viên thư viện, phòng thí nghiệm và trung tâm [H07.1.013]. Các văn bản trên đều được công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử Nhà trường và gửi đến các đơn vị trực thuộc qua hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của Nhà trường.

Đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD. Đến năm 2024, đội ngũ NV của Trường là 80 người, trong đó trình độ tiến sĩ 4 người, trình độ thạc sĩ 23 người, trình độ đại học 34 người, trình độ cao đẳng trở xuống 19 người; số lượng nhân viên phục vụ CTĐT ngành QLVH là 53 người [H07.1.014].

Để đánh giá chính xác mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên, Nhà trường yêu cầu các đơn vị xây dựng kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên thông qua các cuộc khảo sát. Kết quả khảo sát của các đơn vị cho thấy: đội ngũ nhân viên của Nhà trường có nhiệm vụ hỗ trợ chung cho tất cả các hoạt động đào tạo của Trường, đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng để đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD, trong đó có nhiệm vụ hỗ trợ, quản lý CSVC phục vụ cho công tác đào tạo của ngành QLVH thuộc Khoa Văn hóa - Du lịch [H07.1.016]. Tuy nhiên, việc khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên chưa được thực hiện thường xuyên.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có những chính sách phù hợp để thu hút, tuyển dụng và phát triển đội ngũ nhân viên.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên chưa được thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Hàng năm, Khoa triển khai việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên.

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả

Trên cơ sở các quy định chung của Chính phủ, các Bộ liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Trường ĐHTT đã ban hành Quy chế tuyển dụng, sử dụng, quản lý VC và người lao động [H07.2.001]. Quy chế đã xác định rõ căn cứ, thẩm quyền, hình thức tuyển dụng, nhiệm vụ của từng bộ phận trong công tác tuyển dụng, điều kiện đăng ký dự tuyển (tuổi đời, lý lịch, sức khỏe, trình độ chuyên môn, Ngoại ngữ, Tin học...).

Quy trình tuyển dụng gồm có 7 bước, cụ thể: (1) Thông báo tuyển dụng và tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển; (2) Người đăng ký dự tuyển nộp Phiếu đăng ký dự tuyển về Trường; (3) Kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển; (4) Tổ chức thi tuyển VC; (5) Công nhận và thông báo kết quả tuyển dụng VC; (6) Hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng; (7) Ký kết hợp đồng làm việc và nhận việc. Các tiêu chí tuyển dụng, số lượng tuyển dụng cho từng vị trí (chuyên viên, GV, nhân viên), đối tượng tuyển dụng, nội dung thi tuyển, các yêu cầu về hồ sơ dự tuyển được nêu rõ trong Thông báo tuyển dụng và được đăng công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường, Cổng thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang và Báo Tuyên Quang [H07.2.002]. Từ năm 2019 đến nay, Nhà trường đã tuyển dụng được 46 VC vào các vị trí: lãnh đạo quản lý đơn vị, GV, chuyên viên, Kế toán viên, NCV, kỹ sư, văn thư viên trong đó có GV giảng dạy các bộ môn ngành QLVH [H07.2.003].

Quy chế tuyển dụng, sử dụng, quản lý VC và người lao động của Trường cũng quy định rõ tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại; việc giới thiệu nhân sự, đánh giá, nhận xét VC trước khi bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và một số quy định về việc lấy phiếu tín nhiệm; trình tự, thủ tục bổ nhiệm (gồm 05 bước đối với nguồn nhân sự tại chỗ, 03 bước đối với nguồn nhân sự bên ngoài); bổ nhiệm lại (gồm 04 bước). Trường quy định rõ tiêu chuẩn đối với chức danh CB lãnh đạo, quản lý bao gồm quy định chung và quy định cụ thể đối với từng chức danh lãnh đạo, quản lý (trình độ, kinh nghiệm công tác, chứng chỉ liên quan, kinh nghiệm quản lý điều hành, độ tuổi đối với nam và nữ...) [H07.2.004].

Quy chế, quy định của Nhà trường trước khi ban hành đều lấy ý kiến tham gia

góp ý của các bên liên quan, theo đó Quy chế tuyển dụng, sử dụng, quản lý VC và người lao động của Trường được lấy ý kiến của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, các đơn vị trong Nhà trường, CB lãnh đạo quản lý, GV và nhân viên [H07.2.005]. Các đơn vị, bộ phận có nhân viên cần tiêu chuẩn riêng, đặc thù về kỹ năng, nghề nghiệp sẽ chủ động lập bản đăng ký đề xuất nhu cầu, mô tả vị trí việc làm gửi về Nhà trường [H07.2.006]. Tuy nhiên, việc lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, phân công công tác đối với đội ngũ nhân viên chưa được thực hiện thường xuyên.

Các văn bản về tuyển dụng, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự đều được thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và được gửi tới các đơn vị trong Trường qua hệ thống phần mềm quản lý văn bản để trường các đơn vị triển khai, quán triệt đến VC thuộc thẩm quyền quản lý trực tiếp. Riêng thông báo về tuyển dụng được thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang và trên Báo Tuyên Quang, niêm yết tại bảng tin của Trường và được gửi tới tất cả các đơn vị trong Trường [H07.2.007].

2. Điểm mạnh

Các tiêu chí về tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được quy định rõ ràng và phổ biến công khai.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, phân công công tác đối với đội ngũ nhân viên chưa được thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường thực hiện việc lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, phân công công tác đối với đội ngũ nhân viên định kỳ theo năm.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả

Trên cơ sở các quy định của Nhà nước, văn bản hướng dẫn của cơ quan quản lý cấp trên, Nhà trường ban hành Quy định đánh giá, xếp loại công lao động, Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng VC và người lao động, Quy chế thi đua, khen thưởng, các văn bản quy định cụ thể về tiêu chí đánh giá đối với CB lãnh đạo quản lý, GV, nhân viên, đi kèm với các tiêu chí là các phiếu định lượng đánh giá tập thể, cá nhân

hàng tháng, năm học hoặc theo năm. Văn phòng là đơn vị đầu mối được giao nhiệm vụ trực tiếp hướng dẫn việc đánh giá hiệu quả công việc của VC, người lao động [H07.3.001], [H07.3.002], [H07.3.003].

Hàng tháng, trưởng các đơn vị tổ chức họp đơn vị để đánh giá xếp loại công lao động đối với GV, nhân viên thuộc quyền quản lý. Quy định tiêu chí xếp công A (từ 80 điểm trở lên), tiêu chí xếp công B (từ 60 đến <80 điểm), tiêu chí xếp công C (từ 50 đến <60 điểm, không xét (dưới 50 điểm), gửi Văn phòng. Cuối năm, Văn phòng tổng hợp, báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng họp xét. Kết quả được công khai đến các đơn vị và làm căn cứ tăng thu nhập cho các cá nhân [H07.3.004], [H07.3.005], [H07.3.006].

Nhà trường thực hiện đánh giá GV, nhân viên 1 năm 2 lần (1 lần vào cuối năm học và 1 lần vào cuối năm dương lịch) theo quy định về công tác thi đua - khen thưởng và quy định về đánh giá, xếp loại VC kèm theo các phiếu chấm điểm, điểm đánh giá được chia theo các tiêu chí cụ thể với tổng điểm 100. Quy trình đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ đối với GV, nhân viên được thống nhất như sau: cá nhân tự kiểm điểm, đánh giá bản thân theo các tiêu chí với thang điểm 100; tập thể đóng góp ý kiến, đánh giá, xếp loại; lãnh đạo Trường đánh giá, xét duyệt và thông qua; quy định đánh giá, tiêu chí đánh giá, kết quả đánh giá được công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và gửi cho các đơn vị qua phần mềm quản lý văn bản [H07.3.007]. Tuy nhiên, các phương pháp đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên còn chưa đa dạng.

Giai đoạn 2018 - 2023, có 150 lượt VC, người lao động được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 839 lượt VC, người lao động được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ; 29 lượt VC, người lao động được xếp loại hoàn thành nhiệm vụ; 09 VC, người lao động xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ. Kết quả đánh giá hàng năm là thành tích để Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của Trường thẩm định, xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua và đề xuất cấp trên các hình thức khen thưởng. Trong giai đoạn kiểm định Trường ĐHTT đã được 03 Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về khen thưởng thành tích trong Phong trào Thi đua yêu nước và khen thưởng chuyên đề; 01 cá nhân được Chủ tịch nước tặng Huân chương lao động hạng 2; 07 đơn vị trực thuộc được tặng Bằng khen cấp Tỉnh; 15 đơn vị được tặng danh hiệu tập thể Lao động xuất sắc và 102 lượt tập thể được công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến; 02 cá nhân được tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Tỉnh; 10 cá nhân được tặng Bằng khen cấp Tỉnh; 129 lượt cá nhân được công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua

cơ sở và 862 lượt cá nhân được công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến. Hồ sơ đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của GV, nhân viên được lưu giữ tại Văn phòng [H07.3.008], [H07.3.009], [H07.3.010], [H07.3.011], [H07.3.012]. Năng lực của đội ngũ nhân viên được đánh giá khách quan, luôn nhận được sự công nhận của Khoa và Nhà trường, đội ngũ nhân viên của Nhà trường hằng năm đều đạt danh hiệu Lao động tiên tiến trở lên, đó là sự ghi nhận của Nhà trường đối với những thành tích, đóng góp của đội ngũ nhân viên hỗ trợ.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng được quy trình, công cụ đánh giá đội ngũ nhân viên với các tiêu chí cụ thể, rõ ràng.

3. Điểm tồn tại

Phương pháp đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên chưa đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, Nhà trường bổ sung các phương pháp đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả

Chiến lược phát triển Trường ĐHTTr giai đoạn 2018 - 2025 định hướng đến 2030 đã xác định giải pháp phát triển đội ngũ thông qua việc “*Tranh thủ sự HTQT trong đào tạo và NCKH trong đào tạo bồi dưỡng...*”. Theo đó, chiến lược xác định “*nhu cầu bồi dưỡng viên chức hàng năm ước khoảng 20 người/năm, trong đó 1/3 đào tạo bồi dưỡng ở nước ngoài, 2/3 trong nước cho giai đoạn 2018 - 2021; 2022 - 2030 đào tạo bồi dưỡng ước khoảng 50 người/năm, trong đó 1/2 ở nước ngoài*” [H07.4.001].

Hằng năm, Nhà trường gửi văn bản về việc đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng tới các đơn vị trực thuộc Nhà trường rà soát, thống kê GV, nhân viên trong độ tuổi được đi học nâng cao trình độ [H07.4.002]. Các đơn vị căn cứ vào nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ CB, GV, nhân viên của đơn vị để lập biểu thống kê gửi về Văn phòng tổng hợp [H07.4.003].

Trên cơ sở tổng hợp nhu cầu và căn cứ vào chiến lược đào tạo, bồi dưỡng, hàng năm, Nhà trường ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp

vụ cho đội ngũ nhân viên, bao gồm đào tạo nội bộ do Nhà trường tổ chức và đào tạo bên ngoài Trường [H07.4.004]. Bên cạnh bồi dưỡng chung của Trường, nhân viên của các đơn vị còn tham gia các khóa đào tạo chuyên môn phù hợp với chức năng nhiệm vụ của đơn vị [H07.4.005]. Để khuyến khích nhân viên tích cực nâng cao trình độ Nhà trường đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, trong đó có xác định ngân sách chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên [H07.4.006]. Các văn bản, quyết định cử người đi học được lưu trữ đầy đủ tại Văn phòng.

Trong 5 năm qua, Trường đã cử 275 GV, nhân viên đi đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, trong đó riêng đội ngũ nhân viên là 106 lượt (Tiền sĩ tại nước ngoài; cử 08 nhân viên đi học Thạc sĩ; cử 12 nhân viên đi học Đại học; cử 12 người tham gia lớp Bồi dưỡng Quản lý Nhà nước chương trình chuyên viên, chuyên viên chính; cử 12 người tham gia bồi dưỡng Trung cấp lý luận chính trị; cử 02 người tham gia bồi dưỡng Cao cấp Lý luận chính trị; Bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng: 08 người) [H07.4.007]. Tuy nhiên, một số nhân viên chưa thực hiện đúng tiến độ kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của Trường.

2. Điểm mạnh

Các kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn đã được xây dựng và thực hiện có hiệu quả, phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm và Chiến lược phát triển đội ngũ của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Một số nhân viên chưa thực hiện đúng tiến độ kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, các đơn vị cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ nhân viên.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Để theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên, Nhà trường ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Trường ĐHTTr; Quy định chức

năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị trực thuộc; Nhiệm vụ của mỗi vị trí việc làm được thể hiện trong bản mô tả và khung năng lực vị trí việc làm, Quy định về chế độ làm việc của GV; Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng VC, người lao động; Quy chế thi, đua khen thưởng và công nhận kết quả thi đua khen thưởng là các văn bản để Khoa thực hiện theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc, khen thưởng GV, nhân viên về kết quả hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn được giao [H07.5.001], [H07.5.002], [H07.5.003], [H07.5.004]. Trên cơ sở khung năng lực vị trí việc làm, Quy chế tổ chức và hoạt động, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, đơn vị thực hiện phân công nhiệm vụ cho từng CB, nhân viên phù hợp [H07.5.005].

Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra được giao nhiệm vụ theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ GV, nhân viên có kế hoạch, phân công cụ thể, rõ ràng cho từng thành viên [H07.5.006]. Sau mỗi đợt kiểm tra hồ sơ chuyên môn, Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra thông báo kết quả tới cá nhân GV và Khoa để đánh giá hiệu quả công việc được giao [H07.5.007]. Bên cạnh đó, Trường ĐHTTr có mẫu quy định cụ thể về chấm công hàng tháng đối với toàn bộ GV, nhân viên giúp Nhà trường giám sát, quản lý chặt chẽ việc thực hiện quy định về thời gian làm việc, thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của đội ngũ nhân viên nhằm tạo động lực trong quá trình công tác và hỗ trợ đắc lực cho các hoạt động đào tạo [H07.5.008]. Việc theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của nhân viên được thể hiện qua việc xếp loại công lao động hàng tháng, hàng quý của đơn vị. Trưởng các đơn vị quản lý nhân viên có trách nhiệm họp xét về việc xếp loại thi đua của đơn vị dựa theo quy định công tác thi đua, khen thưởng do Nhà trường ban hành. Biên bản xét thi đua của các đơn vị được gửi về Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Nhà trường xem xét quyết định [H07.5.009].

Căn cứ chương trình công tác năm của Nhà trường, các đơn vị xây dựng Chương trình công tác và triển khai đến toàn thể CB, nhân viên thuộc đơn vị mình. Trên cơ sở phân công nhiệm vụ của đơn vị, các cá nhân xây dựng kế hoạch cá nhân. Trong kế hoạch cá nhân thể hiện rõ khối lượng công việc, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết [H07.5.010]. [H07.5.011]. Trưởng các đơn vị có trách nhiệm theo dõi, giám sát và đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của CB, nhân viên thuộc thẩm quyền quản lý.

Việc xây dựng các văn bản đánh giá hiệu quả công việc của nhân viên do các phòng tham mưu dự thảo. Quy định về việc đánh giá, xếp loại VC, người lao động

cuối năm, Quy định về công tác thi đua, khen thưởng, Quy chế chi tiêu nội bộ... đều được Nhà trường triển khai lấy ý kiến của toàn thể GV, nhân viên bằng cách gửi văn bản dự thảo đến các đơn vị qua hệ thống phần mềm quản lý văn bản [H07.2.005]. Trường các đơn vị tổ chức họp đơn vị, phổ biến nội dung dự thảo tới tất cả các VC trong đơn vị và lấy ý kiến góp ý, tổng hợp góp ý gửi về Văn phòng tổng hợp và báo cáo lãnh đạo Nhà trường [H07.5.012]. Việc góp ý các quy chế, quy định còn được thực hiện tại Hội nghị VC, lao động hàng năm [H07.5.013].

Hàng năm các đơn vị đều tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm và lấy ý kiến của đội ngũ nhân viên trong đơn vị về việc thực hiện các nhiệm vụ trong năm học. Nhà trường thực hiện lấy ý kiến phản hồi của GV, nhân viên về kết quả đánh giá, thi đua khen thưởng và công nhận danh hiệu thi đua. Kết quả cho thấy GV, nhân viên trong Nhà trường đều hài lòng ở mức độ cao với kết quả đánh giá, công nhận danh hiệu thi đua khen thưởng hàng năm của Nhà trường. Tính đến 12/2024, chưa có bất kỳ trường hợp nào khiếu nại về kết quả đánh giá của Nhà trường. Công tác thi đua khen thưởng đã góp phần khuyến khích, động viên GV, nhân viên tích cực tham gia các hoạt động nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và PVCD. Tuy nhiên, việc khen thưởng đột xuất còn ít, chủ yếu là khen thưởng định kỳ.

2. Điểm mạnh

Việc quản trị kết quả công việc của nhân viên được thực hiện hiệu quả. Nhân viên hài lòng về kết quả đánh giá, xếp loại, thi đua, khen thưởng.

3. Điểm tồn tại

Khen thưởng đột xuất cho các tập thể, cá nhân tiêu biểu chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học tiếp theo, Nhà trường sẽ đa dạng các hình thức khen thưởng để tạo động lực làm việc cho đội ngũ CB, GV, nhân viên trong Nhà trường.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Kết luận về tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên của Khoa đảm bảo về số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm. Đội ngũ này được tuyển dụng theo đúng theo quy định về quy trình, tiêu chí tuyển dụng của Nhà trường, việc tuyển dụng được công bố công khai. Nhà trường và Khoa luôn tạo điều kiện, khuyến khích và hỗ trợ đội ngũ nhân viên học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Bên cạnh đó, để khuyến khích, tạo động lực cho đội ngũ nhân viên, Nhà trường có chế

độ thi đua, khen thưởng phù hợp. Có thể nói, công tác phát triển đội ngũ nói chung, đội ngũ nhân viên nói riêng được xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong Chiến lược phát triển của Trường ĐHTTr giai đoạn 2018 - 2025, định hướng đến năm 2030. Căn cứ vào nội dung tự đánh giá, tiêu chuẩn 7 có 5/5 tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu: Trường ĐHTTr đã xây dựng chính sách tuyển sinh rõ ràng và cụ thể cho từng ngành đào tạo, với phương thức xét tuyển và thi tuyển minh bạch. SV ngành QLVH được theo dõi và đánh giá sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện thông qua hệ thống giám sát chặt chẽ từ CVHT, GV, các đơn vị liên quan trong trường và phần mềm quản lý hiện đại. Hoạt động tư vấn và hỗ trợ NH được triển khai kịp thời, thường xuyên trong môi trường tâm lý xã hội tích cực, với cảnh quan nhà trường sạch đẹp và trang thiết bị dạy học hiện đại, phù hợp với đặc thù chuyên ngành. Những yếu tố này góp phần nâng cao chất lượng học tập và hỗ trợ NH, khẳng định uy tín và thương hiệu của Nhà trường trong đào tạo ngành QLVH.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.

1. Mô tả

Trường ĐHTTr hiện đang tuyển sinh ở các trình độ đại học và cao đẳng với nhiều hình thức và CTĐT khác nhau. Tương ứng với từng hình thức và CTĐT, Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh, chính sách tuyển sinh và kế hoạch truyền thông phù hợp. Dựa trên Quy chế tuyển sinh và các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế tuyển sinh riêng của Nhà trường, chiến lược phát triển, năng lực hiện có, kết quả tuyển sinh các năm trước và Nghị quyết của Hội đồng Trường, Nhà trường ban hành Kế hoạch tuyển sinh và Đề án tuyển sinh hằng năm [H08.1.001], [H08.1.002].

Đối với ngành QLVH, chỉ tiêu tuyển sinh được duy trì từ năm 2020 đến năm 2024 là 30 chỉ tiêu [H08.1.003]. Quy định tuyển sinh ngành QLVH luôn đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H08.1.004]. Hằng năm, Đề án tuyển sinh được Nhà trường cập nhật để phù hợp với các quy định và điều kiện ĐBCL thực tế của Trường cũng như của ngành đào tạo [H08.1.002].

Chính sách tuyển sinh của Nhà trường nói chung và ngành QLVH nói riêng được thể hiện chi tiết trong Nghị quyết của Hội đồng Trường và Đề án tuyển sinh hằng năm.

Các nội dung chính bao gồm: đối tượng tuyển sinh, phạm vi tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, ngưỡng ĐBCL đầu vào, tổ chức tuyển sinh, nguyên tắc xét tuyển, chính sách ưu tiên, lệ phí xét tuyển, học phí dự kiến và các thông tin liên quan khác [H08.1.002], [H08.1.003].

Hằng năm, Nhà trường đều thực hiện công tác truyền thông theo nhiều hình thức khác nhau bảo đảm hình ảnh của Nhà trường đến được với mọi tầng lớp nhân dân Tuyên Quang và các tỉnh thành khác trong cả nước. Năm 2021, Trường ĐHTTr đã xây dựng Chiến lược truyền thông tuyển sinh của Trường ĐHTTr giai đoạn 2021-2025, trong đó có đánh giá về ưu điểm, tồn tại hạn chế và nguyên nhân của tồn tại hạn chế trong công tác truyền thông tuyển sinh của Trường ĐHTTr, đề xuất nhiệm vụ, giải pháp cho giai đoạn 2021 - 2025 [H08.1.005]. Trên cơ sở Chiến lược đó, hằng năm Trường ban hành kế hoạch truyền thông tuyển sinh nhằm quảng bá rộng rãi thông tin về giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục, ngành nghề đào tạo, kế hoạch tuyển sinh và các thông tin khác đến nhân dân trong tỉnh Tuyên Quang và các tỉnh thành khác trong cả nước [H08.1.006]. Trong đó, Nhà trường xác định đối tượng và vùng truyền thông tuyển sinh trọng điểm, vùng tuyển sinh phát triển, vùng tuyển sinh cần quan tâm và vùng tuyển sinh mở rộng. [H08.1.005]. Công tác truyền thông được thực hiện dưới nhiều hình thức phong phú và đa dạng nhằm tăng cường tương tác, thu hút học sinh và phụ huynh học sinh tìm hiểu về Trường và lựa chọn Trường trong quá trình hướng nghiệp, tuyển sinh. Hằng năm, Nhà trường thành lập đoàn tư vấn tuyển sinh đến tư vấn trực tiếp cho học sinh tại các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và một số tỉnh ngoài, trong đó mở rộng ra cả các tỉnh phía Nam (tính từ năm 2020 đến năm 2024 hơn 100 lượt CBGV đi thực hiện nhiệm vụ truyền thông tuyển sinh) [H08.1.007]. Trường cũng thành lập các đoàn công tác tham gia Ngày Hội tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp do Sở Lao động Thương binh và Xã hội Tuyên Quang, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Yên Bái tổ chức [H13.1.08]. Nhà trường thiết kế, ban hành các ấn phẩm (poster, tờ rơi, cẩm nang tuyển sinh) để quảng bá thông tin tuyển sinh [H08.1.009]. Các thông tin tuyển sinh đồng thời được đăng tải trên mục Thông tin tuyển sinh trên Website của Nhà trường [H08.1.010]. Thông báo tuyển sinh được gửi về các trường trung học phổ thông để phối hợp tuyên truyền về các ngành nghề tuyển sinh [H08.1.011]. Để đa dạng hóa các kênh thông tin, ngoài Website và Fanpage của Trường, từ năm 2021, Nhà trường thiết lập thêm 2 kênh thông tin là Youtube và Tiktok,

góp phần tăng số lượng tiếp cận với các thông tin tuyển sinh của Nhà trường. [H08.1.012]. Bên cạnh đó Trường còn đăng tải thông tin trên hệ thống đài Phát thanh - Truyền hình, báo giấy, báo điện tử từ Trung ương đến địa phương như: Báo Tuyên Quang, Báo Giáo dục, hệ thống đài phát thanh tỉnh Tuyên Quang, tỉnh Hà Giang, tỉnh Yên Bái [H08.1.013], [H08.1.014], [H08.1.015]. Trường triển khai chiến dịch truyền thông tuyển sinh cao điểm, đẩy mạnh quảng bá về Trường ĐHTTr và thông tin tuyển sinh đến các đối tượng, Nhà trường yêu cầu các đơn vị và CBGV, SV trong toàn Trường tham gia công tác truyền thông bằng cách chia sẻ thông tin tuyển sinh trên các trang cá nhân Facebook, Zalo [H08.1.016]. Website của Nhà trường thường xuyên cập nhật thông tin tuyển sinh lên vị trí dễ tiếp cận nhất, đa dạng hóa thông tin và hình thức thể hiện để thu hút người xem tại địa chỉ: <http://daihoctantrao.edu.vn>. [H08.1.010]. Chính sách tuyển sinh của Nhà trường nói chung và ngành QLVH nói riêng được điều chỉnh, cập nhật hàng năm dựa trên cơ sở những thay đổi của Quy chế thi tuyển sinh Đại học, Cao đẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H08.1.004].

2. Điểm mạnh

Chính sách và quy định tuyển sinh được công bố rộng rãi bằng các hình thức truyền thông tuyển sinh đa dạng, phong phú.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát các bên liên quan về chính sách tuyển sinh còn chưa rộng rãi.

4. Kế hoạch hành động

Nghiên cứu mở rộng đối tượng lấy ý kiến khảo sát về chính sách tuyển sinh của ngành QLVH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1. Mô tả

Trường ĐHTTr luôn chú trọng việc chọn NH có chất lượng cho mỗi CTĐT. Trong đề án tuyển sinh, Nhà trường xây dựng các tiêu chí, chỉ tiêu tuyển sinh cho từng CTĐT thể hiện qua ngưỡng ĐBCL đầu vào cho từng ngành học. Nhà trường xác định tiêu chí xét tuyển thí sinh vào ngành QLVH cụ thể là: Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương; thí sinh có nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển vào trường ĐHTTr; tham dự kỳ thi trung học phổ thông quốc gia hoặc kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ

thông [H08.1.002]. Hàng năm, phương pháp tuyển sinh hệ đại học chính quy ngành QLVH của Trường ĐHTTr thay đổi phù hợp với quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và thực trạng thí sinh dự thi của vùng tuyển sinh:

Năm 2020, xét tuyển dựa trên kết quả học tập tại trường trung học phổ thông và điểm thi tốt nghiệp của thí sinh, đồng thời sử dụng phương pháp xét kết hợp giữa kết quả kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2020, thi trung học phổ thông Quốc gia các năm trước và kết quả học tập trung học phổ thông (Mỗi tổ hợp môn xét tuyển, dùng 02 môn sử dụng từ kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông, 01 môn sử dụng kết quả học tập năm học lớp 12 và ngược lại [H08.1.002]. Tổ hợp môn xét tuyển của ngành QLVH gồm có: C00 (Văn, Lịch sử, Địa lý), D01 (Toán, văn, Tiếng Anh), C19 (Văn, Lịch sử, Giáo dục công dân), và C20 (Văn, Địa lý, Giáo dục công dân). Ngưỡng ĐBCL đầu vào của ngành QLVH giữ ổn định bằng 15 điểm/3 môn xét tuyển, trong đó nếu thí sinh sử dụng điểm thi tốt nghiệp trung học phổ thông để xét thì được cộng điểm ưu tiên, nếu sử dụng điểm trong học bạ để xét sẽ không bao gồm điểm ưu tiên) [H08.1.002] [H08.1.004].

Năm 2020, Trường ĐHTTr thực hiện các phương thức xét tuyển bao gồm: xét kết quả học tập tại trường trung học phổ thông; xét kết quả kỳ thi trung học phổ thông / trung học phổ thông Quốc gia; xét kết hợp kết quả thi trung học phổ thông và kết quả học tập tại trường trung học phổ thông [H08.1.002].

Năm 2021, Trường ĐHTTr thực hiện 4 phương thức xét tuyển bao gồm: Tuyển thẳng theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; xét tuyển căn cứ vào kết quả học tập tại trường trung học phổ thông (học bạ); căn cứ vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; kết hợp kết quả thi trung học phổ thông và kết quả học tập tại trường trung học phổ thông [H08.1.002].

Năm 2022, Nhà trường điều chỉnh bổ sung thêm 03 phương thức phù hợp với xu thế chung của xã hội là xét tuyển kết hợp quy đổi chứng chỉ tiếng Anh quốc tế và 2 môn trong kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc học bạ; xét tuyển căn cứ kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội; xét tuyển căn cứ kết quả thi đánh giá tư duy của Trường Đại học Bách khoa Hà Nội. [H08.1.002].

Đến năm 2023, Nhà trường điều chỉnh bỏ phương thức xét tuyển kết hợp kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông và kết quả học tập tại trường trung học phổ thông, giảm đi 01 phương thức so với năm 2022. Năm 2024, Trường tiếp tục điều chỉnh còn 3

phương thức xét tuyển so với năm 2023, bỏ phương thức xét tuyển dựa trên cơ sở chứng chỉ tiếng Anh quốc tế và Kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Trường Đại học Bách khoa Hà Nội và Đại học Quốc gia Hà Nội do những năm trước đó không có thí sinh nào đăng ký xét tuyển bằng phương thức này [H08.1.002], [H08.1.003].

Đảm bảo tuyển đúng và đủ chỉ tiêu đề ra, tuyển được NH có chất lượng phù hợp ngành đào tạo QLVH, hàng năm, Nhà trường rà soát, đánh giá cải tiến tiêu chí, phương pháp tuyển sinh. Dựa trên báo cáo thống kê phân tích kết quả tuyển sinh, số lượng thí sinh nhập học và báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan từ các khoa chuyên môn, Nhà trường có những điều chỉnh phù hợp về tiêu chí và phương pháp tuyển sinh hàng năm [H08.1.002], [H.08.1.003], [H08.2.001]. Từ năm 2020 đến nay, Nhà trường tổ chức tuyển sinh theo phương thức dựa trên kết quả học tập bậc trung học phổ thông bằng đề án tuyển sinh riêng tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh có cơ hội vào đại học đồng thời vẫn ĐBCL đầu vào. Nội dung tiêu chí và phương pháp tuyển sinh năm trước được phân tích, chỉ rõ những ưu điểm và hạn chế để kịp thời điều chỉnh trong năm tuyển sinh tiếp theo. Những nội dung thay đổi này được thể hiện qua các đề án tuyển sinh hàng năm của Nhà trường [H08.1.002].

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng, phù hợp với các Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, phù hợp với thực trạng của thí sinh trong vùng tuyển sinh trọng điểm của Trường và yêu cầu cơ bản của NH ngành QLVH.

3. Điểm tồn tại

Phương pháp tuyển sinh ngành QLVH chưa có nhiều điểm riêng mang tính đột phá.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2026, Khoa Văn hoá - Du lịch sẽ xây dựng một số phương pháp tuyển sinh mang tính đặc thù của ngành.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả

Nhà trường giao cho các phòng chức năng, khoa chuyên môn, CVHT giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập, cảnh báo học vụ, cụ thể: Phòng Đào tạo chủ trì tổ chức đăng ký, giám sát khối lượng học tập của

NH trong từng học kỳ, phòng phân công cụ thể cho chuyên viên phụ trách [H08.3.001]. Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra chủ trì tổng hợp kết quả đánh giá trong học tập học tập của NH, kịp thời phản hồi cho NH trên hệ thống phần mềm quản lý điểm [H08.3.002]. Để giám sát kết quả rèn luyện của SV, phòng Quản lý SV chủ trì phối hợp với CVHT, các khoa chuyên môn, Đoàn thanh niên, Hội SV triển khai thực hiện và được thực hiện hàng kỳ qua cấp khoa và cấp trường [H08.3.003], [H08.3.004]. Nhà trường giao cho CVHT là người giám sát trực tiếp kết quả học tập của từng NH, tư vấn cho SV điều chỉnh kế hoạch học tập phù hợp với kết quả và tiến độ học tập của SV, đặc biệt là SV thuộc diện cảnh báo kết quả học tập, rèn luyện theo quy chế đào tạo của Trường. Cơ chế báo cáo và phản hồi về sự tiến bộ của NH được thực hiện định kỳ 1 tháng/lần thông qua các buổi sinh hoạt lớp với sự tham gia của CVHT nhằm nắm bắt kịp thời tình hình học tập và rèn luyện của SV. Quy định về công tác CVHT của ĐHTTr ban hành kèm theo Quyết định số 869/QĐ-ĐHTTr ngày 25/9/2020; Quyết định giao nhiệm vụ CVHT cho từng lớp theo từng năm học [H08.3.005];

Nhà trường đã ban hành các văn bản cụ thể, chi tiết để các phòng chức năng, các khoa, các bên liên quan trong trường thực hiện nhiệm vụ quản lý, giám sát chặt chẽ khối lượng, kết quả học tập, sự tiến bộ trong học tập của NH [H08.3.006]. Nhà trường đã cụ thể hóa quá trình giám sát kết quả học tập của NH bằng các quy trình cụ thể trong bộ thủ tục hành chính của trường gồm: Quy trình đăng ký khối lượng học tập, quy trình đăng ký học lại, học cải thiện điểm...[H08.3.007].

Quy trình đánh giá điểm rèn luyện của SV thực hiện theo Điều 11 Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện trong Quyết định số 60, ngày 16/10/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H08.3.009]. Trên cơ sở đó, Trường xây dựng quy trình đánh giá: (1) **Đối với cấp khoa** gồm 3 bước: **Bước 1:** SV tự đánh giá theo mức điểm chi tiết bằng Phiếu đánh giá kết quả rèn luyện của SV do nhà trường quy định; **Bước 2:** Tổ chức họp lớp (có CVHT tham gia) và lập biên bản tiến hành xem xét và thông qua mức điểm của từng SV trên cơ sở phải được trên 50% ý kiến đồng ý của NH trong lớp; Lớp công khai kết quả đánh giá ở lớp một tuần. Sau đó, tổng hợp kết quả đánh giá và bản tự đánh giá của HSSV nộp về khoa quản lý; **Bước 3:** Hội đồng đánh giá cấp khoa xem xét, xác nhận kết quả điểm rèn luyện của từng học sinh, SV và tổng hợp trình Hội đồng thực hiện các chế độ, chính sách đối với SV trường [H08.3.010]. (2) **Đối với cấp trường** gồm 3 bước: **Bước 1:** Hội đồng thực hiện các chế độ, chính sách đối với SV trường tổ chức họp đánh giá kết quả

rèn luyện của SV; **Bước 2:** Hiệu trưởng ban hành quyết định công nhận kết quả; **Bước 3:** Công bố công khai và thông báo cho SV về kết quả đánh giá [H08.3.011]. Trên cơ sở kết quả học tập, rèn luyện của NH, các khoa phối hợp với các đơn vị chức năng có biện pháp giúp đỡ SV chậm tiến bộ và hạn chế tỷ lệ bỏ học, thôi học [H08.3.013].

Đánh giá đoàn viên được thực hiện chặt chẽ theo quy định của Đoàn thanh niên, Hội SV phối hợp với phòng Quản lý SV, CVHT tổ chức đánh giá đoàn viên dựa trên quá trình tham gia các hoạt động Đoàn, Hội của SV. Kết quả này được lưu vào sổ Đoàn viên và các danh sách xếp loại và khen thưởng đoàn viên hàng năm [H08.3.014].

Kết quả học tập, rèn luyện của SV Trường ĐHTTr được quản lý chặt chẽ bằng phần mềm Unisoft thuận lợi trong khai thác, sử dụng. Phần mềm có khả năng trích xuất dữ liệu phục vụ cho xét học vụ, khen thưởng, xét tốt nghiệp, ... [H08.3.015]. Mỗi CVHT được cấp 01 tài khoản cá nhân để đăng nhập, cập nhật, theo dõi các dữ liệu về kết quả học tập của SV [H08.3.005]. SV sẽ được truy cập trên trang cá nhân để nắm bắt được kết quả và tiến độ học tập, đăng ký học trả nợ học phần, học cải thiện điểm.. Dữ liệu quản lý đào tạo được cập nhật kịp thời, chính xác đảm bảo cho các thành viên có thể chủ động theo dõi, cải thiện kết quả học tập [H08.3.016]. Việc đánh giá kết quả rèn luyện được thực hiện và lưu hồ sơ tại Khoa, phòng Quản lý SV và công khai trên website của Nhà trường [H08.3.007], [H08.3.008], [H08.3.011]. Đánh giá kết quả học tập của SV được thực hiện và lưu hồ sơ tại Khoa Văn hóa - Du lịch, phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra và phần mềm quản lý điểm [H08.3.010], [H08.3.015]. Đoàn thanh niên và Hội SV thực hiện đánh giá kết quả rèn luyện, tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp của SV [H08.3.018].

2. Điểm mạnh

Hệ thống giám sát, kiểm tra đánh giá sự tiến bộ của NH được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau và có sự phối hợp chặt chẽ của các đơn vị. Có quy trình giám sát tiến độ học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH. Có cơ sở dữ liệu theo dõi tiến độ của NH trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Đội ngũ CVHT, trợ lý khoa đều là GV kiêm nhiệm nên cũng phần nào ảnh hưởng đến việc nắm bắt chi tiết tiến trình học tập của SV để kịp thời đưa ra những cảnh báo cho NH trong quá trình học tập.

4. Kế hoạch hành động

Duy trì các buổi sinh hoạt lớp định kỳ để CVHT trao đổi trực tiếp với SV, thảo luận và giải quyết các vấn đề học tập và rèn luyện, đồng thời giám sát sát sao tiến trình cá nhân của từng SV.

Đề xuất Nhà trường đầu tư nâng cấp các hệ thống quản lý học tập điện tử hoặc phần mềm quản lý để tự động hóa các nhiệm vụ như lập kế hoạch, theo dõi tiến trình học tập, và giao tiếp. Việc sử dụng công nghệ hiệu quả có thể giảm bớt thời gian dành cho các công việc thủ công và tăng hiệu quả làm việc.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. Mô tả

Trong quá trình học tập, NH luôn được hỗ trợ, tư vấn trong học tập, rèn luyện và đời sống. CVHT có nhiệm vụ nắm vững quy chế đào tạo, quy định về rèn luyện, chương trình và kế hoạch đào tạo, cơ chế chính sách dành cho SV để kịp thời hướng dẫn, tư vấn, giải đáp thắc mắc cho SV, theo dõi, giám sát quá trình học tập và rèn luyện, tâm tư, nguyện vọng, hoàn cảnh của SV, kịp thời phản ánh, phối hợp với các phòng ban chuyên môn, Đoàn thanh niên, Hội SV để hỗ trợ cho NH. Đầu mỗi kì học, CVHT tư vấn kế hoạch học tập, hướng dẫn SV điều chỉnh kế hoạch học tập ở các kì học kế tiếp cho phù hợp với năng lực và hoàn cảnh, tư vấn phương pháp tự học và NCKH; tư vấn và định hướng cho SV trong việc tổ chức và tham gia các hoạt động đoàn thể, các hoạt động xã hội, hoạt động ngoại khóa [H08.3.005], [H08.4.001]. Khoa Văn hóa - Du lịch chịu trách nhiệm chỉ đạo quản lý việc thực hiện nhiệm vụ của CVHT, đồng thời tổ chức các hoạt động gắn kết SV đang học, giới thiệu việc làm cho SV đã tốt nghiệp. Phòng Quản lý SV là đầu mối tiếp nhận các thông tin cần tư vấn, hỗ trợ từ SV, tổ chức cho SV tham gia các hoạt động ngoại khóa, chủ trì phối hợp với các khoa thực hiện các chính sách hỗ trợ NH, thường xuyên kiểm tra tình trạng SV ở nội trú và ngoại trú, tổ chức đối thoại với SV hàng năm [H08.4.002]. Đoàn thanh niên, Hội SV thành lập nhiều câu lạc bộ giúp SV phát huy năng lực bản thân như câu lạc bộ tiếng Anh, câu lạc bộ kỹ năng sống, câu lạc bộ nghiên cứu trẻ ..., đồng thời tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng, thu hút SV tham gia các phong trào thi đua, các hoạt

động tình nguyện nhằm hoàn thiện nhân cách SV [H08.4.003], [H08.4.004], [H08.4.005]. Bên cạnh đó phòng Quản lý khoa học và HTQT cũng tích cực hỗ trợ NH tham gia NCKH, tổ chức các hoạt động HTQT, giao lưu SV quốc tế và khuyến khích SV đi thực tập ở nước ngoài [H08.4.006], [H08.4.007]. Năm 2023, Nhà trường đã tổ chức cho 12 SV, trong đó có SV theo học ngành QLVH đi học tập, thực tập ngắn hạn tại Thái Lan [H08.4.006].

Từ năm 2020 - 2024, phòng Quản lý SV, phòng Đào tạo, khoa Văn hóa - Du lịch là các đơn vị chịu trách nhiệm trong việc tư vấn việc làm cho SV ngành QLVH. Khoa Văn hóa - Du lịch thông qua việc phối hợp với các cơ quan, doanh nghiệp để quảng bá SV ngành QLVH, giúp cho SV tiếp cận được với các cơ quan, doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng lao động. Năm 2020, Nhà trường thành lập “Ban hướng nghiệp và tư vấn việc làm trường ĐHTT” do phòng Quản lý SV làm đầu mối [H08.4.008]. Cơ cấu tổ chức của Ban hướng nghiệp và tư vấn việc làm gồm 12 CB, GV (01 trưởng ban, 03 phó trưởng ban, 01 ủy viên thư ký, 07 thành viên là đại diện cho các đơn vị trong Nhà trường trong đó có các thành viên đại diện cho phòng Đào tạo, phòng Quản lý SV, các khoa chuyên môn và GV bộ môn Tâm lý - Giáo dục nhằm tư vấn toàn diện các mặt về hướng nghiệp cho SV), nhiệm kỳ hoạt động là 05 năm. Ban hướng nghiệp và tư vấn việc làm có nhiệm vụ: giúp NH định hướng nghề nghiệp đã lựa chọn, chủ động và sáng tạo trong học tập cũng như am hiểu về ngành nghề đang học để phát huy năng lực nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp; giúp NH có thông tin về thị trường lao động và tìm được việc làm phù hợp; tăng cường sự phối hợp giữa CSGD với đơn vị sử dụng lao động để việc đào tạo của Nhà trường tiếp cận với thực tiễn và đáp ứng nhu cầu của xã hội [H08.4.017].

Hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức Tuần sinh hoạt công dân từ tuần học đầu tiên, giúp SV có thêm kỹ năng cũng như phương pháp học tập trong môi trường đại học [H08.4.010]. Bên cạnh đó, Nhà trường còn xây dựng kế hoạch và tổ chức Hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo trường và SV nhằm giải đáp những thắc mắc của SV về các vấn đề liên quan đến hoạt động đào tạo và hỗ trợ NH như việc bảo lưu kết quả học tập, các vấn đề về xét học bổng, việc lựa chọn và đăng ký, thay đổi học phần...[H08.4.002].

Trong suốt quá trình SV học tập tại trường, Đoàn thanh niên, Hội SV và Khoa thường xuyên phối hợp chặt chẽ với nhau trong việc tổ chức và phối hợp tổ chức các hoạt động ngoại khóa hỗ trợ tích cực việc học tập và nâng cao đời sống tinh thần cho

SV như: các hoạt động về văn hóa văn nghệ thể thao; các hoạt động tập thể, tổ đội nhóm; các hoạt động tham quan học tập thực tế; các chương trình giáo dục pháp luật, nâng cao kiến thức, kỹ năng cho SV... [H08.4.004], [H08.4.005]. Đối với SV năm cuối, Nhà trường và Khoa xây dựng kế hoạch và tổ chức cho SV thực tập tại các cơ sở đầu ngành về văn hóa như Sở Văn hóa thể thao và Du lịch, Trung tâm Văn hóa tỉnh ... Đây là các cơ sở giúp SV trau dồi thêm kiến thức và kỹ năng làm việc thực tế, đáp ứng được nhu cầu của đơn vị tuyển dụng cũng như nhu cầu của xã hội [H08.4.019]. Khoa Văn hóa - Du lịch xây dựng thời khóa biểu cụ thể các lớp của khoa, tổ chức họp triển khai nhiệm vụ, kế hoạch năm học [H08.4.016]. CVHT xây dựng kế hoạch hoạt động, tư vấn cho SV được giao phụ trách trong năm học [H08.4.014], [H08.4.015].

Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của NH, cựu NH về mức độ hài lòng đối với chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm, kết quả phản hồi đặt từ mức hài lòng trở lên [H08.4.20], [H08.4.21].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động thi đua, ngoại khóa được triển khai thường xuyên, đa dạng và được SV hưởng ứng tích cực.

3. Điểm tồn tại

Trong chu kỳ tự đánh giá, do đại dịch Covid-19 cũng đã phần nào làm gián đoạn nhiều hoạt động ngoại khóa, sự kiện văn hóa, và chương trình giao lưu quốc tế. Các biện pháp hạn chế về du lịch và giao thương cũng dẫn đến việc sinh viên ít có cơ hội thực tập và làm việc tại các cơ quan, doanh nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

Khoa phối hợp với các phòng chức năng và chỉ đạo các tổ chức đoàn thể tăng cường tổ chức các hoạt động tư vấn, hoạt động ngoại khóa thiết thực hơn và gắn với chuyên ngành của SV nhằm giúp SV có thể trau dồi thêm nhiều kỹ năng và nâng cao khả năng có việc làm khi tốt nghiệp.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Mô tả

Trường ĐHTTr đã tạo dựng được môi trường học tập thuận lợi cho SV: Quỹ đất của Nhà trường đảm bảo tỉ lệ diện tích/SV theo quy định với 57,5 ha bao gồm diện

tích tại trụ sở chính và cơ sở 2, 3. Nhà trường có 45 phòng học, 22 phòng thí nghiệm, thực hành được trang bị hiện đại đầy đủ hệ thống âm thanh, đèn, máy chiếu, quạt, bảng viết,... đem đến một không gian học tập thuận lợi. Trung tâm Thể dục - Thể thao của Nhà trường có 1 nhà tập đa năng, 1 sân vận động, 1 bể bơi phục vụ cho các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao của SV. Thư viện nhà trường có phòng lưu trữ tài liệu, phòng đọc, phòng tự học, phòng truy cập máy tính kết nối Internet miễn phí và kết nối với Trung tâm học liệu Thái Nguyên <http://ttttv.daihoctantrao.edu.vn/>. Hằng năm, Nhà trường đã bổ sung CSVC phục vụ hoạt động đào tạo. Năm 2021, đưa vào sử dụng tòa nhà làm việc A1 với diện tích xây dựng là 1.015 m²; Tổng diện tích sàn là: 5.078 m², gồm: 46 phòng làm việc, 07 phòng học. Nhà trường tiến hành sửa chữa lớp học, nâng cấp khuôn viên, sân vườn, ga ra để xe; xây u súng phục vụ cho an ninh - quốc phòng. Đầu tư trang thiết bị phục vụ cho dạy và học. Hiện nay, tổng diện tích đất của Nhà trường: 574.690m². Trong đó: Hội trường, giảng đường, phòng học, phòng đa năng, phòng làm việc: 18.212m²; Thư viện/Trung tâm học liệu: 600m²; Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập: 14.341 m² [H08.5.001], [H08.5. 002].

Ngành QLVH, khoa Văn hóa - Du lịch là một ngành đặc thù với 03 chuyên ngành gắn với các hoạt động thực tiễn, đáp ứng nhu cầu của xã hội. Khoa có 01 phòng thực hành đàn, 01 phòng thực hành mỹ thuật được trang bị đầy đủ trang thiết bị, giáo cụ trực quan phục vụ cho công tác giảng dạy và thực hành các học phần của khoa. SV được học lý thuyết song song với thực hành, đảm bảo quá trình tiếp thu kiến thức, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho SV [H08.5. 002].

SV từ năm thứ hai đều có thể tham gia NCKH theo Quy định quản lý hoạt động khoa học và công nghệ [H08.5.003]. Đầu mỗi năm học, khoa Văn hóa - Du lịch tổ chức họp mặt SV các khóa để giao lưu, trao đổi kinh nghiệm, giúp đỡ nhau trong quá trình học tập [H08.4.014]. Tất cả những điều kiện trên tạo ra môi trường tâm lý - xã hội, học tập, làm việc thân thiện, thoải mái cho hoạt động học tập, nghiên cứu và rèn luyện của SV.

Trường ĐHTTr có cảnh quan sạch sẽ, đảm bảo an toàn cho tất cả mọi người. Trường có tường rào an toàn, có Đội bảo vệ được trang bị trang phục và công cụ hỗ trợ phục vụ công việc, trực 24/24h với các chức năng và nhiệm vụ được phân công cụ thể [H08.5.004]; hệ thống camera được lắp đặt tại tất cả các lớp học, các đơn vị hành

chính, ở cổng và sân trường để ghi nhận lại những hoạt động của mọi người khi ra vào trường [H08.5.005]. Tại mỗi vị trí cầu thang đều có bảng nội qui và thông báo nghiêm cấm hút thuốc lá trong toàn bộ khuôn viên nhà trường và được treo ở các vị trí dễ quan sát để mọi người thực hiện [H08.5.006]. Tất cả các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành đều có các quy định về an toàn lao động, vận hành [H08.5.007]. Nhà trường có quan hệ chặt chẽ và thường xuyên với chính quyền, cơ quan công an địa phương để phối hợp tốt công tác bảo vệ an ninh chung trong khu vực và quản lý SV nội trú, ngoại trú [H08.5.008]. Ngoài ra, để đảm bảo vệ sinh Nhà trường ký hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ làm vệ sinh, thu gom rác thải, chăm sóc, cắt tỉa cây xanh định kỳ và trồng mới cây xanh để đảm bảo cảnh quan luôn sạch đẹp, xanh mát [H08.5.009].

Nhà trường có bộ phận y tế với 6 CB và 10 giường bệnh đảm bảo sơ cấp cứu ban đầu cho SV. Trường đã làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho NH. Có tủ thuốc sơ cấp cứu với 33 loại [H08.5.010]. 100% CBGV, nhân viên và SV đều được nhà trường tổ chức mua bảo hiểm y tế; tất cả SV đều được khám sức khỏe khi nhập học và khi ra trường. Từ năm 2019, Nhà trường thành lập Phòng khám đa khoa nhằm khám sức khỏe tổng quát cho CBGV, nhân viên và SV nhà trường cũng như khám, tư vấn sức khỏe cho người lao động ngoài kế hoạch khám định kỳ [H08.5.011], [H08.5.012]. Đội phòng cháy, chữa cháy, hàng năm được tập huấn nghiệp vụ công an phòng cháy chữa cháy của Tỉnh tổ chức, có phương án phòng cháy chữa cháy do Công an Phòng cháy chữa cháy tỉnh Tuyên Quang phê duyệt. Trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định và được rà soát thường xuyên [H08.5.013], [H08.5.014]. Cổng tin trường có chứng nhận an toàn thực phẩm, đội ngũ nhân viên có giấy khám sức khỏe hàng năm, có lưu trữ các thực phẩm theo quy định 24h phục vụ cho công tác kiểm tra an toàn thực phẩm. Nhà trường thực hiện phối hợp với cơ quan chuyên ngành y tế của địa phương định kỳ thực hiện công tác kiểm tra về vệ sinh an toàn thực phẩm [H08.5.015].

Nhà trường đã thực hiện kế hoạch khảo sát các bên liên quan về trang thiết bị phòng học, môi trường sức khỏe, y tế trường học; Khảo sát về hạ tầng CNTT đáp ứng yêu cầu quản lý, đào tạo và NCKH; Khảo sát sự hài lòng về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH; Khảo sát chất lượng môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan phục vụ giảng dạy và nghiên cứu. Kết quả cho thấy có trên 90% đối tượng khảo sát đánh giá hài lòng

và rất hài lòng. Trên thực tế, khảo sát sẽ khách quan và hiệu quả hơn nữa nếu đối tượng khảo sát là khách đến làm việc với Trường [H08.5.016].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có môi trường cảnh quan xanh sạch đẹp, thoáng mát, an toàn; môi trường tâm lý xã hội tích cực cho hoạt động học tập nghiên cứu của CBGV, SV Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Trong khảo sát lấy ý kiến phản hồi về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Nhà trường chưa thực hiện khảo sát lấy ý kiến của các đối tượng là khách đến làm việc tại trường.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2022, Khoa Văn hóa - Du lịch tiến hành đề xuất bổ sung sách, giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ cho công tác đào tạo của ngành QLVH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Kết luận về tiêu chuẩn 8: Chất lượng NH và hệ thống hỗ trợ NH là yếu tố then chốt quyết định chất lượng đào tạo ngành QLVH, được thể hiện từ điểm đầu vào đến kết quả học tập và rèn luyện. Nhà trường và Khoa cam kết cung cấp sự hỗ trợ toàn diện và hiệu quả, bao gồm: Tư vấn học tập, hướng nghiệp, tạo điều kiện phát triển năng lực NCKH và kỹ năng mềm, đồng thời chăm sóc sức khỏe thể chất và tinh thần của NH. Ý kiến phản hồi của NH được lắng nghe và sử dụng để cải tiến liên tục chất lượng giáo dục. Mục tiêu là giúp NH phát huy tối đa tiềm năng, đạt kết quả học tập tốt nhất và đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Qua đó, khẳng định vị thế và uy tín của Nhà trường trong lĩnh vực đào tạo QLVH. Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, Hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành QLVH bậc đại học tự đánh giá tiêu chuẩn 8 có 4/5 tiêu chí đạt 5/7 và 1/5 tiêu chí đạt 4/7.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu: Trường ĐHTTr xác định đầu tư CSVC đóng vai trò rất quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục, nghiên cứu và phát triển bền vững. Nhà trường luôn đảm bảo tốt nhất các điều kiện về CSVC và trang thiết bị phục vụ cho công tác đào tạo và NCKH. Điều này được thể hiện qua hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thực hành, trang thiết bị, phần mềm quản lý và hệ thống tài liệu, tư

liệu của Thư viện, thực hiện các quy định về môi trường, sức khỏe, an toàn hiện có và đang sử dụng để phục vụ cho mọi hoạt động của Nhà trường.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Trường ĐHTTr có đủ số lượng phòng làm việc, phòng học, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho hoạt động đào tạo và NCKH. Để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ, Trường ĐHTTr có đủ số lượng phòng làm việc, phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành và các phòng chức năng với tổng diện tích 10.235,8 m². Nhà trường có 03 cơ sở đào tạo và có tổng diện tích đất đang sử dụng: 286.764,4 m². Trong đó: cơ sở 1 ở Km 6, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang có tổng diện tích đất 138.533,1 m²; cơ sở 2 ở Tổ 10, phường Ý La, thành phố Tuyên Quang có tổng diện tích 100.795 m², bao gồm Trung tâm Thực hành thực nghiệm và Chuyển giao KHCN, Khoa Nông - Lâm - Ngư nghiệp; cơ sở 3 ở Tổ 9, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang có tổng diện tích 47.436,3 m² [H09.1.001].

CSVC của Trường ĐHTTr được đầu tư xây dựng để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ.

Bảng 9.1.1. Thống kê số lượng phòng học, phòng chức năng của Trường ĐHTTr

Cơ sở đào tạo	Tổng diện tích xây dựng (m²)	Số phòng làm việc	Số phòng họp	Số hội trường lớn	Số phòng học	Số phòng TN, TH
Cơ sở 1	7.625,3	58	05	02	46	13
Cơ sở 2	1.976,0	06	0	0	03	05
Cơ sở 3	634,5	0	0	0	06	02
Tổng cộng	10.235,8	64	05	02	55	20

CSVC phục vụ cho công tác đào tạo gồm: phòng làm việc, phòng học, phòng thực hành, thí nghiệm... đã được Nhà trường quan tâm đầu tư. Trường ĐHTTr có 64 phòng làm việc, 55 phòng học lý thuyết, 20 phòng thí nghiệm, thực hành, 05 phòng họp và 02 hội trường lớn với tổng diện tích xây dựng là 10.235,8 m². Trong số đó có 32 phòng có sức chứa từ 50 - 100 SV, 04 phòng có sức chứa từ 100 - dưới 150 SV và 28 phòng có sức chứa dưới 50 SV. Với số lượng SV hiện có thì ngoài việc phục vụ

cho các lớp học, số phòng học của Nhà trường còn có thể được sử dụng để thực hiện những hoạt động khác như: Phòng tự học, phòng sinh hoạt đoàn hội hoặc tổ chức hoạt động ngoại khóa,... Ngành QLVH thuộc khoa Văn hoá - Du lịch được trang bị 09 phòng làm việc và học tập, bao gồm:

- 01 phòng làm việc của Trưởng khoa 501 nhà A1;
- 01 phòng làm việc của GV khoa 502 nhà A1;
- 04 phòng học cho SV của khoa 403, 404, 409 nhà A1 và 205 nhà G;
- 01 phòng thực hành môn Âm nhạc 404 nhà B;
- 01 phòng thực hành môn Múa nhà đa năng thuộc cơ sở 3;
- 01 phòng thực hành môn Mỹ thuật cạnh Hội trường H.

Các phòng làm việc của ngành QLVH thuộc Khoa Văn hoá - Du lịch thuộc Trường ĐHTTr có đầy đủ trang thiết bị, bao gồm: máy tính điện tử, máy in, bàn ghế, đàn và các trang thiết bị phục vụ các môn chuyên ngành... đủ cho GV làm việc. Hầu hết các phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng của Trường ĐHTTr đều được trang bị đầy đủ hệ thống máy chiếu, hệ thống âm thanh, micro, bảng, quạt điện, đèn điện, camera, máy vi tính kết nối mạng Internet, máy in, máy điều hòa nhiệt độ, tủ đựng tài liệu, bàn làm việc,... Phù hợp để hỗ trợ tốt cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ CTĐT. Các phòng máy, phòng thí nghiệm, phòng thực hành được Nhà trường giao về cho các đơn vị khoa chuyên môn, các trung tâm quản lý và sử dụng. Nhà trường có hệ thống văn bản về quản lý tài sản quy định về việc mua, quản lý, sử dụng, bảo quản, kiểm tra và nâng cấp trang thiết bị, đồng thời có kế hoạch phân phòng học và báo cáo tổng hợp đánh giá hiệu quả sử dụng CSVC, các phương tiện dạy học [H09.1.002], [H09.1.003], [H09.1.004], [H09.1.005].

Hàng năm, căn cứ các kế hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp CSVC và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH và PVCD đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt, Nhà trường giao Văn phòng và Phòng Kế hoạch - Tài vụ phối hợp triển khai thực hiện theo đúng tiến độ và các nội dung, hạng mục đầu tư [H09.1.006]. Cụ thể, trong giai đoạn kiểm định, Nhà trường đã tập trung mọi nguồn lực để đầu tư phát triển CSVC, cơ sở hạ tầng: đầu tư xây dựng Khu nhà làm việc, trung tâm học liệu và thông tin thư viện, Nhà 5 tầng cấp III, diện tích xây dựng $S_{xd}=1.015 \text{ m}^2$, diện tích sàn 5.078 m^2 gần 30 tỷ đồng; cải tạo, sửa chữa sân bê tông công trường, nền nhà xe Trường ĐHTTr: 71.913.000 đồng; cải

tạo và sửa chữa khu nhà bếp Trường ĐHTTr: 899.499.000 đồng; cải tạo, sửa chữa nâng cấp sân đường phía trước nhà làm việc Trung tâm học liệu và thông tin thư viện Trường ĐHTTr: 497.750.000 đồng; cải tạo, nâng cấp nhà gara xe ô tô và cấp điện sân vườn khu Nhà làm việc Trường ĐHTTr: 497.034.000 đồng; thi công xây dựng hạng mục: hệ thống điện chiếu sáng ngoài nhà; hệ thống cấp, thoát nước ngoài nhà; thiết bị trong nhà; đường dây 35KV, trạm biến áp 400KVA-35(22)/0,4KV thuộc dự án: Sân nền; hạ tầng kỹ thuật; nhà làm việc, Trung tâm học liệu và thông tin thư viện Trường ĐHTTr: 8.241.241.000; cải tạo, nâng cấp nhà gara xe máy và hệ thống nước qua đường khu Nhà làm việc Trường ĐHTTr: 484.750.000 đồng; xây dựng và cải tạo khuôn viên nhà A1 Trường ĐHTTr: 436.568.000 đồng [H09.1.007].

Ngoài ra, Nhà trường giao Văn phòng thực hiện khảo sát, lấy ý kiến của các bên liên quan về mức độ hài lòng, hiệu quả sử dụng, sự phù hợp với từng CTĐT đối với hệ thống CSVC, trang thiết bị. Về cơ bản SV và CBGV đều hài lòng với hệ thống CSVC, trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo, NCKH và PVCĐ (trên 80%) [H09.1.008].

Trong giai đoạn kiểm định chất lượng (2020-2024) Nhà trường đã đầu tư mua trang thiết bị và cải tạo lại các hạng mục công trình [H09.1.009], [H09.1.010], [H09.1.011], [H09.1.012], [H09.1.013]. Đặc biệt, Nhà trường đang phối hợp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025 với ba hạng mục: Nhà thực hành Y Dược, Nhà điều hành, thực hành khoa Văn hoá - Du lịch và thư viện; Nhà giảng đường; Nhà ương, xưởng sơ chế dược liệu trung tâm Thực nghiệm, thực hành và chuyển giao KHCN, thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập với tổng kinh phí gần 250 tỷ đồng [H09.1.014].

2. Điểm mạnh

Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng của Trường ĐHTTr được bố trí hợp lý, có đầy đủ trang thiết bị phù hợp với yêu cầu của chuyên ngành CNTT, đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCĐ.

3. Điểm tồn tại

CSVC một số phòng học của Trường ĐHTTr cần được cải tạo, sửa chữa.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, khoa Văn hoá - Du lịch đề xuất với Lãnh đạo Trường ĐHTTr đầu tư kinh phí để trang bị thêm trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy để đáp ứng theo Thông tư

số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 2 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chuẩn CSGD đại học.

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Trung tâm Thông tin - Thư viện của Trường ĐHTTr được thành lập theo Quyết định số 1512/QĐ-ĐHTTr ngày 26/9/2013 của Hiệu trưởng Trường ĐHTTr, đến năm 2024 Trung tâm Thông tin - Thư viện được sáp nhập với Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ, Trung tâm Bồi dưỡng và Phát triển nghề nghiệp thành Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp có chức năng, nhiệm vụ là phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập, đào tạo, NCKH, triển khai ứng dụng tiến bộ KHCN và quản lý của Nhà trường [H09.2.001]. Tổng diện tích sàn của Trung tâm Thông tin - Thư viện là 600 m², gồm 01 phòng đọc, 01 phòng máy tính kết nối Internet, 02 kho sách, 03 phòng làm việc của CB, nhân viên thư viện. Các phòng này đều có đầy đủ trang thiết bị như: bàn, ghế, đèn điện, quạt điện, máy điều hòa nhiệt độ [H09.2.002].

Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Thông tin - Thư viện Trường ĐHTTr đã được ban hành kèm theo quyết định số 743/QĐ-ĐHTTr, ngày 19/8/2020; Nội quy Thư viện Trường ĐHTTr được ban hành kèm Quyết định số 1514/QĐ-ĐHTTr ngày 26/9/2013 [H09.2.003], [H09.2.004]. Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần, Thư viện phục vụ bạn đọc 02 buổi/ngày với thời gian hoạt động như sau: Buổi sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút; buổi chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ 00 phút [H09.2.0005]. Thư viện có Quy định về việc mượn, trả tài liệu và xử lý vi phạm được ban hành kèm theo quyết định số 626/QĐ-ĐHTTr ngày 09/4/2015 [H09.2.0006].

Thư viện được trang bị phần mềm quản lý thư viện ELIB-LRC với đội ngũ nhân viên có nghiệp vụ tốt để quản lý các tài nguyên của Trường [H09.2.007], [H09.2.008]. Phòng truy cập internet của Thư viện có 20 máy tính được kết nối mạng internet để phục vụ bạn đọc. Các phòng làm việc và phòng đọc ở đây đều được trang bị đầy đủ thiết bị như: bàn, ghế, đèn điện, quạt điện, máy điều hòa nhiệt độ,... Trường có Thư viện điện tử được kết nối với Trung tâm Học liệu Thái Nguyên, Thư viện điện tử Trường Đại học Hùng Vương, Thư viện số trường Đại học Sư phạm kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh, Thư viện điện tử Trường Đại học Bắc Philippines, Thư viện số

Trường Đại học Quảng Bình; năm 2024 Trường ĐHTTr là thành viên thứ 58 của Trung tâm Kết nối tri thức số với quyền được khai thác tài liệu điện tử thuộc nhiều lĩnh vực, nhiều chuyên ngành khác nhau. Thư viện điện tử của Trường trên trang <http://tttttv.daihoctantrao.edu.vn/> có 3152 tài liệu bằng bản điện tử với 351 tài liệu phục vụ ngành QLVH. Với nguồn học liệu hiện có và số lượng học liệu được kết nối như vậy, Thư viện của Trường ĐHTTr đã cung cấp đầy đủ tài liệu phục vụ cho công tác đào tạo và NCKH [H09.2.009].

Thư viện có đầy đủ giáo trình, tài liệu, sách tham khảo phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Thư viện có số lượng sách bằng bản in là trên 7300 đầu sách, hơn 90.000 bản sách với trên 90% sách bằng Tiếng Việt và số còn lại là sách, tài liệu tham khảo bằng tiếng nước ngoài [H09.2.010].

CTĐT ngành QLVH năm 2024 của Trường ĐHTTr có 70 ĐCCT học phần (Không tính các học phần của chương trình Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh), 78 cuốn giáo trình và 100 tài liệu tham khảo. Với số lượng sách hiện có được kết nối với một số Thư viện các trường trong nước và nước ngoài, Thư viện Trường ĐHTTr có đầy đủ học liệu để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo, NCKH phục vụ CTĐT ngành QLVH. Tuy nhiên, Thư viện Trường ĐHTTr mới kết nối được với 02 thư viện của nước ngoài.

Hàng năm, căn cứ vào yêu cầu của CTĐT, các khoa và bộ môn trực thuộc Trường lập danh sách các tài liệu, học liệu cần mua để phục vụ công tác đào tạo và NCKH của từng đơn vị, gửi cho Trung tâm Thông tin - Thư viện. CB, nhân viên Thư viện tổng hợp số lượng sách cần mua theo danh sách đã lập của các đơn vị, gửi Phòng Kế hoạch - Tài vụ để lập dự toán đầu tư kinh phí mua bổ sung tài liệu, học liệu mới, trình Hiệu trưởng phê duyệt [H9.2.011], [H9.2.012]. Các tài liệu, học liệu (bản in và bản điện tử) được cập nhật đã đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo, NCKH của Nhà trường nói chung và của CTĐT ngành QLVH nói riêng [H09.2.013].

Toàn bộ cơ sở dữ liệu về các nguồn lực học tập của Trường ĐHTTr được quản lý bằng phần mềm ELIB và các báo cáo định kỳ được chiết xuất từ phần mềm này. CB, nhân viên của Thư viện thường xuyên theo dõi tình hình bạn đọc đến và sử dụng thư viện qua 02 phương thức: theo dõi thư viện truyền thống bằng sổ mượn sách đối với GV và bằng lý lịch bạn đọc đối với SV [H09.2.014]. Theo số liệu thống kê trên thực tế, số CB, GV, SV đến Thư viện để tra cứu tài liệu, truy cập Internet trong giai

đoạn kiểm định như sau: Năm 2020 có 18.548 lượt bạn đọc, 296.262 lượt truy cập internet; Năm 2021 có 2.601 lượt bạn đọc, 169.476 lượt truy cập internet; Năm 2022 có 3.226 lượt bạn đọc, 53.018 lượt truy cập internet; Năm 2023 có 6.580 lượt bạn đọc, 273.953 lượt truy cập internet [H09.2.015]. Hàng năm, vào tuần sinh hoạt công dân, Thư viện có hướng dẫn cho SV mới nhập học về cách thức sử dụng thư viện, đặc biệt là cách thức tra cứu và download tài liệu trên thư viện điện tử của Trường [H09.2.016].

2. Điểm mạnh:

Thư viện của Trường ĐHTTr cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH của toàn Trường nói chung và của CTĐT ngành QLVH nói riêng.

3. Điểm tồn tại:

Thư viện của Trường ĐHTTr còn chưa được kết nối với nhiều thư viện của nước ngoài.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2024 - 2025, Thư viện Trường ĐHTTr sẽ được kết nối với Thư viện của một số trường Đại học nước ngoài để khai thác tài liệu phục vụ cho công tác đào tạo, NCKH và PVCD.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Nhà trường đảm bảo đủ số lượng phòng thực hành, thí nghiệm để phục vụ đào tạo và nghiên cứu. Hiện tại, Nhà trường có 22 phòng thực hành, thí nghiệm tại các khoa, bộ môn với tổng diện tích 3.113m². Các phòng thực hành, thí nghiệm được bố trí hợp lý theo thiết kế phù hợp với yêu cầu từng môn học và công năng sử dụng đáp ứng nhu cầu đào tạo [H09.3.001], [H09.3.002], [H09.3.003].

Hệ thống phòng thực hành dành riêng cho ngành QLVH có đầy đủ máy chủ, thiết bị mạng, máy tính, máy chiếu và hệ thống âm thanh, ánh sáng, thiết bị đàn, công cụ hỗ trợ học múa... thuận tiện cho việc học tập, thực hành, làm việc nhóm, xêmina, thực hành năng khiếu của SV. Hiện nay, SV ngành QLVH sử dụng các phòng học và phòng thực hành như sau: 02 phòng học thực hành Tin học là phòng 401, 402 nhà B; 04 phòng học chính khoá là phòng 403, 404, 409 nhà A1 và phòng 205 nhà G; 01 phòng học đàn 404 nhà B; 01 phòng học múa - phòng đa năng thuộc cơ sở 03; 01 phòng học Mỹ thuật

canh Hội trường H. Tại các phòng học, phòng thực hành đều có nội quy và hướng dẫn sử dụng các trang thiết bị trong phòng [H09.3.004], [H09.3.005].

Hàng năm, Nhà trường có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng các hạng mục cải tạo, xây mới nhà thực hành, phòng thí nghiệm; đầu tư trang thiết bị để hỗ trợ tốt hơn các hoạt động đào tạo và nghiên cứu [H09.3.006]. Các thiết bị máy móc sau khi được đầu tư và đưa vào sử dụng có danh mục và sổ theo dõi nhật ký sử dụng [H09.3.007], [H09.3.008].

Hàng năm, căn cứ vào sổ theo dõi tần suất sử dụng của phòng máy, phòng thực hành, phòng thí nghiệm, Nhà trường ban hành kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để đánh giá hiệu quả sử dụng và tình trạng máy móc thiết bị để xây dựng kế hoạch, lập dự toán phân bổ kinh phí đầu tư mua mới, sửa chữa, bảo dưỡng các trang thiết bị của phòng thí nghiệm, thực hành [H09.3.009].

Phòng thực hành của ngành QLVH do 01 Trợ lý Khoa phối hợp với CB kỹ thuật của Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp chịu trách nhiệm quản lý và điều hành các hoạt động. Các CB quản lý các trang thiết bị và vật tư tại phòng thực hành, có nhiệm vụ kiểm tra tình trạng hoạt động của các trang thiết bị trước và sau khi kết thúc buổi thực hành, ghi vào sổ theo dõi. [H09.3.010].

Kết quả lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về đánh giá hiệu quả sử dụng CSVCS, môi trường, sức khỏe và an toàn; Hạ tầng CNTT, nguồn học liệu và chất lượng phục vụ nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, đào tạo và NCKH từ năm 2020 đến 2024 có tỷ lệ hài lòng trung bình là 88%. Trong đó, các tiêu chí đạt tỷ lệ hài lòng cao như: Phòng thí nghiệm, phòng thực hành đạt tiêu chuẩn, thoáng mát; Phòng học có hệ thống chiếu sáng đạt chuẩn, Có trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy và học tập theo quy định [H09.3.011], [H09.3.012].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng phòng thực hành, thí nghiệm và trang thiết bị hiện đại để phục vụ tốt cho hoạt động đào tạo và NCKH.

3. Điểm tồn tại

Hồ sơ theo dõi, quản lý trang thiết bị trong phòng thực hành chưa được quản lý bằng phần mềm.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa/bộ môn tiến hành quản lý hồ sơ theo dõi trên phần mềm điện tử.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Hệ thống CNTT của Trường ĐHTT đã được đầu tư mạnh mẽ, có khả năng đáp ứng khá tốt cho nhu cầu giảng dạy và các hoạt động đào tạo nói chung. Tại thời điểm đánh giá, trường có 397 máy tính để bàn, 20 máy laptop; trong đó số máy phục vụ cho công tác quản lý 188 máy, công tác đào tạo 189 máy; 75 máy Projector; 60 máy in; 04 máy phô tô; 03 máy scan, 02 server, 108 (4 camera IP-TT TĐTT), hệ thống mạng Internet và hệ thống phần mềm quản lý đào tạo Unisoft [H09.4.001], [H09.4.002]. Để phục vụ cho dạy học trực tuyến, Nhà trường đã mua 03 tài khoản của phần mềm dạy học trực tuyến Zoom [H09.4.003]. Trung tâm tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp có chức năng tham mưu giúp Hiệu trưởng về các hoạt động đào tạo, ứng dụng CNTT trong toàn trường [H09.4.004]. Trung tâm xây dựng, triển khai, quản lý cơ sở hạ tầng CNTT và mạng máy tính, quản trị hệ thống máy chủ, đường truyền và các thiết bị mạng bảo đảm an toàn và bảo mật hệ thống thông tin, đảm bảo sự hoạt động liên tục của các trang tin điện tử và phần mềm ứng dụng [H09.4.005]. Tuy nhiên, hệ thống máy tính tại các phòng thực hành hầu hết đều được trang bị từ lâu, cấu hình thấp, hoạt động không ổn định.

Nhà trường đã đầu tư trang bị 5 đường truyền FTTH chất lượng cao bằng kỹ thuật cân bằng tải tiên tiến giúp cân bằng hệ thống và tối ưu hóa băng thông, giảm tối đa rủi ro về sự cố đường truyền. Nhà trường đã trang bị hệ thống mạng Wifi hoạt động 24/24 và được bố trí ở những vị trí thuận lợi nhất giúp cho người dùng có thể dễ dàng sử dụng. Trường có cổng thông tin điện tử tại địa chỉ <http://daihoctantrao.edu.vn>, đồng thời Nhà trường ban hành quy định về tổ chức và quản lý duy trì hoạt động trang thông tin điện tử [H09.4.006], [H09.4.007]. Nhà trường đã đưa vào sử dụng các phần mềm quản lý đào tạo, điểm, học bổng, thu học phí và các nguồn thu khác [H09.4.008].

Văn phòng làm việc của khoa Văn hoá - Du lịch có 03 máy tính, 02 máy in, 02 wifi đang hoạt động tốt để đáp ứng cho nhu cầu quản lý, hoạt động, đào tạo và NCKH [H09.4.009]. Năm 2022, Nhà trường trang bị 02 phòng LAP (được đặt tại tầng 4, nhà A1) để phục vụ cho công tác đào tạo [H09.4.010].

Nhà trường có hệ thống máy tính phục vụ hoạt động đào tạo, NCKH, công tác quản lý. Phòng họp được trang bị đầy đủ máy tính và các thiết bị trực tuyến. Trường có

hệ thống thông tin dự phòng qua máy chủ (Server) lưu trữ chung do Trung tâm tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp quản lý; hệ thống tường lửa bảo vệ an toàn hệ thống mạng nội bộ của Nhà trường [H09.4.011]. Trung tâm tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp có trách nhiệm cập nhật, lưu giữ thông tin trên máy chủ, có kế hoạch bảo trì thiết bị, cài đặt các phần mềm đảm bảo cho hệ thống thông tin hoạt động ổn định, an toàn giúp người dùng khai thác thông tin thuận lợi [H09.04.012].

CBGV của Khoa dễ dàng truy cập vào hệ thống mạng để sử dụng các phần mềm ứng dụng, quản lý, điều hành của Nhà trường và chia sẻ dữ liệu phục vụ giảng dạy và quản lý như phần mềm giảng dạy trực tuyến Elearning, Trợ lý khoa truy cập vào phần mềm Unisoft để thực hiện các nội dung liên quan đến học vụ, Lãnh đạo khoa cập nhật các văn bản thông qua phần mềm Ioffice. SV ngành QLVH được cấp tài khoản truy cập phần mềm quản lý Unisoft để đăng ký học tín chỉ, tra cứu điểm, tình trạng học phí, theo dõi thời khóa biểu, lịch thi [H09.4.013].

Năm 2022, Nhà trường cũng ban hành các Quy định quản lý, sử dụng hệ thống mạng máy tính; Quy định quản lý, sử dụng, sửa chữa thiết bị tin học và hỗ trợ giảng dạy; Quy định quản lý, sử dụng hệ thống phần mềm Quản lý đào tạo Unisoft [H09.1.014], [H09.1.015], [H09.1.016]. Hàng năm, Trung tâm tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp của Trường xây dựng kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng hạ tầng CNTT trong toàn trường. Đối với các thiết bị mới, được bảo dưỡng theo quy định của nhà sản xuất quy định trong các hợp đồng đảm bảo vận hành tốt thiết bị CNTT phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH. Hệ thống CNTT của Nhà trường trong 5 năm qua đảm bảo thông suốt, ổn định, bảo mật an toàn đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu. Nhà trường đã hợp đồng mua phần mềm an ninh mạng, phần mềm diệt virus [H09.4.017]. Trong chu kỳ KĐCLGD đã dành khoản kinh phí để mua mới các thiết bị CNTT và duy tu, bảo trì hệ thống phần mềm quản lý đào tạo Unisoft [H09.4.018], [H09.4.019].

Hàng năm, nhà trường thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi của CBGV, SV về chất lượng cũng như mức độ đáp ứng của hệ thống CNTT phục vụ cho công tác quản lý, đào tạo, NCKH và PVCĐ [H09.4.020]. Kết quả khảo sát năm hàng năm cho thấy trên 80% CB, nhân viên và NH hài lòng về hạ tầng CNTT Nhà trường [H09.4.021].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống CNTT đầy đủ, đáp ứng tốt yêu cầu về hoạt động đào tạo và NCKH.

3. Điểm tồn tại

Hệ thống máy tính tại các phòng thực hành máy tính đa phần cấu hình thấp, hoạt động không được ổn định và không cài đặt được một số phần mềm để dạy học.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2025, Nhà trường cần triển khai các gói đầu tư cung cấp hệ thống phòng thực hành máy tính mới nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu phục vụ đào tạo và NCKH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả

Căn cứ vào các quy định hiện hành, Trường ĐHTTr đã ban hành các văn bản trong đó có quy định rõ các tiêu chí về môi trường sức khỏe và an toàn đặc biệt là có lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật [H09.5.001]. Trường luôn quan tâm xây dựng chính sách bảo vệ an toàn, sức khỏe và vệ sinh môi trường tại khu làm việc cũng như Ký túc xá SV. Văn phòng và Phòng Quản lý SV có chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng về công tác trật tự trị an, môi trường và sức khỏe [H09.5.002].

Hàng năm, theo nhiệm vụ được phân công, Phòng Khám đa khoa, Văn phòng kết hợp với các đơn vị trong trường triển khai xây dựng các kế hoạch thực hiện và lập dự toán kinh phí về công tác môi trường, y tế, xây dựng kế hoạch bổ sung thuốc và khám sức khỏe cho SV và GV, có đội bảo vệ đảm bảo an toàn, an ninh trong trường, trình Ban Giám hiệu phê duyệt. Nhà trường có kế hoạch khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho CB, GV, NV, kế hoạch khám sức khỏe đầu vào cho SV hệ đại học, cao đẳng chính quy và thực hiện đầy đủ các quy định về vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn tại CSGD [H09.5.003], [H09.5.004].

Tháng 12/2020, Nhà trường đưa vào sử dụng khu nhà hiệu bộ và trung tâm học liệu mới với nhiều phòng học hiện đại, trong đó thiết kế xây dựng đã lưu ý đến việc đáp ứng nhu cầu của người khuyết tật. Có các nội qui qui định về bảo đảm an toàn trong khu vực giảng đường, phòng thực hành, thí nghiệm. Các quy định, nội quy được tóm tắt thành bảng và treo ở các khu nhà trong khuôn viên của Trường để toàn thể CB, GV, nhân viên, NH biết và thực hiện [H09.5.005].

Hàng năm, theo nhiệm vụ được phân công, Văn phòng tham mưu ban hành quy định tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn trong Nhà trường, xây dựng kế

hoạch và triển khai thực hiện và lập dự toán kinh phí về công tác môi trường, y tế, xây dựng kế hoạch bổ sung thuốc và khám sức khỏe cho SV và GV, có đội bảo vệ đảm bảo an toàn, an ninh trong trường, trình Ban Giám hiệu phê duyệt [H09.5.006].

Về môi trường: Trường có ký hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ làm vệ sinh, thu gom rác thải, chăm sóc, cắt tỉa cây xanh định kỳ và trồng mới cây xanh để đảm bảo cảnh quan vệ sinh môi trường [H09.5.007].

Về công tác sức khỏe, y tế cộng đồng: Trường có bộ phận y tế với 02 CB với 10 giường bệnh đảm bảo sơ cấp cứu ban đầu cho CB và SV của Nhà trường. Có tủ thuốc sơ cấp cứu với 33 loại [H09.5.008]. 100% CBGV, nhân viên và SV đều được nhà trường tổ chức mua bảo hiểm y tế; tất cả SV đều được khám sức khỏe khi nhập học và khi ra trường [H09.5.009], [H09.5.0010].

Bếp ăn Nhà trường vận hành theo quy trình một chiều, có chứng nhận an toàn thực phẩm, đội ngũ nhân viên có giấy khám sức khỏe hằng năm, có lưu trữ các thực phẩm theo quy định 24h phục vụ cho công tác kiểm tra an toàn thực phẩm. Nhà trường thực hiện phối hợp với cơ quan chuyên ngành y tế của địa phương định kỳ thực hiện công tác kiểm tra về vệ sinh an toàn thực phẩm tại căng tin Nhà trường [H09.5.011].

Trường có tường rào an toàn, có Đội bảo vệ 17 người, được trang bị trang phục và công cụ hỗ trợ phục vụ công việc trực 24/24h với các chức năng và nhiệm vụ được phân công cụ thể [H09.5.012], [H09.5.013]. Ngoài lực lượng trên, Nhà trường còn có Trung đội tự vệ 33 người tham gia các hoạt động trực, bảo vệ an ninh trật tự hỗ trợ lực lượng bảo vệ của Nhà trường những ngày lễ, tết và các hoạt động lớn [H09.5.014]. Nhà trường lắp đặt hệ thống camera tại tất cả các lớp học, các đơn vị hành chính, ở cổng và sân trường để ghi nhận lại những hoạt động của mọi người khi ra vào trường. Tại mỗi vị trí cầu thang đều có bảng nội quy, thông báo nghiêm cấm hút thuốc lá trong toàn bộ khuôn viên nhà trường, sơ đồ thoát hiểm và được treo ở các vị trí dễ quan sát để mọi người thực hiện [H09.5.015].

Nhà trường có đội phòng cháy, chữa cháy, hàng năm được tập huấn nghiệp vụ công an phòng cháy chữa cháy của Tỉnh tổ chức. Trường có phương án phòng cháy chữa cháy do công an phòng cháy chữa cháy tỉnh Tuyên Quang phê duyệt. Trường thường xuyên rà soát và trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định. Ký túc xá Trường có nội quy, đội bảo vệ trực 24/24h, có hệ thống phòng

cháy nổ. Trong giai đoạn 2019-2024, tất cả CB, GV, SV của nhà trường đều được đảm bảo an toàn [H09.5.016], [H09.5.017].

Hàng năm, Nhà trường đều thực hiện việc khảo sát lấy ý kiến về sự hài lòng của SV trong công tác chăm sóc y tế và các hoạt động hỗ trợ khác, từ đó có những điều chỉnh hợp lý. Kết quả khảo sát cho thấy có trên 80,0% CB, GV, SV hài lòng về môi trường, sức khỏe và sự an toàn của nhà trường sự hài lòng được thông qua một số tiêu chí cụ thể sau: Hệ thống thu gom và xử lý rác thải, có đủ nước sinh hoạt và ăn uống, chăm sóc sức khỏe cho GV, học sinh, SV; hệ thống phòng cháy chữa cháy bố trí phù hợp và đảm bảo an toàn; khuôn viên nhiều cây xanh; phòng chống dịch bệnh; an toàn vệ sinh [H09.5.018]. Nhà trường đã có đường xe lăn cho người khuyết tật tại giảng đường G và nhà A1[H09.5.019] . Tuy nhiên còn nhiều khu vực giảng đường khác chưa có đường xe lăn cho người khuyết tật.

2. Điểm mạnh

Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và đã triển khai thực hiện tốt.

Nhà trường đã đường xe lăn dành cho người khuyết tật ở các khu vực giảng đường G, nhà A1.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường còn thiếu đường xe lăn dành cho người khuyết tật ở các khu vực giảng đường H, cơ sở 2 và cơ sở 3.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2025, nhà trường xây dựng đường xe lăn dành cho người khuyết tật ở tất cả các khu vực giảng đường.

5. Tự đánh giá; Tiêu chí đạt mức 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 9: CSVC và trang thiết bị của Nhà trường đã đáp ứng cho các hoạt động đào tạo của Nhà trường nói chung và đào tạo ngành QLVH nói riêng. Có nhiều phòng máy tính để thực hành công nghệ thông tin, thư viện của Trường được đầu tư đầy đủ trang thiết bị và các đầu sách học tập, tham khảo. Cơ sở hạ tầng và hệ thống CNTT, các phần mềm hỗ trợ công việc đáp ứng tốt nhu cầu học tập, giảng dạy, NCKH, quản lý và các công tác khác. Nhà trường có hội trường, ký túc xá, nhà ăn và Phòng khám đa khoa để phục vụ nhu cầu thể thao, văn nghệ, chăm sóc sức khỏe cho CB, GV và SV. Trường thực hiện tốt các chính sách quy định về bảo vệ an toàn sức khỏe

và môi trường. Trong thời gian tới, Nhà trường tiếp tục nâng cấp CSVC, các trang thiết bị phần mềm thông tin, các tài liệu tham khảo, giáo trình. Nâng cao công tác an toàn môi trường sức khỏe để nâng cao chất lượng về CSVC để phục vụ cho công tác giảng dạy NCKH. Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, Hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành QLVH bậc đại học tự đánh giá tiêu chuẩn 9 có 5/5 tiêu chí đạt 4/7.

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH.

1. Mô tả

CTDH ngành QLVH được thiết kế và phát triển trên cơ sở thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực và phản hồi từ các bên liên quan. Nhà trường đã ban hành Quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành ngành đào tạo mới, đánh giá, cải tiến CĐR, CTĐT, ĐCCT học phần nhằm đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan, nhất là yêu cầu của NH về kiến thức, kỹ năng và năng lực phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn chiến lược và triết lý giáo dục của Trường và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước. Trong giai đoạn 2019 - 2024, Nhà trường đã 02 lần ban hành văn bản hướng dẫn xây dựng, rà soát, thẩm định và ban hành CTDH gồm: Hướng dẫn số 550/HĐ-ĐHTTr ngày 22/8/2019 về việc xây dựng, thẩm định, ban hành ngành đào tạo mới; rà soát, đánh giá, cập nhật CĐR, CTĐT, ĐCCT học phần; Hướng dẫn số 89/HD-ĐHTTr ngày 18/02/2022 về việc xây dựng, thẩm định và ban hành ngành đào tạo mới; đánh giá, cải tiến mục tiêu, CĐR, CTĐT và đề cương học phần. Các văn bản này đã quy định rõ quy trình xây dựng CTDH mới, quy trình rà soát, cập nhật CTDH và phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị liên quan thực hiện, kiểm tra, giám sát theo đúng chức năng và nhiệm vụ [H10.1.001]. Phòng Đào tạo được giao nhiệm vụ là đầu mối trong triển khai thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực và lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan trong quá trình xây dựng và phát triển CTĐT. Khoa Văn hoá - Du lịch phối hợp chặt chẽ trong thực hiện các nội dung liên quan đến thiết kế, rà soát, cập nhật, điều chỉnh, đánh giá, thẩm định và phát triển CTĐT ngành QLVH [H10.1.002]. Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn và kế hoạch của Nhà trường, Khoa Văn hoá - Du lịch tổ chức thu thập thông tin và lấy ý kiến đóng góp, phản hồi của các bên liên quan phục vụ công tác cập nhật, rà soát, chỉnh sửa và đánh giá CTĐT

ngành QLVH, trình độ đại học hệ chính quy, và tổng hợp nhu cầu đào tạo ngành QLVH [H10.1.003]. Các nhà khoa học, CB quản lý đào tạo và các GV có kinh nghiệm, chuyên môn phù hợp đã được Nhà trường lập danh sách và ban hành quyết định tham gia Hội đồng rà soát, điều chỉnh và phát triển CTĐT theo qui trình, đáp ứng CĐR đã công bố, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn chiến lược của Nhà trường. Đồng thời, Nhà trường mời các chuyên gia để tập huấn, bồi dưỡng năng lực phát triển CTĐT cho GV. Các Hội đồng xây dựng, rà soát, đánh giá và cải tiến cũng hướng dẫn chi tiết, phân công trách nhiệm cho các GV xây dựng đề cương học phần, đồng thời kiểm tra, giám sát và tiến hành thẩm định cấp khoa trước khi trình Hội đồng thẩm định, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường thông qua [H10.1.004], [H10.1.005]. Trong quá trình điều chỉnh CTĐT, Nhà trường đã ban hành văn bản qui định và hướng dẫn cụ thể cho các đơn vị, cá nhân triển khai thực hiện công tác lấy ý kiến của các bên liên quan làm cơ sở để thiết kế và phát triển CTĐT. Quy trình thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về CTĐT ngành QLVH được thực hiện theo hướng dẫn chung của Nhà trường, cụ thể như sau: **Bước 1.** Lập kế hoạch tổng thể và lấy ý kiến về nhu cầu đào tạo ngành kế toán, rà soát, cập nhật, điều chỉnh và phát triển CTDH; **Bước 2.** Đề xuất thành lập tiểu ban rà soát, chỉnh sửa, bổ sung, phát triển CTĐT ngành QLVH; **Bước 3.** Xây dựng và hoàn thiện các mẫu phiếu khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan; **Bước 4.** Thực hiện lấy ý kiến khảo sát của các bên liên quan theo kế hoạch; **Bước 5.** Tổng hợp và xử lý số liệu lấy ý kiến về nhu cầu nguồn nhân lực và CĐR, CTĐT ngành QLVH; Phân tích kết quả và viết các báo cáo tổng hợp; **Bước 6.** Sử dụng kết quả khảo sát để xây dựng phát triển CTĐT ngành QLVH; Tổ chức nghiệm thu CTĐT cấp khoa; Trình Hội đồng Khoa học và đào tạo Nhà trường thẩm định. Trong giai đoạn 2019 - 2024, CTĐT ngành QLVH đã được rà soát và điều chỉnh 3 lần (năm 2020, 2022, 2024) [H10.1.006].

Dựa trên CTĐT ngành QLVH hiện có (giai đoạn trước mỗi lần rà soát, chỉnh sửa, cập nhật), Khoa Văn hoá - Du lịch đã tiến hành xây dựng kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan phục vụ rà soát, chỉnh sửa, cập nhật CTĐT [H10.1.003], [H10.1.007]. Sau khi họp và thảo luận, Khoa tiến hành xây dựng bộ phiếu khảo sát chỉnh sửa, phát triển CTĐT và lấy ý kiến của các bên liên quan bao gồm các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý, nhà tuyển dụng lao động, GV, SV và cựu SV [H10.1.008], [H10.1.009]. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Khoa mới chỉ áp dụng

hình thức khảo sát bằng phiếu hỏi gửi trực tiếp đến các bên liên quan, chưa áp dụng linh hoạt và đa dạng các phương thức thu thập thông tin, chưa điện tử hóa các phiếu khảo sát để có thể thu thập thông tin qua Internet như facebook, zalo, messenger, email... Thông tin thu thập được từ khảo sát được Khoa tiến hành tổng hợp, xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel, thực hiện phân tích và lập báo cáo tổng hợp ý kiến các bên liên quan, làm căn cứ đề xuất những thay đổi cho mục tiêu, CĐR, CTĐT và ĐCCT học phần ngành Quản lý văn hoá [H10.1.010]. Sau khi có kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan, Khoa xây dựng báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của CĐR, CTĐT đang thực hiện và đề xuất những nội dung cần thay đổi [H10.1.011]. Đồng thời, Khoa tổ chức Hội nghị đánh giá về tính hiệu quả của các CĐR, CTĐT đang thực hiện, kết hợp với các báo cáo đối sánh CTĐT ngành QLVH trong và ngoài nước để thảo luận và thống nhất các nội dung chỉnh sửa, cập nhật cho CTĐT ngành QLVH [H10.1.012], [H10.1.013]. Toàn bộ các thông tin phản hồi của các bên liên quan thu thập được qua quá trình khảo sát, đối sánh, hội nghị, hội thảo được xử lý, tổng hợp, phân tích, đánh giá và làm cơ sở để Khoa xây dựng bản CTĐT mới trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Nhà trường thẩm định và nghiệm thu [H10.1.014]. Khoa tiếp thu các ý kiến nhận xét, phản biện và kết luận của Hội đồng thẩm định, hoàn thiện các nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung và đề nghị Nhà trường ra quyết định ban hành CTĐT ngành QLVH [H10.1.015].

2. Điểm mạnh

Khoa đã xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc thu thập thông tin và lấy ý kiến khảo sát các bên liên quan làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH; hệ thống thông tin phản hồi đa dạng và cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời làm cơ sở để Khoa thiết kế và cải tiến CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa áp dụng linh hoạt và đa dạng các phương thức thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan, chưa điện tử hóa các phiếu khảo sát để có thể thu thập thông tin qua Internet.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, Khoa Văn hoá - Du lịch cần áp dụng linh hoạt và đa dạng các phương thức thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan, phối hợp với Bộ phận kỹ thuật, ứng dụng CNTT của Nhà trường thực hiện điện tử hóa các phiếu khảo sát để

có thể thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan qua các kênh mạng xã hội như facebook, zalo, messenger, email... đảm bảo nhanh chóng, tiết kiệm và hiệu quả hơn.

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Từ khi phát triển thành trường đại học đến nay, Nhà trường đã 5 lần ban hành quy trình thiết kế và phát triển CTDH, cụ thể: (1) Hướng dẫn về việc xây dựng, rà soát và chỉnh sửa CTĐT, ĐCCT môn học số 464/HD-ĐHTTr ngày 12/4/2013; (2) Hướng dẫn số 1583/HD-ĐHTTr ngày 25/8/2015 về việc xây dựng, cập nhật và đánh giá CTĐT; (3) Hướng dẫn số 502/HD-ĐHTTr ngày 02/10/2017 về việc xây dựng, cập nhật, đánh giá, thẩm định và ban hành CTĐT; (4) Hướng dẫn số 550/HD-ĐHTTr ngày 22/8/2019 về việc xây dựng, thẩm định, ban hành ngành đào tạo mới; rà soát, đánh giá, cập nhật CĐR, CTĐT, ĐCCT học phần; (5) Hướng dẫn số 89/HD-ĐHTTr ngày 18/02/2022 về việc xây dựng, thẩm định và ban hành ngành đào tạo mới; đánh giá, cải tiến mục tiêu, CĐR, CTĐT và đề cương học phần [H10.2.001]. Quy trình thiết kế và phát triển CTDH ở các lần ban hành khác nhau có sự thay đổi, điều chỉnh và bổ sung phù hợp với yêu cầu phát triển của từng giai đoạn, Nhà trường giao cho phòng Đào tạo là đơn vị đầu mối, phối hợp với các Khoa để tiến hành các bước thực hiện rà soát và điều chỉnh CTDH. Căn cứ vào quy trình thiết kế và phát triển CTDH do Nhà trường ban hành, Khoa Văn hoá - Du lịch lập và thực hiện các kế hoạch xây dựng, rà soát, cập nhật, điều chỉnh, đánh giá, thẩm định và phát triển CTĐT ngành QLVH, trình độ đại học, hệ chính quy [H10.1.003]. Năm 2024, quy trình thiết kế và phát triển CTDH quy định cụ thể các bước thực hiện theo Hướng dẫn số 89/HD-ĐHTTr ngày 18/02/2022 như sau: ***Bước 1.*** Lập kế hoạch rà soát, cập nhật và đánh giá CĐR, CTĐT và ĐCCT học phần; ***Bước 2.*** Thành lập Ban chỉ đạo rà soát, điều chỉnh và bổ sung CĐR, CTĐT và ĐCCT học phần; ***Bước 3.*** Thành lập Tổ soạn thảo rà soát, chỉnh sửa CĐR, CTĐT và ĐCCT học phần; ***Bước 4.*** Thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật CĐR, CTĐT và ĐCCT học phần, khảo sát ý kiến các bên liên quan về CĐR, CTĐT và ĐCCT học phần; ***Bước 5.*** Xây dựng báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của CĐR, CTĐT đang thực hiện và đề xuất những nội dung cần thay đổi; ***Bước 6.*** Tổ chức Hội nghị đánh giá về tính hiệu quả của các CĐR, CTĐT đang thực hiện;

Bước 7. Bổ sung, hoàn thiện CDR, trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường; **Bước 8.** Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường thông qua CDR; **Bước 9.** Ban hành CDR sửa đổi, bổ sung; **Bước 10.** Hoàn thiện CTĐT và ĐCCT học phần, trình Hội đồng Khoa học và đào tạo xem xét thông qua; **Bước 11.** Hội đồng Khoa học và Đào tạo xem xét, thông qua nội dung sửa đổi, cập nhật CTĐT, ĐCCT học phần và trình Hiệu trưởng ban hành CTĐT, ĐCCT sửa đổi, bổ sung; **Bước 12.** Ban hành CTĐT và ĐCCT học phần sửa đổi, bổ sung [H10.2.001].

Từ năm 2019 đến nay, phòng Đào tạo đã phối hợp với các đơn vị trong Trường thực hiện 03 lần rà soát, đánh giá quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Cụ thể: Năm 2019, Nhà trường tổ chức rà soát và đánh giá quy trình xây dựng, cập nhật, đánh giá, thẩm định và ban hành CTĐT theo Hướng dẫn Số 502/HD-ĐHTTr ngày 02/10/2017. Trên cơ sở rà soát, điều chỉnh, Nhà trường đã ban hành Hướng dẫn số 550/HD-ĐHTTr ngày 22/8/2019 với các quy định chi tiết về quy trình thực hiện. Năm 2022, Nhà trường tiếp tục rà soát, điều chỉnh và ban hành Hướng dẫn số 89/HD-ĐHTTr ngày 18/02/2022 [H10.2.002], [H10.2.003].

Dựa trên kết quả rà soát, đánh giá, Phòng Đào tạo dự thảo quy trình thiết kế và phát triển CTDH mới cải tiến trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường họp xét, thẩm định và đề xuất ban hành [10.2.001]. Kết quả cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH thể hiện ở Bảng 10.2.1:

Bảng 10.2.1. Kết quả cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH

Năm ban hành	Tên quy trình	Số văn bản	Nội dung cải tiến
2019	Hướng dẫn về việc xây dựng, thẩm định, ban hành ngành đào tạo mới; rà soát, đánh giá, cập nhật CDR, CTĐT, ĐCCT học phần.	Hướng dẫn số 550/HD-ĐHTTr ngày 22/8/2019	- Quy định cụ thể đối với hai quy trình: 1. Quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành ngành đào tạo mới (đối với mở mã ngành); 2. Quy trình rà soát, đánh giá, cập nhật CDR, CTĐT, ĐCCT học phần (đối với TCĐT đang thực hiện). - Bổ sung khảo sát ý kiến các bên liên quan về thiết kế CDR của CTĐT.
2022	Hướng dẫn về việc xây dựng, thẩm định và ban hành	Hướng dẫn số 89/HD-	- Quy định cụ thể đối với hai quy trình: 1. Quy trình xây dựng, thẩm định, ban

	ngành đào tạo mới; đánh giá, cải tiến mục tiêu, CĐR, CTĐT và đề cương học phần	ĐHTTr ngày 18/02/2022	hành ngành đào tạo mới gồm 14 bước; 2. Quy trình đánh giá, cải tiến mục tiêu, CĐR, CTĐT và đề cương học phần gồm 16 bước.
--	--	-----------------------	--

2. Điểm mạnh

Quy trình thiết kế và phát triển CTDH được rà soát, đánh giá và cải tiến thường xuyên hai năm một lần, có sự tham gia của các bên liên quan nhằm nâng cao chất lượng thiết kế và phát triển CTDH đáp ứng yêu cầu đào tạo trong từng giai đoạn.

3. Điểm tồn tại

Quá trình rà soát và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH chưa tiến hành lấy ý kiến bằng bảng hỏi đối với các bên liên quan như các chuyên gia, nhà quản lý, GV, ...

4. Kế hoạch hành động

Trong lần rà soát, đánh giá và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH tiếp theo, Phòng Đào tạo phối hợp với các Khoa chuyên môn thiết kế phiếu khảo sát và tiến hành lấy ý kiến bằng bảng hỏi đối với các bên liên quan để thu thập thông tin làm căn cứ đề xuất những thay đổi và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của NH được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR

1. Mô tả

Nhà trường đã xây dựng và ban hành các quy định về dạy và học như: Các quy định về quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHTTr [H10.3.001]; các quy định về hoạt động đào tạo [H10.3.002]; Quy định thực hiện hồ sơ chuyên môn của GV [H10.3.003]; Quy định xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc học phần [H10.3.004]; Quy định thực tập đối với khối ngành ngoài sư phạm [H10.3.005]; Quy định quản lý khoa học và công nghệ [H10.3.006]; Quy định công tác CVHT [H10.3.007]; Quyết định ban hành CĐR CTĐT ngành QLVH [H10.3.008]...

Nội dung đánh giá kết quả học tập của NH được Nhà trường quy định rõ trong ĐCCT học phần của CTĐT. Trong đó chỉ rõ hình thức đánh giá, trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá; thời gian thi, nội dung, kết cấu đề thi, cấu trúc cấp độ nhận thức,... [H10.3.009]. Bên cạnh đó để đánh giá kết quả học tập của NH, Nhà trường cũng ban hành các quy định tổ chức thi kết thúc học phần, quy định về xây

dựng, quản lý và sử dụng đề thi, ngân hàng đề thi kết thúc học phần. Trong giai đoạn 2019-2024, Nhà trường đã 03 lần rà soát và ban hành các quy định liên quan đến thi kết thúc học phần với những điều chỉnh và cải tiến [H10.3.004]. Trong đó, có quy định rõ về tổ chức thi học phần từ khâu xây dựng ngân hàng đề thi, lựa chọn các loại hình thức thi (tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, bài tập lớn...), công thức tính điểm thành phần, trọng số của các thành phần điểm, cách quy đổi thang điểm 10 sang thang điểm 4 và điểm chữ. Nhà trường có quy định rõ về điều kiện cho những NH được làm khóa luận tốt nghiệp, quy định về cách chấm khóa luận [H10.3.001]. Đối với các học phần thực tập, thực tế, Nhà trường đã ban hành các quy định về kiểm tra, đánh giá kèm theo các Quyết định số 133/QĐ-ĐHTTr ngày 28/02/2017 quy định chế độ khuyến khích đối với SV tham gia thực tập nước ngoài; Quyết định số 462/QĐ-ĐHTTr ngày 15/7/2017 quy định tổ chức học tập các học phần chuyên môn trên thực tế, thực địa và Quyết định số 1029/QĐ-ĐHTTr, ngày 13/11/2018 quy định về thực tập đối với khối ngành ngoài sư phạm [H10.3.010]. Để đánh giá quá trình học tập, thực tập ở nước ngoài của NH, Nhà trường đã ban hành Quy định về quản lý SV theo Quyết định số 152/QĐ-ĐHTT ngày 02/3/2017 [H10.3.011]. Ngoài các quy định về học tập, Nhà trường còn căn cứ theo Thông tư số 16 ngày 12/8/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về đánh giá kết quả rèn luyện của NH hệ chính quy theo Quyết định số 1469/QĐ-ĐHTTr ngày 16/12/2019 [H10.3.012].

Hàng năm, Nhà trường đều triển khai thực hiện kế hoạch công tác ĐBCL giáo dục để đánh giá việc thực hiện các quy định về nhiệm vụ chuyên môn của GV, từ đó có đánh giá và rút kinh nghiệm cho mỗi GV trong từng nhiệm vụ cụ thể để nâng cao chất lượng hoạt động dạy học. Nhà trường xây dựng kế hoạch thanh tra nội bộ và các quyết định thanh tra, kiểm tra chuyên môn. Phòng Thanh tra - Pháp chế (Nay là phòng Quản lý chất lượng và thanh tra) xây dựng kế hoạch chi tiết, các đơn vị phối hợp thực hiện. Đối với GV, nội dung thanh tra, kiểm tra gồm: công tác giảng dạy, hồ sơ chuyên môn. Đối với SV, kiểm tra thời gian lên lớp, quá trình học tập, việc thực hiện nội quy nề nếp, thực hiện quy chế thi kết thúc học phần. Việc kiểm tra, giám sát SV được thực hiện trực tiếp bởi GV giảng dạy và đội ngũ CVHT [H10.3.013], [H10.3.014], [H10.3.015]. Bên cạnh đó, hoạt động thăm lớp, dự giờ của GV cũng được Khoa chú trọng. Khoa đã tổ chức các buổi dự giờ, đánh giá đối với những GV lần đầu tiên giảng dạy một học phần mới và thường xuyên dự giờ các học phần khác nhằm đóng góp ý kiến cho các

GV về nội dung bài giảng, cách thức tổ chức dạy học, các phương pháp giảng dạy, cách thức tiến hành kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của NH. Kết thúc mỗi học kỳ, Phòng Khảo thí và ĐBCL (Nay là phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra) phối hợp cùng Khoa Văn hoá - Du lịch tiến hành lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động kiểm tra đánh giá. SV tham gia đánh giá ở nhiều tiêu chí: nội dung giảng dạy; phương pháp giảng dạy; tổ chức hoạt động giảng dạy; sử dụng các phương tiện hỗ trợ và học liệu học tập; kiểm tra, đánh giá kết quả học tập; kết quả đạt được; các biểu hiện vi phạm đạo đức nhà giáo; các ý kiến khác của NH. Kết quả thu được cho thấy nhìn chung GV có chất lượng giảng dạy đạt hiệu quả tốt và được NH đánh giá cao [H10.3.016], [H10.3.017], [H10.3.018]. Kết thúc mỗi học kỳ, Khoa tổ chức các cuộc họp giữa Lãnh đạo Khoa, các GV bộ môn, trợ lý Khoa, CVHT, đại diện Đoàn thanh niên, Hội SV nhằm mục đích kịp thời nắm bắt về tình hình chung của NH cũng như công tác đào tạo, kiểm tra, đánh giá; đồng thời họp đánh giá kết quả rèn luyện và xét học bổng cho NH [H10.3.019].

Mỗi học phần đều đáp ứng ít nhất một CDR của CTĐT và xây dựng quy trình đánh giá kết quả học tập của NH bám sát các mục tiêu, CDR của học phần và CTĐT. Việc ra đề thi, chấm thi đều được thực hiện theo quy trình như sau: trước khi kết thúc học kỳ, Phòng Khảo thí - ĐBCL (nay là Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra) gửi đến Khoa lịch thi và danh sách các học phần cần bổ sung đề thi mới và rà soát ngân hàng đề thi đã có. Trong thời gian quy định, các GV bộ môn giới thiệu đề thi theo quy chế bảo vệ tài liệu mật, Phòng Khảo thí - ĐBCL (nay là Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra) tổ chức cho NH thi đảm bảo tính độc lập, khách quan. Ngân hàng đề thi được GV rà soát và đánh giá thường xuyên trong quá trình giảng dạy nhằm cân đối giữa các kiến thức lý thuyết và thực hành, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR [H10.3.004].

Về quy trình chấm báo cáo thực tập (Thực tập 1 và thực tập 2), các bước tiến hành như sau: (1) Trợ lý Khoa thu báo cáo thực tập của NH, đồng thời yêu cầu nộp nhận xét của đơn vị thực tập về quá trình thực tập; (2) Khoa phân công 02 GV chấm báo cáo tiến hành chấm độc lập; (3) Kết quả thực tập của NH được trợ lý Khoa rà soát, tổng hợp và nộp Phòng Khảo thí - ĐBCL (nay là Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra) và nhập phần mềm quản lý điểm; (4) Kết quả thực tập được Trợ lý Khoa công bố cho NH trong vòng 2 tuần sau khi kết thúc đợt thực tập; (5) Phòng Thanh tra - Pháp chế, Phòng Khảo thí - ĐBCL (2 phòng này hiện đã sáp nhập thành Phòng Quản lý chất

lượng và Thanh tra), Phòng Đào tạo sẽ rà soát và kiểm tra xác suất việc kiểm tra, đánh giá cũng như quá trình vào điểm của SV [H10.3.005].

Nhà trường đã triển khai các hoạt động cải tiến PPDH, đổi mới hình thức kiểm tra, đánh giá thông qua tổ chức tập huấn đo lường đánh giá mức độ đạt CĐR, hướng dẫn xây dựng ngân hàng đề thi đáp ứng CĐR của học phần [H10.3.020]. Trong các đợt rà soát, chỉnh sửa và phát triển CTĐT (2020, 2022, 2024), Khoa cũng tiến hành rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH ở tất cả các học phần trong CTĐT đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR [H10.3.021]. Khoa đã tổ chức sinh hoạt chuyên môn, thảo luận giữa các GV tham gia thực hiện CTĐT ngành QLVH để đề xuất các phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH thích hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng CĐR của CTĐT ngành QLVH [H10.3.022], [H10.3.023]. Tuy nhiên, Khoa chưa tổ chức được hội nghị/hội thảo có sự tham gia đầy đủ của các bên liên quan để thảo luận và lựa chọn các phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH trong CTĐT ngành QLVH.

2. Điểm mạnh

Quá trình dạy học ngành QLVH được tổ chức bài bản, đảm bảo thực hiện đúng các quy định, quy chế đào tạo đại học và hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng. Quy trình kiểm tra, đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ và chặt chẽ.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa tổ chức được hội thảo có sự tham gia đầy đủ của các bên liên quan để thảo luận và lựa chọn các phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH trong CTĐT ngành QLVH.

4. Kế hoạch hành động

Trong chu kỳ đánh giá và cải tiến CTĐT ngành QLVH tiếp theo, Khoa Văn hoá - Du lịch tổ chức hội thảo có sự tham gia đầy đủ của các bên liên quan để thảo luận và lựa chọn các phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 10.4. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Mô tả

Bên cạnh việc giảng dạy, NCKH là hoạt động then chốt, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và đổi mới PPDH trong môi trường đại học. Nhận thức rõ tầm quan trọng

này, Trường ĐHTTr luôn tạo điều kiện tối đa cho GV và SV tham gia NCKH hàng năm. Nhà trường đã ban hành các quy định quản lý hoạt động khoa học công nghệ, thường xuyên được điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện theo từng giai đoạn [H10.4.001].

Hoạt động NCKH luôn được khoa Văn hóa - Du lịch xác định là một trong các hoạt động quan trọng cần được đẩy mạnh. Giai đoạn 2019 - 2024, các sản phẩm NCKH của CB, GV khoa Văn hóa - Du lịch có sự thay đổi tích cực qua các năm. Bảng 10.4.1 thể hiện kết quả NCKH của khoa Văn hóa - Du lịch qua các năm.

Bảng 10.4.1. Các công trình khoa học đã công bố của khoa Văn hoá - Du lịch giai đoạn 2020 - 2024

Năm	Đề tài NCKH	Tạp chí		Sách chuyên khảo/Giáo trình/Tài liệu tham khảo	Hội thảo		Tập huấn	Sáng kiến kinh nghiệm	
		Trong nước	Quốc tế		Trong nước	Quốc tế		Cấp cơ sở	cấp tỉnh
2019		13			1	2			
2020		14		3	2	2	1		
2021	2	26	1	1	2				
2022	1	19		7	4		1		
2023	3	19	5	3	1		1	2	
2024	4	12	3	2	1				2
Tổng	10	103	9	16	11	4	3	2	2

Theo số liệu thống kê cho thấy: Số lượng đề tài các cấp, xuất bản sách phục vụ đào tạo, các bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học chuyên ngành, các bài hội thảo trong và ngoài nước tăng dần hằng năm. Loại hình NCKH của GV ngày càng đa dạng hơn về nội dung và hình thức như thực hiện đề tài NCKH, sáng kiến kinh nghiệm, viết báo khoa học, tham gia hội thảo, biên soạn sách, tài liệu tham khảo phục vụ đào tạo. Trong giai đoạn 2019 - 2024, khoa Văn hóa - Du lịch đã thực hiện 10 đề tài NCKH cấp trường, công bố 103 bài báo đăng trên tạp chí trong nước, 9 bài báo đăng trên tạp chí nước ngoài, xuất bản 16 sách giáo trình và tài liệu tham khảo, 15 bài báo công bố tại hội thảo khoa học trong và ngoài nước, 04 sáng kiến kinh nghiệm trong giảng dạy và học tập [H10.4.002]. SV của khoa cũng tham gia tích cực vào

hoạt động NCKH, đã thực hiện 04 đề tài NCKH với các chủ đề về quản lý văn hoá, quản trị dịch vụ du lịch - lễ hành, tìm hiểu các văn hoá, tín ngưỡng...[H 10.4.003].

Kết quả và sản phẩm của các công trình khoa học sau khi nghiệm thu và công bố được sử dụng theo đúng quy định về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ của Nhà trường và được sử dụng trong hoạt động giảng dạy phù hợp với chuyên môn và lĩnh vực nghiên cứu. Các nghiên cứu của GV đã góp phần cải tiến phương pháp giảng dạy, từ đó việc dạy và học đạt hiệu quả hơn, chất lượng bài giảng được cập nhật theo xu hướng mới giúp nâng cao chất lượng học tập của người học. Một số kết quả NCKH của khoa Văn hóa - Du lịch được áp dụng/chuyển tải thành nội dung/chuyên đề giảng dạy trong CTDH bao gồm: 17 học liệu dạy học phục vụ trực tiếp cho các học phần trong CTĐT ngành QLVH như: Văn hóa gia đình; Giáo dục nghệ thuật...; 01 sáng kiến kinh nghiệm về đổi mới phương pháp giảng dạy đại học. Một số bài báo khoa học được chuyển tải thành nội dung chuyên đề sinh hoạt chuyên môn của GV chuyên ngành QLVH; Sáng kiến kinh nghiệm do GV trong Khoa thực hiện nhằm đổi mới PPDH và nâng cao chất lượng đào tạo chuyên ngành QLVH [H10.4.004].

Tuy nhiên, số lượng GV của Khoa tham gia làm đề tài NCKH còn hạn chế và viết bài báo trên tạp chí nước ngoài chưa nhiều qua các năm.

2. Điểm mạnh

Các đề tài nghiên cứu khoa học đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và ý nghĩa thực tiễn là phục vụ cộng đồng. Do vậy, kết quả nghiên cứu của các đề tài khoa học đều được ứng dụng vào việc giảng dạy các học phần lý thuyết cũng như các học phần thực hành, thực tập thực tế của SV.

3. Điểm tồn tại

Số lượng GV của Khoa tham gia làm đề tài NCKH còn hạn chế và viết bài báo trên tạp chí nước ngoài chưa nhiều qua các năm.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2024 - 2025, Nhà trường sẽ có những chế độ khuyến khích và tạo động lực để GV tham gia viết các bài báo trên tạp chí nước ngoài có chất lượng (ISI, SCI và Scopus); Khuyến khích GV tham gia các hội thảo quốc tế bằng tiếng Anh trong và ngoài nước; Thành lập các nhóm nghiên cứu theo từng lĩnh vực thuộc ngành đào tạo.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, bao gồm thư viện, phòng thí nghiệm, công nghệ thông tin, đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo, Trường ĐHTT đặc biệt chú trọng đánh giá và cải tiến các dịch vụ này. Dựa trên các quy định về đánh giá chất lượng dịch vụ hỗ trợ, tư vấn SV và đánh giá hiệu quả sử dụng CSVC, hàng năm, trường phối hợp với khoa Văn hóa - Du lịch xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CSVC, môi trường, sức khỏe và an toàn; Hạ tầng CNTT, nguồn học liệu và chất lượng phục vụ nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, đào tạo, NCKH và PVCĐ [H10.5.001]. Kết quả khảo sát cho thấy về cơ bản SV và CBGV đều hài lòng với hệ thống CSVC, trang thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH và PVCĐ [H10.5.002].

Nhà trường luôn nâng cấp CSVC hỗ trợ kịp thời cho hoạt động dạy và học của GV và SV. Hoạt động CNTT đã được Nhà trường chú trọng, tất cả hệ thống máy tính được nối mạng Internet, hệ thống mạng Internet và Wifi được sử dụng miễn phí trong toàn Trường phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH của GV và NH. Nhà trường có bộ phận chuyên trách quản trị mạng và hỗ trợ kỹ thuật tin học cho GV và SV (Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp), đảm bảo hệ thống mạng hoạt động thông suốt, có hệ thống tường lửa bảo vệ an toàn hệ thống mạng nội bộ của Nhà trường. Việc nâng cấp và bảo trì các hệ thống phần mềm phục vụ, hỗ trợ công tác dạy và học được thực hiện thường xuyên nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo và nghiên cứu. Hàng năm, có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng thiết bị CNTT [H10.5.003], [H10.5.004] mua sắm vật tư, sách giáo trình, trang thiết bị phục vụ thực hành thí nghiệm, vệ sinh thư viện phục vụ không gian tự học. [H10.5.005], [H10.5.006], [H10.5.007] đồng thời có báo cáo tổng hợp đánh giá hiệu quả sử dụng CSVC, nguồn học liệu và các phương tiện dạy học [H10.5.008], [H10.5.009].

Khoa Văn hóa - Du lịch phân công GV/CVHT quản lý lớp, hàng tháng GV/CVHT tham dự các phiên họp của lớp để nắm bắt tình hình để có thể hỗ trợ tốt nhất đến NH [H10.5.010]. Hàng năm, phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra phối hợp với phòng Quản lý SV, khoa Văn hóa - Du lịch đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến

phản hồi của SV đang học tập tại Khoa về hoạt động giảng dạy của GV, các hoạt động của Nhà trường cũng như chất lượng các dịch vụ hỗ trợ tiện ích [H10.5.011]. Việc đánh giá các hoạt động hỗ trợ khác cũng được triển khai thực hiện như đánh giá kết quả tham gia các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng; Khảo sát ý kiến của người tham gia tình nguyện [H10.5.012]. Khảo sát sự hài lòng của SV về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập [H10.5.013]. Kết quả đánh giá cho thấy nhìn chung các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích phục vụ đào tạo ngành QLVH đã được tổ chức bài bản, đa dạng, phong phú có ý nghĩa thiết thực.

Trên cơ sở kết quả đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ, Nhà trường và Khoa Văn hóa - Du lịch đã đưa ra các giải pháp nhằm cải tiến nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ, tiện ích nhằm đáp ứng nhu cầu NH. Các hoạt động cụ thể nhằm cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ bao gồm: Tổ chức kiểm tra thực tế các điều kiện về hệ thống công nghệ thông tin, trang thiết bị, thư viện phục vụ đào tạo ngành QLVH [H10.5.014]; tổ chức thống kê học liệu sử dụng cho ngành QLVH [H10.5.015]. Trên cơ sở kết quả kiểm tra thực tế và nhu cầu sử dụng vật tư, trang thiết bị phục vụ đào tạo, Khoa và Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và đề xuất Nhà trường mua sắm, sửa chữa CSVG, bổ sung thêm sách, trang bị thêm máy tính, xây dựng phòng thực hành [H10.5.016]. Khoa phối hợp với Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp rà soát và đề xuất bổ sung học liệu phục vụ nhu cầu đào tạo thông qua việc mua sắm và ký kết thỏa thuận liên kết chia sẻ tài liệu với một số trung tâm học liệu [H10.5.017], [H10.5.018].

Ngoài ra, một số hoạt động khác nhằm tư vấn, hỗ trợ cho NH cũng được tổ chức thực hiện như: Tổ chức các buổi tập huấn kỹ năng mềm cho SV [H10.5.019]; Tập huấn nghiệp vụ chuyên ngành cho SV trước khi đi thực tập [H10.5.020]; Tập huấn nâng cao năng lực số và văn hoá ứng xử cho SV trên không gian mạng [H10.5.021]; Tổ chức các talkshow trao đổi về định hướng, cơ hội nghề nghiệp cho SV ngành QLVH và du lịch [H10.5.022]. Các hoạt động hỗ trợ và tiện ích mà Nhà trường và Khoa đã triển khai thực hiện tương đối đa dạng và linh hoạt, đáp ứng nhu cầu thực tế của NH.

2. Điểm mạnh

Cơ sở vật chất và trang thiết bị của Nhà trường đã đáp ứng cho các hoạt động đào tạo của Nhà trường nói chung và đào tạo ngành QLVH nói riêng. Có nhiều phòng

máy tính để thực hành công nghệ thông tin, thư viện của Trường được đầu tư đầy đủ trang thiết bị và các đầu sách học tập, tham khảo. Cơ sở hạ tầng và hệ thống CNTT, các phần mềm hỗ trợ công việc đáp ứng tốt nhu cầu học tập, giảng dạy, NCKH, quản lý và các công tác khác.

3. Điểm tồn tại

Hồ sơ theo dõi, quản lý trang thiết bị trong phòng thực hành chưa được quản lý bằng phần mềm.

Hệ thống máy tính tại các phòng thực hành máy tính đa phần cấu hình thấp, hoạt động không được ổn định và không cài đặt được một số phần mềm để dạy học.

4. Kế hoạch hành động

Trong thời gian tới, Nhà trường tiếp tục nâng cấp CSVN, các trang thiết bị phần mềm thông tin, các tài liệu tham khảo, giáo trình. Nâng cao công tác an toàn môi trường sức khỏe để nâng cao chất lượng về cơ sở vật chất để phục vụ cho công tác giảng dạy NCKH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được cấu trúc một cách hệ thống và phân quyền phù hợp theo quy định chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận. Nhà trường đã ban hành “Quy định về công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan” nhằm tăng cường mối liên kết giữa Nhà trường với các bên liên quan; đồng thời giúp Nhà trường có thêm thông tin phản hồi từ các bên liên quan để cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động trong toàn Trường, đáp ứng nhu cầu của NH và xã hội. Quy định cũng nêu rõ hình thức, thời điểm và quy trình tổ chức lấy ý kiến phản hồi [H10.6.001]. Khoa Văn hoá - Du lịch đã phối hợp với các phòng chức năng tổ chức nhiều kênh thông tin, nhiều nội dung và hình thức thu thập thông tin để đánh giá và cải tiến chất lượng các hoạt động, cụ thể như: Tổ chức hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng với SV [H10.6.002]; Thành lập Ban hướng nghiệp và tư vấn việc làm cho SV [H10.6.003], [H10.6.004]; Khảo sát tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp và tổ chức kết nối, giới thiệu việc làm cho SV [H10.6.005], [H10.6.006], [H10.6.007]; Khảo sát sự hài lòng về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH [H10.5.002]; Khảo sát lấy ý

kiến phản hồi từ NH về các hoạt động giảng dạy của GV [H10.5.013]. Khoa Văn hoá - Du lịch cũng đã trực tiếp tiến hành các đợt khảo sát về nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực ngành QLVH; khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan và đề xuất những thay đổi cho CĐR, CTĐT ngành QLVH [H10.6.008], [H10.6.009]. Qua đó cho thấy đã có sự phối hợp giữa Khoa Văn hoá - Du lịch và các đơn vị tổ chức xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện thu thập và báo cáo về thông tin phản hồi của các bên liên quan một cách đa dạng và có tính hệ thống trong quá trình cải tiến, phát triển CTDH và nâng cao chất lượng các hoạt động của Nhà trường.

Để đảm bảo chất lượng và tính phù hợp của chương trình đào tạo, năm 2020, nhà trường đã ban hành “*Quy định thực hiện thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để xây dựng và phát triển chương trình dạy học*”. Quy định này đã được ban hành có chỉnh sửa, bổ sung dựa trên ý kiến phản hồi, góp ý của các đơn vị trong trường [H10.6.010]. Khoa Văn hóa - Du lịch đã tích cực tham gia vào quá trình này, tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn để đánh giá và đề xuất chỉnh sửa quy định [10.6.011]. Mặc dù quy trình thu thập thông tin phản hồi đã được đánh giá và cải tiến, xong quá trình rà soát và đánh giá quy trình này chưa tiến hành khảo sát bằng bảng hỏi lấy ý kiến của các bên liên quan

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đa dạng, đầy đủ và được thực hiện một cách có hệ thống nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các bên liên quan tham gia đóng góp ý kiến nâng cao chất lượng dạy học và phát triển CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội.

Chính sách và quy định tuyển sinh được công bố rộng rãi bằng các hình thức truyền thông tuyển sinh đa dạng, phong phú.

3. Điểm tồn tại

Quá trình đánh giá và cải tiến quy trình thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTDH chưa tiến hành lấy ý kiến bằng bảng hỏi đối với các bên liên quan.

4. Kế hoạch hành động

Trong chu kỳ đánh giá tiếp theo, Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra phối hợp với các đơn vị trong Trường thực hiện thiết kế phiếu khảo sát và tiến hành lấy ý kiến bằng bảng hỏi đối với các bên liên quan để thu thập thông tin làm căn cứ đề xuất

những thay đổi và cải tiến “*Quy trình thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTDH*”.

5. *Tự đánh giá*: Tiêu chí đạt mức 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 10: Việc đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo ngành QLVH đã được Trường ĐHTTr và Khoa Văn hoá - Du lịch thiết lập một cách bài bản, định kỳ được đánh giá, điều chỉnh và cải tiến để đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. Cụ thể, việc thiết kế CTĐT được căn cứ vào CDR ngành QLVH và kế hoạch thiết kế và phát triển chương trình giáo dục đại học hệ chính quy của Nhà trường; Thông tin phản hồi từ các bên liên quan được tổng hợp và đánh giá, làm cơ sở để Khoa bổ sung, chỉnh sửa CTĐT ngành QLVH đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực ngành QLVH trong từng giai đoạn; Quy trình kiểm tra, đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc. Các hình thức kiểm tra đa dạng, linh hoạt đã đánh giá được kiến thức và kỹ năng của NH ở từng học phần theo chuẩn đầu ra; Khoa đã thực hiện các đề tài NCKH liên quan đến việc dạy và học, các kết quả NCKH được áp dụng và chuyển tải thành nội dung giảng dạy, đã sử dụng các kết quả NCKH để cải tiến hoạt động dạy và học; Bên cạnh đó, các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu của NH, có sự cải tiến hàng năm nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống và được áp dụng để đánh giá, cải tiến các dịch vụ hỗ trợ dạy và học. Tuy nhiên, để nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, một số tồn tại, hạn chế cần được khắc phục và xây dựng kế hoạch cải tiến, như: áp dụng linh hoạt và đầy đủ các phương thức thu thập thông tin, nâng cao chất lượng thông tin phản hồi của các bên liên quan về cải tiến chất lượng đào tạo; kiểm tra, rà soát chặt chẽ đối với đề thi của các học phần chưa có ngân hàng đề thi; thúc đẩy hoạt động NCKH của SV ngành QLVH; tạo dựng các mối liên kết với các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh du lịch dịch vụ,... đáp ứng nhu cầu thực hành, thực tập của SV. Căn cứ vào kết quả đánh giá các tiêu chí, Hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành QLVH tự đánh giá tiêu chuẩn 10 có 4/6 tiêu chí đạt 5/7, 2/6 tiêu chí đạt 4/7.

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Mở đầu: Ngành QLVH là một CTĐT nhận được sự quan tâm đặc biệt từ NH trong bối cảnh nhu cầu nguồn nhân lực có trình độ đại học ở lĩnh vực này ngày càng

gia tăng. Việc đánh giá kết quả đầu ra đóng vai trò then chốt trong công tác ĐBCL giáo dục của Nhà trường. Kết quả đầu ra không chỉ cung cấp những thông tin quan trọng phục vụ cho việc cải tiến chất lượng CTĐT mà còn là căn cứ để hoàn thiện hệ thống ĐBCL bên trong của Nhà trường.

Kết quả đầu ra tập trung vào mức độ đạt được các CDR của CTĐT, tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình của NH, cũng như tỷ lệ NH có việc làm sau khi tốt nghiệp. Đồng thời, mức độ tham gia và kết quả NCKH của NH cũng là một chỉ số quan trọng phản ánh hiệu quả đào tạo và khả năng đáp ứng yêu cầu thực tiễn của chương trình. Những chỉ số này thể hiện một cách tổng quan và toàn diện về chất lượng cũng như hiệu quả của toàn bộ quá trình đào tạo ngành QLVH tại Trường ĐHTTr.

Việc theo dõi và phân tích các kết quả đầu ra này sẽ giúp Nhà trường nhận diện được các điểm mạnh cần phát huy và các điểm còn hạn chế cần khắc phục, từ đó có những điều chỉnh và cải tiến phù hợp nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường lao động và xã hội.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Hàng năm, tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn của NH ngành QLVH được xác lập chặt chẽ dựa trên các Quy định về cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học; điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp và được thông qua Hội đồng xét tốt nghiệp [H11.1.001], [H11.1.002]. Nhà trường giao cho phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra quản lý, theo dõi về thông tin NH tốt nghiệp đúng hạn, phòng Quản lý SV quản lý thông tin NH thôi học [H11.1.003]. Hàng năm, phòng Quản lý chất lượng và thanh tra đều thực hiện phân công giao nhiệm vụ cụ thể cho từng CB phụ trách, quản lý, theo dõi các hệ đào tạo, một trong các nhiệm vụ cần theo dõi là tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ học lại, thi lại các môn học/học phần; giám sát tiến trình và hiệu quả học tập của NH, đưa ra cảnh báo về tiến trình học tập, nợ môn [H11.1.004], [H11.1.005], [H11.1.006]. Phòng Quản lý SV có nhiệm vụ thống kê, tổng hợp dữ liệu và quản lý hồ sơ của NH; đánh giá, tổng hợp kết quả rèn luyện các kỳ học, năm học; xử lý kỷ luật đối với NH vi phạm quy chế, nội quy trong đó có tỉ lệ thôi học của các ngành đào tạo [H11.1.003, 2]. Các khoa chuyên môn theo dõi, giám sát NH thông qua hệ thống sổ CVHT trong đó có ghi

thông tin về tình trạng thôi học, học lại, thi lại của NH [H11.1.007], [H11.1.008]. Ngoài ra, theo Quy định về công tác CVHT trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHTTr nêu rõ nhiệm vụ của CVHT là theo dõi và đánh giá toàn diện về học tập và rèn luyện của NH được phụ trách và có trách nhiệm báo cáo định kỳ hoặc đột xuất với khoa, phòng, ban liên quan, với Ban Giám hiệu về tình hình lớp [H11.1.009]. Phòng Đào tạo phối hợp với Phòng Quản lý chất lượng và thanh tra tổ chức quản lý, kiểm tra, theo dõi, đánh giá kết quả học tập của NH từng ngành, đồng thời tham mưu cho Lãnh đạo trường tổ chức các học kỳ phụ nhằm cải thiện điểm cho NH và nâng cao chất lượng đào tạo [H11.1.010], [H11.1.011], [H11.1.012] [H11.1.013]. Danh sách thôi học, tốt nghiệp được Phòng Quản lý SV và Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra cập nhật hàng năm vào phần mềm quản lý đào tạo Unisoft [H11.1.014].

Bảng 11.1.1. Tỷ lệ thôi học của NH ngành QLVH theo các khoá đào tạo

Khoá đào tạo	Số SV đầu khóa	Số SV đã tốt nghiệp	Số SV thôi học	Tỷ lệ thôi học theo khoá (%)
2018 - 2022	2	2	0	0
2019 - 2023	7	5	2	29%
2020 - 2024	4	3	1	25%
2021 - 2025	4	0	1	25%
2022 - 2026	5	0	1	20%
2023 - 2027	17	0	7	41,2%
2024 - 2028	30	0	0	0%

Qua bảng 11.1.1 cho thấy, Khoá 2018-2022 có tỷ lệ thôi học 0%, điều này cho thấy tất cả SV đều tốt nghiệp đúng tiến độ. Các khóa từ 2019-2023 đến 2022-2026 có tỷ lệ thôi học dao động từ 20% đến 29%, phản ánh mức độ ổn định trung bình nhưng vẫn có hiện tượng SV bỏ học. Khoá 2023-2027 có tỷ lệ thôi học cao nhất (41,2%), cho thấy vấn đề cần được chú ý vì số lượng SV bỏ học khá lớn (7 SV). Tuy số lượng SV đầu khóa tăng qua các năm, nhưng tỷ lệ thôi học có xu hướng tăng nhẹ (khóa 2023-2027) [H11.1.015]. Do vậy, nhà trường cần có các biện pháp hỗ trợ để giảm tỷ lệ thôi học, đặc biệt với các khóa có số lượng SV đông hơn (như 2023-2027 và 2024-2028).

Bảng 11.1.2. Tỷ lệ tốt nghiệp của NH ngành Quản lý văn hoá

Khoá đào tạo	Số SV đầu khóa	Số NH đến thời điểm tốt nghiệp		Số lượng NH tốt nghiệp trong thời gian		
				3 năm (trước hạn)	4 năm (đúng hạn)	Sau 4 năm (quá hạn)
2018-2022	2	2	100%	0	2	0
2019-2023	7	5	71%	0	5	0
2020 - 2024	4	3	75%	0	3	0
2021 - 2025	4	Chưa tốt nghiệp	-	-	-	-
2022 - 2026	5	Chưa tốt nghiệp	-	-	-	-
2023 - 2027	17	Chưa tốt nghiệp	-	-	-	-
2024 - 2028	30	Chưa tốt nghiệp	-	-	-	-

Từ bảng 11.1.2 cho thấy, số SV đầu khóa dao động qua các năm, từ mức thấp nhất là 2 SV (2018-2022) đến cao nhất là 30 SV (2024 - 2028), cho thấy xu hướng tăng tuyển sinh theo thời gian. Đến tháng 3 năm 2025, Khoa Văn hoá - Du lịch đã có 03 khóa đào tạo đại học chính quy tốt nghiệp. Khóa 1 (2018-2022), khóa 2 (2016-2023) và khóa 3 (2017-2024). Khóa 1 (2018-2022) có tổng số NH là 02 với 02/02 NH tốt nghiệp đúng hạn (đạt 100%). Khóa 2 (2016-2023) có tổng số NH là 7 với 5/7 NH tốt nghiệp đúng hạn (đạt 71%). Khóa 3 (2020-2024) có tổng số 4 NH với $\frac{3}{4}$ NH tốt nghiệp đúng hạn (đạt 75%). Đối sánh kết quả tốt nghiệp cho thấy khóa 2018-2022 mặc dù có tỉ lệ tuyển sinh thấp nhất nhưng có tỉ lệ tốt nghiệp cao nhất (đạt 100%) cao hơn khóa 2019-2023 (đạt 71%) và cao hơn khóa 2020-2024 (đạt 75%) [H11.1.015].

Đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp với các ngành đào tạo khác trong Trường ĐHTT, tỉ lệ tốt nghiệp ngành QLVH đạt 100% khóa 2015-2019 (cao nhất trong các ngành đào tạo của Trường trong cùng khóa đào tạo), khóa 2016-2020 đạt tỉ lệ 89,7% [H11.1.016]. Tỉ lệ thôi học khóa 2016-2020 là 9,4% thấp hơn các ngành đào tạo khác của Trường. Đối với những NH chưa đủ điều kiện tốt nghiệp, CVHT thường xuyên báo cáo để Khoa và Nhà trường nắm rõ nguyên nhân và đề ra giải pháp phù hợp [H11.1.012]. Khoa đã tiến hành đánh giá, phân tích và tìm ra nguyên nhân dẫn đến việc NH tốt nghiệp muộn chủ yếu là không nộp hồ sơ [H11.1.017]. Khoa và CVHT đã động viên, khuyến khích và tìm cách giúp đỡ để NH sớm hoàn thiện học phí và được xét tốt nghiệp.

2. Điểm mạnh

Tỉ lệ NH tốt nghiệp đúng thời hạn cao.

3. Điểm tồn tại

Chưa có phân tích tỉ lệ thôi học của ngành.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2024-2025, Khoa sẽ tiến hành phân tích tỉ lệ thôi học của ngành.

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Năm 2015, Nhà trường đã ban hành CTĐT đại học hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ đối với ngành QLVH [H11.2.001]. Thời gian học tập trong trường đại học kéo dài trung bình 4 năm, thời gian tối đa là 6 năm, thời gian tối thiểu là 3 năm. Để giám sát quá trình học tập của NH, Nhà trường đã sử dụng hệ thống quản lý đào tạo, trong đó cơ sở dữ liệu về NH tham gia CTĐT, đặc biệt là thông tin về thời gian tốt nghiệp trung bình trong cùng CTĐT [H11.1.001]. Quá trình SV tốt nghiệp đúng hạn, trước hạn, hoặc chậm tiến độ so với kế hoạch trong CTĐT đều được theo dõi, giám sát thông qua Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra [H11.1.004]. Tính đến ngày 28/02/2025, ngành QLVH đã có 03 khóa tốt nghiệp với thời gian tốt nghiệp trung bình là 4 năm (bảng 11.1.2), không có SV tốt nghiệp trước hạn và không có SV tốt nghiệp quá hạn [H11.1.015].

Từ bảng 11.1.2 cho thấy, đối với những SV đã tốt nghiệp, 100% SV ngành QLVH các khoá đã tốt nghiệp đúng hạn. Để có được kết quả trên, Khoa chuyên môn và CVHT đã trao đổi sát sao và luôn đồng hành cùng các SV trong quá trình học tập. Khoa luôn giám sát chặt chẽ tiến độ học tập của NH thông qua CVHT, Trợ lý đào tạo. Khoa chuyên môn có các buổi họp với CVHT, Trợ lý đào tạo vào các kỳ học để nắm được tình hình học tập của NH [H11.1.006], [H11.1.008]. Khoa giao nhiệm vụ cho CVHT thường xuyên nhắc nhở, thông báo, hỗ trợ NH hoàn thành CTĐT.

Để tránh tình trạng SV tốt nghiệp muộn, Nhà trường quy định rõ nhiệm vụ của CVHT trong Quyết định số 2147/QĐ-ĐHTT là hướng dẫn SV điều chỉnh kế hoạch học tập ở các kì học cho phù hợp với năng lực và hoàn cảnh [H11.1.007]. Bố trí học kỳ phụ trong biên chế năm học và xây dựng kế hoạch học tập của học kỳ phụ gửi về

các khoa chuyên môn thông báo cho SV đăng ký học lại, thi lại để có thể tốt nghiệp đúng với kế hoạch đào tạo của các CTĐT [H11.1.010].

Khoa đã tổ chức các cuộc họp để đưa ra các giải pháp hỗ trợ NH rút ngắn thời gian tốt nghiệp như: (1) NH đăng ký các học kỳ phụ để học vượt; (2) Đối với NH có kết quả học tập khá, giỏi, CVHT sẽ trao đổi, động viên, khuyến khích NH học đăng ký khối lượng học tập tối đa ở kì học tiếp theo [H11.1.006], [H11.1.012]. Hàng năm, Khoa đều tổ chức các cuộc họp tổng kết, đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ NH rút ngắn thời gian tốt nghiệp [H11.2.002]. Tuy nhiên việc rút ngắn thời gian tốt nghiệp đối với SV ngành QLVH (ít hơn 4 năm) là tương đối khó. Sở dĩ đây là ngành học mà SV cần nhiều thời gian để thực hành thực tế, CTĐT cũng được thiết kế để SV vừa có thời gian nắm vững lý thuyết vừa có thời gian để áp dụng lý thuyết vào thực hành. Vì vậy, Khoa và CVHT đã có biện pháp nhắc nhở cũng như tư vấn cho SV một cách kịp thời giúp SV có kế hoạch hoàn thành chương trình học đúng thời hạn và kết quả đạt được đã thể hiện rõ những nỗ lực này.

2. Điểm mạnh

Tỉ lệ SV hoàn thành CTĐT và được cấp bằng cử nhân QLVH đúng thời hạn cao.

3. Điểm tồn tại

Chưa có SV tốt nghiệp sớm.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2024, Khoa Văn hoá - Du lịch xây dựng kế hoạch cụ thể hướng dẫn, giúp đỡ SV có điều kiện đẩy nhanh tiến độ học tập để tốt nghiệp sớm.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Trường ĐHTTr đã thành lập Ban chỉ đạo khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp và giao nhiệm vụ cho Phòng Quản lý SV có trách nhiệm theo dõi, thống kê tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp [H11.3.001], [H11.3.002]. Hàng năm, Phòng Quản lý SV đã phối hợp với khoa thực hiện việc khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp năm học trước đó. Trước khi tiến hành khảo sát, Nhà trường ban hành kế hoạch trong đó xây dựng quy trình thực hiện, thiết kế bộ câu hỏi và tiến hành 3 hình thức khảo sát là: Phỏng vấn gặp mặt trực tiếp, Phỏng vấn qua điện thoại và qua thư

(online) [H11.3.003]. Sau khi kết thúc thời gian khảo sát, Phòng Quản lý SV tiến hành thu thập, xử lý, tổng hợp kết quả và xây dựng báo cáo kết quả tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp báo cáo Lãnh đạo trường [H11.3.003], [H11.3.004].

Hàng năm, Nhà trường và Khoa đều tiến hành khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp [H11.3.003], [H11.3.004], [H11.3.005]. Cụ thể kết quả khảo sát qua các năm 2022, 2023 như sau:

Bảng 11.3.1. Tỷ lệ SV có việc làm hệ ĐH tốt nghiệp năm 2022, 2023

Năm	Tổng số SVTN	Số SV phản hồi	Tỷ lệ % SVTN có việc làm / tổng số SV phản hồi		Đúng ngành đào tạo		Không liên quan đến ngành đào tạo	
			SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ
2022	02	02	2	100	02	100	0	0
2023	05	05	5	100	04	80	01	20

Kết quả khảo sát cho thấy: Năm 2022, tỷ lệ SV có việc làm trong vòng 12 tháng sau khi tốt nghiệp là 100%, trong đó làm đúng ngành đào tạo là 100%, trái ngành đào tạo là 0 %. Năm 2023, tỷ lệ SV ngành QLVH có việc làm trong vòng 12 tháng sau khi tốt nghiệp là 100%, trong đó 80% SV có việc làm đúng ngành đào tạo, trái ngành đào tạo là 20% [H11.3.004], [H11.3.005]. Điều này hoàn toàn phù hợp với đặc thù ngành đào tạo và định hướng nghề nghiệp mà Nhà Trường và Khoa hướng đến trong CTĐT ngành QLVH.

Khoa đã thực hiện đối sánh tỉ lệ SV tốt nghiệp có việc làm sau một năm tốt nghiệp của ngành QLVH với các ngành khác học tại trường ĐHTTr [H11.3.004], [H11.3.005], kết quả cụ thể như sau:

Bảng 11.3.2. Đối sánh tỉ lệ SV tốt nghiệp có việc làm giữa các CTĐT hệ đại học chính quy năm 2022

STT	Ngành đào tạo	Tổng số SVTN	Tổng số SV được khảo sát có phản hồi	Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số SV phản hồi	
				SL	Tỷ lệ (%)
1	Quản lý văn hóa	2	2	2	100
2	Giáo dục Tiểu học	53	53	49	92.5
3	Giáo dục Mầm non	40	40	36	90

4	Kế toán	36	36	33	91.7
5	Quản lý đất đai	4	4	4	100

*Bảng 11.3.3. Đối sánh tỉ lệ SV tốt nghiệp có việc làm
giữa các CTĐT hệ đại học chính quy năm 2023*

STT	Ngành đào tạo	Tổng số SVTN	Tổng số SV được khảo sát có phản hồi	Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số SV phản hồi	
				SL	Tỷ lệ (%)
1	Quản lý văn hóa	5	5	5	100
2	Giáo dục Tiểu học	43	43	43	100
3	Giáo dục Mầm non	19	19	19	100
4	Kế toán	33	33	33	100
5	Quản lý đất đai	2	2	2	100

Hàng năm, Nhà trường và Khoa đều tổ chức các cuộc họp chuyên đề về tình hình việc làm của NH, qua đó tiến hành thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp khắc phục tình trạng NH chưa có việc làm hoặc việc làm trái với ngành đào tạo. Để khắc phục tình trạng đó, Nhà trường và Khoa đã phối hợp với phòng Quản lý SV tổ chức hội thảo tư vấn việc làm nhằm giúp Nhà trường trong việc điều hành, quản lý, thống nhất các hoạt động liên quan đến công tác hướng nghiệp và tư vấn việc làm cho NH [H11.3.006]; [H11.3.007]. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng tiến hành nhiều giải pháp như: tổ chức, phối hợp với các đơn vị doanh nghiệp, các huyện tổ chức Ngày hội việc làm và kết nối doanh nghiệp; Phiên giao dịch việc làm; tổ chức tập huấn kỹ năng xin việc và chuẩn bị hồ sơ xin việc cho SV [H11.3.008], [H11.3.009], [H11.3.010]. Qua đó hỗ trợ NH tăng kỹ năng thực hành, kiến thức thực tế; tăng kỹ năng làm hồ sơ, dự phỏng vấn và dự tuyển việc làm và tư vấn, hướng nghiệp việc làm cho SV. Ngoài ra, để giúp nâng cao kiến thức thực tế cho SV, Nhà trường và Khoa đã ký nhiều biên bản ghi nhớ, hợp tác với doanh nghiệp tiếp nhận SV đến thực tập [H11.3.011].

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm của ngành QLVH so với các ngành đào tạo khác trong trường là khá cao, đa số SV đều có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp.

3. Tồn tại

Chưa tiến hành đối sánh tỷ lệ việc làm của SV ngành QLVH nhà trường với SV cùng ngành của các trường đại học khác trong nước và quốc tế.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2024 - 2025, Khoa tiến hành đối sánh tỷ lệ việc làm của SV ngành QLVH nhà trường với SV cùng ngành của các trường đại học khác trong nước và quốc tế.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Một trong những mục tiêu quan trọng của Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2018-2025 là NCKH, trong đó tăng cường hoạt động khoa học công nghệ của NH là 1 trong 3 nhóm giải pháp để thực hiện mục tiêu, chiến lược đó [H11.4.001]. Nhằm cụ thể hóa mục tiêu NCKH, Nhà trường cũng xây dựng Kế hoạch Chiến lược phát triển khoa học công nghệ và HTQT các giai đoạn, trong đó mục tiêu từ 2019 - 2025 sẽ có 50 đề tài NCKH của NH [H11.4.002]. Từ mục tiêu, chiến lược đó, Nhà trường đã xây dựng và thường xuyên cập nhật, bổ sung các văn bản quy định định về loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của NH. Cụ thể, năm 2020, Nhà trường đã ban hành Quy định sửa đổi, bổ sung về quản lý hoạt động Khoa học và công nghệ của Trường ĐHTTr, trong đó quy định rõ các loại hình NCKH của NH là: (1) Trao đổi phương pháp, kinh nghiệm học tập dưới hình thức seminar, câu lạc bộ khoa học về: phương pháp NCKH, cách trình bày tiểu luận môn học, chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp...; (2) Tham gia các cuộc thi về khoa học công nghệ do các cấp tổ chức trong và ngoài nước; (3) Tham gia thực hiện các đề tài NCKH, báo cáo khoa học, bài báo và các hoạt động khoa học khác dưới sự hướng dẫn của CB, GV trong và ngoài trường [H11.4.003]. Hàng năm, Nhà trường đều ban hành Kế hoạch triển khai công tác NCKH, trong đó ghi rõ nội dung NCKH của CB, GV; Nội dung NCKH của NH; Kế hoạch triển khai và yêu cầu các đơn vị phòng, ban, khoa, trung tâm trong Nhà trường triển khai, phổ biến Kế hoạch đến toàn thể CB, GV và NH để đăng ký thực hiện nhiệm vụ NCKH trong năm [H11.4.004].

Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được giám sát bởi Phòng Quản lý khoa học và HTQT, điều này được thể hiện rõ trong chức năng, nhiệm vụ của phòng là: tổ chức chỉ đạo, quản lý và đề xuất các biện pháp nhằm tăng cường hoạt động NCKH trong NH; tổ chức các hội thi SV NCKH trong phạm vi toàn trường

[H11.4.005]. Bên cạnh đó, Khoa chuyên môn cũng có trách nhiệm trong việc phổ biến kế hoạch NCKH hàng năm của Nhà trường đến SV, đồng thời có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra, tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ NCKH của Khoa [H11.4.004].

Nhà trường đã xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát các loại hình nghiên cứu và hoạt động NCKH nhằm đẩy mạnh hoạt động NCKH của NH gồm: Phòng Quản lý khoa học và HTQT phối hợp với các Khoa, Phòng Quản lý SV, Phòng Kế hoạch - Tài vụ [H11.4.005]. Nhà trường cũng ban hành văn bản hướng dẫn quy trình thực hiện đề tài gồm: (1) Đề xuất đề tài; (2) Xét duyệt danh mục đề tài; (3) Xét duyệt, thẩm định thuyết minh đề tài; (4) Phê duyệt; (5) Thực hiện đề tài; (6) Kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài; (7) Nghiệm thu đề tài; (8) Lựa chọn đề tài tham gia Hội nghị xét Giải thưởng “SV NCKH cấp trường”; (9) Xét Giải thưởng “SV NCKH cấp trường” [H11.4.006] và xây dựng các biểu mẫu thực hiện đề tài dành riêng cho NH. Kinh phí đầu tư cho NCKH của NH hàng năm được trích từ quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp [H11.4.007]. Theo thống kê của Phòng Quản lý khoa học và HTQT, giai đoạn từ 2017 - 2020 có 40 đề tài NCKH của NH [H11.4.008]. Nhà trường cũng đã khen thưởng những NH đạt giải trong cuộc thi SV NCKH cấp trường [H11.4.009]. Cơ sở dữ liệu về hoạt động NCKH của NH đã được Phòng Quản lý khoa học và HTQT cập nhật thường xuyên trên máy tính; danh mục đề tài, các thông tin về NH được lưu trữ trên máy tính; các sản phẩm NCKH sau khi được nghiệm thu thì nộp về Phòng Quản lý khoa học và HTQT lưu trữ; 01 bản báo cáo đề tài được lưu trữ tại Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp [H11.4.003], [H11.4.010].

Năm 2024, Khoa đã thực hiện việc đối sánh về số lượng các loại hình NCKH của NH ngành QLVH với ngành đào tạo Giáo dục Mầm non và Giáo dục Tiểu học của Nhà trường trong giai đoạn 2022 - 2024 [H11.4.011], [H11.4.012], [H11.4.013], kết quả như sau:

Bảng 11.4.1. Đối sánh số lượng NH tham gia các loại hình NCKH của các ngành đào tạo khác trong trường

STT	Ngành đào tạo	Số SV tham gia thực hiện đề tài	Số SV thực hiện khóa luận tốt nghiệp
1	Giáo dục Tiểu học	16	33
2	Giáo dục Mầm non	05	13
3	Quản lý văn hóa	04	03

Qua đối sánh ta thấy NH ngành QLVH đã tham gia thực hiện đề tài NCKH tuy nhiên số lượng còn hạn chế và NH tham gia NCKH cùng với GV [H11.4.014]. Số lượng NH ngành QLVH tham gia thực hiện khóa luận tốt nghiệp đến nay là 03 NH (trong đó khóa 2018 - 2022 là 2 NH, khóa 2019 - 2023 là 01 NH) [H11.4.013]. Như vậy, số NH của ngành QLVH tham gia các hoạt động NCKH đã có nhưng chưa thực sự tích cực.

Trong chu kỳ đánh giá, Khoa tiến hành đối sánh số lượng NH tham gia thực hiện đề tài NCKH của NH ngành QLVH, Trường ĐHTTr với ngành QLVH của Trường Đại học Hạ Long, Quảng Ninh [H11.1.012], [H11.4.014] kết quả như sau:

Bảng 11.4.2. Bảng đối sánh số lượng NH tham gia thực hiện đề tài NCKH

STT	Tên trường	Đề tài	Số lượng NH tham gia
1	Trường Đại học Tân Trào	04	04
2	Trường Đại học Hạ Long	04	06

Qua đối sánh ta thấy, Trường ĐHTTr và Trường Đại học Hạ Long, Quảng Ninh đã có NH ngành QLVH tham gia thực hiện các đề tài NCKH với số lượng khá tương đồng nhau.

Kinh phí đầu tư cho NCKH của NH hàng năm được trích từ quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp của Trường [H11.4.007]. Bên cạnh đó, những NH tham gia các loại hình NCKH đều được cộng điểm thưởng vào tất cả các môn học trong học kỳ II của năm học đó, đối với những NH tham gia NCKH và được tham gia xét giải thưởng và đạt giải thì được Nhà trường khen thưởng [H11.4.003]. Hàng năm, nhằm động viên, khuyến khích NH tham gia NCKH, Nhà trường đã khen thưởng những NH đạt giải thưởng “SV NCKH cấp trường” (Năm học 2022 - 2023, 11 đề tài NCKH của NH được khen thưởng; năm học 2023 - 2024, 14 đề tài NCKH của NH được khen thưởng) [H11.4.009].

2. Điểm mạnh

Các loại hình hoạt động NCKH của NH được xác lập với nội dung phong phú và phù hợp với khả năng NH.

Có nhiều hình thức hỗ trợ, khuyến khích NH tham gia các hoạt động NCKH với nhiều đơn vị cùng phối hợp tham gia.

3. Điểm tồn tại

Số lượng NH ngành QLVH tham gia thực hiện đề tài NCKH còn thấp, chưa có NH thực hiện đề tài NCKH độc lập.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2024 - 2025, Khoa xây dựng Kế hoạch và đề ra các biện pháp nhằm động viên, khuyến khích SV tham gia nhiều loại hình NCKH, đặc biệt là thực hiện đề tài NCKH độc lập (do SV làm chủ nhiệm đề tài).

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Trong kế hoạch ĐBCL giáo dục hàng năm, Nhà trường đã giao nhiệm vụ cho phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra là đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, đánh giá, giám sát, đôn đốc các hoạt động liên quan đến công tác ĐBCL giáo dục của Nhà trường và giao cho các đơn vị làm đầu mối lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H11.5.001], cụ thể:

- Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch và thực hiện việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV, khảo sát sinh viên cuối khóa, khảo sát về hoạt động kiểm tra đánh giá.

- Phòng Quản lý SV chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch và thực hiện việc khảo sát tình hình việc làm của NH sau tốt nghiệp.

- Phòng Quản lý khoa học và HTQT chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch và thực hiện việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi của GV, NH về công tác quản lý hoạt động NCKH.

- Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng kế hoạch và thực hiện việc rà soát CTĐT, CDR, ĐCCT học phần.

- Văn phòng chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng kế hoạch và thực hiện lấy ý kiến phản hồi về CSVC.

- Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng kế hoạch và thực hiện lấy ý kiến phản hồi về hạ tầng CNTT, trang thiết bị CNTT phục vụ hoạt động quản lý, đào tạo và NCKH, và xây dựng kế hoạch và thực hiện lấy ý kiến phản hồi về nguồn học liệu, chất lượng phục vụ của thư viện.

Nhà trường xây dựng các quy trình, các bộ công cụ và phương pháp triển khai, tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, CSVC; [H11.5.002], [H11.5.003], [H11.5.004]. Sau mỗi đợt khảo sát, kết quả khảo sát

được tổng hợp, phân tích, xử lý và có báo cáo cụ thể. Kết quả khảo sát tháng 6/2024 về sự hài lòng của CB, GV, SV về công tác quản lý hoạt động NCKH cho thấy: CB, GV đánh giá cao về công tác quản lý nghiên cứu, đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện đề tài, quy trình tổ chức thực hiện đề tài. Đối với SV, các em đánh giá cao hệ thống văn bản quy định, quy trình hướng dẫn về hoạt động nghiên cứu [H11.5.005]. Về CSVC, theo kết quả khảo sát năm 2024, CB, GV, SV hài lòng về CSVC, môi trường, sức khỏe và hạ tầng CNTT của Nhà trường [H11.5.006].

Trong chu kỳ đánh giá, Nhà trường và Khoa đã tiến hành khảo sát sự hài lòng về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH kết quả cho thấy đa số SV hài lòng về hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH của Nhà trường [H11.5.003]. Mức độ hài lòng tăng dần qua các năm khẳng định hiệu quả của những biện pháp cải tiến chất lượng hoạt động hỗ trợ NH trong Nhà trường [H11.5.007].

Hai năm một lần, Khoa tiến hành khảo sát về mức độ hài lòng của các bên liên quan nhằm cập nhật, đánh giá, điều chỉnh CĐR, CTĐT và ĐCCT các học phần phù hợp với nhu cầu của xã hội [H11.5.008], [H11.5.009]. Khoa Văn hóa -Du lịch tiến hành xin ý kiến của các nhà khoa học, nhà quản lý, nhà tuyển dụng, GV và SV về CTĐT ngành QLVH, kết quả như sau:

Bảng 11.5.1. Đối sánh CTĐT ngành Quản lý văn hóa qua các năm

STT	Tiêu chí	Năm		
		2020 (%) 82 phiếu	2021 (%) 100 phiếu	2022 (%) 100 phiếu
1	Mức độ cần thiết của CĐR	- Cần thiết: 25.3 - Rất cần thiết: 73.8	- Cần thiết: 9 - Rất cần thiết: 91	- Cần thiết: 9 - Rất cần thiết: 91
2	Mức độ đạt được của CĐR	- Biết: 0.12 - Hiểu: 3.52 - Vận dụng: 36.8 - Phân tích/tổng hợp: 25.04 - Đánh giá: 18.1 - Sáng tạo: 16.4	- Nhớ - Hiểu: 17 - Vận dụng- Phân tích: 52 - Đánh giá- Sáng tạo: 31	- Nhớ - Hiểu: 17 - Vận dụng- Phân tích: 52 - Đánh giá- Sáng tạo: 31
3	Mức độ cần thiết của CTĐT	- Cần thiết: 10 - Rất cần thiết: 90	- Cần thiết: 11 - Rất cần thiết: 89	- Cần thiết: 11 - Rất cần thiết: 89
4	Mức độ đạt	- Biết: 27.14	- Biết: 30.83	- Biết: 36.95

	được của CTĐT	- Hiệu: 54.29 - Vận dụng: 18.57 - Phân tích/tổng hợp: 0 - Đánh giá: 0	- Hiệu: 55 - Vận dụng: 11.67 - Phân tích/tổng hợp: 2.5 - Đánh giá: 0	- Hiệu: 33.12 - Vận dụng: 26.75 - Phân tích/tổng hợp: 3.18 - Đánh giá: 0
5	Tính hiệu quả của CĐR	- CĐR phù hợp, cơ bản đáp ứng	- CĐR phù hợp, cơ bản đáp ứng	
6	Tính hiệu quả của CTĐT	Số tín chỉ, phân bố khối lượng kiến thức giữa các khối kiến thức hợp lý	Số tín chỉ, phân bố khối lượng kiến thức giữa các khối kiến thức hợp lý	
7	Ý kiến khác	không	- Tăng thời lượng cho môn học thực hành, chuyên ngành - Tăng thời lượng thực hành, giảm thời lượng lý thuyết.	

Qua bảng so sánh, ta thấy:

- Đối với CĐR: Mức độ cần thiết và mức độ đạt được tăng dần so các năm.
- Đối với CTĐT: Mức độ cần thiết và mức độ đạt được tăng dần so các năm.

Qua góp ý của các bên liên quan, CTĐT đã được điều chỉnh để ngày càng phù hợp và đáp ứng được nhu cầu của xã hội.

Tuy nhiên Khoa chưa thực hiện so sánh mức độ hài lòng của CTĐT ngành QLVH với các CTĐT khác trong và ngoài trường.

Trong những lần chỉnh sửa CTĐT, Nhà trường đã tiến hành đối sánh CTĐT ngành QLVH với các CTĐT của ngành khác trong Trường [H11.5.010]. Khoa cũng tiến hành đối sánh CTĐT ngành QLVH với ngành QLVH của Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương (GNT), Trường Đại học Văn hóa Hà Nội (VHH) (năm 2020, 2022), Trường Đại học Hạ Long (HLU), Trường Đại học Thủ Dầu Một (TDM) (năm 2020) [H11.5.011].

Khoa cũng tiến hành đối sánh CTĐT ngành QLVH các năm [H11.5.013]. Sau mỗi lần đối sánh, CTĐT ngành QLVH lại được chỉnh sửa, bổ sung để đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng và xã hội [H02.1.001].

Nhà trường và Khoa Văn hóa - Du lịch đã thu thập, xử lý và sử dụng các thông tin phản hồi của các bên liên quan, sử dụng kết quả đối sánh CTĐT ngành QLVH giữa các năm và đối sánh với các CTĐT khác cùng trình độ trong Trường và ngoài Trường làm cơ sở để cải tiến chất lượng đào tạo, NCKH và PVCĐ của Khoa. Trên cơ sở đó, hàng năm, Khoa xây dựng Kế hoạch ĐBCL [H11.5.014] và đề ra các nội dung thực hiện như: (1) Thực hiện các hoạt động ĐBCL theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD đại học (mở mã ngành mới, phát triển CTĐT, Khảo sát các bên liên quan, ...). (2) Đánh giá chất lượng CTĐT theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo. (3) Thực hiện kế hoạch tự đánh giá theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo. (4) Phát triển văn hóa chất lượng trong nhà trường, tập trung phát triển môi trường xã hội, ... (5) Đề xuất phòng thực hành riêng cho ngành QLVH. Kết quả đạt được: (1) Đã thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H11.5.015]. (2) Đã tham mưu xây dựng Kế hoạch tự đánh giá CTĐT QLVH [H11.5.016]. (3) Trong giai đoạn 2020 - 2024, Nhà trường đã bổ sung nhiều đầu sách thuộc ngành QLVH. Riêng năm 2023, giáo trình, tài liệu tham khảo của ngành QLVH được bổ sung là: 15 đầu sách (với 180 bản) [H11.5.017], [H11.5.018]. Đến 12/2024, số lượng Giáo trình, sách, tài liệu tham khảo,... thuộc ngành QLVH là 1 đầu sách (với 17.678 bản) [H11.5.019]. Số lượng tài liệu điện tử của ngành QLVH là 30 [H11.5.020]. (4) Trong chu kỳ đánh giá CTĐT đã được rà soát và chỉnh sửa 3 lần (năm 2018, 2020 và 2022) [H11.2.001]. Trong năm học 2023 - 2024, Khoa đã tiến hành mở mã ngành đào tạo đại học Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành [H11.5.021].

2. Điểm mạnh

Đã xác lập được hệ thống các đơn vị, quy trình, công cụ và phương pháp để tiếp cận phản hồi từ các bên liên quan.

Đã thực hiện việc thu thập phản hồi của các bên liên quan và tổng hợp báo cáo.

Đã tiến hành đối sánh CTĐT của ngành QLVH với các ngành đào tạo trong trường, ngoài trường.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa thực hiện so sánh mức độ hài lòng của CTĐT ngành QLVH với các CTĐT khác trong và ngoài trường.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2024 - 2025, Khoa Văn hóa - Du lịch sẽ phối hợp với các đơn vị có liên quan trong Nhà trường tiến hành đối sánh mức độ hài lòng về CTĐT ngành QLVH với các ngành đào tạo khác ở trong và ngoài trường.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 11: Nhìn chung, nhờ sự giám sát, hỗ trợ thường xuyên cho NH và có các biện pháp cải tiến kịp thời, số lượng SV bị cảnh báo học vụ, rút bớt tín chỉ, thôi học của CTĐT ngành QLVH giảm, tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn và có việc làm sau khi tốt nghiệp cao. Bên cạnh đó, kết quả khảo sát cho thấy SV sau khi tốt nghiệp nắm vững các kiến thức được học để có thể tham gia vào thị trường lao động. GV, SV, cựu SV và nhà tuyển dụng đánh giá hài lòng về CTĐT. Tuy nhiên, số lượng các hoạt động NCKH của SV còn khá khiêm tốn. Để có thể khắc phục một số hạn chế, Khoa cần tăng cường khuyến khích các em làm NCKH, đẩy mạnh việc đào tạo kỹ năng mềm... nhằm trang bị cho SV để các em đáp ứng tốt yêu cầu công việc sau khi tốt nghiệp. Căn cứ vào kết quả đánh giá các tiêu chí, Hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành QLVH trình độ đại học tự đánh giá tiêu chuẩn 11 có 2/5 tiêu chí đạt 5/7, 3/5 tiêu chí đạt 4/7.

Phần III

KẾT LUẬN

Khoa Văn hóa - Du lịch, trường ĐHTTr đã triển khai Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành QLVH một cách nghiêm túc, đầy đủ, đảm bảo tính chính xác, phản ánh đúng thực trạng chất lượng CTĐT của ngành QLVH dựa trên bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT gồm 11 tiêu chuẩn (50 tiêu chí) theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Qua việc tự đánh giá, Khoa Văn hóa - Du lịch đã nhận diện được những điểm mạnh và những điểm tồn tại trong công tác quản lý, đào tạo, trong các hoạt động chuyên môn của đơn vị...; trên cơ sở đó đề ra kế hoạch hành động nhằm phát huy những ưu điểm, những mặt đã làm được, khắc phục những mặt còn hạn chế, tiếp tục duy trì và cải tiến chất lượng.

Một số điểm được rút ra từ kết quả tự đánh giá như sau:

1. Những điểm mạnh của CTĐT ngành Quản lý văn hóa

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu của CTĐT ngành QLVH được xác định rõ ràng, được điều chỉnh, bổ sung phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHTTr, đồng thời phù hợp với mục tiêu chung của Luật Giáo dục đại học. CĐR của CTĐT ngành QLVH được xác định rõ ràng, đảm bảo khối lượng kiến thức và kỹ năng NH cần đạt sau khi hoàn thành CTĐT. CĐR CTĐT được công bố công khai cho NH ngay từ năm thứ nhất và các đối tượng liên quan bằng nhiều hình thức.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT có đầy đủ các nội dung và thông tin về CTĐT và được cập nhật những vấn đề mới về lĩnh vực QLVH theo định kỳ hàng năm. ĐCCT các học phần ngành QLVH đầy đủ các thông tin và được định kỳ bổ sung, cập nhật. Trong quá trình chỉnh sửa, cập nhật ĐCCT đã có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan. Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần ngành QLVH được công bố công khai bằng nhiều hình thức tới các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Sử dụng phương pháp phù hợp đối với các học phần chuyên ngành QLVH. Xác định rõ ràng sự đóng góp của học phần đối với CĐR CTĐT, những nội dung, chương,

mục hướng tới CDR học phần. CTDH được định kỳ rà soát/điều chỉnh, bổ sung và cập nhật ít nhất 2 năm 1 lần trên cơ sở lấy ý kiến của các bên liên quan.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Nhà trường được tuyên bố rõ ràng bằng nhiều hình thức khác nhau. Các phương pháp dạy và học đa dạng, phù hợp đạt được CDR của CTĐT.

GV trong Khoa sử dụng đa dạng các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ NH rèn luyện và phát triển các kỹ năng, khả năng học tập suốt đời. GV trong Khoa sử dụng đa dạng các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ NH rèn luyện và phát triển các kỹ năng, khả năng học tập suốt đời..

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Nhà trường quy định cách đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của NH một cách khách quan, có quy trình xây dựng và đánh giá độ tin cậy, độ chính xác của các phương pháp kiểm tra đánh giá. Các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của NH trong CTĐT ngành QLVH rõ ràng, có hệ thống và được công khai và phổ biến tới NH bằng nhiều hình thức. Ngành QLVH sử dụng đa dạng các phương pháp kiểm tra, đánh giá khác nhau phù hợp với đặc thù nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực QLVH và đáp ứng CDR của CTĐT, đồng thời xác định được tiêu chí đánh giá rõ ràng của từng nội dung đánh giá.

Kết quả đánh giá của NH được phản hồi kịp thời giúp NH chủ động trong việc cải thiện kết quả học tập của bản thân. SV được phổ biến quy trình khiếu nại kiểm tra kết quả thi nên việc khiếu nại và xử lý khiếu nại của SV về kết quả học tập được tiến hành đúng quy trình, quy định và minh bạch.

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên

Nhà trường có sự quan tâm và đầu tư đúng mức cho công tác quy hoạch phát triển đội ngũ. Nhà trường có quy định thu hút GV có trình độ cao để phát triển đội ngũ, có điều chỉnh quy định cho phù hợp với tình hình thực tế. Tỷ lệ GV/SV đáp ứng tốt yêu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Quy trình về việc tuyển dụng và lựa chọn GV được xây dựng theo các tiêu chí chặt chẽ và phổ biến công khai.

Hoạt động giảng dạy và NCKH của GV trong Khoa được đánh giá thường xuyên và tạo động lực cho sự phát triển của đơn vị. Khoa đã thực hiện tốt kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho GV. Việc quản trị các hoạt động giảng dạy và NCKH đối với GV được thực hiện hiệu quả.

Nhà trường có các văn bản quy định rõ ràng về loại hình và số lượng sản phẩm NCKH của GV.

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Nhà trường có những chính sách phù hợp để thu hút, tuyển dụng và phát triển đội ngũ nhân viên. Các tiêu chí về tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được quy định rõ ràng và phổ biến công khai.

Nhà trường đã xây dựng được quy trình, công cụ đánh giá đội ngũ nhân viên với các tiêu chí cụ thể, rõ ràng. Các kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn đã được xây dựng và thực hiện có hiệu quả, phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm và Chiến lược phát triển đội ngũ của Nhà trường. Việc quản trị kết quả công việc của nhân viên được thực hiện hiệu quả. Nhân viên hài lòng về kết quả đánh giá, xếp loại, thi đua, khen thưởng.

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Chính sách và quy định tuyển sinh được công bố rộng rãi bằng các hình thức truyền thông tuyển sinh đa dạng, phong phú. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng, phù hợp với các Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, phù hợp với thực trạng của thí sinh trong vùng tuyển sinh trọng điểm của Trường và yêu cầu cơ bản của NH ngành QLVH. Hệ thống giám sát, kiểm tra đánh giá sự tiến bộ của NH được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau và có sự phối hợp chặt chẽ của các đơn vị. Có quy trình giám sát tiến độ học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH. Có cơ sở dữ liệu theo dõi tiến độ của NH trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp.

Các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động thi đua, ngoại khóa được triển khai thường xuyên, đa dạng và được SV hưởng ứng tích cực. Nhà trường có môi trường cảnh quan xanh sạch đẹp, thoáng mát, an toàn; môi trường tâm lý xã hội tích cực cho hoạt động học tập nghiên cứu của CBGV, SV Nhà trường.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng của Trường ĐHTTr được bố trí hợp lý, có đầy đủ trang thiết bị phù hợp với yêu cầu của chuyên ngành CNTT, đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCĐ. Thư viện của Trường ĐHTTr cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH của toàn Trường nói chung và của CTĐT ngành QLVH nói riêng.

Nhà trường có đủ số lượng phòng thực hành, thí nghiệm và trang thiết bị hiện đại để phục vụ tốt cho hoạt động đào tạo và NCKH. Nhà trường có hệ thống CNTT đầy đủ, đáp ứng tốt yêu cầu về hoạt động đào tạo và NCKH. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và đã triển khai thực hiện tốt. Nhà trường đã đường xe lăn dành cho người khuyết tật ở các khu vực giảng đường G, nhà A1.

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Khoa đã xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc thu thập thông tin và lấy ý kiến khảo sát các bên liên quan làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH; hệ thống thông tin phản hồi đa dạng và cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời làm cơ sở để Khoa thiết kế và cải tiến CTĐT.

Quy trình thiết kế và phát triển CTDH được rà soát, đánh giá và cải tiến thường xuyên hai năm một lần, có sự tham gia của các bên liên quan nhằm nâng cao chất lượng thiết kế và phát triển CTDH đáp ứng yêu cầu đào tạo trong từng giai đoạn.

Quá trình dạy học ngành QLVH được tổ chức bài bản, đảm bảo thực hiện đúng các quy định, quy chế đào tạo đại học và hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng. Quy trình kiểm tra, đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ và chặt chẽ.

Các đề tài nghiên cứu khoa học đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và ý nghĩa thực tiễn là phục vụ cộng đồng. Do vậy, kết quả nghiên cứu của các đề tài khoa học đều được ứng dụng vào việc giảng dạy các học phần lý thuyết cũng như các học phần thực hành, thực tập thực tế của SV.

Cơ sở vật chất và trang thiết bị của Nhà trường đã đáp ứng cho các hoạt động đào tạo của Nhà trường nói chung và đào tạo ngành QLVH nói riêng. Có nhiều phòng máy tính để thực hành công nghệ thông tin, thư viện của Trường được đầu tư đầy đủ trang thiết bị và các đầu sách học tập, tham khảo. Cơ sở hạ tầng và hệ thống CNTT, các phần mềm hỗ trợ công việc đáp ứng tốt nhu cầu học tập, giảng dạy, NCKH, quản lý và các công tác khác.

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đa dạng, đầy đủ và được thực hiện một cách có hệ thống nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các bên liên quan tham gia đóng góp ý kiến nâng cao chất lượng dạy học và phát triển CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội. Chính sách và quy định tuyển sinh được công bố rộng rãi bằng các hình thức truyền thông tuyển sinh đa dạng, phong phú.

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Tỉ lệ NH tốt nghiệp đúng thời hạn cao. Tỉ lệ SV hoàn thành CTĐT và được cấp bằng cử nhân QLVH đúng thời hạn cao. Tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm của ngành QLVH so với các ngành đào tạo khác trong trường là khá cao, đa số SV đều có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp. Các loại hình hoạt động NCKH của NH được xác lập với nội dung phong phú và phù hợp với khả năng NH. Có nhiều hình thức hỗ trợ, khuyến khích NH tham gia các hoạt động NCKH với nhiều đơn vị cùng phối hợp tham gia. Đã xác lập được hệ thống các đơn vị, quy trình, công cụ và phương pháp để tiếp cận phản hồi từ các bên liên quan. Đã thực hiện việc thu thập phản hồi của các bên liên quan và tổng hợp báo cáo. Đã tiến hành đối sánh CTĐT của ngành QLVH với các ngành đào tạo trong trường, ngoài trường.

2. Những điểm tồn tại và những vấn đề cải tiến chất lượng của CTĐT

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu của CTĐT ngành QLVH còn có nội dung chưa hướng đến đạt được tầm nhìn của Nhà trường về hoạt động NCKH. CDR kỹ năng mềm về Ngoại ngữ của SV chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu ở một số vị trí công việc. Hoạt động khảo sát xin ý kiến của nhà tuyển dụng đóng góp cho nội dung CDR của CTĐT ngành QLVH với số lượng còn hạn chế.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT năm 2024 chưa lấy được ý kiến các bên liên quan. Một số học phần sử dụng tài liệu giảng dạy chưa được cập nhật tài liệu mới trong vòng 05 năm. Việc tiếp cận bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần chưa được thực sự dễ dàng.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Tỷ lệ hình thức thi tự luận của các học phần vẫn ở mức cao. Nội dung một số học phần chuyên ngành chưa lấy được nhiều ý kiến của các chuyên gia đầu ngành. Việc tham khảo các chương trình trong nước và quốc tế trong điều chỉnh nội dung dạy học chưa được nhiều.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Nhà trường chưa tổ chức được nhiều buổi hội thảo để giới thiệu triết lý giáo dục tới các đơn vị sử dụng lao động. GV chưa đưa ra được nhiều phương pháp hướng dẫn SV tự học tự nghiên cứu. Một số GV sử dụng PP dạy học trực tuyến chưa thực sự hiệu quả.

Phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH ngành QLVH có rất ít học phần sử dụng hình thức thi trắc nghiệm, chủ yếu là hình thức thi tự luận, vấn đáp và thực hành. Điều này sẽ gây khó khăn trong việc ứng dụng CNTT vào công tác kiểm tra, đánh giá. Một số GV sử dụng PP dạy học trực tuyến chưa thực sự hiệu quả.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH ngành QLVH có rất ít học phần sử dụng hình thức thi trắc nghiệm, chủ yếu là hình thức thi tự luận, vấn đáp và thực hành. Điều này sẽ gây khó khăn trong việc ứng dụng CNTT vào công tác kiểm tra, đánh giá.

Vẫn còn nhiều NH trả lời là không biết hoặc không ý kiến về nội dung kiểm tra đánh giá có đánh giá được kỹ năng thực hành, năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề hay không. Việc phổ biến văn bản quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của NH ở một số ít CVHT và GV bộ môn chưa thường xuyên, liên tục. Việc ứng dụng CNTT trong đánh giá NH còn hạn chế. Hiện mới có một số học phần được áp dụng hình thức thi trắc nghiệm trên máy vi tính. Còn một số ít GV bộ môn công bố điểm bộ phận cho SV chưa kịp thời. Do quy định việc phúc khảo không áp dụng đối với hình thức thi thực hành, vấn đáp, trong khi đây lại là những hình thức thi phổ biến trong CTĐT ngành QLVH nên có phần hạn chế việc khiếu nại, phúc khảo bài thi của SV.

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên

Cơ cấu GV có trình độ tiến sĩ của Khoa Văn hóa - Du lịch chưa cao do biến động về nhân sự. Số lượng SV tuyển sinh các năm 2019, 2020, 2021, 2022 còn thấp. Nhà trường chưa có quy trình về việc thi tuyển lãnh đạo cấp khoa.

Năng lực kết nối các bên liên quan của đội ngũ GV chưa thường xuyên, liên tục. Một số GV chưa chủ động trong việc học tập nâng cao trình độ. Khoa Văn hoá - Du lịch chưa có kế hoạch, hình thức khen thưởng cụ thể đối với GV của Khoa đạt thành tích xuất sắc trong công việc. Hoạt động tập huấn, đào tạo cho NH ngoài trường gắn với chuyên môn, nghiệp vụ của GV chưa được Trường ghi nhận là một nội dung hoạt động KHCN và được nghiệm thu, quy đổi thành giờ chuẩn.

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Việc khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên chưa được thực hiện thường xuyên. Việc lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, phân công công tác đối với đội ngũ

nhân viên chưa được thực hiện thường xuyên. Phương pháp đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên chưa đa dạng. Một số nhân viên chưa thực hiện đúng tiến độ kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của Nhà trường. Khen thưởng đột xuất cho các tập thể, cá nhân tiêu biểu chưa nhiều.

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Việc khảo sát các bên liên quan về chính sách tuyển sinh còn chưa rộng rãi. Phương pháp tuyển sinh ngành QLVH chưa có nhiều điểm riêng mang tính đột phá. Đội ngũ CVHT, trợ lý khoa đều là GV kiêm nhiệm nên cũng phần nào ảnh hưởng đến việc nắm bắt chi tiết tiến trình học tập của SV để kịp thời đưa ra những cảnh báo cho NH trong quá trình học tập.

Trong chu kỳ tự đánh giá, do đại dịch Covid-19 cũng đã phần nào làm gián đoạn nhiều hoạt động ngoại khóa, sự kiện văn hóa, và chương trình giao lưu quốc tế. Các biện pháp hạn chế về du lịch và giao thương cũng dẫn đến việc sinh viên ít có cơ hội thực tập và làm việc tại các cơ quan, doanh nghiệp. Trong khảo sát lấy ý kiến phản hồi về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Nhà trường chưa thực hiện khảo sát lấy ý kiến của các đối tượng là khách đến làm việc tại trường.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

CSVCL một số phòng học của Trường ĐHTTr cần được cải tạo, sửa chữa. Thư viện của Trường ĐHTTr còn chưa được kết nối với nhiều thư viện của nước ngoài. Hồ sơ theo dõi, quản lý trang thiết bị trong phòng thực hành chưa được quản lý bằng phần mềm.

Hệ thống máy tính tại các phòng thực hành máy tính đa phần cấu hình thấp, hoạt động không được ổn định và không cài đặt được một số phần mềm để dạy học. Nhà trường còn thiếu đường xe lăn dành cho người khuyết tật ở các khu vực giảng đường H, cơ sở 2 và cơ sở 3.

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Khoa chưa áp dụng linh hoạt và đa dạng các phương thức thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan, chưa điện tử hóa các phiếu khảo sát để có thể thu thập thông tin qua Internet.

Quá trình rà soát và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH chưa tiến hành lấy ý kiến bằng bảng hỏi đối với các bên liên quan như các chuyên gia, nhà quản lý, GV, ...

Khoa chưa tổ chức được hội thảo có sự tham gia đầy đủ của các bên liên quan để thảo luận và lựa chọn các phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH trong CTĐT ngành QLVH. Số lượng GV của Khoa tham gia làm đề tài NCKH còn hạn chế và viết bài báo trên tạp chí nước ngoài chưa nhiều qua các năm. Hồ sơ theo dõi, quản lý trang thiết bị trong phòng thực hành chưa được quản lý bằng phần mềm. Hệ thống máy tính tại các phòng thực hành máy tính đa phần cấu hình thấp, hoạt động không được ổn định và không cài đặt được một số phần mềm để dạy học. Quá trình đánh giá và cải tiến quy trình thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTDH chưa tiến hành lấy ý kiến bằng bảng hỏi đối với các bên liên quan.

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Chưa có phân tích tỉ lệ thời học của ngành. Chưa có SV tốt nghiệp sớm. Chưa tiến hành đối sánh tỷ lệ việc làm của SV ngành QLVH nhà trường với SV cùng ngành của các trường đại học khác trong nước và quốc tế. Số lượng NH ngành QLVH tham gia thực hiện đề tài NCKH còn thấp, chưa có NH thực hiện đề tài NCKH độc lập. Khoa chưa thực hiện so sánh mức độ hài lòng của CTĐT ngành QLVH với các CTĐT khác trong và ngoài trường.

3. Kế hoạch hành động

Sau khi phân tích, đánh giá điểm mạnh, điểm tồn tại của CTĐT ngành QLVH, để khắc phục những tồn tại trên, Khoa Văn hóa - Du lịch có kế hoạch hành động để cải tiến chất lượng, cụ thể như sau:

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Trong lần chỉnh sửa CTĐT tiếp theo, Khoa Văn hóa - Du lịch cập nhật mục tiêu đào tạo của ngành về các hoạt động NCKH nhằm hướng đến việc đạt được tầm nhìn của Trường ĐHTT; triển khai rà soát, điều chỉnh CDR của CTĐT ngành QLVH, đặc biệt chú ý về điều chỉnh CDR về Ngoại ngữ để đáp ứng được yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động đòi hỏi cao về Ngoại ngữ ở một số vị trí công việc; Khoa chuyên môn phối hợp với Phòng Đào tạo mời các chuyên gia, doanh nghiệp, nhà tuyển dụng với số lượng đủ lớn tham gia vào việc xây dựng, đánh giá CDR để có được những điều chỉnh tốt nhất cho nội dung CDR của CTĐT ngành QLVH.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Từ năm học 2025 - 2026, Phòng Đào tạo và Khoa Văn hóa - Du lịch xây dựng kế hoạch lấy ý kiến các bên liên quan đối với Bản mô tả CTĐT ngành QLVH. Khoa Văn

hóa - Du lịch phối hợp với Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp rà soát, bổ sung các tài liệu mới phục vụ học tập, giảng dạy ngành QLVH.

Khoa Văn hóa - Du lịch phối hợp với phòng Đào tạo đẩy mạnh hơn nữa công tác quảng bá thông tin về bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần ngành QLVH hóa tới cộng đồng và xã hội.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Năm học 2024 - 2025, Khoa Văn hóa - Du lịch sẽ phối hợp với phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra, Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp, các Khoa/Bộ môn cập nhật hình thức thi phù hợp để đánh giá tốt năng lực của NH. Khoa Văn hóa - Du lịch gửi ĐCCT, CTDH tới các chuyên gia chuyên ngành để xin ý kiến đóng góp về CTĐT và ĐCCT năm 2025. Từ năm học 2024-2025, Khoa tiếp tục tham khảo thêm các CTDH ngành QLVH của các trường Đại học trong nước và quốc tế có uy tín.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Trong các năm học, Nhà trường tổ chức các buổi hội thảo giới thiệu triết lý giáo dục tới các đơn vị sử dụng lao động.

Năm học 2024-2025, Khoa Văn hóa - Du lịch tổ chức tọa đàm về cải tiến PPDH để GV tham khảo ý kiến, đa dạng hoá các PPDH nhằm giúp SV nâng cao năng lực tự học và điều chỉnh CTDH phù hợp với CĐR của ngành QLV; Nhà trường và Khoa tổ chức các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy giúp GV sử dụng hiệu quả PP dạy học này, đa dạng hoá các PPDH, lựa chọn nhóm PPDH phù hợp cho từng học phần; đồng thời, nâng cao tính tích cực rèn luyện năng lực tự học của NH.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Trong năm học 2025 - 2026, Khoa VHDL chủ trì tổ chức hội thảo khoa học với chủ đề: “Đa dạng hóa các phương pháp kiểm tra, đánh giá NH ngành QLVH để đáp ứng CĐR của CTĐT”.

Từ năm học 2025 - 2026, Khoa Văn hóa - Du lịch yêu cầu CVHT và GV bộ môn phải phổ biến văn bản, các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của NH thường xuyên, liên tục, bằng nhiều hình thức tại các buổi sinh hoạt lớp định kỳ, các buổi học bắt đầu và kết thúc mỗi học phần, được thể hiện trong biên bản sinh hoạt lớp, sổ CVHT hay kế hoạch giảng dạy của mỗi GV.

Trong năm học 2025-2026, Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra chủ trì phối hợp với Khoa Văn hóa - Du lịch, các khoa/bộ môn có liên quan, Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp để xây dựng thêm các ngân hàng đề thi và tổ chức thi bằng hình thức ứng dụng CNTT; Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra phối hợp với các Khoa chuyên môn quán triệt quy định của Nhà trường, yêu cầu tất cả GV lên lớp phải thông báo kết quả bài kiểm tra định kỳ, các điểm bộ phận và điều kiện dự thi ngay khi kết thúc giảng dạy học phần; Khoa VHDL rà soát lại các hình thức thi của các học phần, đảm bảo sử dụng cân đối, hài hòa các hình thức thi phù hợp với đặc thù của từng học phần, đồng thời cải tiến theo hướng tăng khả năng giám sát, tính minh bạch, dễ tiếp cận quy trình phức khảo và ứng dụng CNTT trong kiểm tra, đánh giá.

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa sẽ cử GV đi học nghiên cứu sinh, phấn đấu duy trì ổn định tỷ lệ tối thiểu 40% GV có trình độ Tiến sĩ. Tích cực thực hiện công tác truyền thông tuyển sinh cho ngành QLVH.

Từ năm học 2025-2026 Nhà trường xây dựng quy trình về việc thi tuyển lãnh đạo cấp Khoa; Nhà trường và Khoa xây dựng kế hoạch tổ chức các cuộc hội thảo chuyên môn để GV mở rộng khả năng kết nối với các nhà khoa học, các đơn vị tuyển dụng, các chuyên gia trong lĩnh vực đào tạo về QLVH; Nhà trường và Khoa tạo điều kiện để GV trong độ tuổi ký cam kết đi học nghiên cứu sinh.

Năm 2025, Khoa Văn hoá - Du lịch xây dựng kế hoạch riêng của khoa về công tác thi đua khen thưởng giai đoạn 2025 - 2030 (định hướng mục tiêu đối với từng GV); Khoa nghiên cứu và đề xuất với Nhà trường bổ sung nội dung, quy đổi thành định mức giờ chuẩn đối với hoạt động tập huấn, đào tạo ngoài trường (mang tính chất PVCD).

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Hàng năm, Khoa triển khai việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên. Nhà trường thực hiện việc lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, phân công công tác đối với đội ngũ nhân viên định kỳ theo năm.

Từ năm 2025, Nhà trường bổ sung các phương pháp đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên; các đơn vị cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ nhân viên.

Trong năm học tiếp theo, Nhà trường sẽ đa dạng các hình thức khen thưởng để tạo động lực làm việc cho đội ngũ CB, GV, nhân viên trong Nhà trường.

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Nghiên cứu mở rộng đối tượng lấy ý kiến khảo sát về chính sách tuyển sinh của ngành QLVH. Năm 2026, Khoa Văn hoá - Du lịch sẽ xây dựng một số phương pháp tuyển sinh mang tính đặc thù của ngành.

Duy trì các buổi sinh hoạt lớp định kỳ để CVHT trao đổi trực tiếp với SV, thảo luận và giải quyết các vấn đề học tập và rèn luyện, đồng thời giám sát sát sao tiến trình cá nhân của từng SV. Đề xuất Nhà trường đầu tư nâng cấp các hệ thống quản lý học tập điện tử hoặc phần mềm quản lý để tự động hóa các nhiệm vụ như lập kế hoạch, theo dõi tiến trình học tập, và giao tiếp. Việc sử dụng công nghệ hiệu quả có thể giảm bớt thời gian dành cho các công việc thủ công và tăng hiệu quả làm việc.

Khoa phối hợp với các phòng chức năng và chỉ đạo các tổ chức đoàn thể tăng cường tổ chức các hoạt động tư vấn, hoạt động ngoại khóa thiết thực hơn và gắn với chuyên ngành của SV nhằm giúp SV có thể trau dồi thêm nhiều kỹ năng và nâng cao khả năng có việc làm khi tốt nghiệp. Năm 2022, Khoa Văn hóa - Du lịch tiến hành đề xuất bổ sung sách, giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ cho công tác đào tạo của ngành QLVH.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Từ năm 2024, khoa Văn hoá - Du lịch đề xuất với Lãnh đạo Trường ĐHTTr đầu tư kinh phí để trang bị thêm trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy để đáp ứng theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 2 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chuẩn CSGD đại học.

Từ năm học 2024 - 2025, Thư viện Trường ĐHTTr sẽ được kết nối với Thư viện của một số trường Đại học nước ngoài để khai thác tài liệu phục vụ cho công tác đào tạo, NCKH và PVCĐ; Khoa/bộ môn tiến hành quản lý hồ sơ theo dõi trên phần mềm điện tử; Nhà trường cần triển khai các gói đầu tư cung cấp hệ thống phòng thực hành máy tính mới nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu phục vụ đào tạo và NCKH; nhà trường xây dựng đường xe lăn dành cho người khuyết tật ở tất cả các khu vực giảng đường.

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Từ năm 2025, Khoa Văn hoá - Du lịch cần áp dụng linh hoạt và đa dạng các phương thức thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan, phối hợp với Bộ phận kỹ thuật, ứng dụng CNTT của Nhà trường thực hiện điện tử hóa các phiếu khảo sát để

có thể thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan qua các kênh mạng xã hội như facebook, zalo, messenger, email... đảm bảo nhanh chóng, tiết kiệm và hiệu quả hơn.

Trong lần rà soát, đánh giá và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH tiếp theo, Phòng Đào tạo phối hợp với các Khoa chuyên môn thiết kế phiếu khảo sát và tiến hành lấy ý kiến bằng bảng hỏi đối với các bên liên quan để thu thập thông tin làm căn cứ đề xuất những thay đổi và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Trong chu kỳ đánh giá và cải tiến CTĐT ngành QLVH tiếp theo, Khoa Văn hoá - Du lịch tổ chức hội thảo có sự tham gia đầy đủ của các bên liên quan để thảo luận và lựa chọn các phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH.

Từ năm học 2024 - 2025, Nhà trường sẽ có những chế độ khuyến khích và tạo động lực để GV tham gia viết các bài báo trên tạp chí nước ngoài có chất lượng (ISI, SCI và Scopus); Khuyến khích GV tham gia các hội thảo quốc tế bằng tiếng Anh trong và ngoài nước; Thành lập các nhóm nghiên cứu theo từng lĩnh vực thuộc ngành đào tạo. Trong thời gian tới, Nhà trường tiếp tục nâng cấp CSVC, các trang thiết bị phần mềm thông tin, các tài liệu tham khảo, giáo trình. Nâng cao công tác an toàn môi trường sức khỏe để nâng cao chất lượng về cơ sở vật chất để phục vụ cho công tác giảng dạy NCKH.

Trong chu kỳ đánh giá tiếp theo, Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra phối hợp với các đơn vị trong Trường thực hiện thiết kế phiếu khảo sát và tiến hành lấy ý kiến bằng bảng hỏi đối với các bên liên quan để thu thập thông tin làm căn cứ đề xuất những thay đổi và cải tiến *“Quy trình thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTDH”*.

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Năm 2024, Khoa Văn hoá - Du lịch xây dựng kế hoạch cụ thể hướng dẫn, giúp đỡ SV có điều kiện đẩy nhanh tiến độ học tập để tốt nghiệp sớm.

Từ năm học 2024-2025, Khoa sẽ tiến hành phân tích tỉ lệ thôi học của ngành; Khoa tiến hành đối sánh tỷ lệ việc làm của SV ngành QLVH nhà trường với SV cùng ngành của các trường đại học khác trong nước và quốc tế; Khoa xây dựng Kế hoạch và đề ra các biện pháp nhằm động viên, khuyến khích SV tham gia nhiều loại hình NCKH, đặc biệt là thực hiện đề tài NCKH độc lập (do SV làm chủ nhiệm đề tài) và phối hợp với các đơn vị có liên quan trong Nhà trường tiến hành đối sánh mức độ hài lòng về CTĐT ngành QLVH với các ngành đào tạo khác ở trong và ngoài trường.

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Tân Trào

Mã: TQU

Tên CTĐT: Chương trình đào tạo ngành Quản lý văn hóa bậc đại học

Mã CTĐT: 7229042

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
<i>Tiêu chuẩn 1</i>								5.00	3	100%
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 2</i>								4.66	3	100%
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2				4						
Tiêu chí 2.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 3</i>								4.33	3	100%
Tiêu chí 3.1				4						
Tiêu chí 3.2				4						
Tiêu chí 3.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 4</i>								5.00	3	100%
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 5</i>								4.40	5	100%
Tiêu chí 5.1				4						
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4				4						
Tiêu chí 5.5				4						
<i>Tiêu chuẩn 6</i>								5.00	7	100%
Tiêu chí 6.1					5					
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7					5					
<i>Tiêu chuẩn 7</i>								5.00	5	100%
Tiêu chí 7.1					5					
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 8</i>								4.80	5	100%
Tiêu chí 8.1					5					
Tiêu chí 8.2				4						

Tiêu chí 8.3				5						
Tiêu chí 8.4				5						
Tiêu chí 8.5				5						
Tiêu chuẩn 9										
Tiêu chí 9.1				4				4.00	5	100%
Tiêu chí 9.2				4						
Tiêu chí 9.3				4						
Tiêu chí 9.4				4						
Tiêu chí 9.5				4						
Tiêu chuẩn 10										
Tiêu chí 10.1				5				4.66	6	100%
Tiêu chí 10.2				5						
Tiêu chí 10.3				5						
Tiêu chí 10.4				5						
Tiêu chí 10.5				4						
Tiêu chí 10.6				4						
Tiêu chuẩn 11										
Tiêu chí 11.1				4				4.40	5	100%
Tiêu chí 11.2				4						
Tiêu chí 11.3				4						
Tiêu chí 11.4				5						
Tiêu chí 11.5				5						
Đánh giá chung CTĐT								4.66	50	100%

Tuyên Quang, ngày 13 tháng 3 năm 2025

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ GIÁO DỤC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Minh Anh Tuấn

Phần IV
PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng giáo dục CTĐT

CƠ SỞ DỮ LIỆU
KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/12/2024

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO.**
 - Tiếng Anh: **TAN TRAO UNIVERSITY.**
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
 - Tiếng Việt: TTrU.
 - Tiếng Anh: TQU.
3. Tên trước đây (nếu có):
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: UBND Tỉnh Tuyên Quang.
5. Địa chỉ: Km6, Trung Môn, Yên Sơn, Tuyên Quang.
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại 02073 892 012. Số fax: 02073 890 103.
7. E-mail: Website: daihocantrao.edu.vn.
8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): Năm 2013, theo Quyết định số: 1404/QĐ-TTg ngày 14/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ.
9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: Năm 2014.
10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: Năm 2018.
11. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thục ☐

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Khoa Văn hóa - Du lịch.
 - Tiếng Anh: Faculty of Culture and Tourism.
13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:
 - Tiếng Việt:
 - Tiếng Anh:
14. Tên trước đây (nếu có):
15. Tên CTĐT
 - Tiếng Việt: Quản lý văn hóa.
 - Tiếng Anh: Cultural Management.
16. Mã CTĐT: 7229042.
17. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):
18. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Phòng 502, nhà A1, Trường Đại học Tân Trào.

19. Điện thoại 02073 892 012. Số fax: 02073 890 103.
20. E-mail: vanhoadulich.tqu@gmail.com Website:
21. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): Năm 2016, theo Quyết định số 132/QĐ-ĐHTTr ngày 26/02/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào.
22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): Năm 2018.
23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): Năm 2022.

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

24. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình, ... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật).

- *Quá trình thành lập*: Khoa Văn hóa - Du lịch được thành lập theo quyết định số 132/QĐ-ĐHTTr ngày 26/02/2016 của Hiệu trưởng Trường ĐHTTr; tiền thân là Khoa Văn hóa - Du lịch, Trường Cao đẳng Tuyên Quang nay là Trường ĐHTTr và hoạt động theo Quy chế Tổ chức và hoạt động của Khoa Văn hóa - Du lịch ban hành kèm theo Quyết định số 533/QĐ-ĐHTTr ngày 31/5/2024 của Hiệu trưởng Trường ĐHTTr ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn thuộc, trực thuộc Trường ĐHTTr; Quyết định số 542/QĐ-ĐHTTr ngày 04/6/2024 của Hiệu trưởng Trường ĐHTTr sửa đổi, bổ sung một số điều về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn thuộc, trực thuộc Trường ĐHTTr.

Để phát triển theo định hướng một đại học đa ngành, với chức năng là khoa chuyên môn của trường, Khoa Văn hóa - Du lịch đã ban hành Kế hoạch Chiến lược phát triển Khoa Văn hóa - Du lịch giai đoạn 2019 - 2025, tầm nhìn 2030 với những mục tiêu, định hướng, quy mô phát triển và các nhiệm vụ giải pháp cụ thể:

- *Về sứ mạng*: Khoa Văn hóa - Du lịch sẽ trở thành trung tâm phát triển văn hóa - du lịch bền vững, góp phần phát triển xã hội.

- *Về tầm nhìn*: Xây dựng và phát triển Khoa Văn hóa - Du lịch trở thành cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao cho xã hội; có đội ngũ GV có trình độ chuyên môn cao, từng bước hội nhập khu vực và quốc tế.

- *Cơ cấu tổ chức khoa Văn hóa - Du lịch*: Khoa Văn hóa - Du lịch có 3 bộ môn (Bộ môn Du lịch: 11, Bộ môn Âm nhạc: 04 GV, Bộ môn Mỹ thuật: 03). Tổng số GV trong khoa: 14 GV. Trong đó: Tiến sĩ có 03 GV, thạc sĩ có 11 GV (02 đ/c đang đi học nghiên cứu sinh).

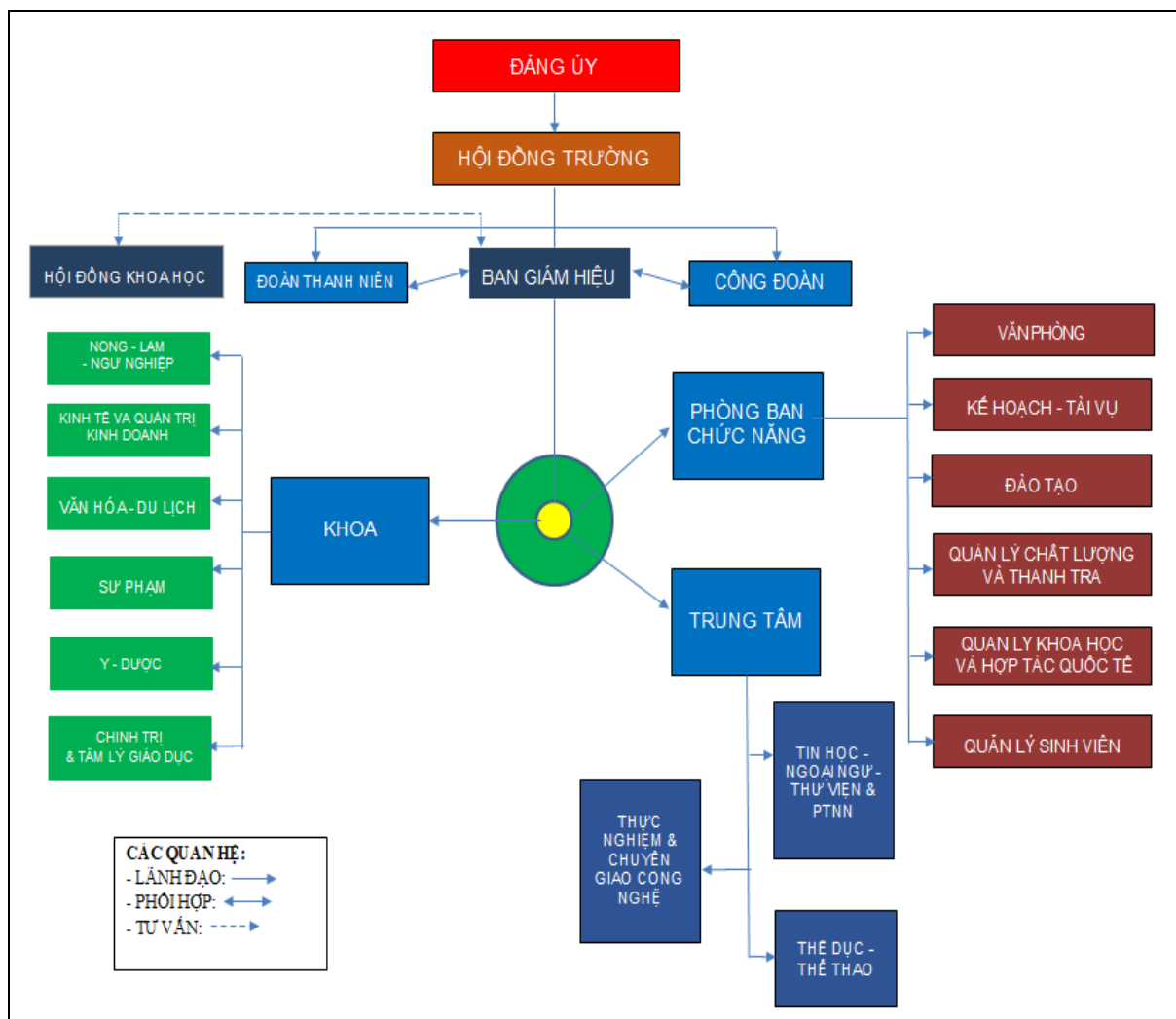
Về tổ chức Khoa có: 01 Phụ trách khoa, 01 trợ lý Khoa, 01 Trưởng bộ môn Âm nhạc, 02 phụ trách hai bộ môn còn lại. Chi bộ khoa Văn hóa - Du lịch hiện tại có 08 đảng viên chính thức và 01 đảng viên dự bị. Trực thuộc khoa có Liên chi đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh ngoài Sư phạm và Công đoàn bộ phận.

Về chương trình đào tạo: Khoa hiện đang thực hiện 02 CTĐT trình độ đại học theo học chế tín chỉ bao gồm CTĐT Quản lý văn hóa và Quản trị Dịch vụ du lịch và Lữ hành.

Về hoạt động nghiên cứu khoa học: Công tác NCKH được xác định là một trong 2 nhiệm vụ trọng yếu của GV khoa Văn hóa - Du lịch. Đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và HTQT, NCKH đã trở thành hoạt động bắt buộc của GV và là một hoạt động khuyến khích đối với SV trong Khoa. Hiện nay, kết quả các đề tài nghiên cứu các cấp (cấp cơ sở, cấp tỉnh) của GV trong Khoa đều đáp ứng yêu cầu của công tác đào tạo và phục vụ xã hội. Khoa thường xuyên tổ chức các buổi tọa đàm, hội nghị, hội thảo,... có sự tham gia của GV, SV trong Khoa và các nhà khoa học liên quan. Trong 05 năm trở lại đây, Khoa đã có nhiều đề tài khoa học nghiên cứu cấp trường, phát triển CTĐT; viết nhiều bài báo đăng trên các tạp chí, kỷ yếu hội thảo quốc tế; nhiều bài viết được in trong các kỷ yếu hội thảo ở các trường đại học trong cả nước. Số lượng đề tài NCKH và bài báo được giảng viên của khoa thực hiện trong giai đoạn từ 2019-2024 là: 10 đề tài NCKH cấp tỉnh và cấp Trường; 112 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí trong nước và quốc tế; 16 giáo trình, tài liệu tham khảo.

Về hợp tác trong nước và nước ngoài: Nhằm nâng cao chất lượng học tập, tìm hiểu, nghiên cứu các vấn đề về du lịch, trao đổi, nâng cao kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ về hướng dẫn du lịch cho NH và GV khoa Văn hóa - Du lịch nói riêng, GV và SV Trường ĐHTTr nói chung, Nhà trường đã giao cho khoa Văn hóa - Du lịch chủ trì, tham mưu xây dựng kế hoạch, tổ chức chương trình talk show về nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, doanh nghiệp với sinh viên - những câu chuyện nghề... Đồng thời ký kết nhiều biên bản ghi nhớ thỏa thuận hợp tác đào tạo và cung cấp nhân lực với các doanh nghiệp cho khối ngành văn hóa, du lịch với các doanh nghiệp như: Công ty Hanoi Tourism, Công ty Cổ phần Hành trình phiêu lưu Adventrip JSC (Hà Nội), Khách sạn Mường Thanh Grand Tuyên Quang, Công ty TNHH Sông Gâm, Công ty TNHH MTV Thương mại Du lịch Hoàng Gia, Công ty TNHH Thương mại Du lịch Cô Sơn Nữ, Công ty TNHH Viettrantour, Học viện Hàng không Việt Nam...

25. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (vẽ sơ đồ riêng).



26. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

STT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, Chức danh, Chức vụ	Điện thoại	Email
I	Lãnh đạo nhà trường					
1	Hiệu trưởng	Nguyễn Minh Anh Tuấn	1972	Tiến sĩ	0982837224	nmatuan@tuyenquang.edu.vn
2	Phó Hiệu trưởng	Phạm Duy Hưng	1982	Tiến sĩ	0965522368	pdhung@tqu.edu.vn
II	Lãnh đạo chủ chốt các đơn vị					
1	Văn phòng	Đoàn Thị	1971	Thạc sĩ	0914400017	ly.pktdaihoctantrao@gmail.com

		Phường Lý				
2	Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra	Lê Thị Thu Hà	1978	Thạc sĩ	0988238654	lethithuhadhtt@gmail.com
3	Phòng Đào tạo	Trần Vũ Phường	1981	Tiến sĩ	0985564388	phuongdhtt@gmail.com
4	Phòng Quản lý Sinh viên	Trần Quang Huy	1978	Tiến sĩ	0988238111	tqhuy38@gmail.com
5	Phòng Kế hoạch - Tài vụ	Nguyễn Thành Nam	1978	Đại học	0912600307	thanhnamxdtq@gmail.com
6	Phòng Quản lý khoa học - và HTQT	Khổng Chí Nguyễn	1969	Tiến sĩ	0984732576	nguyenkc69@gmail.com
7	Khoa Sư phạm	Vũ Thị Kiều Trang	1977	Tiến sĩ	0915395113	baotrangvk@gmail.com
		Nguyễn Tuyết Nga	1969	Thạc sĩ	0945737088	tuyetnga.sp@gmail.com
		Lê Trung Hiếu	1977	Tiến sĩ	0902255989	letrunghieu8577@gmail.com
8	Khoa Y - Dược	Đỗ Công Ba	1985	Tiến sĩ	0916549990	congbacdsp@gmail.com
9	Khoa Chính trị và Tâm lý Giáo dục	Hà Mỹ Hạnh	1980	Tiến sĩ	0394565522	hamyhanhdhtt2022@gmail.com
		Lê Tuấn	1976	Tiến sĩ	0982787269	ngoccttq@gmail.com

		Ngọc				
10	Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh	Đỗ Hải Yến	1986	Tiến sĩ	0978457229	dhyen@tqu.edu.vn
		Đinh Thị Lan	1978	Thạc sĩ	0987423415	landtl17a.hua@gmail.com
11	Khoa Văn hóa Du lịch	Hà Thúy Mai	14/07/1985	Tiến sĩ	0969.610.345	hathuymai.dhtt@gmail.com
12	Khoa Nông -Lâm - Ngư nghiệp	Vi Xuân Học	1970	Tiến sĩ	0948534109	hocvibm@gmail.com
		Nguyễn Thị Minh Huệ	1974	Thạc sĩ	0914051037	minhhuetkt@gmail.com
		Trần Thị Nhưng	1978	Thạc sĩ	0912909608	nhungtq78@gmail.com
13	Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp	Trần Thị Tua	1969	Thạc sĩ	0982334925	tttua.dhtt@tuyenquang.gov.vn
14	Trung tâm Thực hành thực nghiệm và Chuyển giao khoa học công nghệ	Lê Anh Nhật	1977	Tiến sĩ	0912844866	lanhat@tqu.edu.vn
15	Trung tâm Thể dục Thể thao	Trần Anh Dũng	1976	Thạc sĩ	0983844790	trananhdungtq@gmail.com

16	Trường Phổ thông Tuyên Quang	Lê Thiếu Tráng	1966	Tiến sĩ	0912504010	lttrang0466@tuyenquang.edu.vn
III	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn					
1	Đảng	Nguyễn Minh Anh Tuấn	1972	Bí thư Đảng ủy	0982837224	nmatuan@tuyenquang.edu.vn
		Phạm Duy Hưng	1982	PBT Đảng ủy	0965522368	pdhung@tqu.edu.vn
2	Đoàn Thanh niên	Hoàng Anh Đào	1990	Bí thư Đoàn trưởng	0979477846	hoanganhdaok47ftu@gmail.com
		Nguyễn Thị Linh Thảo	1991	Phó Bí thư Đoàn trưởng	0948057367	nguyenlinhthao203@gmail.com
		Ngô Thanh Huyền	1991		0982543221	dsthanhhuyentq1992@gmail.com
3	Hội sinh viên	Hoàng Anh Đào	1990	Chủ tịch Hội sinh viên	0979477846	hoanganhdaok47ftu@gmail.com
		Nguyễn Thu Trang	1997	Phó Chủ tịch Hội sinh viên	0356905528	thutrang30597@gmail.com
4	Công đoàn trường	Lê Trung Hiếu	1977	Chủ tịch Công đoàn	0902255989	letrunghieu8577@gmail.com
		Nguyễn Thúy Nga	1973	Phó Chủ tịch Công đoàn	0919244926	thuyngacdtq@gmail.com

27. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 0

Số lượng ngành đào tạo đại học: 02

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 0

28. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☒	☐
Từ xa	☐	☐
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☐
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☐
Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình).....		

29. Tổng số các ngành đào tạo: 02.

IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

30. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>			
I.1	Cán bộ trong biên chế	2	12	14
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn			
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả GV thỉnh giảng ²)			
	Tổng số	2	12	14

31. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		

¹Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, GV, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

²GV thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện chương trình đào tạo mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

³Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ						
2	Phó Giáo sư						
3	Tiến sĩ khoa học						
4	Tiến sĩ	3	2		1		
5	Thạc sĩ	11	11		0		
6	Đại học						
7	Cao đẳng						
8	Trình độ khác						
	Tổng số	14	13		1		

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 14 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 100% (14/14).

32. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu đơn vị có GV có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 32).

33. Số liệu bảng 32 được lấy từ bảng 31 nhân với hệ số quy đổi (*Vi dụ đối với trường đại học, học viện*).

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0							
2	Phó Giáo sư	3,0							
3	Tiến sĩ khoa học	3,0							
4	Tiến sĩ	2	3	2		1			4,6
5	Thạc sĩ	1	11	11					11

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
6	Đại học	0,5							
	Tổng		14	13		1			15,6

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

34. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư									
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	3	21,4	0	3		2	1		
5	Thạc sĩ	11	78,6	2	9		9	2		
6	Đại học									
	Tổng	14	100	2	12		11	3		

33.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 38,4 tuổi

33.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 21,4% (3/14).

33.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 78,6% (11/14).

35. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	0	100% (14/14)
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	14,3% (2/14)	0
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	71,4% 11/14	0

4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	14,3% (2/14)	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
	Tổng	14	14

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

36. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2019-2020	22	14	1,6	7	15/30	21,6	0
2020-2021	13	10	1,3	4	15/30	22,3	0
2021-2022	33	13	2,5	4	15/30	24,5	0
2022-2023	19	9	2,1	5	15/30	22,3	0
2023-2024	85	25	3,4	17	15/30	21,6	0
2024-2025	120	41	2,9	30	15/30	23,7	0

37. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Nghiên cứu sinh					
2. Học viên cao học					
3. Sinh viên đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	7	10	13	15	20
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh TCCN					
Trong đó:					
Hệ chính quy					

Các tiêu chí	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

38. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số NH	0 %	0 %	0 %	0 %	0 %

39. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	3346	3346	3346	3346	3346
2. NH có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	7	11	15	20	30
3. NH được ở trong ký túc xá (người)	0	2	3	1	4
4. Tỷ số diện tích trên đầu NH ở trong ký túc xá (m ² /người)	0	1,67	1,12	3,35	836

40. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Số lượng (người)	01	01	01	0	02
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	14,3% (1/7)	10% (1/10)	7,7% (1/13)	0% (0/15)	10% (2/20)

41. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					
2. Học viên tốt nghiệp cao học					
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học Trong đó:	19	11	02	23	13
Hệ chính quy			02	05	03
Hệ không chính quy	19	11	0	18	10
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

42. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).			02	05	03
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).			100% (2/2)	71,4% (5/7)	75,0% (3/4)
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).			100%	100%	100%
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.			100%	100%	
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).			0%	20%	
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.			6.100.000	6.500.000	
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này.					
B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).			100%	100%	
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).			0%	0%	
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).			0%	0%	

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

43. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0						
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0						
3	Đề tài cấp trường	0,5	0	2	1	3	4	5
4	Tổng		0	2	1	3	4	5

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 5.

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 5/14.

44. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2016	0	0	0
2	2017	0	0	0
3	2018	0	0	0
4	2019	0	0	0
5	2020	0	0	0

45. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài			08	
Từ 4 đến 6 đề tài				
Trên 6 đề tài				
Tổng số cán bộ tham gia			08	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

46. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020	2021	2022	2023	2024	
1	Sách chuyên khảo	2,0	1	1	5	4	2	26
2	Sách giáo trình	1,5						
3	Sách tham khảo	1,0	1		2			3
4	Sách hướng dẫn	0,5						
5	Tổng		2	1	7	4	2	29

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 29

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 29/14

47. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	08		03	
Từ 4 đến 6 cuốn sách	01			
Trên 6 cuốn sách				
Tổng số cán bộ tham gia	09		03	

48. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					
			2020	2021	2022	2023	2024	Tổng (đã quy đổi)
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5		1		5	3	13,5
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	14	26	19	19	12	90
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5						
	Tổng		14	27	19	24	15	103,5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 103,5

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 103,5/14

49. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	07	14	
Từ 6 đến 10 bài báo			
Từ 11 đến 15 bài báo			
Trên 15 bài báo			
Tổng số cán bộ tham gia	07	14	

50. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020	2021	2022	2023	2024	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	2					2
2	Hội thảo trong nước	0,5	2	2	4	1	1	5
3	Hội thảo cấp trường	0,25						
4	Tổng		4	2	4	1	1	7,0

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 7

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 7/14

51. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	02	05	
Từ 6 đến 10 báo cáo			
Từ 11 đến 15 báo cáo			
Trên 15 báo cáo			
Tổng số cán bộ tham gia	02	05	

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

52. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2019-2020	0
2020-2021	0
2021-2022	0
2022-2023	0
2023-2024	0

53. Nghiên cứu khoa học của người học

52.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng NH tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài			4	
Từ 4 đến 6 đề tài				
Trên 6 đề tài				
Tổng số người học tham gia			4	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

52.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

54. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 286.764,4 m²

55. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 286.764,4 m²

56. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

- Nơi làm việc: 3.030,70 m² Nơi học: 5.968,8 m² Nơi vui chơi giải trí: 15.015 m²

57. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 5.968,8 m²

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 1,7 m²/người

58. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin - Thư viện: 6.392

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): Sách dùng cho ngành Quản lý văn hóa (Giáo trình, TLTK): 178.

59. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 179

- Dùng cho người học học tập: 148

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 148/57

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 14 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 100% (14/14).

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 21,4% (3/14).

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 78,6% (11/14).

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 57.

Tỷ số người học chính quy trên GV: 57/51.

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 100% (2/2 - khóa 2018-2022); 71,4% (5/7 - khóa 2019-2023) và 75,0% (3/4 - khóa 2020-2024)

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

- Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 100%.

- Tỷ lệ người học trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 0%.

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 100%.

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 20%.

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 6.500.000.

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

- Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 100 %.

- Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 0%.

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 5/14.

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0.

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 29/14.

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 103,5/14.

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 7/14.

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 148/57.

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 1,7m²/người.

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 1,12 - 3,35.

Phụ lục 2. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá**UBND TỈNH TUYÊN QUANG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/QĐ-ĐHTTr

Tuyên Quang, ngày 06 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH**Thành lập Hội đồng Tự đánh giá chương trình đào tạo
ngành Quản lý văn hoá, trình độ đại học
(Điều chỉnh, bổ sung)****HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO**

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng về việc thay thế Tài liệu đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng Tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Quản lý văn hoá, trình độ đại học gồm các ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký, các nhóm chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Quản lý văn hoá, trình độ đại học theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo của Cục Quản lý chất lượng.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông (bà) trưởng các đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch HĐT (b/c);
- Lãnh đạo Trường;
- Như điều 3 (t/h);
- Lưu: VT, QLCL&TTr (Tú)

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
TÂN TRÀO

Nguyễn Minh Anh Tuấn

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN LÝ VĂN HOÁ
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC (Điều chỉnh, bổ sung)**

(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-ĐHTTr, ngày 06 tháng 01 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Minh Anh Tuấn	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Phạm Duy Hưng	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Trần Vũ Phương	Trưởng phòng Đào tạo, điều hành hoạt động Khoa VHDL	Phó Chủ tịch
4	Ninh Thị Bạch Diệp	Giảng viên phòng Đào tạo	Thư ký
5	Phạm Thị Mai Trang	Phó Giám đốc Trung tâm thực nghiệm &CGCN	Thành viên
6	Trần Minh Tú	Phó Trưởng phòng QLCL&TTr	Thành viên
7	Hoàng Thị Thu Dung	Phó Chánh Văn phòng	Thành viên
8	Đoàn Thị Cúc	Phó Trưởng phòng QLKH&HTQT	Thành viên
9	Trịnh Phi Hiệp	Phó Trưởng phòng Quản lý sinh viên	Thành viên
10	Trương Thị Hoài Linh	Phó Giám đốc Trung tâm Tin học – Ngoại ngữ- Thư viện và PTNN	Thành viên
11	Vũ Anh Sơn	Kế toán trưởng phòng Kế hoạch - TV	Thành viên
12	Đỗ Hải Yến	Thành viên Hội đồng Trường	Thành viên
13	Trần Anh Dũng	Phó Giám đốc Trung tâm TDDT	Thành viên
14	Hoàng Thị Thê	GV Văn hoá - Du lịch	Thành viên
15	Hà Hải Yến	SV Khoa Văn hoá - Du lịch	Thành viên

(Danh sách gồm có 15 người)

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-ĐHTTr, ngày 06 tháng 01 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ninh Thị Bạch Diệp	GV Phòng Đào tạo	Trưởng Ban
2	Trịnh Phương Ngọc	GV phòng QLKH&HTQT	Thành viên
3	Hoàng Thị Ngọc Hà	Phó Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
4	Quan Thị Dương	GV khoa Văn hoá – Du lịch	Thành viên

(Danh sách gồm có 04 người)

DANH SÁCH CÁC NHÓM CHUYÊN TRÁCH

(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-ĐHTT, ngày 06 tháng 01 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)

Nhóm 1

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Hoàng Thị Thu Dung	Phó Chánh Văn phòng	Trưởng nhóm
2	Quan Thị Dương	GV khoa Văn hoá - Du lịch	Thư ký
3	Phạm Thị Huyền Trang	GV khoa Văn hoá - Du lịch	Thành viên
4	Phí Ngọc Hoàng	GV khoa Văn hoá - Du lịch	Thành viên
5	Phạm Hồng Ngân	GV khoa Văn hoá - Du lịch	Thành viên
6	Bùi Tường Vân	GV khoa Văn hoá - Du lịch	Thành viên
7	Nguyễn Thị Thanh Thảo	GV khoa Văn hoá - Du lịch	Thành viên
8	Trần Thảo Nguyên	GV khoa Kinh tế & QTKD	Thành viên
9	Trần Thị Diên	GV khoa Kinh tế & QTKD	Thành viên
10	Hoàng Thị Thê	GV khoa Văn hoá - Du lịch	Thành viên
11	Hà Thu Huyền	GV khoa Văn hoá - Du lịch	Thành viên

Nhóm 2

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Trương Thị Hoài Linh	Phó Giám đốc Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và PTNN	Trưởng nhóm
2	Hoàng Thị Ngọc Hà	Phó Trưởng phòng Đào tạo	Thư ký
3	Hoàng Linh Chi	GV phòng Đào tạo	Thành viên
4	Hà Thị Thuý Linh	GV khoa Văn hoá - Du lịch	Thành viên
5	Cái Thị Lan Hương	CV Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và PTNN	Thành viên
6	Dương Xuân Quyền	GV khoa Văn hoá - Du lịch	Thành viên
7	Nguyễn Thị Thuý Trang	Chuyên viên Văn phòng	Thành viên
8	Trần Anh Dũng	Phó Giám đốc Trung tâm TĐTT	Thành viên
9	Vũ Anh Sơn	Kế toán trưởng, phòng Kế hoạch - TV	Thành viên
10	Phạm Thị Mai Trang	Phó Giám đốc Trung tâm thực nghiệm & CGCN	Thành viên

Nhóm 3

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Đỗ Hải Yến	Trưởng khoa Kinh tế&QTKD, Thành viên Hội đồng Trường	Trưởng nhóm
2	Trịnh Phương Ngọc	GV phòng QLKH&HTQT	Thư ký
3	Hoàng Anh Đào	GV khoa Kinh tế&QTKD	Thành viên
4	Trịnh Phi Hiệp	Phó Trưởng phòng Quản lý SV	Thành viên
5	Nguyễn Thị Linh Thảo	GV khoa Văn hoá - Du lịch	Thành viên
6	Mai Vân Hương	GV khoa Văn hoá - Du lịch	Thành viên
7	Nguyễn Thị Thanh Loan	GV khoa Văn hoá - Du lịch	Thành viên
8	Tạ Thị Thanh Huyền	GV khoa Sư phạm	Thành viên
9	Nguyễn Văn Hưng	Chuyên viên phòng Quản lý Sinh viên	Thành viên
10	Trần Hương Giang	GV khoa Kinh tế&QTKD	Thành viên
11	Hà Hải Yến	SV khoa Văn hoá - Du lịch	Thành viên

(Danh sách gồm có 32 người)

Phụ lục 3. Kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo

UBND TỈNH TUYỀN QUANG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO
Số: 266/KH-ĐHTTr

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Tuyên Quang, ngày 02 tháng 12 năm 2024

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN LÝ VĂN HOÁ
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

1. Mục đích tự đánh giá

Nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) và để đăng ký kiểm định chất lượng.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ kiểm định chất lượng.

3. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ngành Quản lý văn hoá, trình độ đại học theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu hướng dẫn tự đánh giá: Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT kèm theo Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng; Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về Hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT.

4. Hội đồng tự đánh giá

4.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Quản lý văn hoá, trình độ đại học được thành lập theo Quyết định số 1286/QĐ-ĐHTT ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào, Hội đồng gồm có 15 thành viên (danh sách kèm theo).

4.2. Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách (danh sách kèm theo).

4.3. Phân công thực hiện

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng
1	Phần khái quát; Kết luận Tiêu chuẩn 1,2,3,4,5	Nhóm 1	Từ tháng 12/2024 đến tháng 02/2025
2	Tiêu chuẩn 6,7,9	Nhóm 2	Từ tháng 12/2024 đến tháng 02/2025

3	Tiêu chuẩn 8,10,11	Nhóm 3	Từ tháng 12/2024 đến tháng 02/2025
4	Các phụ lục, cơ sở dữ liệu, hoàn thành Báo cáo TĐG	Ban Thư ký, các nhóm và các đơn vị có liên quan phối hợp	Tháng 03/2025

5. Kế hoạch huy động các nguồn lực

T T	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian
1	Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT	- Thu thập minh chứng liên quan đến mục tiêu và CĐR của CTĐT. - Đánh giá mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT. - Khảo sát nhu cầu thị trường lao động, các bên liên quan về CĐR, CTĐT	Toàn thể giảng viên, chuyên viên trong Khoa, bộ môn, các phòng chức năng. Kinh phí khảo sát, in tờ rơi và các hoạt động quảng bá.	2 tuần
2	Bản mô tả chương trình đào tạo	Thu thập minh chứng liên quan đến CTĐT - Khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về CTĐT, mô tả, đánh giá CTĐT, ma trận kỹ năng, tổng hợp, đánh giá kết quả khảo sát...	Toàn thể giảng viên, chuyên viên trong Khoa, bộ môn, các phòng chức năng. Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần. Kinh phí khảo sát.	2 tuần
3	Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	- Mô tả chương trình dạy học, học phần. - Thu thập minh chứng liên quan tới hoạt động xây dựng CTDH. - Lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.	Toàn thể giảng viên, chuyên viên trong Khoa, bộ môn, các phòng chức năng. Các văn bản quản lý, chỉ đạo điều hành, kế hoạch, hướng dẫn, báo cáo tổng kết, giáo trình, bài giảng, hợp đồng giảng dạy, hồ sơ giảng viên, hồ sơ quản lý công việc, hồ sơ quản lý SV, quản lý kết quả học tập...	2 tuần
4	Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	- Đánh giá các phương pháp tiếp cận trong dạy và học. - Lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Thu thập minh chứng về các hoạt động giảng dạy và học tập.	Toàn thể giảng viên, chuyên viên trong Khoa, bộ môn, các phòng chức năng. Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần. Các văn bản quản lý, chỉ	2 tuần

		- Thảo luận, trao đổi sáng kiến kinh nghiệm trong giảng dạy và học tập.	đạo điều hành, kế hoạch, hướng dẫn, báo cáo tổng kết, giáo trình, bài giảng... - Kinh phí khảo sát	
5	Đánh giá kết quả học tập của người học	- Đánh giá kết quả học tập của người học, các phương pháp kiểm tra, đánh giá. - Khảo sát lấy ý kiến phản hồi của GV, người học đã tốt nghiệp và cán bộ quản lý chương trình. - Thu thập minh chứng liên quan đến đánh giá kết quả học tập của người học.	Toàn thể giảng viên, chuyên viên trong Khoa, bộ môn, các phòng chức năng. Văn bản/tài liệu hướng dẫn, quy định, quy trình về thi, kiểm tra, đánh giá người học. Hồ sơ giảng viên, hồ sơ quản lý công việc, hồ sơ quản lý SV, quản lý kết quả học tập... Dữ liệu về kết quả học tập của người học. Kinh phí khảo sát	2 tuần
6	Đội ngũ GV, nghiên cứu viên	- Đánh giá về đội ngũ GV, NCV về việc đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng. - Thu thập minh chứng, dữ liệu/kết quả các nghiên cứu và công bố về hoạt động NCKH, PVCĐ của đội ngũ GV, NCV. Khảo sát lấy ý kiến phản hồi của GV, NCV và các bên liên quan.	Toàn thể giảng viên, chuyên viên trong Khoa, bộ môn, các phòng chức năng. Kế hoạch chiến lược, quy hoạch phát triển đội ngũ, GV, NCV. Chính sách về nhân sự, các quyết định về tuyển dụng, bổ nhiệm.... Hồ sơ năng lực của GV, NCV, kết quả đánh giá, phân loại hàng năm.... Kinh phí khảo sát.	1 tuần
7	Đội ngũ nhân viên	- Đánh giá về các hoạt động của đội ngũ nhân viên, dự báo nhu cầu về đội ngũ để đáp ứng công tác ĐT, NCKH, PVCĐ - Khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên. - Khảo sát nhu cầu và ý kiến đóng góp của các bên liên quan về vị trí việc làm. - Thu thập minh chứng đáp ứng	Toàn thể giảng viên, chuyên viên trong Khoa, bộ môn, đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, các dịch vụ hỗ trợ.... Đề án vị trí việc làm, kế hoạch chiến lược phát triển nhân sự của CSGD/khoa, hồ sơ, lý lịch của đội ngũ	1 tuần

		yêu cầu của các tiêu chí	nhân viên.... - Kinh phí khảo sát	
8	Người học và hoạt động hỗ trợ người học	- Đánh giá chính sách tuyển sinh hàng năm. - Khảo sát nhu cầu nhân lực, lấy ý kiến các bên liên quan trong việc xây dựng chính sách tuyển sinh. - Thu thập minh chứng, cơ sở dữ liệu về công tác tuyển sinh, người học và các hoạt động hỗ trợ người học.	Toàn thể giảng viên, chuyên viên trong Khoa, bộ môn, các phòng chức năng, các dịch vụ hỗ trợ người học. Đề án/chính sách tuyển sinh hàng năm. Kinh phí khảo sát, in tờ rơi và các hoạt động quảng bá	1 tuần
9	Cơ sở vật chất và trang thiết bị	- Đánh giá cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động đào tạo. - Khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của người học, GV và các bên liên quan về phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống CNTT và các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu. - Thu thập minh chứng, các dữ liệu về cơ sở vật chất, các hoạt động hỗ trợ công tác đào tạo, NCKH, PVCD	Toàn thể giảng viên, chuyên viên trong Khoa, bộ môn, CB, NV phòng Kế hoạch - Tài vụ, Hành chính - Quản trị, Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ, Cơ sở vật chất: phòng học, thí nghiệm, thực hành, thư viện, mạng internet, các thiết bị dạy học.... Kinh phí khảo sát	1 tuần
10	Nâng cao chất lượng	- Đánh giá việc thiết kế và phát triển CTDH, quá trình dạy học và kết quả hoạt động của người học, phương pháp dạy và học, định kỳ rà soát, quy trình cải tiến... - Tổ chức hội thảo trao đổi sáng kiến kinh nghiệm, kết quả được sử dụng để cải tiến việc dạy và học. - Khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về quy trình thiết kế, phát triển CTDH. - Thu thập minh chứng, các dữ liệu liên quan đến các tiêu chí.	Toàn thể giảng viên, chuyên viên trong Khoa, bộ môn, các phòng chức năng. Các văn bản quy định về quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Kinh phí khảo sát, các dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, tổ chức hội thảo.	1 tuần
11	Kết quả đầu ra	- Đánh giá công tác đào tạo: Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp, thời	Toàn thể giảng viên, chuyên viên trong Khoa, bộ	1 tuần

	gian tốt nghiệp trung bình, đối sánh trong cùng một CTĐT trong nước và quốc tế. - Khảo sát tình hình việc làm của người học sau tốt nghiệp. - Khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, CSVC.	môn, các phòng chức năng. Cơ sở dữ liệu về người học trong 5 năm. Các dữ liệu khảo sát. Kinh phí khảo sát.	
--	--	---	--

6. Kế hoạch thuê chuyên gia ngoài

Hợp đồng thuê chuyên gia (02 người) tập huấn về công tác tự đánh giá, kỹ thuật viết báo cáo TĐG theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

7. Thời gian biểu

Thời gian thực hiện tự đánh giá CTĐT 4 tháng (Từ tháng 12/2024 đến tháng 3/2025), theo lịch trình sau:

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 1	- Họp Lãnh đạo trường và lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CTĐT. - Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT. - Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để: - Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; - Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; - Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CTĐT.
Tuần 2	- Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. - Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các cán bộ chủ chốt liên quan. - Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để thông qua: - Bản kế hoạch tự đánh giá CTĐT; - Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT); - Trình Hiệu trưởng đề nghị phê chuẩn kế hoạch tự đánh giá.

Thời gian	Các hoạt động
	4. Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT;
Tuần 3 - 5	1. Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. 2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. 3. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. 4. Mô tả thông tin và minh chứng thu được. 5. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
Tuần 6 - 10	1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). 2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
Tuần 11-12	Hội đồng tự đánh giá CTĐT: 1. Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; 2. Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá; 3. Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; 4. Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; 5. Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT.
Tuần 13	1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp với các bộ môn, phòng, khoa ... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.
Tuần 14	1. Công bố bản báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, khoa...) trong nội bộ cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT. 2. Các bộ môn, phòng, khoa, giảng viên, nhân viên, người học, đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá.
Tuần 15	1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến phản biện; 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối và nộp báo cáo cho Hiệu trưởng để xem xét.
Tuần 16	1. Nhà trường gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho cơ quan chủ quản, Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2. Nhà trường quản lý báo cáo tự đánh giá, lưu giữ các thông tin minh chứng

Thời gian	Các hoạt động
	theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá, sẵn sàng để hợp đồng với tổ chức KĐCLGD để thẩm định báo cáo tự đánh giá trước khi đánh giá ngoài.

Nơi nhận:

- Hội đồng tự đánh giá (t/h);
- Các đơn vị (t/h);
- Lưu: VT, QLCL&TTTr (Tú).

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Minh Anh Tuấn